NHIỀU TÁC GIẢ

Truyện ngắn đầu tay của các nhà văn Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

SĐ
Sunday, June 11, 2017

Truyện ngắn đầu tay của các nhà văn Việt Nam

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ
288B AN DƯƠNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516

8 935068 001794
GIÁ: 85.000Đ

SĐ
Sunday, June 11, 2017

NHIỀU TÁC GIẢ

★★

Truyện ngắn đầu tay của các nhà văn Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

SĐ

Sunday, June 11, 2017

LỜI GIỚI THIỆU

SĐ
Sunday, June 11, 2017

Sau hai tập đầu đã xuất bản năm 2000, Nhà xuất bản Thanh Niên xin tiếp tục giới thiệu với bạn đọc hai tập tiếp theo của bộ ***"Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn Việt Nam".***

Với mục đích phục vụ cho tuổi trẻ, Nhà xuất bản Thanh Niên bắt tay vào việc tập hợp bản thảo nhưng quả thực là phải gặp nhiều khó khăn. Bởi nhiều nhà văn không còn nhớ được truyện ngắn nào là đầu tay của mình, và có nhớ cũng không lưu giữ được đến hôm nay, vì đất nước trải qua bao nhiêu biến động: Chiến tranh, bom đạn, con người di chuyển liên tục... mà bây giờ đi tìm thì số đông hơi ngại, phần không có thời gian, phần hiệu quả kinh tế cho tác giả gần như là số không. Rồi có người chẳng muốn đưa truyện ngắn đầu tay của mình vì cho rằng "Nó ngô nghê thế nào ấy, chưa ra văn mà cũng chưa ra truyện...

Đối với những tác giả đã quá cố lại càng khó hơn. Phải nhờ bạn bè, gia đình sưu tầm.

Lúc đầu người biên tập cũng định xếp thứ tự theo năm tháng, tuổi tác, thế hệ. Nhưng làm theo cách ấy phải chờ đợi, mất tính chất thời gian. Sau đành thống nhất cách sắp xếp

là truyện nào gửi đến trước in trước, xếp tác giả theo vần chữ cái ở từng tập. Cách này cũng có cái hay là già trẻ, nam nữ, xưa nay, bút pháp... lãng mạn, hiện thực... đan xen tạo được không khí sinh động.

Có thể truyện ngắn đưa vào đây chưa phải là truyện xuất sắc nhất của các nhà văn, nhưng là buổi đầu người viết đặt chân vào truyện ngắn nên thấy được sự bỡ ngỡ, trẻ trung, bồi hồi, phấn khởi, náo nức, dào dạt của nhà văn với nhiều phần việc, trải đều theo năm tháng gồm mảng nổi, mảng chìm mà họ là đại diện cho từng thế hệ, là thư ký của thời đại, ghi nhận sự bền bỉ, dẻo dai, hùng tráng và vinh quang của dân tộc; chắc tập truyện sẽ có ích cho lớp trẻ hôm nay muốn đi vào sự nghiệp văn chương, muốn hiểu bước đi vào nghề của lớp đàn anh.

Cảm ơn các nhà văn đã bớt chút thời gian góp sức cho sự ra đời của bộ sách. Chắc còn nhiều thiếu sót trong khi làm sách, chúng tôi mong nhận được sự góp ý của bạn đọc và các nhà văn tiếp tục gửi tác phẩm của mình để Nhà xuất bản tiếp tục hoàn chỉnh bộ sách này.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn trẻ

PHẠM TRUNG KHÂU

Phạm Trung Khâu sinh ngày 20-2-1949 tại xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1996). Tốt nghiệp trường sư phạm Vĩnh Long (68-70) ngạch giáo học. Phạm Trung Khâu đã qua các công tác:

Làm hiệu phó trường cấp 2 Đồng Phú, Phó chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh Vĩnh Long. Từ năm 1994 tới nay làm cán bộ sáng tác của Hội Văn nghệ Vĩnh Long.

Tác phẩm đã xuất bản:

Điều còn lại sau chiến tranh (Tập truyện).

Tiếng thét (Tập truyện).

Chìa vôi lại hót (Tập truyện) và đã in trong 12 tập sách.

Giải thưởng:

Bằng chứng nhận giải II báo Văn nghệ quân đội (2 năm) 1994 - 1995 do Tổng cục Chính trị phát động với truyện "Tiếng vạc sành".

- Giải B với tập truyện "*Chìa vôi lại hót*" do Ủy ban liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam tặng và nhiều giải thưởng cấp tỉnh.

Lợi ba búa

Hôm qua,

Bụi mù, tiếng ồn ào, mùi mồ hôi của học sinh trong giờ ra chơi làm cho không khí tháng năm thêm oi nồng dưới nắng gắt. Nhưng không đầy mười lăm phút sau mưa đã ập xuống. Cơn mưa đầu mùa năm nay thật to. Mưa như xối nước rào rào trên mái tôle của trường, mưa đan theo những giọt thật to và rơi mạnh như soi xuống mặt đất. Cây phượng đỏ trước sân trường mờ hẳn trong bức màn nước. Mưa đột ngột dừng lại.

Hôm nay...

Tân nhìn lên cây phượng. Cây phượng như được lau sạch từ lá xuống gốc. Sau cơn mưa, màu đỏ của hoa phượng phun lửa dưới nắng sớm. Sân trường sậm lại, mang màu xam xám của đất ủ nước, không khí trong sạch đến mức không ngờ được. Hàng ngàn học sinh đứng ngồi trong sân lễ mà không làm nảy lên một hạt bụi li ti nào.

Em liên đội trưởng đứng tách khỏi hàng, tay đưa lên theo thế chào của đội, dõng dạc báo cáo:

Liên đội trưởng Đ.P đã ổn định xong, mời các thầy cô đến khai mạc lễ tổng kết!

Tay em vừa hạ xuống, một hồi trống bừng trên sân. Sau tiếng trống, im lặng đột ngột rơi xuống đến nỗi tiếng loa hú rè rè vẫn nghe rõ mồn một. Tân đưa mắt nhìn sân lễ. Một cảnh tượng không thể nói là hùng tráng, nhưng nó làm cho người nhìn nó ánh lên một sự tự hào thật sự. Hàng hàng học sinh đứng theo chi đội, nghiêm trang, thẳng tắp; áo trắng bong, đầu rẽ nếp thẳng; mắt tròn xoe nhìn về phía lễ đài; sân trường đỏ rực màu khăn quàng đội. Mọi âm thanh reo vui, dồn dập mất hẳn; sự im lặng thật trang nghiêm được tập trung vào khẩu lệnh của em liên đội trưởng:

- Nghỉ!

- Nghiêm!

- Chào!

Hàng ngàn cánh tay bé xíu đưa lên, hạ xuống đồng loạt, nhịp nhàng, không một lẫn lộn nhỏ. Tân thấy nước bọt mình ứ dồn nơi cổ. Tân cố gắng nuốt xuống hai lần, ba lần nhưng không được, hình như nó chạy lên mũi rồi lên tuyến nước mắt. Mắt Tân cay cay. Một cảm xúc mạnh mẽ đến với Tân ngay phút này. Cái cảm xúc mà Tân đã đợi nó lâu rồi, gần bốn năm rồi còn gì. Nhủ lòng cần phải làm một động tác nào đó để dằn cơn cảm xúc, Tân bước ra khỏi hàng ghế dành riêng cho Ban giám hiệu, đến đứng cạnh hiên lớp. Lúc đọc bản báo cáo tổng kết năm học, thỉnh thoảng, tiếng ho khẽ của thầy hiệu trưởng vẳng lên nho nhỏ trong loa:

Thưa các đồng chí đại diện cấp ủy xã. Thưa.. năm học tám ba, tám bốn kết thúc thắng lợi, thầy trò trường Đ.P đã hoàn thành được nhiệm vụ cấp trên giao. Tỷ lệ lên lớp của học sinh chín mươi hai phần trăm, đội ngũ học sinh giỏi: tám. Giáo viên tiên tiến, Hai mươi bảy...

Khi báo về những thành tích trên, giọng đọc của thầy hiệu trưởng lúc to lúc nhỏ, có lúc hình như lạc hẳn. Điều này, làm cho bí thư đoàn trường và thư ký công đoàn nháy mắt nhau và cả hai cùng giấu vội nụ cười bằng cách đưa tay vẽ vẽ những hình vô nghĩa xuống đất. Tân đưa mắt nhìn thầy hiệu trưởng. Mới mấy năm nay mà tuổi già đã sồng sộc đến với anh. Mái tóc đã bị muối pha lấm tấm bạc; cuối mắt đã nổi rõ những vết hằn như chân chim, mắt thường chảy nước ở khóe. Khi đọc thỉnh thoảng anh rút khăn ra để lau. Nhìn anh, một nỗi muộn phiền dâng lên trong lòng Tân. Tuổi già đã kéo đến lấn áp anh không nhân nhượng, trông anh đã già sộp đi rồi. Đã lâu, Tân muốn nói với anh một điều quan trọng, về công tác trường, nhưng thấy anh vẫy giụa, lặn ngụp trong tuổi già nên thôi. Hôm nay nhìn anh, Tân nảy quyết định sau cùng là lát nữa, sau buổi lễ, Tân phải nói thẳng với anh cái điều: "Anh Tám! mọi việc trong đời, nếu ta bắt đầu nó bằng đôi tay hời hợt sẽ không thành công đâu".

Nắng rực rỡ, lóng lánh trên cành phượng đầy hoa còn đọng nước. Giờ đến phần học sinh phát biểu cảm tưởng. Lợi tách khỏi chi đội lớp chín, đứng dậy thật nhanh, đĩnh đạc đi lên lễ đài. Cái dáng đã cao lớn dềnh dàng, lúc này Lợi cố ép mình làm ra vẻ quan trọng, nên trông như con nai đực mang cặp sừng to quá khổ, khúm núm chui trong lau lách của rừng rậm, thật tức cười. Một tràng vỗ tay bất ngờ vang lên như sấm. Đâu đó có tiếng xù xì Lợi "ba búa", Lợi "ba búa"... Tân cảm thấy lòng mình khoan khoái trở lại và rất an tâm khi Lợi phát biểu.

Sau buổi lễ, Tân tách khỏi nhóm học sinh ồn ào đang trao nhau những quyển lưu bút, lưu ký, để đi ra đồng vắng tìm một vài phút im lặng riêng tư cho mình sau chín tháng

mệt nhoài ở trường. Nắng trải vàng khắp đồng, mặt ruộng đang nhả những cuộn hơi nước li ti dưới nắng. Những bờ thửa dọc ngang chi chít, có thửa lúa đã lên cao cỡ gang tay xanh lặc lìa; có thửa mới gieo hôm qua, lúa trở mình đóng chông nhọn hoắt, đâm tua tủa trên trời như vừa xé đất chui lên. Đàn chim sẻ non lẹt tẹt gọi nhau trên mặt ruộng, chân chuyền rối rít, gặp Tân vỗ cánh đèn đẹt, thân hình tròn mẩy như hạt mít bay tán loạn. Hai con chuồn chuồn con cứ đào đi, đảo lại vun vút trước mắt Tân. Đôi lúc đang bay, hai chú bỗng sững lại như ai treo trên không, khoe với Tận cái mình đỏ chót dưới nắng. Xa hơn nữa, ba anh nông dân đang gieo giống. Từng vốc lúa búng lên cao, rơi xuống theo những bước giật lùi của người gieo hạt, nhịp nhàng như múa.

Tân sống và lớn lên ở đồng ruộng, không xa lạ gì với bùn đất, nhưng hôm nay trước cảnh này, hình như sức sống của đồng ruộng đã đâm mạnh vào đôi bàn chân anh, chạy rần rần theo xương sống và tỏa ra lâng lâng trong đầu. Một niềm vui bất chợt đến với Tân trong khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt. Tân huýt sáo và nhủ thầm: "Xã ta đã vào vụ hè thu".

- Thưa thầy! - tiếng nói nhỏ vang lên phía sau, cắt đứt sự khoái cảm của Tân. Anh xoay lại:

- Ủa, Lợi! Em đi đâu đấy?

Lợi đội nón lá, tay bưng thúng phân, quần cụt để lộ đôi chân cao nghều, đen sạm và chắc nịch. Tân biết Lợi đi bón phân cho ruộng khoán gia đình.

- Ngày chót, sao không ở lại với bạn bè, đi làm sớm quá vậy Lợi? - Tân hỏi.

Lợi bẽn lẽn cố tìm cách giấu đôi chân lêu nghêu của mình. Nhìn Tân mà chưa kịp trả lời. Lát sau nó mới lí nhí trong miệng:

Em giận mấy đứa con gái. Tụi nó đưa lưu bút mà cứ gọi: "Anh ba búa" viết lưu bút em đi. Em ghét bỏ về bón phân cho ruộng.

Tân bật cười thành tiếng và đưa mắt trìu mến nhìn đứa học trò. Bốn năm rồi, biết nhiều chuyện đổi thay của trường, của Lợi "ba búa". Và bao đổi thay đó như một cuộn phim dài đang lần lượt diễn ra trước mặt Tân.

*

* *

- Bỏ thuốc, xuống! - Tân ra lệnh và đưa đôi mắt nghiêm khắc nhìn thẳng vào em học sinh lớp bảy. Chú ta tỏ vẻ bất cần đếm xỉa, nhưng khi nhìn đôi mắt sắc lạnh của Tân nó hơi áy náy. Sau cùng, nó cũng vứt điếu thuốc xuống và ù chạy.

Chưa có kẻng báo hiệu giờ chơi, đã lác đác một số học sinh ùa ra sân, cãi lộn, chửi thề. Một nhóm thì kéo qua bàn bi da cạnh trường; nhóm thì chọc phá, ném giấy vào các lớp đang học, đôi em phì phà khói thuốc trước mặt vài giáo viên đang vội vã đến văn phòng. Trước khi xin đổi về đây, cái bế tắc của nhà trường Tân đã biết sơ qua sau vài lần nói chuyện với một số đồng nghiệp, nhưng Tân nghĩ đâu đến mức như vậy, trong văn phòng là cả một mớ hỗn lộn, tủ kiếng, bàn dài để ngang dọc đầy bụi bặm; tranh ảnh, dụng cụ dạy học ngổn ngang. Kế hoạch tuần, lịch báo giảng mạng nhện giăng đầy... Mỗi giáo viên ở trường đều có vẻ uể oải riêng. Một giáo viên trẻ măng râu cằm còn tơ nhuốt phát biểu oang oang:

"Tiết dạy gì mà dài hơn sông Cửu Long, đứng ngóng kẻng báo giờ đến mòn cả lỗ tai, liệt cả chân". Vài ba cô giáo trẻ, kháo nhau: "Dép Thái Lan phải diện với quần Jin mới đúng mốt" hoặc "cái áo Hương may kiểu này hợp thời, nhưng mấy đường viền chưa đạt lắm". Một số giáo viên khác cho ý kiến khi Tân tìm hiểu về trường.

- Rồi thầy biết! Tụi nó dữ lắm, thầy ơi!

- Chán quá thầy ơi! Cứ vào "điệp khúc" chắc tụi này chết khô ở đây quá!

Tân thấy mặt mình nóng bừng trước những ý kiến nghiệt ngã đó. Nguyên nhân của sự bế tắc của trường là do đâu? Ở chỗ nào? Câu hỏi này cứ quay quắt trong đầu Tân mãi. Tại học sinh khó trị hay giáo viên kém nhiệt tình? Tân tìm đến bí thư đoàn trường, cô còn trẻ, nhiệt tình, năng nổ.

- Mấy em học sinh thì đông, chi đoàn chỉ vỏn vẹn có sáu; vả lại, gặp "vua bảo thủ" (ý chỉ đồng chí hiệu trưởng) nên chúng em có cố gắng làm, nhưng kết quả vẫn chưa đạt.

Bí thư đoàn trường nói câu này mà mặt buồn so.

Sau mấy lần họp hội đồng. Tân mới hiểu được "điệp khúc" của trường này. Sinh hoạt ngày thứ năm hàng tuần rỗng tuếch, nếu có bàn bạc thì chỉ toàn chuyện đời sống, còn ban giám hiệu lúc nào cũng đem Chỉ thị 10 về luật lao động, để khống chế giáo viên. Phê bình cứ nhằm vào toàn chi tiết cá nhân, đến phải cãi nhau ỏm tỏi; thậm chí đến chửi nhau. Cái "điệp khúc" này xảy ra với Tân hai lần, giờ Tân vẫn còn nhớ như in. Sau cùng cái bế tắc này cũng hiện ra lồ lộ: Sinh hoạt của trường đơn điệu, tẻ ngắt, không lôi cuốn được đa số giáo viên trẻ, tạo sự nhàm chán qua công tác chuyên môn

thuần túy, giáo viên cứ lên lớp rồi ra về. Gần ba năm, nhà trường không tổ chức được phong trào gì cho tập thể sinh hoạt, trong khi nhiệt tình và tính năng động của họ là sức bật của trường, nếu biết khơi dậy. Một nguyên nhân nữa là thiếu sự gắn bó, đoàn kết giữa Ban giám hiệu và giáo viên, do việc chỉ đạo thiếu kế hoạch, sử dụng nguyên tắc cứng đờ. Ban giám hiệu chỉ là cái đài bán dẫn, thông báo lại chỉ thị của cấp trên, chưa có sáng tạo trong công tác và chưa năng nổ trong nhiệm vụ để thuyết phục và lôi kéo giáo viên. Thêm nữa lại bắt đầu mọi việc bằng đôi tay hời hợt, chỉ cho qua việc qua ngày; còn bảo thủ cho nên chưa thích ứng kịp với cái mới, cái hiện thực. Những cái đó chính là kẻ thù của sự vươn lên.

Tân tìm đến nhà hiệu trưởng, trình bày hết những suy nghĩ của mình.

- Anh Tám! Cái bây giờ mà mình phải làm, trước nhất là nắm lại chi đoàn nhà trường, thông qua vai trò đoàn, để tạo ra vai trò đoàn thể, cuốn hút giáo viên và khơi dậy nhiệt tình ở họ. Có đổ mồ hôi cho cái gì họ đã xây dựng, họ mới biết tiếc những cái họ đã tạo được. Qua công tác, ta sẽ biến họ không phải là khách của trường mà là người chủ thật sự. Còn học sinh, các em chính là đối tượng ta cần giáo dục. Nếu giáo viên tốt thì học sinh sẽ tốt thôi.

- Khó lắm chú ơi! Chú mới về chưa biết chứ tôi làm hiệu trưởng biết bao nhiêu năm ở đây rồi! Đoàn viên toàn là những tay kiêu căng, còn học sinh nói không nổi, nó có tổ chức hẳn hoi, đầu đảng chính là thằng Lợi "ba búa". - Nhiệt tình của Tân bị hẫng trước ý kiến của hiệu trưởng - Nhưng thôi! Chú làm thử coi, còn tôi giờ mặc kệ, sao xong thì thôi.

Tân cố gắng lắm mới cất được tiếng chào hiệu trưởng rồi ra về. Đó là những ngày đầu khi Tân về nhận công tác chuyên môn ở trường Đ.P. Những ngày sau, Tân hết sức bận rộn với thủ lĩnh Lợi "ba búa". Cô Hương nói về Lợi "ba búa".

Nó rất lịch sự! Gặp mình bất cứ ở đâu đều cung kính chào hỏi rất tử tế, không chê vào đâu được. Nhưng nó có cách phá mình rất đặc biệt.

- Sao?

- Em đang giảng bài đến những đoạn hào hứng, các em khác say mê nghe. Chính ngay lúc đó, nó vặn vẹo thân hình rồi há mồm to như con cá ngáo, ngáp một cái dài. Em cụt hứng không tài nào giảng tiếp được. Ai cũng bị nó làm kiểu đó hết.

Thầy Bình cho biết:

Giờ chơi thầy xem, tất cả học sinh bu quanh nó. Nó bày đặt đủ chuyện và hơn thế nữa, nó có đủ thứ chuyện để kể. Cả mấy chục học sinh lớp chín, lớp tám cũng phải mê nó và nghe nó!

Tân nghĩ, phải nắm được Lợi mới giải quyết tốt nề nếp học sinh ở trường này.

Kẻng báo hiệu giờ ra chơi, Tân đã thấy Lợi đứng dưới gốc phượng trên sân trường từ lúc nào, bàn tay khum khum để trước miệng, phía trong bàn tay rực lên đốm lửa và hai lỗ mũi khói ra có vòi. Lợi hút thuốc. Lợi cao dềnh dàng, nhưng mới học lớp sáu. Miệng rộng, đầu hớt ngắn, tóc cứng đâm tua tủa như bông gáo. Lợi đi học rất trễ vì nhà chỉ còn có bà mẹ. Cha Lợi đã hy sinh trong lúc cùng tiểu đội du kích chống bọn Mỹ càn vào xã năm Mậu Thân. Dứt tiếng kẻng, học sinh ùa

ra bu quanh Lợi, lớn có nhỏ có. Bây giờ thì không giấu điếu thuốc nữa, nó kẹp vào hai ngón tay, từ từ đưa lên miệng rít một hơi, rồi ngẩng mặt lên trời phun hàng lô chữ o, không thèm nghe tiếng năn nỉ của đám bạn.

- Kể đi anh Lợi, kể đi mà.

Làm già một lúc, đoạn Lợi đưa mắt nhìn cả đám:

Bữa nay tao kể cho tụi bây nghe chuyện tao đi bắn chim gặp rắn hổ. Nhưng tao kể rồi thằng Hòa, thằng Chánh phải chạy qua nghĩa trang bẻ cho tao mười trái mắc mèo, chịu hông?

- Rồi, đồng ý! - tiếng hai đứa trong bọn.

Ngừng một lát để cho tụi bạn sốt ruột, Lợi kể:

- Hôm qua, tao đi bắn chim, gặp cái mương to tao nhảy qua, nhưng vừa nhảy được nửa mương, tao liền thấy bên kia có con rắn hổ to tổ bố, tao liền quay lại... kể xong, mặt Lợi tỉnh bơ. Riêng đám học sinh sau khi hiểu ôm nhau cười ngặt nghẽo.

Đứng trong hiên theo dõi Lợi, Tân cũng phì cười: "Không được! Đến với tay này không phải dùng lời lẽ động viên chung chung được". Tân tự đánh giá vậy và bí mật tìm cách tịch thu mười trái mắc mèo mà Chánh, Hòa phải hái cho Lợi. Tân mang theo một lọ thuốc đỏ, một bịch bông gòn trắng, vài viên kháng sinh, đợi ngay lúc Lợi đi học sớm, Tân đi về phía Lợi. Gặp Tân, Lợi đứng khoanh tay chào hỏi thật lịch sự (như các giáo viên đã nói). Tân hỏi:

- Còn một giờ rưỡi nữa mới vào học, em đi đằng này với thầy chút xíu đi.

Sau một lúc ngần ngại Lợi "dạ" nhỏ một tiếng rồi rảo bước theo Tân.

Chui qua mái lá lụp xụp. Tân đến dỡ mền bé Thủy, Thủy học lớp bốn, hôm qua về té cầu, chân trái bị sướt nặng. Vết thương kéo dài từ nhượng đến mông.

- Giúp thầy một tay coi Lợi.

Lợi lúi húi giúp Tân rửa vết thương cho bé Thủy. Trong lúc rửa vết thương, Tân kín đáo quan sát Lợi. Đứa học trò chưa biết vết thương của bé Thủy chính là do nó gây ra. Vết thương bị động và rát vì thuốc sát trùng, mặt bé Thủy đã ứa hai giọt nước mắt. Tân hỏi nhỏ:

- Đau lắm không em?

Bé Thủy đưa tay chùi hai giọt nước mắt.

- Không nhiều ạ!

Lúc uống trà cùng ba Thủy, Tân nói với Lợi:

- Chiều qua khi tan học, không biết em nào chơi nghịch, gát mấu cầu hờ. Tội nghiệp bé Thủy, không biết bị té sướt nặng quá.

Tân thấy Lợi nhìn sững mình và tái mặt. Tân đánh tiếp:

- Lát nữa về trường, em điều tra xem em nào nghịch, rồi báo cho thầy biết nghe Lợi.

Hai ngày sau, Tân sốt ruột nhưng quyết không đi tìm Lợi. Tân biết chắc chắn rằng thế nào Lợi cũng tự tìm đến. Quả thật, sau tiết chót, khi giáo viên về hết, Lợi lót tót lên văn phòng.

- Em gát mấu cầu... để gài tụi bạn té chơi... không ngờ làm em Thủy té...

Có bao nhiêu đó mà Lợi cứ lắp bắp mãi. Tân thấy má phải của Lợi co giật.

Niềm vui thật sự đến với Tân là lúc nhà trường tổ chức được đêm văn nghệ, cả giáo viên và học sinh bị cuốn hút vào công việc.

- Lợi đâu, sân diễn làm xong chưa em?

- Lợi đâu, mắc xong bộ đèn điện chưa em?

Cô Đương hóa trang cho các em diễn, thầy Khanh thử đàn, cô Hương nấu nồi cháo khuya sôi sùng sục. Tất cả mọi người rối rít, cố tạo cho mình một vẻ quan trọng trong công việc. Đôi khi còn quát tháo vui vẻ với nhau. Cảm động nhất là lúc cả thầy lẫn trò sững sờ đứng lặng một lúc, khi ánh đèn điện trên sân khấu bật sáng, và ai nấy lại lao vào công việc.

Diễn đạt nhất là đoạn kịch vui, Lợi được giao đóng vai anh Năm - một nông dân - Vừa đưa cái đầu bông gáo lên sân khấu, khán giả đã vội kịp nhận ra và hét hò inh ỏi.

- Lợi "Ba búa" là anh Năm! Ha... ha... ha...

- Ha... ha, anh Năm là Lợi ba búa

Lợi tức giận dỏ miệng xuống khán giả.

- Cái thằng...!

Chợt nhớ đến cái vai của mình trên sân khấu, Lợi vội quay lại đứa học trò gái đóng vai chị Năm:

- Chào má nó!

Khán giả ôm nhau cười đến chảy nước mắt.

*

* *

Đứng trên bờ thửa nhìn Lợi rải phân, Tân nhớ đến buổi sáng trong sân lễ tổng kết năm học, bí thư chi bộ Đảng xã có nhắn nhủ: "...sau buổi lễ tổng kết này, các em sẽ bước vào học kỳ ba. Các em sẽ vui chơi thoải mái trong những ngày hè; nhưng cũng phải nhớ ôn tập bài vở và nhất là giúp gia đình chăm sóc, làm tốt vụ lúa hè thu năm nay...".

Rải phân xong thửa ruộng khoán của gia đình, Lợi đập đập cái thúng vào thành bờ mẫu, bước lên:

Rồi thầy xem, lúa bắt được phân vài ngày nữa sẽ xanh um.

Tân trìu mến nhìn Lợi nghĩ thầm: "Em cũng đã bắt được phân và đất của cuộc sống rồi đó Lợi".

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

LÊ QUÝ KỲ

(Bút danh khác Kỳ Văn)

Lê Quý Kỳ sinh ngày 20-8-1937 tại làng Thổ Sơn, tổng An Cư, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên (nay là Hợp tác xã Đại Thắng, xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế), Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1999).

Sau khi tốt nghiệp khoa Văn, trường Đại học Sư phạm Vinh năm 1963, Lê Quý Kỳ về công tác ở báo Nghệ An cho đến khi về hưu 3-2000. Hội viên Hội Văn nghệ Nghệ An từ 1967.

Đã xuất bản:

"*Cơn giông*" (Tiểu thuyết, 1990); "*Tản mạn văn chương*" (Tiểu luận, 1996); "*Vĩ Thanh*" (Tập truyện ngắn và ký, 2000); "*Đường biên văn học*" (Tiểu luận, 2000).

Các giải thưởng:

- Giải C, giải thưởng Hồ Xuân Hương - Nghệ An - 1986 - 1996, với hai tác phẩm: "*Cơn giông*" và "*Tản mạn văn chương*".

- Giải B 1997, Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, với tác phẩm "*Tản mạn văn chương*".

- Giải tư cuộc thi truyện ngắn 1995 - 1996, báo Người Hà Nội, với truyện ngắn "*Vĩ thanh*".

Lời dẫn

Truyện ngắn đầu tay này ra đời trong một hoàn cảnh khá éo le: tác giả của nó đang bị treo bút, chờ chuyển khỏi ngành báo, vì tội "chống đối lãnh đạo".

Câu chuyện bắt đầu từ một bài báo đăng trên báo Tiền phong. Bài báo đề cập đến một vấn đề rất nhạy cảm đối với Nghệ An ngày đó. Đó là kỹ sư Lương Thế Luận và công trình nghiên cứu về men vi sinh BK-297 của anh.

Thực hư như thế nào không rõ, nhưng công trình của anh gây ra một cuộc tranh cãi dai dẳng trong cả giới chuyên môn, lẫn lãnh đạo và quản lý. Phần đông các kỹ sư cùng ngành thì cho đó là trò phù thủy của một con người sống lập dị, nhưng với một số chủ nhiệm hợp tác xã thì đó là cứu cánh đối với đàn lợn tập thể của họ. Vì vậy, ở nơi anh công tác - Ủy ban nông nghiệp tỉnh (ngày đó cơ quan quản lý nông nghiệp tỉnh được gọi là Ủy ban chứ không gọi là Sở như bây giờ)

người ta cắt lương và mọi chế độ sinh hoạt phí của anh, nhưng ở hợp tác xã - cụ thể ở đây là hợp tác xã Ba Tơ, huyện Hưng Nguyên của anh hùng Cao Lục - thì người ta lại rước anh về và đối xử như là một cán bộ kỹ thuật tài năng.

Bài báo của báo Tiền phong không nói gì về thái độ và trách nhiệm xã hội, chỉ tập trung ca ngợi sự đam mê nghiên cứu khoa học của anh. Nhưng ngày đó, cách viết như thế đã là "có vấn đề". Hơn thế nữa, bài bào lại đăng trên trang nhất, số kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (1973), dưới một đầu đề khá to tát: Những thành tích hiến dâng Tổ quốc Mười năm gian khó, một thành công lớn. Bài báo không đề tên tác giả và chính vì vậy, người ta nghi người đó là tôi.

Kể ra sự nghi ngờ đó không sai. Vì đúng vào thời điểm đó, báo Nghệ An, trong đó có tôi, chuẩn bị ra một trang về Lương Thế Luận, nhưng chưa kịp làm thì bị phát hiện và bị đình chỉ.

Để không rơi vào cảnh "nhàn cư, vi bất thiện", trong những ngày "ngồi chơi, xơi nước", tôi tìm việc làm. Việc làm tốt nhất lúc này vẫn là viết. Viết cho khuây khỏa. Chỉ có điều tôi không viết báo nữa, mà chuyển sang viết văn. Vì với loại này, tôi cũng đã có một số bài ký in trên tạp chí Sông Lam và được các anh chị bên ấy xếp vào loại hội viên sáng lập Hội Văn nghệ Nghệ An từ 1967.

Thoạt đầu, tôi có ý định tiếp tục viết ký. Nhưng mỗi lần đặt bút xuống, hình ảnh anh Cao Lục lại hiện lên. Thế là tôi liều mạng "nâng cấp" lên thành "truyện ngắn".

Buổi đầu làm quen với hư cấu quả không dễ. Nhưng tôi có bị câu thúc điều gì đâu! Hơn thế nữa, vốn sống, tức nguyên

mẫu, đối với tôi không thiếu. Vấn đề là có khái quát nổi hiện thực mà mình đang sống và chứng kiến không thôi.

Thời gian đó, nhà tôi đi chỉ đạo cơ sở dài ngày. Hai cháu còn nhỏ, sinh hoạt chủ yếu ở nhà trẻ cơ quan. Tôi một mình, ngày hai bữa mì sợi nhồi với cà chua, cải bắp, mỡ hóa học, lâu lâu có thêm quả trứng; tất cả cho vào cặp lồng, đặt lên bếp dầu, nồi là bát, bát cũng là nồi; một tay cầm thìa, một tay cầm bút, vừa thưởng thức thứ hổ lốn đó, vừa soát lại những gì vừa viết ra. Cứ như thế, tôi "vật" đúng một tháng thì ra được cái "Hạt giống hình nêm".

Khi bản thảo đến tay anh Hồng Nhu, Thư ký của tạp chí Sông Lam ngày đó, anh chỉ bớt hai chữ "hình nêm" trong đầu đề rồi cho in ngay. Tôi vô cùng xót xa trước "nhát kéo" của người biên tập, nhưng không dám hé răng nửa lời. Đối với tôi lúc này được viết, được in có nghĩa là đang được sống.

Sau "Hạt giống hình nêm", tôi càng thấm thía câu tục ngữ của người Mông: "Có đi, thì đến". Và tôi càng thấm thía hơn lời của ai đó: "Cần cù bù tài năng". Những gì làm nên "danh hiệu nhà văn" cho tôi sau này đều bắt đầu từ những chân lý giản đơn và thiết thực đó.

Hạt giống hình nêm

Tưởng nhớ anh hùng Cao Lục.

I

Lúc bấy giờ, trụ sở hợp tác xã đã vãn người. Nếu không vì xem nốt bản phương án dự thu, có lẽ Hòa cũng không còn đó nữa. Một cô gái tay xách nách mang, người lấm láp bụi đường, từ ngõ đi vào, rụt rè cất tiếng:

- Anh cho em hỏi: Đây có phải là nhà bà Cần, đội sáu?

Vâng. Cô hỏi ai?

- Dạ, em ở dưới tỉnh lên công tác.

Cô gái nghiêng người, gỡ cái ba lô khỏi vai. Hòa xô ghế đứng dậy. Một ý nghĩ lóe nhanh trong đầu anh: Nhà báo! Hôm qua, chủ tịch Quê đã không thông báo trước là gì!

Đồng chí lên từ bao giờ? Hòa nói và giúp cô gái xếp đặt hành lý.

- Dạ em mới lên ban nãy.

- Giếng ngoài này, đồng chí ra rửa qua cho mát.

Cô gái vừa kéo nước, vừa bắt chuyện. Cô kể con cà con kê, nào bãi ngô của các anh tốt như bãi mía, nào làng mới của các anh trông đến là nhộn, nhà nào cũng dồn chỗ ngói

thiếu vào chính giữa mái trước và thay vào đó mảng tranh nứa, trông cứ như đám tóc đáp trẻ con.

Nhà báo có khác! Những sự vật bình thường, dưới con mắt họ, đều trở nên lung linh, sống động. Hòa cảm thấy rạo rực, lâng lâng với những phát hiện mới. Anh hết nhìn chồng ba lô, túi xách, lại nhìn bóng nắng đã nhạt ngoài sân. Lâu sau, anh mới nghĩ ra được những công việc cần làm. Anh nhẩm tính chương trình làm việc với nhà báo. Một là bố trí nơi ăn chốn ở. Hai, báo cáo tình hình. Ba, đưa đi xem ngô. Ngoài những ý mà chủ tịch Quê đã gợi, nếu được, sẽ xin cô ấy một đêm thời sự. Đúng! Thời sự... - Hòa khoái trá, co một chân lên ghế - Ăn nghỉ, bố trí trên này thôi. Có lẽ cô ấy ở cũng chẳng lâu đâu. Vài ngày là cùng. Không nên đưa xuống bà Đạt làm gì. Đưa xuống đấy, bà ấy cứ *ba hào, chào đồng bào thân mến* thì gay. Cứ để cô ấy trên này. Ăn, ở nhà mình. Nghỉ, sang bên o Bá. Xong phần thứ nhất. Phần thứ hai - Hòa gật gù co nốt chân thứ hai lên ghế - Phần thứ hai... À nhưng biết người ta về đây tìm hiểu vấn đề gì? Gì thì gì, có lẽ không bỏ qua được vấn đề ngô. Ngô của ta đang được lớn. Được trong điều kiện làm ngô lai. Cả tỉnh đang nhìn về Bãi Chành. Chủ tịch Quê đã không nói thế là gì? Vả lại, cô ấy cũng đã báo trước với chủ tịch như vậy. Ờ, phải soát lại các báo cáo mới được, các con số nữa... Hòa buông cả hai chân xuống, vươn người kéo bản phương án dự thu. Ngoài sân, tiếng chiếc gàu sắt va vào thành giếng kêu: Đúng! Đúng! Rồi tiếng chậu nước hắt lên đám mùng đánh oạp, như tiếng cười xòa. Hòa áp ngực lên mặt bàn, lần bút theo các dãy con số.

- Xin lỗi, anh là...

Hòa ngẩng lên. Vừa rửa ráy xong, khuôn mặt cô gái bầu bĩnh, hồng hào. Những món tóc loăn xoăn bết vào má. Đôi mắt hạt mướp sáng trưng.

- Vâng tôi là Hòa, chủ nhiệm hợp tác xã.

- Còn em là Quyên. Còn đây là giấy giới thiệu của em.

Đôi mắt lơ đễnh của Hòa bỗng khựng lại như lưỡi cày găm phải đá.

Chức vụ: Trung cấp kỹ thuật trồng trọt.

Hứ?... Hòa đưa mắt nhìn Quyên, đôi mắt đỏ hoe vì thiếu ngủ. Quyên đang quay lưng lại phía Hòa và xõa tóc ra chải. Mái tóc cuồn cuộn che kín đôi vai. Những dòng chữ tiếp theo như khoan vào mắt Hòa:

Nơi trực tiếp: Hợp tác xã Bãi Chành.

Lý do công tác: Chỉ đạo chọn lọc giống ngô.

Thời hạn...

Mong...

II

Từ nhà bà Đạt ra, Hòa đi như chạy trốn.

Đêm mùa xuân thật là êm ả. Dế kêu ra rả. Bãi ngô lao xao như mưa rào mùa hạ. Bầu trời xanh biếc. Và mặt đất cũng xanh.

Khu làng mới hiện lên với những đường viền hình cung, lấp lánh sáng.

Nhưng Hòa có thiết gì! Đầu óc anh đang sôi lên như cục vôi ném xuống nước. Làm sao có thể nhầm một con bé trung cấp kỹ thuật với một nhà báo kia chứ! Chán ơi là chán! Ngố ơi là ngố!

Cách đây một năm, Ủy ban nông nghiệp tỉnh đưa xuống Bãi Chành hai tấn ngô giống. Người ta nói với anh,

đây là giống ngô lai mới nhập. Thời vụ sắp hết. Nếu đồng ý nhận thì tổ chức trỉa gấp. Khoan hãy bàn bạc, tranh cãi. Mọi yêu cầu kỹ thuật, cấp trên sẽ hướng dẫn.

Vốn đã được các giống lúa mới gây men, lại gặp lúc cây ngô đang trên đà sa sút, cả hợp tác xã ngả tay ra đón. Và trong không đầy một tuần, cả học cả làm, các đội gieo gọn hai tấn giống.

Gieo xong, nghe vẫn thòm thèm. Nhất là sau đó mấy ngày, những hạt giống sâu cay dày dặt[1], vuông vức như cái nêm, nhất loạt bật dậy những chiếc mầm bậm bạp, như những chiếc cựa gà, ai nấy đều xuýt xoa, tỉnh đưa về ít quá!

Đùng một cái, cả bãi lăn ra chết. Chết đúng vào lúc ngô trổ cờ, phun râu. Ngày đầu mới khô chót lá. Ngày thứ hai, thứ ba rộp mặt lá. Ngày thứ năm, thứ bảy, héo cả cây. Càng phun thuốc, chết càng nhanh.

Không ai hiểu ra làm sao hết. Bí hiểm và tàn hại chẳng khác gì cảnh lúa bị vàng lụi dạo những năm 1966, 1967. Cả xã ngơ ngác như bị cháy nhà. Đây đó, bắt đầu truyền đi câu nói lối mới: *Ngô Ấn Độ, cho chộ*[2] *không cho ăn!*

Bấy giờ, Hòa mới nhận chức chủ nhiệm chưa đầy sáu tháng. Anh ngơ đi trong những suy tính căng thẳng. Cái đã mất thì đằng nào cũng mất rồi. Việc sắp làm mới thật khó xử. Tiếp tục hay không tiếp tục trỉa ngô lai trong vụ xuân tới, vụ cuối cùng quyết định thu nhập cả năm của hợp tác xã vùng bãi?

Để có căn cứ thuyết phục mình và thuyết phục người khác. Hòa bỏ ra hơn một tuần đi đi lại lại trên các bãi, xem xét hàng trăm bộ rễ, hàng nghìn phiến lá. Và anh đã tìm ra.

---

[1] Phần tinh bột của hạt ngô

[2] Chộ: Thấy, tiếng miền Trung.

Nói đúng hơn là anh đã có hướng giải quyết. Anh đề nghị nên làm tiếp, dĩ nhiên là với một tỷ lệ vừa phải, cốt để rút kinh nghiệm, chứ chưa mong tăng sản lượng.

Một đêm từ cuộc họp ra, Hòa mải suy nghĩ, đi ra bãi ngô lúc nào không biết. Dưới ánh sao khuya, bãi ngô hiện lên vàng rộp như một cánh rừng bị chất độc. Anh đưa tay sờ soạng hàng ngô. Bất giác bàn tay nắm phải một bông ngô, cái bông mềm nhũn như chổi rơm. Một cảm giác nhức nhối tràn vào cơ thể. Không. Hòa tự nhủ, như tổng kết lại những gì đã thu thập được trong mấy tháng qua. Cây mập, lá dày, bông to, chóng lớn... chỉ có mỗi một tội là không có hạt. Chưa kịp ra hạt thì đúng hơn. Còn như cái hạt của nó thì mình cũng đã trông thấy hôm dỡ từ trên xe xuống. Có người bảo nó giống cái răng con ngựa. Nhưng mình thì thấy nó giống cái nêm. Mình đã bóc bông của nó ra xem. Có bông tới tám trăm hai mươi bảy sợi râu. Điều đó có nghĩa nó sẽ có tám trăm hai mươi bảy cái hạt, nếu nó không vì một lý do gì đó, chết đứng như Từ Hải. Vì lý do gì? Cái hạt đã thành cái cây, cái cây đã trổ cái bông, mà cái bông không kết thành cái hạt? Cuộc hành trình trên một trăm ngày, đã đi được một trăm rồi, chẳng lẽ bỏ cuộc ở mấy ngày lẻ? Không! Dứt khoát không! Dù thế nào chăng nữa cũng phải đi nốt đoạn đường còn lại. Phải thật cẩn thận. Vừa qua mình có khuyết điểm là chủ quan. Cứ tưởng như lúa xuân, nông nghiệp tám đã thành công, nông nghiệp năm cứ thế đưa vào. Không ngờ cây lúa là cây lúa, mà cây ngô là cây ngô. Phải xin lỗi bà con và động viên họ kiên trì...

Ngay trong đêm đó. Hòa vạch một kế hoạch thí nghiệm lại ngô lai. Rạng ngày hôm sau, anh mang bản kế hoạch lên huyện gặp chủ tịch Quê.

- Đúng! Quê đón anh bằng những lời cổ vũ đầy nhiệt tình Phải kiên trì. Nói nông nghiệp còn lệ thuộc vào tự nhiên là nói để ta vận dụng vào những lúc như thế này đây. Chưa chi đã tính chuyện rút dù, chẳng ra làm sao cả. Tổ vừa ở trên Cơn Tròi về. Chúng nó bỏ tiệt. Ỉc, ức không chịu được!

Vụ xuân năm ấy, Bãi Chành, hợp tác xã duy nhất trong tỉnh còn giữ ngô lai. Và được to. Không bỏ lỡ cơ hội, Hòa dấn luôn tám mươi phần trăm diện tích trong vụ đông kề đó. Tức là vụ mà hiện tại tất cả giới lãnh đạo, kinh tế, kỹ thuật, báo chí... đều đang hết sức quan tâm.

III

Giả sử không ngượng ngùng, trong những ngày đó Hòa cũng không có thì giờ làm việc với Quyên. Đoàn này chưa đi, đoàn khác đã đến. Khách tham quan cứ nườm nượp, nườm nượp.

Nhiều lần, Hòa đã bố trí người tiếp. Nhưng có được! Trong con mắt khách tham quan, giống ngô lai với chủ nhiệm Cao Hòa chỉ là một. Đến nỗi, nghe gì thì nghe, thấy gì thì thấy, nhưng chưa nghe, chưa thấy chủ nhiệm Hòa báo cáo, coi như chưa đến Bãi Chành. Nửa đêm gà gáy, lúc nào anh cũng có khách. Công việc hợp tác xã càng bề bộn. Bao nhiêu việc, không có bàn tay anh chủ nhiệm mó vào, cấm mà chạy. Hòa đâm quen và tự thấy mình quan trọng thật sự, cần thiết thật sự.

Có thể Quyên còn bị Hòa *quên* một thời gian nữa, nếu vào dịp đó, không xảy ra một việc bất ngờ.

Hôm đó, vào khoảng tám giờ, anh đang dẫn đoàn Tân Kiều đi xem ngô, thì chợt thấy một chiếc xe con đang chạy,

bỗng quay ngang và cứ thế thụt lùi vào xóm. Anh bàn giao khách lại cho người khác, tất ngõ sau, luồn về. Y như rằng: ông Điền đang bỏm bẻm nhai trầu bên cạnh mẹ anh.

- Thế nào, Tân Kiều xem đã cùng chưa? - Ông hỏi khi vừa thấy Hòa.

- Dạ thưa anh, cũng sắp xong ạ.

Vậy thì chuẩn bị đưa đoàn khác đi.

Thấy mặt anh chủ nhiệm thuỗn ra, ông Bí thư tỉnh ủy vỗ vai anh cười:

- Một người cũng có thể lập một đoàn chứ sao? - Rồi ông hạ giọng - Đi ngay bây giờ có ảnh hưởng gì tới công việc của cậu không?

- Dạ không ạ.

Vậy thì đi! - Chợt nhớ ra điều gì ông Điền quay lại - Cô cán bộ kỹ thuật mới về đâu rồi?

Hòa trố mắt. Nhìn nét mặt ngơ ngác của anh chủ nhiệm trẻ, ông Điền hiểu ra tất cả. Xem ra, cho đến bây giờ, cái thằng cha này vẫn chưa coi cán bộ kỹ thuật ra cái mùi gì cả, nếu không phải là vật trang trí hoặc vướng chân hắn. Ông đập đập bàn tay lên trán, làm như chính ông cũng có khuyết điểm vậy. Ông kêu lên:

- Cô Quyên ấy mà!

- À... dạ ở ngoài trại lợn ạ.

- Sao lại ở ngoài trại lợn? - Ông Điền ngạc nhiên thật sự. Hòa hốt hoảng nói liều lần nữa.

- Dạ không. Có lẽ cô ấy ở ngoài trại giống!

- Đưa cán bộ kỹ thuật về cho các anh, các anh dùng như thế đấy! Ông Điền bực dọc, im lặng chắp hai tay ra sau lưng, đi đi lại lại. Cuối cùng ông nói như ra lệnh:

- Thôi được. Cho gọi cô ấy về, ta cùng đi.

Hòa như đứa trẻ được tha lỗi, lao đi. Gặp bà Đạt giữa đường, anh túm lấy:

- Cô Quyên đâu? Cái cô tóc quăn ấy!

- Ở trên nhà bà Cần, chứ mô đây!

Hòa lao về trụ sở. Bà Cần nói:

- Cô ấy có đến đây mấy lần. Nhưng từ sáng hôm qua đến giờ, không thấy mô nữa hết.

Một người nào đó bâng quơ, phỏng đoán:

- Hôm nay chủ nhật, không khéo cô ấy về Vinh rồi.

- Báo cáo anh, cô ấy về Vinh rồi ạ! - Hòa trịnh trọng báo cáo lại.

Ông Điền nén một tiếng thở dài. Ông lại bắt chéo hai tay sau lưng, đi đi lại lại. Hòa đứng nép vào cánh cửa. Chợt ông đứng lại, đặt tay lên vai, từ tốn và nhỏ nhẹ, như nói với chính mình:

- Là vì sắp tới theo chỉ thị của Thủ tướng, chúng ta sẽ phát triển mạnh cây ngô. Cây ngô ấy mà! Nó là loại cây trung gian. Thiếu lương thực, nó là cây lương thực. Thừa lương thực, nó là cây thức ăn gia súc. Một cây thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp với mọi con gia súc. Lớn như trâu bò, đến nhỏ như ong, gà, cá, vịt... đều xài được hết, cậu biết không? Ở những nước nông nghiệp phát triển, người ta rất chú ý cây ngô. Còn đối với ta, một nước đang thiếu lương thực, lại phấn đấu chăn nuôi thành ngành sản xuất chính,

chúng ta càng phải phát triển nó. Tỉnh dự kiến sẽ đặt ở đây một vùng chuyên canh ngô. Chúng ta đã có ngô bãi. Một năm ba vụ. Sắp tới, chúng ta sẽ phát triển mạnh ngô đồng, ngô đồi. Những triền đồi dưới mươi mười lăm độ dốc thì phải tìm cách trồng ngô tất. Còn năng suất - ngừng một lát ông nói tiếp - ta sẽ phát triển mạnh giống *Găng-ga năm*.

- Dạ. Còn gọi là ngô lai năm Hòa tìm cách phá thế bị bao vây.

- Ừ, *ngô-lai-năm*. Cứ gọi như thế cho dễ nhớ. Ta sẽ thay dần các giống ngô cũ của ta bằng cái anh *ngô-lai-năm* này. Muốn thế, phải đúc kết kinh nghiệm. Tỉnh đưa cô Quyên về đây là có dụng ý như thế.

Mười phần, Hòa đã thủng năm ba. Anh quên phắt câu vừa nói dối ban nãy, sốt sắng đề nghị:

- Anh đợi cho một lát, để tôi đi gọi.

- Không cần - ông Điền gạt đi - hôm nào *họp ngô*, tớ sẽ quay lại. Bây giờ cậu cứ dẫn tớ đi.

Bác đi thật ư? Nghe khách giục, bà cụ Thuận, mẹ Hòa, lật đật chạy ra, hỏi - Trưa rồi, bác để cháu bắc cơm...

- Cảm ơn cụ, khi khác.

Bà cụ Thuận mở đãy:

Vậy bác xơi thêm miếng trầu.

Ông Điền nhón một miếng cau bỏ vào miệng. Ông cẩn thận mở miếng trầu ra, vừa gạt bớt vôi, vừa nói thật to, cốt để cho Hòa cùng nghe:

- Lần sau trở lại, tôi không ăn trầu của bà cụ nữa đâu nhá.

Hòa cắm cúi đi. Ra tới bãi, ông Điền nói:

Tớ nói thật đấy. Liệu mà lo đi, cho bà cụ mừng. Làm cha làm mẹ, ai cũng thế, chưa dựng vợ gả chồng xong cho con, chết không nhắm mắt đâu đấy.

Vừa lúc đó ở cuối bãi, cách chỗ hai người đang đi một trọt ruộng, một người phụ nữ mặc áo gụ với tay vin một bông ngô. Hòa đứng lại, xỉa tay hét tướng lên, quên cả đồng chí bí thư tỉnh ủy đang đứng bên cạnh:

- Nời! Ả nào bẻ cắp ngô đ...o... đó?

- Không phải đâu, cô Quyên đấy! - Tiếng ông cụ bảo vệ cất lên ở đâu đó - Chẳng hiểu đo bông, đếm lá làm gì mà sáng nào cũng ra rành sớm. Sương cưỡi dường kìa, người cứ ướt như chuột lụt.

Từ xa, Quyên đã nhận ra ông Điền, qua bộ quần áo lội đồng màu kẽm quần soóc, áo ba túi cộc tay. Cô đâm bổ về phía ông, lúng túng thả cuốn sổ xuống bãi cỏ đầm sương, dang cả hai tay ra đón bàn tay đồng chí bí thư tỉnh ủy. Cô chỉ thốt lên được mỗi một tiếng *bác,* rồi đứng nép vào ông, tránh cái nhìn tối sầm của anh chủ nhiệm.

- Thế nào, đã làm ăn được gì chưa?

Quyên chớp mắt, không định nhìn Hòa, nhưng vẫn bắt gặp cái miệng méo xệch, đôi mắt thụt sâu của anh. Bất giác cô cảm thấy tồi tội. Mình phải nói đúng sự thật mới được, Quyên quyết định, trước khi trả lời:

Dạ thưa bác, cũng mới bắt đầu thôi ạ. Tất cả đang trong bước chuẩn bị.

- Tốt. Cố gắng làm cho đến nơi đến chốn! Có gì khó khăn nói với ông Hòa đây, ông ấy giúp - Rồi với một giọng sôi nổi, ông ngẩng lên nhìn bao quát cả bãi ngô, nói - Ta sẽ giành tất

cả số ngô này làm giống. Nhớ là khoan hẵng *thử phẩm chất* đấy nhá.

Ông cười ha hả, khi thấy câu nói bất chợt của mình làm anh chủ nhiệm đỏ bừng cả mặt. Mặt Hòa dãn ra, trông đã có phần tươi tỉnh lại. Đi, ông giục, rồi tự mình bước lên trước. Hòa vẫn đứng nguyên tại chỗ, nói:

- Thưa anh, đi lối này ạ.

Ba người dừng lại trên một đống đất cao. Từ đó, họ có thể nhìn bao quát cả Bãi Chành rộng hơn 300 héc-ta, bám bên sông Cái, như một tổ ong bám dưới cành chò chỉ. Ngô đã khô râu, nhưng lá vẫn còn xanh mườn mượt. Những hàng ngô tít tắp, thẳng đuột, cây nào cũng như cây nào, sườn vẹo đi vì những bắp xề xệ. Những bắp ngô nân đầu nân đuôi, hạt hằn cả ra ngoài áo bẹ, như những cô gái chắc lẳn trong những chiếc áo cánh.

- Bây giờ thế này nhá - ông Điền nói- nhà kỹ thuật hãy giảng qua cho chúng tôi nghe vài nét về giống ngô này.

Dạ-thưa bác, tài liệu cháu không mang theo đây ạ. Quyên giãy nảy lên, như bất ngờ bị gọi lên hát trước đám đông. Cô ngước mắt nhìn Hòa, cầu cứu.

- Không! Những tài liệu cô vừa nói, chúng tôi cũng có. Nó đã được in thành sách rồi chứ gì? Không, chúng tôi muốn nghe những tài liệu này này - ông nắm một bông ngô lắc lắc - những tài liệu rút ra từ trên mảnh đất của ta ấy. Cô hiểu chứ?

Quyên làm sao mà không hiểu được, khi đã một lần bị ông thộp như thế này rồi. Thế là y hệt chuyện đã xảy ra cách đây hai năm, trên thửa ruộng ngồn ngộn lúa xuân, của hợp tác xã Châu Thành, Quyên run run mở quyển vở học trò - cuốn vở ngoài bìa khắc ba chữ in *số liệu thô,* bên trong chi

chít những con số, những dòng nhận xét, chú thích; những nét mực xanh, mực đỏ; những dòng chữ đứng, chữ xiên. Quyên vừa xem, vừa nói. Có lúc cô giở qua cả một trang không nói câu nào. Nhưng cũng có lúc cô lật đi, lật lại một con số, một nhận định.

Hòa chỉ hiểu lõm bõm. Y như người mới học ngoại ngữ, nghe người nước ngoài nói chuyện với nhau. Trong lúc đó, ông Điền, đeo kính ngả sổ ra ghi, Hòa đứng đực ra nhìn. Ông ghi ít thôi. Mỗi ý dăm ba chữ. Đầu dòng, ông đánh dấu cộng hoặc dấu trừ. Có chỗ ông vạch hai vạch song song ngoài lề, kèm theo một dấu hỏi hoặc dấu than to tướng.

Chốc chốc ông dừng lại, yêu cầu Quyên nhắc lại hoặc giải thích thêm một ý, một danh từ kỹ thuật nào đó. Những lúc đó, Hòa có hiểu thêm đôi chút. Nhưng anh vẫn nghĩ: Quái, ông ta ghi những cái ấy để làm gì? Và cô ta nữa, cô moi ở đâu ra những con số ấy? Ai cung cấp cho cô? Dần dần, Hòa nhớ tới những bài báo cáo dài dòng, trịnh trọng mà anh đã đọc trước các đoàn tham quan. Nó chẳng giống một tý nào với những điều mà Quyên đang nói. Hòa ghé sát vào sổ tay ông Điền. Loáng thoáng những *hàm lượng, hệ số lá... Hệ số lá* là gì mà ông ấy có vẻ tìm hiểu kỹ thế? Chao, mới rắc rối làm sao! Đằng sau những làm đất, gieo trỉa, chăm bón... công việc làm ăn còn biết bao nhiêu điều mới lạ. Xong đây, phải học thêm mới được.

Rất tốt! Ông Điền đột ngột lên tiếng. Hòa đỏ mặt, tưởng đồng chí bí thư đã nghe thủng suy nghĩ của mình và lên tiếng ủng hộ. Nhưng không. Ông khen Quyên, và tiếp đó, những lời của ông vẫn dành cho cô Bây giờ thế này nhé. Hôm nào *họp ngô,* tôi sẽ nghe lại. Nghe kiểu như thế. Cả anh nữa - ông đột ngột quay lại phía Hòa, làm anh giật thột, vội khép hai đầu gối lại - Hôm nay tôi chưa nghe anh! - Hai tiếng

chưa nghe, ông vẫn nói như thường, nhưng Hòa lại nghe như một lời cảnh cáo. Anh hoang mang, không hiểu vì ông chưa có thì giờ, hay vì trước những điều anh sắp nói ra là vô bổ!

- Tôi sẽ không nghe những *đông giáp, tây giáp,* những *số khẩu, số hộ*... đâu nhé. Anh chuẩn bị cho tôi mấy vấn đề này: thành phần tự nhiên của đất, diễn biến thời tiết, khí hậu, mức độ đầu tư lao động, vật tư, quá trình sinh trưởng cây ngô và kết quả sản xuất kinh doanh, những triển vọng về nó...

Rồi một loạt câu hỏi khác, trong đó lởm chởm những danh từ kinh tế, kỹ thuật Hòa mới nghe lần đầu. Anh đứng ngẩn như vịt nghe sấm. Trong lúc đó, Quyên ngồi thụp xuống bên anh, để cuốn sổ lên đầu gối, ghi lia lịa. Tấm áo vừa ráo sương mai, giờ lại đẫm mồ hôi. Nhìn cảnh đó, ông Điền chợt nghĩ: Đập cục được cái kiến thức khoa học, thực tế của cô bé này vào với cái đầu có trách nhiệm của thằng cha kia, thì quý biết bao nhiêu!

- Anh không hiểu chứ gì? - Ông Điền nhìn xoáy vào mắt Hòa Yên chí! Không hiểu rồi sẽ hiểu. Sản xuất lớn là thế! Liệu mà học hành cho nghiêm túc. Có gì hỏi thêm cô Quyên đây, cô ấy bày cho, đừng sĩ diện. Thời nắm tay củ gừng bàn chuyện kinh tế đã qua lâu rồi, sẽ thất bại thôi!

Trên đường về, cả ba người đều mệt lử. Nhất là Hòa. Cái nắng gay gắt của buổi sáng cuối xuân, đầu hè hun đốt anh đã đành, những lời đòi hỏi của ông Điền, rồi những hiểu biết đáng ngợp của Quyên, làm cho anh kiệt sức. Chưa bao giờ, đầu óc anh căng thẳng như sáng nay. Vậy mà đã xong đâu. Đây mới chỉ bước khởi đầu. *Độ phì tự nhiên, thời gian sinh trưởng, giá thành sản phẩm... yên chí, không hiểu rồi sẽ hiểu*... những chữ, những câu ấy cứ như đánh đố anh, làm anh đi tụt lại sau hai người một đoạn xa mà không biết.

IV

Trong những ngày khẩn trương chuẩn bị báo cáo, không ngày nào là Hòa không gặp Quyên. Công việc không cho phép anh xem cô là thừa như trước. Có phải chỉ chuẩn bị báo cáo không thôi đâu. Kế hoạch vụ xuân gần như phải làm lại toàn bộ. Bởi vì, từ sau buổi gặp gỡ ông Điền, được ông giao trách nhiệm cụ thể, Quyên không còn lủi thủi một mình như trước. Cô đến thẳng nhà Hòa, nêu rõ yêu cầu công việc và giao hẹn:

- Đấy! Bây giờ thì tùy anh! Em chỉ có thể giúp các anh, chứ không thể làm thay được.

Thấy Hòa im lặng, Quyên tiến thêm một bước. Cô chỉ ra những chỗ không cân đối trong bản kế hoạch vụ xuân. Đó là sự thiếu tính toán cụ thể và khoa học; không dám đưa ngô lai lên cả những đồng bãi cao, là không thấy trong vụ xuân nắng và nước dào hơn vụ đông. Đó là sự mất cân đối giữa chi tiêu và biện pháp kĩ thuật: năng suất đặt cao, nhưng phân bón quá ít, lại không cân đối giữa *đạm, lân, ka-li*, giữa *đạm vô cơ và đạm hữu cơ*...

Hòa không có cách nào hơn là gật đầu, sửa lại kế hoạch. Vả, Hòa cũng không phải là con người khó tiếp thu lẽ phải. Hiềm một nỗi, Quyên là gái. Hơn thế nữa, lại là con gái chưa chồng. Vì thế, Hòa đâm mất tự nhiên. Mặt khác, anh muốn nghe muốn hiểu, nhưng lại sĩ diện, đành im lặng, làm như những điều Quyên nói, anh cũng đã biết. Nhưng vào công việc, Hòa không thể không dựa vào Quyên. Dần dần anh cũng quên đi. Cũng không nhớ cái cô gái thông minh, tháo vát, chịu khó này đã mấy lần gây cho anh những cú điếng người, vì quan liêu, vì vụ thành tích.

Anh đi lại, bàn bạc công việc thường xuyên với Quyên, như từng chưa có điều gì xảy ra giữa họ. Kể cả sau này, khi bản báo cáo đã viết xong, và ngô xuân cũng đã gieo trỉa gọn. Xong việc, hai người đã bắt đầu nói chuyện phiếm với nhau. Mà có riêng gì anh, bà con xã viên cũng thường lui tới với Quyên. Trại giống - nơi Quyên và đội giống ăn ở, gần như trở thành câu lạc bộ của hợp tác xã.

Cho tới một hôm, hình như Bá, thư ký đội giống thì phải, nói vui giữa cuộc họp ban quản trị rằng, trụ sở hợp tác xã gần đây đã chuyển về dưới trại giống mất rồi. Mọi người cười vang, cho đó là nhận xét sắc sảo. Hòa cũng cười. Nhưng sau đó, anh lạnh người. Thấy đằng sau câu nói ấy còn một ý gì nữa, chứ không phải chỉ nói cái không khí tấp nập, vui nhộn của trại giống trong những tháng gần đây. Anh trằn trọc mấy đêm liền...

Một hôm, anh đang báo cáo tình hình, Bá đâm ngang:

- Thì anh quá bộ xuống đấy một bữa. Chị Quyên chị ấy cũng có việc muốn gặp anh đấy.

Chả là khi nghe Bá nói vui, Hòa đâm ngượng, và không muốn để người khác hiểu nhầm, anh không hay xuống trại giống nữa. Bắt buộc lắm anh mới nhờ Bá mời Quyên lên trụ sở hợp tác.

Hòa nắm tay lại dư dứ vào cái trán lấm tấm mồ hôi của cô thư ký đội giống:

- Coi chừng cái miệng!

Bá trố mắt. Rồi vỗ bộp hai bàn tay vào nhau, cười khanh khách: Xong rồi nhá! Có *vấn đề* rồi nhá!

Hôm sau Bá lại đến:

Thật đấy! Hình như chị Quyên còn định phỏng vấn đồng chí chủ nhiệm nữa kia!

Bá dẩu môi, đỏng đảnh kéo dài hai tiếng *phỏng vấn*, khiến Hòa có cảm giác như cô ta chụm miệng thổi hơi nóng vào mặt mình. Anh hoảng lên:

- Ai nói với chúng mày?

- Em nói.

- Thế thì quá quắt thật. Chúng mày làm người ta tưởng thật thì.. - Hòa tức bực quay đi.

- Thì càng tốt chứ sao! - Bá đế vào và bỏ chạy.

Rồi hôm sau nữa, cũng chính Bá, cô bạn táo tợn mà tốt bụng ấy, đã xồng xộc đến trước mặt Hòa, nghiêm trang nói một câu hết sức đột ngột:

- Theo em thì anh nên cưới chị ấy đi. Cưới xong, *cấu tạo* luôn vào *quản trị*, phụ trách kỹ thuật. Cấp trên đang chủ trương đưa cán bộ kỹ thuật về cơ sở lâu dài đấy.

Hòa đâm lém, cười:

- Được thôi. Nhưng cưới chị ấy thì bỏ em đây cho ai?

- Người ta đang bàn chuyện đứng đắn...!

Bá bỏ lửng câu nói, ngồi phịch xuống ngạch cửa, phụng phịu như cô em gái làm nũng với anh trai. Chợt cô ngước mắt nhìn Hòa, rồi bật dậy, quát to vào mặt anh:

Tôi ấy à? Tôi không khiến anh! Tự tôi, tôi khắc liệu được thân tôi.

Hòa lặng người:

- Xin lỗi... anh...- Hòa lắp bắp, mắt nhìn xuống đất. Đến khi ngẩng lên thì chẳng thấy Bá đâu nữa. Chỗ cô ngồi, bây giờ là một giọt nắng tròn xoe, vàng rộm.

Sau cuộc đụng độ tóe lửa ấy, Hòa dự kiến, ít ra khi có tin vui chính thức của Bá, cô ta mới làm lành với anh. Nhưng không. Ngay trưa hôm sau, lúc anh đang xem báo, Bá lại xuất hiện. Cô đưa ra một tin còn đột ngột hơn cả sự xuất hiện của cô: có lệnh rút Quyên về tỉnh.

- Ai bảo với cô? Hòa chồm dậy, lật đật vớ cái áo treo trên mắc.

Anh cán bộ nông nghiệp bên huyện sang nói Bá ngoảnh mặt giấu một nụ cười.

- Ông ấy giờ ở đâu?

- Về lại huyện rồi!

- Rút cô Quyên, ai theo dõi ruộng giống?

- Người ta bảo, hợp tác ta có người rồi.

- Người nào?

- Ai biết được!

- Nói tam tổ. - Hòa vồ cái mũ lá chụp lên đầu.

- Anh đi đâu bây giờ?

- Lên huyện. Nếu cần lên cả ông Điền.

Hòa lên xe, đạp vù đi từ trong sân. Hai vạt áo chưa kịp cài cúc, xòe ra như hai cái cánh. Bá cũng đi. Cô theo đường tắt về lại trại giống. Được một chốc thì Hòa tới. Quyên không có nhà, cô sang huyện lấy thuốc diệt cỏ từ sáng. Bọn con gái bấm nhau cười. Bá khiêu khích:

- Đợi người ta sắp đi, mình mới đến, nước mẹ gì!

- Này ăn nói cẩn thận nha! - Hòa nghiêm mặt.

Rồi anh bỏ ra sân. Cái sân ngập tràn một màu vàng óng. Hòa cúi xuống vốc một nắm ngô, tãi tãi ra xem. Mười hạt như một, vuông vức như những chiếc nêm. Anh cắn một hạt. Cái phôi bật ra, trắng nõn như chiếc răng sữa. Anh đảo qua, đảo lại vốc ngô trên tay, mà đầu óc không nghĩ ra được một điều gì có hệ thống. Trước mắt loáng thoáng bãi ngô vàng, bãi ngô xanh. Một cô con gái mặc áo gụ, đi chân đất, đi lại nâng niu, đếm lá, đo bông, ghi chép... Không! - Hòa ném xoạt vốc ngô xuống sân, như rảy đi một cái gì đó Phải giữ cô ấy lại. Mình đã biết quái gì đâu! Trời ơi cái thằng mình! Còn khư khư cái sĩ diện cứt! Bỏ phí bao nhiêu thì giờ học hỏi cô ấy!

Và anh lại lên xe vù đi từ trong sân, quên cả chào chị em đội giống. Bọn con gái lại bấm chí nhau. Nhưng lần này họ không cười mà cãi nhau thực sự. Cô nói, nên gọi anh lại. Cô bảo, mặc kệ anh. Bá đứng về phía sau. Cô nói:

- Lát nữa, ông ấy về với chị Quyên cho mà xem!

Và đúng như vậy thật. Có điều, Hòa không về ngay lúc đó, như Bá nói, mà đợi đến tối. Bởi vì sang đến huyện, biết mình bị lừa, anh không đủ can đảm về giữa ban ngày, ban mặt.

Còn Quyên, sau vòng đi cuốc bộ rồi; vòng về, cũng muốn ghé một chút xe đạp, cho nó đỡ vất vả.

Vinh, cuối 1974

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn trẻ

NGÔ TỰ LẬP

Sinh ngày: 4 tháng 6, 1962, tại Hà Nội

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1998)

Ngô Tự Lập đã từng học tại Đại học Hàng hải, Baku, Liên Xô (1980-1986); 1986-1990 là Thuyền trưởng HQ 473, Hải quân; 1990 - 1993: Cán bộ Tòa án quân sự Trung ương, học tại trường Đại học luật Hà Nội; 1993-1995: Cán bộ Nhà xuất bản Quân đội nhân dân; 1995-1996: Thạc sĩ văn chương, trường Cao đẳng sư phạm (Ecole Normale Superieure de Fontenay /St. Cloud, Paris); 1997-1998: Thiếu tá, biên tập viên NXB Quân đội nhân dân; 1998-1999: Biên tập viên NXB Hà Nội; Từ năm 2000 đến nay: Làm việc tại công ty Invest Consult Group.

Tác phẩm chính đã xuất bản:

Thơ: *Thế giới và tôi* (Song ngữ Việt-Pháp, 1997, tái bản 2000); *Chuyến bay đêm tháng sáu* (2000).

Văn xuôi: *Vĩnh biệt đảo hoang* (Tập truyện ngắn, 1991); *Tháng có 15 ngày* (1993 tái bản 1994); *Mùa đại bàng* (1995); *Mộng du và những truyện khác* (1997, 1998 và 2001).

Dịch thuật: *Hoa máu* (Truyện ngắn, 1993); *Người đàn bà trên tàu* (Tiểu thuyết, 1993); *Đôi mắt lụa* (Dịch chung với Ngô Huy Bội và Ngô Bích Thu, 1998); Con bù nhìn (Tiểu thuyết, 1998); *Xứ sở của nước và thạch sùng* (Thơ văn xuôi, 1999); *Chiếc bát mang hình thế giới* (Trường ca, 2001).

Biên soạn: *Đêm bướm ma* (Tuyển truyện ma Việt Nam, 1998, tái bản 2001); *Truyện kỳ ảo thế giới* (6 tập, 1999, 2000, 2001).

Đôi lời tâm sự:

Cuối những năm 1980, tôi công tác tại lữ đoàn 125 H.Q (lữ đoàn không số trước đây), thỉnh thoảng mới có dịp về Hà Nội. Bấy giờ giao thông rất khó khăn, tôi thường phải nhờ em trai đèo sang ngã ba Cầu Chui để vẫy xe về Hải Phòng. Hiếm một nỗi, mặc áo lính rất khó vẫy xe. Ai cũng biết lúc đó với lái xe, thì hai thứ phanh hiệu nghiệm nhất là phanh "thúng" và phanh "nón"... Một lần, tôi chờ suốt từ 3 giờ đến 5 giờ chiều mà tất cả những chiếc xe tải đều bỏ qua một cách không thương tiếc. Đã gần như tuyệt vọng, thì tôi trông thấy một chiếc xe du lịch màu trắng, hình như là chiếc Lađa. Nó quá sang trọng, nhưng vì sợ muộn giờ điểm danh, tôi cứ vẫy liều, không ngờ chiếc xe dừng lại. Anh tài xế đòi 1200 đồng, tôi móc túi chỉ còn 800 đồng. Trông thấy vẻ mặt thiểu não, tội

nghiệp của tôi, mấy vị khách ngồi ở ghế sau có vẻ mủi lòng, bảo anh lái xe: "Thôi, cứ cho ông ấy đi. Bộ đội đấy mà"

Tôi mừng rỡ trèo lên. Trong xe họ bắt đầu trò chuyện mỗi lúc một rôm rả, toàn chuyện về văn học. Tôi chẳng biết họ làm nghề gì, nhưng nghe họ nói chuyện thấy rất hay bèn buột miệng, chêm vào đó mấy câu nhận xét. Một vị đứng tuổi ngạc nhiên nói: "Đúng. Rất đúng! Anh trước đây học trường gì?" Tôi nói mình học trường Hàng hải ở Liên Xô, hiện là sĩ quan Hải quân, rằng tôi rất thích văn học nhưng cũng chỉ đọc lỗ mỗ và cứ nhận xét bừa như vậy thôi. Dù vậy, những người trong xe cứ tấm tắc khen mãi, khiến tôi cũng mạnh dạn hơn và nói chuyện vui vẻ.

Đến thị xã Hải Dương, người đàn ông đứng tuổi lúc nãy vỗ mạnh vào vai anh tài xế, bảo dừng lại. Tất cả kéo nhau vào một quán đặc sản. Đó là một thứ xa xỉ đối với tôi. Nhưng họ cứ kéo tôi đi xềnh xệch: "Phải ăn mừng cuộc gặp gỡ hôm nay!" Trong nhà hàng, câu chuyện lại tiếp tục. Những người bạn đáng kính bảo tôi nên cố gắng sử dụng vốn ngoại ngữ của mình để dịch.

Đến Quán Toan, tôi định xuống. Khi rút 800 đồng để trả, những vị khách trên xe gạt đi ngay: "Thôi, thôi... còn tiền nong gì nữa. Hôm nay được gặp anh là quá may mắn rồi. Biết đâu có ngày anh lại cầm bút viết. Có dịp mời anh đến chơi ở Hội Văn nghệ Hải Phòng. Lúc bấy giờ tôi mới biết đó là các nhà văn, nhà thơ Đoàn Min và Chu Văn Mười.

Tôi bảo họ chờ một lát, chạy sang quán bên đường, chọn một chai rượu đúng với số tiền còn lại: "Cho cháu gửi chai rượu này đến Hội, coi như món quà của một độc giả chưa quen biết".

Mấy năm sau, sau những cuộc lênh đênh trên biển cả, một lần tôi lang thang ở Hải Phòng thì trông thấy một tấm biển đề: "Hội Văn nghệ Hải Phòng". À, mình phải vào thăm lại những người bạn tốt bụng hồi nào mới được". Trong sân, tôi gặp một cô gái đang rửa cốc chén. Tôi băn khoăn chưa kịp hỏi thì cô ta đã lên tiếng trước: "Anh có phải là anh Ngô Tự Lập không?"

Tôi kinh ngạc: "Vì sao em biết tên anh?". Cô gái cười: "Chú Min và chú Mười vẫn kể chuyện anh luôn. Chú Min bảo không biết cái tay hải quân ấy bây giờ thế nào nhỉ". Nói xong, cô đưa tôi lên gặp anh Chu Văn Mười. Việc đầu tiên là anh Mười dẫn tôi vào phòng khách của Hội: "Anh có nhận ra cái gì đây không?". Tôi nhìn theo tay anh chỉ và nhận ra cái vỏ chai rượu tôi tặng anh ngày trước. "Hôm ấy có một cuộc họp của Hội - anh Mười nói tiếp Tất cả mọi người cùng chia nhau uống. Rất vui, chỉ có điều, Lập biết không đó là một chai rượu rởm". Anh đùa: "Nhưng tụi mình cứ giữ cái vỏ chai ở đây. Biết đâu Lập lại trở thành một nhà văn lớn!..."

Tôi lặng người đi. Hai hôm sau tôi bắt đầu viết truyện ngắn đầu tiên của mình. Truyện Lửa trong lòng biển. *Truyện này đã đoạt giải thưởng* Hoa phượng đỏ *và giải thưởng cuộc vận động sáng tác về Hải quân.*

Lửa trong lòng biển

Kính tặng anh Trần Văn Tú và anh Nguyễn Văn Tiếu

Khi còn là thuyền trưởng chiếc "Sông Lai" cổ lỗ tôi thường qua Tùng Quảng, vùng biển hiểm trở với muôn vàn đảo đá chen chúc như bàn chông, nổi tiếng nhờ phong cảnh hùng vĩ, món ngán[1] chần tái và nhất là những vụ đắm tàu bí ẩn.

Lần ấy chúng tôi vừa ra khỏi lạch Tỉnh thì có thuyền vẫy. Chuyện không lạ, chúng tôi vẫn thường cho dân đào ngán đi nhờ như thế, có khi lẵng nhẵng kéo nhau cả chục chiếc thuyền. Tôi cho tàu chạy chậm lại. Chủ thuyền người cao lớn, mũ trùm kín đầu, khoác áo badờsuy xám, bằng động tác nhanh nhẹn và khéo léo ném dây sang. Tôi nhìn kỹ, hóa ra đó là một ông già râu bạc như cước. Ông lão khẽ gật đầu, cảm ơn tôi bằng giọng ồm ồm chậm rãi, đầy uy lực, rồi ngồi xuống mũi thuyền, móc thuốc lào ra hút. Thoáng trông đủ biết đó là loại thuộc vùng Sơn Hạ: sợi thái rối, đóng thành bánh, màu đen sạm vì phơi sương. Cách hút thuốc của ông cũng thật lạ: ông nắm tay trái lại thay điếu, nhét thuốc vào khe hở do ngón tay út tạo ra, tay phải bật diêm, vừa châm thuốc vừa chẻ gió. Vẻ kì dị của ông già kích thích trong tôi máu mê văn nghệ, lại đang trong cảnh sông nước triền miên

---

[1] Ngán: một loại động vật thân mềm gần giống sò.

buồn chán cần người bù khú, tôi khẩn khoản mời ông lên tàu làm chút rượu cho ấm bụng.

Ông già không khách khí, vẫn với động tác nhanh nhẹn như thanh niên, bám cọc bích trèo lên. Rượu Vân đốt thử ngùn ngụt cháy trên bàn. Ông già cởi mũ. Tôi giật mình: đầu ông trọc lốc. Một vết sẹo bóng như xác rắn chạy dài tới gần mang tai. Da mặt ông sẫm màu đồng hun - cái màu có được, theo lời ông, nhờ cá sống, rượu và nước biển.

Nếu như biển cả làm cho con người cứng cáp và phóng khoáng thì rượu lại khiến người ta trở nên vui vẻ và chân thành. Ông già hỏi tôi:

- Chú là thuyền trưởng hả? Hà, trẻ quá nhỉ, còn dư sức lắm. Chú sẽ gắn bó suốt đời với biển chứ?

Tôi lúng túng không biết trả lời như thế nào. Cảnh sông nước triền miên đã làm tôi ngán ngẩm. Biển cả tàn bạo và tráo trở đã làm tôi mệt nhoài. Bao nhiêu toan tính của tôi đã tan nát như con thuyền nan dưới làn sóng dữ và tôi cũng chưa biết cuộc đời mình còn bồng bệnh trôi nổi tới những đâu.

Dường như đoán được suy nghĩ của tôi, ông lão uống ực một hơi hết bát rượu thứ hai rồi vừa đặt bát xuống bàn vừa nói oang oang:

Ồ! Lão cũng đã từng làm thuyền trưởng, nhưng chưa bao giờ là một thuyền trưởng thực thụ. Hầy! Đù mẹ biển bạc... biển bội bạc...

Rồi như người trút bầu tâm sự, bằng giọng nói trầm vang của sóng, giờ lại mạch lạc thêm nhờ rượu, ông kể cho tôi nghe những gian truân của một đời sông nước, cứ muốn dứt ra mà cứ bị cuốn vào, mãi đến nay, gần tám mươi tuổi đầu,

vẫn chưa thoát nổi mái chèo. Ông lão kể một cách thản nhiên, thậm chí thú vị nữa, tưởng chừng đối với ông chẳng có gì đặc biệt, tất cả cứ phải tuần tự xảy ra như thế, chẳng khác gì bát rượu trên tay ông cứ hết lại đầy.

*

* *

Lão vốn quê ở Két, cái thị trấn ngã ba sông đen đúa, bẩn thỉu nhưng lại được dân sông nước coi như thiên đàng vì nhan nhản tiệm hút, sòng bạc, và những nhà chứa rẻ tiền. Từ nhỏ lão đã thích giao du với những chàng thủy thủ ngang tàng và vui nhộn, cùng họ nốc rượu rồi khật khưỡng trên những đường phố lầy bùn và phân súc vật, trêu ghẹo mấy cô hàng xén bằng những lời ca tục tĩu không đầu không cuối hay tham gia những cuộc đánh lộn chẳng hiểu do đâu. Máu giang hồ thấm dần vào huyết quản. Năm mười tám tuổi, cái tuổi bồng bột, kiêu ngạo và đầy tham vọng, lão bỏ nhà, theo một chiếc tàu kéo xuống Hòn Chông, thương cảng sầm uất nhất Tùng Quảng thời đó, những tưởng sẽ kiếm chác được vận may giữa đám dân đói khát và những tay anh chị tứ chiếng đổ về.

Cả tuần lang thang, đấm đá nhau giữa chợ chẳng được tích sự gì. Ngày thứ tám, lão đang ôm một ả bán ngán chần trong quán rượu thì vợ chồng tỉnh trưởng đi xem hát về qua. Hình như hôm đó có vở mới, dân tình bàn tán nghe chừng xôn xao lắm. Nhưng lão chẳng bao giờ quan tâm đến bọn phường chèo nhí nhố ấy. Bỗng đâu một gã ăn mày vô phúc mò ra, vai đeo cái bị nặng trĩu những thức ăn nhớp nháp, thiu thối. Từ cái đầu lở loét, nhung nhúc dòi bọ của nó nồng nặc bốc lên mùi cóc chết. Bà vợ quan tỉnh trưởng kinh tởm quá, rú lên rồi nôn thốc nôn tháo vuống vỉa hè.

- Thằng mọi hỗn láo! - Tay tỉnh trưởng gầm lên giận dữ, quật ba toong như bổ củi xuống đầu thằng ăn mày khốn nạn, bắt nó phải sực hết bãi cháo chó mà bà tỉnh trưởng vừa trút xuống kia.

Lão thản nhiên ngồi xem, nhưng khi thằng ăn mày gục mặt xuống đống thức ăn nhầy nhụa ấy thì, mẹ kiếp, máu trong người sôi lên sùng sục. Lão đứng phắt dậy, nhằm vào quai hàm gã tỉnh trưởng. Nhưng một cú đấm chẳng hiểu từ đâu đã nhanh hơn. Chỉ nghe đánh "hự" một tiếng đã thấy đầu quan tỉnh trưởng ngập ngụa dưới bùn. Cái thân hình phì nộn của hắn bùng nhùng trong đống vải bẩn thỉu mà mới đấy là một bộ comlê sang trọng. Lão chưa kịp bàng hoàng thì đã bị một bàn tay cứng như thép lôi tuột vào ngõ hẻm. Lúc ấy mới nghe còi cảnh sát lanh lảnh rúc lên phía sau lưng.

Cú đấm hóa ra là của thuyền trưởng Các, trùm cướp biển thời ấy, người mà ai nghe tên cũng phải giật mình kinh sợ. Trước đó lão cũng đã từng nghe nhiều lời truyền tụng về ông ta và vẫn thầm mong hội ngộ.

Ông Các là người Ducơmi, một bộ tộc vốn từ lâu cư trú ở Tùng Quảng. Họ làm nhà lơ lửng như tổ chim trên vách đá, dưới những mỏm đá chìa ra, để tránh gió mưa và sống bằng nghề đánh cá. Hàng năm, vụ cá bắt đầu khi những cơn gió ào ạt thổi về, báo hiệu mùa hè đã đến. Những người đàn ông Ducơmi hối hả lướt sóng chèo đi trên những con thuyền độc mộc, chỉ để lại những ông bà già cùng đám đàn bà với bầy trẻ nhỏ. Họ rong ruổi theo gió mùa, đuổi theo đàn cá xuống mãi tận miền Nam và chỉ trở về Tùng Quảng khi mùa xuân tới, khi nắng ấm trở về tràn trên trên những đảo đá trần trụi màu xanh thẫm khiến đàn cá vui vẻ quẫy mình trên sóng bạc và con người rạng rỡ niềm vui đoàn tụ.

Năm ấy Các mới 19 tuổi nhưng đã là một tài công lão luyện. Gã thanh niên cao lớn khác người, bơi lặn như rái cá, dám một mình đánh nhau với cả bầy cá mập ấy vừa cưới vợ. Gã như điên như cuồng vì tình yêu của cô vợ xinh tươi và suốt mùa xuân vùi đầu trong hoan lạc.

Vụ cá năm ấy dường như đến sớm hơn thường lệ. Một buổi sáng tỉnh dậy, đầu vẫn gối trên đùi bông cúc biển của mình, Các bàng hoàng nhìn xuống nước: những đám mây trắng xốp tinh khôi đang nối nhau vùn vụt về nam. Các bạn chài hối hả sửa soạn đồ nghề nhưng gã vẫn chùng chình không dứt nổi. Mãi đến khi những trận mưa rào sầm sập đổ xuống, Các mới vội vã đuổi theo các thuyền bạn đã từ lâu khuất bóng phía chân trời.

Vụ cá tồi tệ với những mẻ chài đen đủi. Các trở nên cáu kỉnh. Một hôm, chợt nghe lòng buồn rớm máu, gã một mình vượt sông trở về. Đêm biển động. Gió gào rú thê lương. Các buộc thuyền dưới chân đảo, trong ánh chớp nhìn lên và phút chốc rụng rời: nhà gã cháy tự bao giờ, trên vách đá chỉ còn lại đoạn xích rủ xuống lòng thòng như sợi dây treo cổ. Hỏi ra mới biết chuyện do tay Chánh Mỹ, kẻ vốn có thâm thù với cha Các và từ lâu thèm khát vẻ đẹp hoang sơ của Vi - "Bông cúc biển". Chánh Mỹ vu cho nhà Các làm hội kín, đang đêm sai lính đến đốt nhà, bắt cả đi. Cha Các bị đập vỡ trán bằng mái chèo, rồi quăng thây xuống biển. Đầu Các giờ cũng được treo giải một món tiền to. Vợ Các không chịu nhục, lừa cơ bỏ trốn vào rừng. Đêm đó trong núi chó sói tru nhộn nhịp khác thường. Sáng ra, người ta bổ đi tìm nhưng không thấy xác.

Các nghe xong lặng lẽ biến đi. Ít lâu sau Chánh Mỹ bị giết ngay trong nhà riêng được canh phòng cẩn mật. Cũng từ đó trên biển xuất hiện chiếc tàu "Hoa cúc biển" chạy nhanh

như gió. Nó cùng với cái tên Các gây nên nỗi kinh hoàng cho đám chủ thuyền giàu có và những con tàu đầy ắp hàng hóa vẫn thường xuyên qua lại trong vùng.

*
* *

Ông già ngừng kể và tôi cũng phải lên đài chỉ huy kiểm tra công việc trước khi tàu chuyển hướng. Sắp đến Tùng Quảng. Đã thấy đảo đá lô nhô giăng kín chân trời. Gió thổi lồng lộng, thanh bình. Lũ hải âu chao mình trên sóng, cất tiếng kêu lanh lảnh tạm biệt những chiếc thuyền độc mộc đang nối đuôi nhau hối hả ra đi.

Khi tôi trở lại ông giả vẫn ngồi im như cũ. Hai bàn tay to lớn, sần sùi như phủ một lớp vảy sừng đặt chồng lên nhau trên bàn. Tôi rót rượu cho ông, và sau đó còn rót thêm hai ba lần nữa trước khi ông kể tiếp.

*
* *

Lão theo thuyền trưởng Các luồn ra sau chợ cảng. Một chú bé trắng trẻo, có khuôn mặt thanh tú, dễ thương (mà sau này lão biết bị câm) đã chờ sẵn trên một chiếc thuyền câu. Lão khi ấy chưa thạo nhưng cũng vớ mái chèo, hăm hở chèo đi.

Cuộc đời thủy thủ nhọc nhằn đầy nguy hiểm nhưng phóng khoáng hợp với bản tính của lão. Lão quen dần với sóng gió, với những đêm thức trắng và cả vị tanh lợm của máu cá tươi uống thay nước ngọt. Chẳng bao lâu lão đã trở thành một con sói biển, biết nhìn màu nước đoán thời tiết, bấm tay tính thủy triều, trông sao trời đi trong đêm tối. Sự

nhanh nhẹn và liều lĩnh giúp lão qua mặt hết thảy bọn mạch lô[1] trên tàu, được thuyền trưởng Các coi như cánh tay phải, thỉnh thoảng đứng ra điều hành "công việc" thay ông.

Lúc ấy lão đã thầm mơ tưởng đến một con tàu khác, con tàu của chính mình.

Đám mạch lô chấp nhận địa vị của lão một cách tự nguyện luật giang hồ tuy tàn nhẫn nhưng cũng hết sức công bằng. Bọn người ô hợp sống với nhau lạnh lùng, không một lời thổ lộ, tất cả giống nhau ở sự tàn bạo thú vật. Chỉ có hai thứ được họ tuân theo, đó là luật giang hồ - một thứ tôn giáo đối với họ - và thuyền trưởng Các.

Thức ra, trái với những lời đồn đại, ông Các có khuôn mặt nhân hậu. Đôi khi lão bắt gặp trong mắt ông ta điều gì đó giống như sự dằn vặt - cái không hề có trong mắt đám mạch lô tàn bạo kia. Ông rất ít nói, dù những lời ông nói ra đều đúng lúc và đầy sức thuyết phục. Chẳng biết có phải nhằm tạo ra một khoảng cách cần thiết với bọn mạch lô hay không mà phòng ông - có hai lớp cửa - lúc nào cũng im ỉm đóng và ngoài ông với Han, chú bé câm, không ai được đặt chân vào.

Hai năm liền tụi lão gặp may, thắng liên tiếp, thu được vô số khối tiền bạc và hàng hóa. Nhưng rồi hết tai họa này đến tai họa khác ập đến, quả như người nói là "vô đơn chí". Một chiều u ám giáp Tết, "Hoa cúc biển" đang trên đường về Hòn Gạc thì vấp phải hai thằng phregat[2].

---

[1] Mạch lô: Thủy thủ (tiếng Pháp bồi).

[2] Phregat: một loại tàu biển (Tiếng Pháp: frégate).

Loạt đại bác đầu tiên trúng ngay boong thượng, nơi thuyền trưởng Các đang đứng, hất ông cùng cả dãy lan can xuống biển. "Hoa cúc biển" chống trả trong cơn tuyệt vọng. Mãi gần sáng, lợi dụng đêm tối, sau khi bảy thằng mạch lô bỏ mạng, tụi lão mới cứu được ông Các và chạy thoát về Vụng Giải.

Tàu chưa kịp thả neo thì nghe tiếng ồn ào khác lạ. Có ai đó rú lên thảm thiết. Lão chạy lên mũi, thấy thằng Ban chột cởi trần trùng trục, ngực phơi ra vạm vỡ như ức bò đực, một tay cầm dao, tay kia cầm một cái xác đàn bà ném vù qua mạn. Thì ra đó là một con mụ đào ngán bị đắm thuyền dạt vào từ khi nào chẳng rõ. Khi biết gặp phải tàu cướp biển mụ ta sợ quá, nằm co quắp trốn sau ụ tời neo. Thằng Ban chột ném con dao đẫm máu xuống sàn. Đám mạch lô trở lên hoảng loạn. (Bạn đọc dù không am hiểu chắc cũng biết rằng dân biển có rất nhiều điều kiêng kị. Biển cả với những tai họa khủng khiếp luôn luôn rình rập đã biến họ thành những người mê tín đến độ mù quáng. Người dân biển nào cũng có thể kể cho bạn nghe vô khối tai nạn khủng khiếp chỉ vì tàu ra đi vào ngày lẻ hoặc vì ai đó trên tàu đã liều mạng ăn thịt chó, vịt, mực hay sò. Tuy nhiên khủng khiếp nhất là sự xuất hiện của đàn bà, con gái trên tàu.

Lão đã nghiệm, quả không sai - những người đi biển lão luyện khẳng định sau khi kể những tai nạn mà chính mình được chứng kiến - không phải vô cớ mà khi đặt tên cho mười hai chòm sao trên Hoàng Đạo các cụ xưa đã chọn tên Trinh nữ cùng với tên những con dã thú).

Lúc bấy giờ đi là tự sát. Nhưng vết thương của ông Các bị sưng tấy vì ngâm nước quá lâu, không cho phép nán lại. Ở đây luật giang hồ khắc nghiệt - hay cao thượng? - đã đưa ra lời phán quyết: hãy mang thây mày làm mồi cho cá mập

nhưng không được bỏ bạn bè trong cơn hoạn nạn. "Bông cúc biển" nhổ neo lặng lẽ. Ai nấy u sầu, canh cánh lĩnh cảm đến những việc chẳng lành.

Quả nhiên, gần trưa phía chân trời xuất hiện một đám mây lạ đang lớn lên nhanh chóng. Phút chốc trời tối sầm lại. Gió đổi hướng và giật liên hồi, cuốn lên không trung những cột nước trắng xóa khổng lồ hình nón. Biển quằn quại như một con quái vật. Con tầu nghiêng ngả trong những đợt sóng hung hãn ầm ầm xô tới.

Chú bé Han liêu xiêu bám vào lan can, lần nên mũi tàu thu những tấm vải dùng băng bó cho thuyền trưởng Các thay gạc. Đúng lúc đó, một con sóng cao như trái núi dềnh lên và chồm về phía mũi tầu. Một tiếng "rắc" khủng khiếp, tưởng như con tầu nát vụn ra từng mảnh. Đồ đạc đổ vỡ loảng xoảng. Những thùng gỗ giằng đứt dây buộc, nước tràn vào lênh láng.

- Han! - Đám mạch lô cùng kêu lên thất thanh khi ngọn sóng tràn qua. Lần đầu tiên lão nghe họ kêu lên như thế - Những tiếng kêu thương cảm của con người.

Qua đám bụi nước còn trắng xóa, boong tầu hiện ra thật ghê rợn: sàn gỗ nứt toác, cột buồm bị bẻ gãy đôi. Han bị cuốn phăng xuống biển cùng cả dãy lan can. Dòng nước ngầu bọt chảy xiết giữa hai vách đảo, cuồn cuộn xô vào bãi đá nhô lên lởm chởm như răng cá mập phía trái tầu. Thật may mắn, Han bám được vào một mỏm đá. Lúc đó lão đang trên đài chỉ huy. Một tia chớp lóe lên, soi rõ khuôn mặt chú bé câm trắng bệch đi vì khiếp sợ. Hình như Han kêu lên những tiếng gì đó. Nhưng tiếng kêu bị chìm đi trong giông tố.

Dừng máy! Hết lái trái! Chuẩn bị dụng cụ cứu sinh! Lão gào lên dù biết rằng làm như vậy là vô cùng nguy hiểm: vòng sang trái con tầu sẽ bị ném vào bãi đá khủng khiếp kia.

Nhưng một cánh tay lạnh ngắt bỗng gạt phăng lão sang bên cạnh. Đó là thuyền trưởng Các. Lão ngước nhìn và bỗng sởn gai ốc: mặt ông đen thẫm như xác chết, mắt trong veo, long lanh tia sáng của tử thần.

- Hết lái phải! Hai máy tiến! - Ông Các ra lệnh.

Lão sửng sốt, không tin ở tai mình nữa. Thì ra trước cái chết con người ta mới bộc lộ hết chân tướng. Đám mạch lô làm như điếc. Con tầu khựng lại, bắt đầu vòng sang trái - lần đầu tiên mệnh lệnh của thuyền trưởng tỏ ra kém hiệu lực.

Đôi mắt ông Các như hai hòn than cháy đỏ.

Hết lái phải! Hai máy tiến! Không phải ông Các ra lệnh nữa, lần này là tiếng gầm của quỷ sứ, dường như vọng lên từ âm cung, nghe ghê rợn đến nỗi con tầu bất thần chồm lên phía trước và ngoặt gấp sang phải. Lão ngoái lại nhìn và thấy tim mình thắt lại. Han vẫn bám trên mỏm đá, cái sinh linh nhỏ nhoi ấy đang vật lộn trong cơn tuyệt vọng với bàn tay gớm ghiếc của thủy thần. Mãi về sau này hình ảnh ấy còn ám ảnh lão không nguôi.

Con tầu vừa lách vào khe núi thì phía sau, nơi nó vừa đi khỏi, một trái núi nữa lại mọc lên, lần này cao gấp bội, rồi đột ngột đổ xuống như dòng thác. Thật khủng khiếp, so với nó con tàu chỉ là hạt cát mà thôi.

Han biến mất trong dòng nước hung hãn ấy. Loại sóng này về sau lão còn phải chạm trán nhiều lần. Dân Tùng Quảng gọi chung là "Rồng biển". "Rồng biển" xuất hiện đột

ngột ở những nơi đảo ken sát nhau thành luồng hẹp, với sức công phá ghê gớm và tan đi cũng chỉ trong chốc lát.

Hôm ấy thoát nạn nhưng bọn lão không ai tỏ ra vui mừng. Đám mạch lô xô cả đến cửa phòng thuyền trưởng trong sự im lặng nặng nề, đe dọa. Sự đổ vỡ lớn lao đã gây ra sau những vầng trán thấp bướng bỉnh kia một cơn giông tố còn dữ dội gấp vạn lần cơn giông tố của tự nhiên. Không, không phải do cái chết của Han.

Đám mạch lô đã quá chai sạn rồi nên cái chết - dù là của chú bé đáng thương như Han đi nữa - cũng chẳng làm họ bận tâm nhiều. Cái chính là họ đã phạm vào một điều ghê tởm nhất: Đã bỏ mặc anh em trong cơn hoạn nạn, đã lẩn tránh nghĩa vụ thiêng liêng và cao cả mà mỗi mạch lô chân chính đều khắc sâu vào tim óc từ lúc run run nâng bát rượu máu trên tay. Và chính thuyền trưởng Các, chính thần tượng lâu nay của họ đã đưa họ đến chỗ nhục nhã ấy. Chẳng còn gì hết. Khi cả hai điều ràng buộc đã đứt tung, họ chỉ còn là những con thú không hơn không kém.

Tiếng gót sắt đạp vào cánh cửa.

Ông Các đột ngột bước ra. Đám mạch lô rùng mình lùi lại khi trông thấy khuôn mặt xác chết và cặp mắt trong veo. Cái xác chậm chạp cử động, tỏa ra một luồng tử khí lạnh lẽo và cất tiếng, giọng ngân nga như tiếng chuông vọng về từ đâu đó xa xăm:

- Các anh em, ta có lỗi với anh em... Hãy tha thứ cho ta... Còn hôm nay ta đã hành động chỉ vì anh em... ta không muốn anh em phải chết...

Cái xác đột ngột dừng lại như tắc nghẹn. Đám mạch lô nhổ nước bọt van xin là điều hoàn toàn xa lạ đối với họ. Những bàn tay bất giác nắm chặt chuôi dao.

- Anh em, hãy buông dao ra, điều đó không cần thiết nữa đâu! - Cái xác tiếp tục nói: - Đằng nào ta cũng đã chết rồi. Ta không còn tồn tại nữa từ khi Han rơi xuống nước. Ôi, sự sống của ta. Nó đã tắt trong dòng nước xoáy. Vi ơi! "Bông cúc biển" của anh...

Ông Các nói rồi gieo mình xuống nước.

Mãi đến lúc đó lão mới biết rằng Han chính là người vợ của ông.

*

* *

Lão đã từ bỏ nghề đi biển chính từ lúc đó, khi ước mơ trở thành thuyền trưởng đã thành hiện thực, khi lão đã có một con tàu của riêng mình! - Ông lão nói với tôi khi trở xuống thuyền.

Đã đến Tùng Quảng. Tôi chào ông già và tháo dây. Chiếc thuyền tụt lại, nhỏ dần rồi lẫn vào màu xanh của núi.

2-1989

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

MÃ A LỀNH

Mã A Lềnh, dân tộc H'mông. Sinh quán tại huyện Sa Pa(1943), tỉnh Lào Cai. Nay trú quán tại phường Cốc Lếu, thị xã Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1982), Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Văn nghệ dân tộc thiểu số Việt Nam và Hiệp Hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam.

Mã A Lềnh tốt nghiệp Trường viết văn Nguyễn Du khóa I, và đã tu nghiệp tại Học viện Văn học mang tên Goócky (Liên Xô cũ). Đã làm các công việc: Dạy học, cán bộ tuyên giáo tỉnh ủy, phóng viên, biên tập viên đài phát thanh truyền hình và phóng viên, biên tập viên tạp chí Văn nghệ. Hiện là phóng viên - biên tập viên tạp chí Văn nghệ Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản:

Đã in 14 đầu sách tác giả. Trong đó: 06 đầu sách truyện ngắn, ký; 01 đầu sách thơ; 02 đầu sách truyện Thiếu nhi: 01 đầu sách tiểu luận văn học; 04 đầu sách sưu tầm, dịch thuật ra H'mông ngữ.

Giải thưởng:

Giải thưởng của UBLH VHNT VN 1993 cho tập bút ký "*Cao nguyên trắng*" cho tác giả người dân tộc ít người.

Bằng khen Liên hoan phát thanh toàn quốc, cho tác phẩm kịch truyền thanh "Cái bướu cuộc đời".

Bằng khen Liên hoan truyền hình toàn quốc 1995, cho tác phẩm phim phóng sự "*Lãng đãng Sa Pa*" (Viết lời bình và chỉ đạo quay phim); Bằng chứng nhận Giải A Truyện ngắn cuộc thi viết về Thiếu nhi dân tộc miền núi do Báo Thiếu niên tiền phong và NXB Kim Đồng tổ chức 1994 - 1995; Giấy chứng nhận Giải chính thức của UBND tỉnh Lào Cai cho tập thơ "*Bên suối Nậm Mơ* (1995).

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT VN tặng thưởng hàng năm cho tác phẩm của các tác giả là người dân tộc thiểu số về tập truyện ngắn "*Chuyện bây giờ mới kể*" 1996.

Giải A của UBND tỉnh Lào Cai cho tập truyện ngắn "*Rừng xanh*" 1997; Bằng chứng nhận Giải Ba của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam cho công trình "*Lễ hội cổ truyền ở Lào Cai*" (1997); Giải ba cho tác phẩm "Sự tích đỉnh núi hòa Sì Pạn" cuộc vận động sáng tác về đề tài Thiếu nhi do Hội VHNT tỉnh Lào Cai tổ chức 1998; Giải ba cho tác phẩm *"Sự tích đỉnh núi Hòa Sì Pan"* cuộc vận động sáng tác về đề tài

Thiếu nhi do Hội VHNT tỉnh Lào Cai tổ chức (1998); Giải ba cho tác phẩm *"Người từ trên trời xuống"* cuộc vận động sáng tác về đề tài Thiếu nhi do Hội VHNT tỉnh Lào Cai tổ chức 1998; Giải C của UBND tỉnh Lào Cai cho tác phẩm (1998); "*Một vùng quặng nông nghiệp*" (1998); Giải C của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tác phẩm "*Cây khèn ngựa trắng*" (1998); Giải A của UBND tỉnh Lào Cai cho tác phẩm "*Tần ngần trước văn chương*" (1999); Tặng thưởng Giải khuyến khích của Hội Văn nghệ dân gian cho tác phẩm "*Trò chơi dân gian H'mông*" (1999). Chứng nhận Giải C của Ban tổ chức cuộc thi sáng tác về Lào Cai cho tác phẩm "*Nông dân phải ở ruộng nương*" (2000); Chứng nhận Giải khuyến khích của Ban tổ chức cuộc thi sáng tác về Lào Cai cho tác phẩm "*Truyện bí ẩn của đá*" (2000); Giải khuyến khích của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam cho tập ký "*Nhọc nhoài với ký*" (2000).

Lời tựa cho truyện ngắn "Dòng suối dân ca"

Trước khi tới Trường viết văn Nguyễn Du khóa I (1979 - 1982), tôi mới có một số bài ký, và thơ in rải rác trên các tạp chí và báo Văn nghệ Hoàng Liên Sơn của Hội Văn nghệ tỉnh Lào Cai (từ năm 1976 đến 1991 là tỉnh Hoàng Liên Sơn). Qua ba năm tu nghiệp tại trường, về cơ quan, liền được phân công đi xây dựng vùng biên giới Mường Khương, gọi là đi tăng cường. Trong ba lô có thủ sẵn một số bản thảo mang theo để sửa chữa, viết lại, trong đó có "Dòng suối dân ca". Nhưng việc của cơ sở bận rộn suốt ngày đêm. Sau gần một

tháng, tôi được điều về huyện ủy. Anh bí thư huyện ủy là người thân, tâm sự: "Cắm chú ở cơ sở một thời gian, chắc đã tích được nhiều tư liệu. Nay về huyện, để chú có địa bàn hoạt động rộng hơn, thời gian thoải mái hơn. Chú thích đi thực tế xã, bản nào thì tùy, muốn ăn ở với bà con mình bao lâu cũng được! Ưng chưa!" Tôi mượn luôn cái đài bán dẫn của anh sang phòng Văn hóa nằm, rồi thức liền hai đêm trong cõi tĩnh mịch, chỉ có tiếng suối, tiếng gió reo, tiếng côn trùng rỉ rả với một ngọn đèn dầu, thế là "Dòng suối dân ca" được viết lại hoàn chỉnh. Có người nhắn tin Trường Viết văn Nguyễn Du đòi bản thảo. Tôi gửi liền. May mắn sao "Dòng suối dân ca" được đặt thành tên cho tập sách sáng tác của khóa I, và tôi coi chuyện ngắn này là một trong những tác phẩm đầu tay ít nhiều được bạn đọc nhớ cái tên, vì có thể một số bạn văn chương cũng thích cái tên đề đó.

Dòng suối dân ca

Trong tay là một chiếc nỏ cánh gỗ đen bóng, với một con dao bên hông, tôi luồn rừng, mải mê đi mãi.

Thỉnh thoảng, thấy bóng một con sóc, con chim giấu mình trên cành lá sum suê, tôi vội lên nỏ. Pậc! Con vật rơi xuống. Tôi nhảy ngay tới, nhặt lấy con vật nóng hổi, nhét vào túi. Tôi không cần biết trời trưa, trời chiều, không cần biết nắng, mưa bất chợt, cứ say sưa đi, say sưa săn bắn.

Pậc! Trượt rồi! Một con chim rừng to bằng con diều hâu vù bay trước mũi nỏ của tôi.

Tôi ngồi phịch xuống. Hai tay buông thõng. Chiếc nỏ rơi ra một bên. Sự chán ngán trỗi lên trong lòng tôi. Đến lúc này, tôi mới cảm thấy mệt. Biết mệt rồi, người tôi bã ra, chân tay bải hoải, mi mắt trĩu nặng. Tôi không biết mình ngồi vào đâu nữa. Thôi thì cứ gieo cái thân xác xuống...

Trong giấc ngủ bơ phờ, tôi lơ mơ đâu đây có tiếng suối reo tận cõi tâm thức mình. Tiếng suối òa òa, âm âm từ xa xăm vọng tới. Tôi nghe như có tiếng hát hòa trong tiếng suối! Tiếng hát êm ái trong tiếng suối chảy. Tiếng hát bừng bừng lẫn trong tầng thác reo. Tiếng hát trào sôi như tiếng nước

suối va ghềnh đá. Tiếng hát vút lên như núi chọc trời... Tôi bỗng rời chỗ ngồi, mon men, lần ra bờ suối...

Dòng suối kia rồi! Tiếng hát ở đâu?

Đi nữa. Đi nữa...

- Ậc! - Suýt nữa thì tôi reo to. Tôi đứng trên một tảng đá rắc đầy lá rừng. Một cành cây um tùm tỏa bóng sát bên tôi. Dòng nước oái oăm đổ một con thác ngang mặt tôi. Chếch về phía trái, cách khoảng chục con sào, có một người đang vừa chải đầu bằng ngón tay, vừa ngắm nhìn mình trong bóng nước. Bộ tóc xổ ra, rẽ thành hai mảng trùm kín gáy, kín lưng, sóng dài xuống quá khuỷu.

Tiếng hát... hình như phát ra từ đấy! Nhưng mà... sao thế kia? Bộ quần áo rách tướp. Gấu áo, gấu quần xẻ tua lòng thòng.

Tiếng hát phát ra từ đấy!

Tôi chờ đợi. Nóng lòng chờ đợi để nhìn một chút khuôn mặt người ấy. Nhưng, người ấy không quay về phía tôi. Tiếng hát phát ra từ đấy!

Trước mắt tôi... Tôi ngẩn người nhìn: Một tòa thân thể lộ dần, lộ dần... Ánh bình minh trải hồng rực rỡ trên hùng vĩ núi non... Bộ đồ nhàu nát vô nghĩa rũa đống lại. Dòng suối xao động, gợn sóng tròn lan tỏa. Tòa thân thể ngập dần trong bóng nước. Tiếng hát vẫn phát ra từ đấy! Âm thanh, giọng điệu bay lên từ mặt nước vang xa hơn, rõ nét hơn. Một tòa thân thể trắng ngần, rừng rực sức sống đang làm xao động mặt nước. Hai bàn tay... nhẹ nhàng, nâng niu thoa lên bộ ngực tròn căng. Từ đấy, những giọt nước suối trong suốt tựa những viên ngọc nhỏ xuống. Núi vắng nghiêng mình lặng im.

Rừng già âm u ngả mình lặng im. Chỉ còn tiếng hát hòa cùng tiếng suối vang ngân, vang xa...

Tôi đã vượt qua mấy cái hẻm đá từ lúc nào không hay. Tôi tiếp tục nhảy bước đại vượt mấy cái hẻm đá sâu hoắm nữa. Bước nhảy... cuối cùng... Sức nhảy bình thường, không thể nhảy xa được như thế. Bàn chân tôi vừa dính nhậy lên mỏm đá sắc. Tiếng hát tắt lịm. Một tiếng thét toác ra. Tôi rơi tõm. Cái rốn nước nuốt chửng, vùi nhào tôi, ấn giúi tôi nhốt vào một cái hốc đá tối om. Nước ộc vào đầy miệng, đầy mũi...

Tôi tỉnh dậy.

Mặt trời đã khuất núi. Tắt nắng.

Nhức đầu, buốt óc. Thân thể rã rời. Người run lập cập. Tôi cố gượng ngồi dậy. Trí khôn trở lại dần. Nhìn quanh, thấy bộ quần áo tôi được phơi trải trện đá, đã khô.

Lấm lét nhìn quanh, tôi vơ vội quần áo mặc vào người. Chẳng có bóng dáng một người nào cả. Chỉ còn mỗi mình tôi với dòng suối xa lạ thật đáng ghét...

Mồng hai tết năm ấy, không nói với ai cả, tôi nhảy phốc lên con ngựa hồng cao lớn của mình. Bao ngày vỗ về, chăm chút cho nó, nó biết sẽ có chuyến đi xa. Giờ, tôi khẽ giật dây cương, nó vươn mình về phía trước, tung vó lao đi...

Lang thang hết làng này đến làng khác. Ngày Tết, đâu đâu cũng vui. Tôi thì giữ kín một nỗi buồn. Một nỗi buồn thoang thoáng. Một nỗi buồn xa xăm. Nỗi buồn khiến tôi phải lang thang.

Chiếc mũ nồi của tôi đã ám mùi chua. Đôi giày da cao cổ hiện đầy nếp nhăn và lấm đầy bùn đất. Chiếc áo khoác của

tội màu ánh nước đã nhạt bóng. Tôi trở về làng, lòng nặng trĩu, nặng trĩu một nỗi buồn lang thang...

Trở về làng.

Tôi lại nguyên vẹn là một đứa trẻ chăn trâu. Vẫn một tay nơ, một nắm mũi tên và con dao bên hông. Ngày ngày, tôi lùa đàn trâu ra bãi.

Đến bãi quen là chúng ngoan ngoãn gặm cỏ. Tôi lại đuổi hết con chim này đến con chim khác. Thỉnh thoảng, có đứa bạn cũng lùa trâu đến hợp bãi với tôi. Có người chăn trâu cùng, tôi hay dỗ dành các cậu nom hộ, để tôi đi bắn xa hơn. Chúng nó sẵn lòng vâng lời tôi, vì tôi lớn tuổi hơn, và biết chiều chuộng chúng nó đúng lúc, ví như, tôi chỉ cần thưởng cho một con chim còn sống chẳng hạn.

Mùa cấy đã xong. Việc trông trâu phải nghiêm ngặt hơn, mà tính tôi thì mải chơi. Tôi phải chuyển bãi khá xa nhà. Cho dù hai, ba ngày, tôi mới về một lần, ở nhà vẫn yên tâm, vì trách nhiệm với gia đình là điều tự nhiên của từng người. Cả nhà, ai cũng biết chiều tính tự do, thoải mái của tôi. Việc ăn uống ở bãi chăn trâu của tôi thật dễ dàng. Tôi chỉ cần mang theo gạo. Mỗi bữa, đun lên một ống mai, nướng kèm vài con chim, vài con cá. Tôi mang theo một cần câu con, và cả một cái chài. Thảng hoặc, tôi lại ra quãng suối vắng kia, những tưởng tìm lại được người con gái rách rưới bỗng hiện bỗng biến giữa rừng hoang suối vắng. Tôi từng được nghe nhiều chuyện về ma quái, thần tiên. Nhưng theo cách đoán định của tôi, trường hợp này, không thể là ma mãnh, tiên thần. Dư âm giọng hát vẫn còn vang vọng bên tôi. Bóng dáng hình thể vẫn còn in nguyên dấu ấn trong tôi: Bộ quần áo

rách tướp, chiếc khăn ố vàng, một thân thể mịn màng, chắc lẳn, một giọng hát trong veo, một sự hiện thân giữa chốn hoang vu, tịch mịch. Cái lại là như thế! Cái lạ ấy cứ cuốn hút lấy tôi, lởn vởn trong tâm trí tôi. Liệu rồi tôi có còn trông thấy người con gái ấy một lần nữa không? Sự việc có thể trùng hợp, nhưng bản thân nó không bao giờ lặp lại cả. Tôi có ra nhòm hòn đá kia trên quãng suối nọ, thì cũng chẳng thấy gì nữa đâu.

Thế là, nỗi ám ảnh ấy cứ trôi nổi theo thời gian.

Đã vào mùa tước lanh.

Bố con tôi đang lau lại khẩu súng kíp cải tiến, chuẩn bị cho một cuộc đi nằm rừng, thì có khách đến.

Nhìn khách, tôi biết ngay là sẽ có đám cưới. Khách mặc bộ đồ mới tinh, thơm phức mùi chàm. Bên hông, lủng lẳng một cây khèn, và một chiếc sừng trâu nghênh ngang, bóng loáng. Khách đứng ngoài sân, thổi bài khèn xin phép. Tôi lấy khèn ra, thổi bài mời mọc. Vào nhà, khách hỏi mượn chén rồi rót rượu từ sừng trâu ra, chìa cho bố tôi. Bố tôi chỉ sang tôi. Tôi bỗng nhận thấy rằng tôi đã trở thành một thanh niên, một người xứng vai với mọi người, từ giờ phút này, tôi có thể được cùng người lớn bàn những công việc đại sự, tham gia những ý kiến to tát cho vận mệnh của con người, làng xóm. Rõ ràng, tôi thấy mình lớn vổng lên, và cảm giác như râu ria của mình bắt đầu đâm ra tua tủa. Tôi đón đôi chén rượu, đứng chờ khách kể lể sự tình qua tiếng khèn. Đúng là khách đường xa tới nhờ bố tôi đến làm thư ký cho một đám cưới. Bố tôi nhường cho tôi, vì tôi có học được đôi ba chữ do bố tôi dạy. Bình thường, tôi đón và uống cả đôi chén. Nhưng, tôi đã nâng một chén cho khách.

Qua bài khèn của khách, tôi đoán định thêm rằng, đây là đám cưới "tàu lá đã xau xau"[1].

Bố tôi cùng đi với tôi. Ông đi dự đám, đồng thời, để trông nom, hướng dẫn thêm cho tôi trong lễ tiết.

Có được vài chữ Quốc ngữ lúc này thật ý nghĩa. Trước đây, các buổi đám lễ, hoàn toàn dùng chữ nho. có thể vùng này, tôi là người đầu tiên dùng chữ Quốc ngữ trong đám cưới.

Sau khi thổi bài khèn chúc mừng và xin phép, tôi vào chỗ quy định của mình. Tuy còn ít tuổi, nhưng qua thái độ của mọi người, không ai coi tôi là trẻ con. Không có xua tôi "đi chơi chỗ khác" như ở vùng khác. Duy nhất, tôi được ngồi quay hướng ra cửa. Xung quanh tôi, là các cụ già hai họ và hàng xóm. Phía trước mặt, ngay cửa lớn, trải rộng một tấm rơm bện để cho dâu, rể vào làm lễ. Trước đây, người thư ký viết chữ nho chỉ là vai trò thứ ba, ngồi ở góc bàn. Đôi bên dâu, rể vào lễ, phải quỳ xuống đất, và không được đi giày, dép. Như vậy, đám cưới đã tôn tôi lên thành ông chủ, mặc dù, tuổi tôi mới có vậy. Với sự trọng vọng ấy, tôi phải ra một bài khèn chúc tụng và quy phép nữa. Lẽ ra, tôi chỉ đứng ở vị trí của mình mà thôi. Nhưng hăng hái quá đà, tôi đã bước ra tận đệm rơm, vẫn nguyên đôi giày da. Chống mũi giày xuống, tôi bắt đầu xoay mình từ từ, rồi tăng dần vòng quay. Tà áo khoác bóng loáng của tôi xòa rộng cánh, lướt bay trong gió.

Dứt bài khèn.

Những đôi chén rượu tới tấp chìa về phía tôi.

---

[1] Dịch từ thành ngữ H'mông.

Có những chén rượu cảm tạ, có những chén rượu khâm phục, và cũng có những chén rượu gồng gánh, rồi cả những chén rượu cổ vũ a dua.

Đáng lẽ, tôi nhận rượu, uống trước, rồi lần lượt mời mọi người theo cấp bậc của đám. Nhưng đằng này, tôi mời ông chủ hôn xong, liền nâng đôi chén, tiến đến trước mặt cô dâu, chú rể.

Chú rể là một tráng niên, có lẽ hơn tôi đến gần chục tuổi. Dù có nâng mời đôi chén, tôi vẫn cố ý chia cho mỗi người một chén, nghĩa là hai người phải uống chung, nghĩa là tôi chúc cho mối tình của họ bền vững. Rót lượt thứ hai, lượt này tôi chìa cho cô dâu. Bỗng, những ngón tay của cô, nóng rực chạm vào tay tôi. Linh tính tôi choàng tỉnh. Tôi thoáng nhìn mặt cô dâu. Một luồng điện xói vào tâm thức tôi. Đôi mắt cô rọi thẳng vào đôi mắt tôi. Tôi nhón chân, lùi một bước, rồi lặng lẽ trở về chỗ ngồi.

Không! Tôi không hề vụng về chút nào, vì tôi phải làm hai chức phận trong đám. Tôi mở nắp bút, ngước mắt lên nhìn. Đôi môi hồng của cô dâu e ấp, giữ kín một nụ cười. Sống mũi tròn, hơi cao một chút. Đôi mắt kín mí, màu sắc sáng hơn, xanh hơn những người khác quanh đó. Cái trán hơi gồ một vẻ đòi chiều. Làn tóc trước trán loăn xoăn thành từng nếp tự nhiên. Chiếc cằm thon nhọn thâu nhận mọi tai ương. Bộ đồ mới bó gọn vào thân thể cô, tạo nên một sức sống mãnh liệt, tràn trề, dường như sẵn sàng chịu đựng và thách thức với mọi chướng ngại cuộc đời. Tôi biết dành cho cô một nụ cười pha chút cao thượng. Cô cũng liền đưa gửi tôi một ánh mắt mĩ mãn của sự hạnh phúc, lại thêm chút khiêu khích, giễu cợt. Một ý nghĩ từ đâu, vụt hiện trong đầu tôi: Bây giờ,

cô là một cô dâu, nhưng, hình như đường đời của cô không trôi chảy lắm đâu!

Xoay lệch chiếc mũ nồi, trán tôi lấm tấm mồ hôi. Không hiểu sao, tôi bỗng phát sợ với ý nghĩ chợt đến ấy...

Và bây giờ, tôi trịnh trọng ngồi ghi:

Anh Châu A Páo, 28 tuổi, con ông... và bà... Cả hai ông bà đều ốm chết. Anh Páo ở với anh trai..."

"... Chị Đào Thị Chao, 21 tuổi, con ông... và bà... ở làng Hâu Jống. Chị Chao đi lấy chồng tảo hôn năm 13 tuổi, ở làng... Chồng còn nhỏ tuổi. Gia đình nhà chồng đối xử bạc đãi, chị đã trốn nhà... Tuy không có giấy tờ chứng chỉ, nhưng anh... là chồng cũ, đã cưới vợ khác. Gia đình chồng cũ không còn lý do gì ràng buộc chị Chao nữa. Theo đường lối mới, tất cả những người có mặt trong đám cưới hôm nay đảm bảo rằng: Chị Chao có quyền tìm chọn và xây dựng một cuộc sống gia đình hạnh phúc trăm năm...".

Tôi biết rõ ý nghĩa trọng đại của văn bản này. Viết xong, tôi vừa đọc lại, vừa dịch tiếng H'mông cho mọi người nghe. Sau cùng, tất cả những người có chức phận trong đám đều ký tên, hoặc điểm chỉ.

Chàng rể nhanh nhẹn điểm chỉ, rồi quay về chỗ cũ, mặt mày hớn hở, thỏa chí. Cô dâu đến trước mặt tôi. Giữ phép lịch sự, tôi không cầm tay cô dâu. Tôi chìa bút ra, toan bôi mực vào ngón tay cô. Bất ngờ, cô giằng lấy bút. Cô đặt bút đúng tư thế như tôi vẫn cầm, ký ngoằng một nét mực gập nhiều khúc, chỉ là một nét mực, chứ không thành chữ.

Chắc mọi người đứng quanh đều nghĩ rằng cô dâu biết chữ thật cơ đấy. Họ điềm nhiên công nhận điều đó. Nếu tôi là

người chậm hiểu, tôi sẽ chẳng nghĩ ngợi gì về chữ ký ấy. Theo chiều suy nghĩ, tôi phải đặt điều rằng, vậy, nhà kia ngược đãi, đánh chửi, hay cô tự bỏ trốn đi? Và như thế, sống trong một gia đình vừa đôi xứng lứa này, cô có lấy làm vừa lòng không?

Tôi buột miệng, ngớ ngẩn nói:

Chúc anh chị sống hạnh phúc trăm năm bên nhau, nóng rét lửa vẫn cháy, nắng mưa nhà không dột, hoa nở năm tiếp năm!

Cô dâu chiếu một cái nhìn vào tôi, một ánh mắt không thỏa mãn. Cô hơi nhếch môi, một vẻ giễu cợt kín đáo, lại rất tình tứ:

- À, vâng! Trân trọng cảm ơn anh! Rất hân hạnh!...

Xong việc, tôi ra bài khèn cảm tạ bằng tất cả nhiệt tình của mình. Múa xong bài khèn, người tôi nhẹ lâng lâng. Tôi lại lần lượt nâng đôi chén rượu mời tất cả mọi người trong đám, cả già, cả trẻ. Tôi dành chúc cô dâu, chú rể cuối cùng.

Những lần trước, cô dâu bao giờ cũng chỉ nhấp một chút dính môi, rồi đưa cho phù dâu uống, hoặc chuyển về phía sau. Lần này, cô dâu uống một ngụm cạn chén. Cô uống tiếp chén thứ hai, không chia cho người chồng, cũng không chuyển cho ai, trong lúc khuôn mặt đang tưng bừng, ngây ngất. Thật bất ngờ, cô giằng lấy khèn của tôi, nhả luôn ngụm rượu vào đấy! Mặc sự kinh ngạc của tôi, cô vẫn điềm nhiên cười nói.

Tôi biết nói thế nào cho phải. Xưa nay, khèn của ai, chỉ người ấy tự súc rửa bằng nước lã hoặc rượu mà thôi!

Không chùng chình thêm nữa, tôi vội chào mọi người ra về.

Trời gần tối, có một người khách đến thổi bài khèn xin phép. Chủ nhân đám cưới không làm sao giữ tôi ở lại được, nên đã cho người theo sau tôi. Tôi không đáp bằng khèn nữa, mà ra tận cửa đón khách vào nhà. Sau những lời lẽ ân huệ ríu ran, khách cảm tạ và trả ơn tôi đã phục dịch đám cưới bằng hai đồng bạc trắng. Hai đồng bạc trắng mà khách bỏ xuống bàn, nằm cách xa nhau, không nhúc nhích. Lòng dạ đa mang của tôi bỗng dưng chuốc nhận một nỗi niềm cay đắng không đâu vào đâu...

Năm tháng dần trôi...

Những công việc bề bộn...

Tôi xin đi học ngành Y ở một trường xa, tận mãi Thái Nguyên.

Trước hôm lên đường, tôi ở nhà sửa soạn.

Tình cờ, Chao đến. Chao mang cả một cuộn vải đến nhờ chị tôi nhuộm hộ. Tôi không để ý đến câu chuyện của hai người. Chỉ biết rằng, Chao bây giờ đã ra dáng bà mẹ lắm rồi. Ấy là chuyện tất nhiên thôi.

Tôi ra sân phơi lại quần áo.

Chao chào chị tôi để ra về. Đến ngang sân, Chao nói:

- Anh sắp đi xa à?

Vâng! Ngày mai tôi đi rồi! Chào chị! Chị cho tôi gửi lời chào anh Páo nhé!

Chao đứng nhìn tôi một lát, rồi bỗng ném một cái lườm nặng nề, ngoa ngoắt vào mặt tôi.

Không hiểu lúc đó, mặt tôi đỏ lên, hay là tái đi. Tôi cảm thấy khó chịu với cái lườm ấy, cái lườm lẽ ra không thể có được ở một người như Chao.

Thời gian nghỉ hè, nghỉ tết đối với trường tập trung thật ngắn ngủi. Nhà tôi thì quá xa, có về, được ở nhà chẳng đáng là bao, thành ra, tôi cứ theo bạn rủ, tranh thủ đi chơi chỗ này, chỗ khác. Sau ba năm mãn khóa, tôi mới về.

Tôi có được tin nhà, là Páo, chồng Chao bị tai nạn bất ngờ, và đã chết. Hai người mới có được một đứa con nhỏ. Thấy cảnh lẻ loi, đơn chiếc, chị tôi đã rủ Chao đến ở cùng nhà. Cho nên về nhà, tôi không ngạc nhiên về sự có mặt của mẹ con Chao.

Giở đồ lề trong túi ra, tôi vội khoe luôn tập ảnh của mình. Trong số những bức chân dung bạn bè, có một bức được cả nhà ngắm nghía nhiều hơn. Đó là ảnh một cô gái khá xinh, đội vành khăn kẻ ka rô. Cô gái là người H'mông trắng Cao Bằng, có tên là Ly. Chuyện bình thường thôi. Thời son trẻ, ai mà chẳng có những bức ảnh như vậy.

Thế rồi, ba hôm sau, có việc xảy ra: Chao đi lấy chồng!

Tôi vẫn nhớ những hình ảnh Chao hát và tắm giữa dòng suối vắng, hình ảnh Chao giằng bút ký vào bản kết hôn, rồi nhả rượu vào ống khèn của tôi. Tôi vẫn nhớ cái nhìn đầy uất ức và ngoa nguýt của Chao hôm tôi sắp đi học... Nhưng, những hình ảnh ấy, bây giờ, không mảy may làm bứt rứt tôi chút nào, nó xa vời lắm rồi. Bây giờ, tôi đang sống với những kỷ niệm sôi nổi có phần dữ dội của tôi. Cho nên, mặc mọi người bận rộn cho đám cưới - dù sao, cũng là một đám cưới - tôi vẫn thờ ơ và nhởn nhơ.

Họ nhà trai kia đến.

Một đám cưới thầm lặng, thậm chí còn nhạt nhẽo nữa, theo quan niệm của tôi. Đôi ba lần rót rượu. Đôi ba câu phép tắc xã giao. Rồi, họ dắt Chao đứng dậy, để đi.

Chao mặc bộ đồ sờn nhàu, nhưng sạch sẽ, lưng địu con, nách cắp chiếc túi ruột ngựa.

Ra khỏi cửa.

Một thoáng ngập ngừng, Chao quay lại, nhìn tôi.

Trời ơi! Đôi mắt trũng sâu, đỏ ngầu, khô khốc. Đôi mắt như bị phủ một màng mây mỏng. Đôi mắt ấy xoáy vào tận đáy lòng tôi, xốc vào tận con tim của tôi.

Tôi nhào ra cửa và hét toáng lên:

- Chị Chao!... Không!...

Lau sạch nước mắt mình...

Tôi thấy Chao đã đi xa...

Mường Khương, mùa tuyết 1982

Nhà văn

VIẾT LINH

(Bút danh khác: Thanh Sơn, Tùng Sơn)

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn

Viết Linh sinh 10-7-1931 tại Hà Đông cũ, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1987). Viết Linh sống từ bé ở Hà Nội, tham gia kháng chiến từ 1948 rồi đi học, công tác. Năm 1957 tốt nghiệp Đại học Sư phạm và dạy cấp III ở thị xã Hà Đông, 1960 chuyển về làm biên tập viên Nhà xuất bản Kim Đồng cho tới khi nghỉ hưu.

Tác phẩm chính đã xuất bản:

Bí mật về Huyền Trân công chúa; Lọt qua biên giới; Món hàng sống; An-đéc-xen, Người kể truyện thiên tài.

Giải thưởng:

Giải B văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam (1992) với truyện "*Mái trường xưa*".

Đôi lời tâm sự

Công tác trong kháng chiến, hòa bình được cắp sách đến trường đại học, lòng tôi tràn đầy mơ ước, khát vọng.

- Giá mà mình được du học nhỉ?

- Giá mình có được một bạn gái lý tưởng?

Hai cái "giá mà" này đẩy tôi tới truyện ngắn "Một lá thư" đưa ra đất nước người (cũng vẫn phe ta) cho... an toàn.

Một lá thư

Thú thật với các bạn là lòng tôi lúc đó cũng thấy bồi hồi cảm động khi nhận được lá thư đầu tiên của một người không quen biết từ đất nước Tiệp Khắc anh em bay tới, mà lại là thư bạn gái.

Tôi cố tình, tự làm mình hồi hộp bằng cách chưa bóc thư vội.

Tôi giơ cái phong bì lên ngắm kỹ con tem in hình Julius Fucick, người anh hùng dân tộc Tiệp Khắc và nhìn kỹ nét chữ, tôi đoán chắc chắn là thư phụ nữ...

Một sự tình cờ, chúng tôi đã quen nhau trong hộp thư "Tìm bạn" của tờ báo Sinh viên thế giới mục đích là trao đổi văn học nghệ thuật nói chung.

Đã là bức thư thứ ba rồi mà tôi với Nô-nia chỉ toàn là tâm sự với nhau thôi.

Sau khi biết rõ tôi có tham gia chiến đấu trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vừa qua, tức thì trong lá thư sau, người bạn gái của tôi vội khoe ngay:

"...Bạn đừng tưởng, tôi cũng là một du kích quân Tiệp chiến đấu cạnh Hồng quân Liên Xô tiến vào giải phóng thủ đô Pra-ha đấy!"

Tình bạn chiến đấu dễ làm chúng tôi thông cảm với nhau và bày tỏ tâm sự rất thành thật.

Tôi xin trích ra đây một mẩu tâm sự của Nô-nia, nhưng có vài đoạn dịch, tôi cố tình Việt Nam hóa cho hợp với "khẩu vị" của chúng ta hơn:

"Anh bạn thân mến của tôi ơi! Chắc anh đã gặp trong những trường hợp thông thường: cái phút thú nhất của chúng ta là trong một lúc nào đó khi tâm hồn ta không bị khuấy động, thí dụ như ngả người trên một chiếc ghế đu chẳng hạn, chúng ta cho tâm hồn đi ngược thời gian để ôn lại một vài kỷ niệm xưa, lòng ta sẽ thấy khoan khoái thú vị vì kỷ niệm dù êm đềm, sung sướng hay buồn rầu chua xót cũng đã qua rồi, chỉ một lần thôi và có bao giờ trở lại.

À! Anh chưa yêu ai nhỉ! Thế thì tôi sẽ kể cho anh nghe một câu chuyện tình trong kháng chiến nhé! Chắc anh không phản đối, tôi đoán như vậy tuy rằng không giỏi lắm về khoa tâm lý:

...Vào một buổi sáng mùa xuân, anh bạn ạ! Anh hãy cố tưởng tượng ra trước mắt lúc đó là chim kêu ríu rít, muôn hoa đua nở, vạn vật như hớn hở chờ đón một ngày tươi sáng đang bắt đầu.

Sở dĩ tôi phải dùng câu văn muôn thuở trên đây cho nó có vẻ "văn nghệ" để cố tình làm cho anh đừng như tôi khỏi phải bực tức ngay từ phút đầu khi gặp Ni-ét-sky.

Cả khu rừng thưa rộng bao la phủ đầy tuyết trắng xóa. Người ta chỉ nghe rõ tiếng roi da đen đét và tiếng xe trượt tuyết.

Để giữ bí mật quân sự, đội du kích thường phải di chuyển địa điểm, chúng tôi ai cũng mệt mỏi, nhất là hai đêm

nay tôi không chợp mắt được chút nào vì ngoài nhiệm vụ cứu thương ra, tôi còn đun nước uống cho anh em và luôn tay khơi to những đống lửa sưởi, trời càng về khuya càng lạnh, thế mà cạnh đống lửa vẫn phải chuẩn bị một đống tuyết to để nhỡ có động là chúng tôi xúc tuyết dập tắt ngay.

Trong lúc này, mọi người đều ước ao mau tới chỗ trú quân làm bằng một cái lều khổng lồ, chỉ cần có mái che tuyết thôi còn không cần tường, rồi ăn một chút gì cho ấm bụng và ngả người xuống một cái ổ rơm dầy, mặc cho hai hàng mi mắt từ từ khép lại một cách thoải mái, tất nhiên là không bị bọn Đức khuấy động.

Bỗng có tiếng ắc-coóc-đê-ông từ xa vọng lại, mỗi lúc một rõ. Anh em thương binh ngừng rên, có người nhổm hẳn dậy, có người đôi mắt lim dim cũng hé mở, ai ai cũng có vẻ thú vị, riêng tôi, tôi hơi ngạc nhiên và khó chịu, có lẽ vì quá ư mệt mỏi nên tiếng đàn lúc này không đủ sức mạnh động viên tôi chăng? Nhưng điều làm tôi khó chịu nhất là sao lúc này lại có người vẫn đàn hát! Thái bình quá!

Trước mắt tôi hiện ra một chàng người gầy, da tái xanh, dáng điệu bơ phờ, quần áo xộc xệch dính bùn bê bết bên má trái, có một cái sẹo chạy dài.

Bỗng trong số anh em thương binh có mấy người cất tiếng gọi: "Ni-ét-sky".

Anh ta dừng tay quay lại khẽ cúi đầu chào, dáng điệu như một tài tử ở rạp hát nom đáng ghét quá!

Ý nghĩ vừa thoáng qua thì anh ta đã đến trước mặt tôi khẩn khoản cho đi nhờ tôi từ chối ngay tuy rằng chiếc xe trượt tuyết của tôi lúc đó có thể chứa được một người to hơn anh ta.

Anh ta cứ nằng nặc, nêu rõ lý do là vừa đi công tác ở xa về rất mết, giọng nói nhát gừng, cộc lốc, tôi không trả lời và tất nhiên lúc này tuyết rơi nhiều xe không thể lướt nhanh được, tôi quay sang bên phải, vén cái chăn bông rớt xuống và nhân lúc đó anh ta nhảy lên xe.

Tuyết rơi mỗi lúc một nhiều, tôi kéo cổ áo lên cho ấm và buộc lại chiếc khăn trên đầu, trong lúc này Ni-ét-sky giở thuốc lá ra hút nhưng mùi thuốc lá thơm không làm át nổi mồ hôi lẫn mùi quần áo ẩm.

Chỗ ngồi ổn định rồi, lại một điếu thuốc làm ấm người, anh ta giở đàn ra kéo một bản dân ca Tiệp rất phổ biến, đôi mắt say sưa nhìn ra xa xăm.

Lúc này tôi mới ngồi ngắm anh ta: bộ quần áo đã bạc phếch lại rách toạc ở bả vai, khuỷu tay trông rõ cả những sợi len vải màu hạng đắt bị sước ra mà thường người ta chỉ hay gặp ở thủ đô Pra-ha.

Cái đầu tóc hung hung quăn, lắc lư theo nhịp điệu say xưa của bản nhạc, người Ni-ét-sky hơi ngả về đằng trước, đôi mắt xanh biếc và sâu, gò má nhô ra làm tôi liên tưởng tới những con người trác táng trước đây, tuy rằng hiện tại anh ta là bạn chiến đấu của tôi.

Sở dĩ tôi ngắm kỹ vì ngay từ phút đầu tôi đã xếp anh ta vào loại những con người kỳ dị và nhất là Ni-ét-sky đang chăm chú say sưa trong bản nhạc.

Chiếc xe vẫn lướt nhanh và thỉnh thoảng nghiêng mình như õng ẹo làm xô đẩy chúng tôi.

Tới một dòng suối, chúng tôi được lệnh dừng lại để ăn bữa trưa.

Ai ai cũng cảm thấy cần uống và sưởi ấm cái đã, thì hàm răng mới "lao động" được.

Ni-ét-sky lục túi dết lôi ra khẩu phần riêng của mình gồm một tảng bánh mì to tướng, một miếng dăm bông... anh ta bắt đầu làm quen bằng cách mời tôi cả... nửa mẩu dưa chuột muối (lúc đó là của quí đấy(!) tôi không ăn vì một lẽ giản dị là chưa quen anh ta.

Tôi là một nữ sinh sống ở đô thị, săn sóc thương binh, thoát ly gia đình: đây là lần đầu tôi va chạm với đông người.

Trước khi ăn, con người này vuốt lại mái tóc, lấy chiếc mu-soa không lấy gì làm sạch lắm, cho vào cổ áo làm như quàng cái khăn ăn ở một khách sạn thời bình. Thật là kiểu cách!

Quái thật! Cái con người đã lăn mình vào khói lửa, mà sao vẫn còn giữ cái phong thái hào hoa không hợp lúc này!

Khi cho khăn vào cổ, anh đâm ra lúng túng vì cái khuy không biết đã rơi từ bao giờ, tôi bật phì cười, Ni-ét-sky ngẩng lên và đỏ mặt.

Lúc đó tôi cúi xuống tuy thẹn nhưng cố nhịn cười. Khỉ quá! Sao mình lại nhìn trộm người ta...

Chừng để chữa ngượng và trấn tĩnh tinh thần, anh ta è hèm một tiếng thật to và lôi bộ thìa dĩa ra để ăn chứ không cầm tay như mọi người khác.

Lúc này tôi chợt trông thấy bàn tay sần sùi đầy sẹo, nham nhở, có chỗ đen sì vì thuốc súng, có chỗ đỏ hỏn như mới mọc da non.

Ăn xong chúng tôi lại lên đường. Tuy ngồi một xe nhưng chẳng có chuyện gì để nói và tôi có cảm giác tự nhiên anh ta đến quấy rầy chúng tôi.

Bỗng đồng chí đội phó du kích tới, anh ta ôm chầm lấy Ni-ét-sky, hôn chùn chụt như hôn một người đàn bà, rồi quay lại phía tôi cười khà khà:

"Giới thiệu đây là đồng chí Ni-ét-sky, sinh viên ở Pra-ha, hiện công tác biệt động trong thành phố vừa ra đây, hai người làm quen với nhau đi."

Tôi à một tiếng và hơi ngạc nhiên suy nghĩ:

"Ni-ét-sky, Tuy-lích hai cái tên khác hẳn nhau, làm sao có thể lẫn được, tôi chỉ được nghe anh em du kích nói nhiều về Tuy-lích, người biệt động len lỏi trong thành phố như một con sóc, đã đánh cắp được nhiều tài liệu mật của phát xít Đức. Tuy-lích là một sinh viên, anh ta có hai đặc điểm: chiến đấu rất dũng cảm, gan dạ và đặc biệt rất ít nói. Cái con người tỉnh thành đó ít nhất khi ăn nói cũng phải văn hoa đôi chút chứ, đằng này chỉ dùng câu ngắn gọn đủ một mệnh đề, một chủ từ, động từ, tính từ hay bổ túc từ, người nghe có cảm giác là một anh chàng rất tiết kiệm lời nói. Hay Tuy-lích chính là... Ni-ét-sky.

Rồi đội phó lên đường, việc giới thiệu vừa rồi không làm cho không khí giữa chúng tôi đỡ tẻ ngắt.

Lúc này tôi mới thấy khuôn mặt của Ni-ét-sky hao hao giống Tuy-lích trong một tấm áp phích của Đức, đúng là Tuy-lích rồi, cáo sẹo kia kìa...

Vào trường hợp những người khác lúc này, Ni-ét-sky có thể kể với tôi những trận đánh oanh liệt của biệt động Tiệp đột nhập vị trí địch và tất nhiên không quên lồng vào đó một cách tế nhị chiến công của mình. Nhưng không, anh ta ngồi lặng như hến".

Câu chuyện tôi kể rườm rà và trúc trắc quá nhỉ, anh có nóng ruột không, tôi cắt bớt đi nhé!

"Thế rồi, vào một buổi sáng mùa xuân, à quên, buổi tối chứ, vì tôi còn nhớ lúc đó có ánh trăng xanh nhàn nhạt chiếu qua rừng cây xuống mặt đất phủ tuyết lấp lánh, Ni-ét-sky trong bộ quần áo chẽn gọn ghẽ, chuẩn bị vào sâu lòng địch đã lại gần, nắm lấy vai tôi và nói:

"Liệu chúng ta có thể... có thể sống với nhau ở Pra-ha, khi phát xít Đức bị tiêu diệt không?".

Tôi lấy vai hất cái bàn tay "thô lỗ" xuống, không nói gì và lúc đó tôi cho hành động của mình là "ghê" lắm!

Ni-ét-sky lẳng lặng ra đi, từ xa vọng lại tiếng đại bác rền rĩ, thỉnh thoảng một vài pháo hiệu xanh đỏ phụt lên không, rồi lại tắt ngấm...

Đời chúng tôi là cả một cuộc đi dài, chiếc xe vẫn lắc lư, còn một mình trong đêm tối, tôi chợt nghĩ miên man:

"Ừ sao cái con người ít nói đó mà hôm nay lại văn hoa, đột biến dùng một mệnh đề tới... hai chục chữ. Lần đầu tiên chăng? Nào ai biết?

Trước khi dấn mình vào nguy hiểm, người ấy không tiếc thân mà sao ta lại tàn nhẫn thế nhỉ?

Anh bạn ạ! Từ khi tham gia chiến đấu, đây là lần đầu tiên tôi làm việc không thấy vui, luôn luôn cau có và sẵn sàng trút "căm hờn" lên đầu bất cứ ai làm tôi bực mình.

Rồi những chuỗi ngày sau, bừng tỉnh giấc trong đêm khuya, tôi có ý nghĩ thử xét lại con người và vẫn không thấy được ở anh ta một tí gì có thể... "mê" được!

Thực ra Ni-ét-sky xấu xí, mặt và tay nham nhở do chiến tranh tàn phá, dù hy sinh chiến đấu cho dân tộc nhưng xấu thì vẫn là... xấu chứ!

Vấn đề yêu đương đâu có giản dị như một công thức hóa học, cứ cùng một lý tưởng là yêu nhau ngay được đâu.

Nếu anh ta có mặt ở đây ngay giờ phút này tôi sẽ nói thẳng cho Ni-ét-sky biết:

"Hỡi ông bạn xấu xí của tôi ơi! Ông đừng đụng vào ái tình thực sự, ông chỉ cần tưởng tượng thôi thì nhất định ái tình sẽ kỳ diệu hơn. Ông ạ! Tôi nói thật đấy, ông đừng giận tôi nhé!"

Tôi biết với Ni-ét-sky, lòng chàng lại đau xót vì một hình dáng lại lướt qua.

Một lần nữa, nếu bảo tôi yêu thì chắc chắn không, nếu bảo là thương thì có.

Từ hôm đó tôi ân hận và day dứt trong lòng.

"Biết đâu Ni-ét-sky sẽ không bao giờ trở lại nữa!"

Hai năm ròng rã, khói lửa chiến đấu và cái bồng bột của tuổi trẻ đã làm quên chuyện xưa, Ni-ét-sky cũng chỉ là một hình ảnh lướt nhanh trong dĩ vãng như những hình ảnh khác mà thôi!

SĐ

Sunday, June 11, 2017

Rồi quân Đức bị tiêu diệt, Pra-ha vươn lên trong nắng ấm mùa xuân để kiến thiết huy hoàng và tráng lệ hơn.

Tôi về học đại học và một buổi sáng chủ nhật, lúc xe điện sắp chuyển bánh, tôi thấy một thương binh đang khó nhọc cúi xuống nhặt chiếc can, tôi chạy lại thì: Ni-ét-sky!

Thế là chúng tôi làm quen với nhau từ đấy vì "vốn đã quen nhau" - anh ta bảo thế.

Ni-ét-sky đã gẫy một chân, lắp chân giả vẫn đi được nhưng phải chống can.

Anh bạn ơi! Cái con người mà ngay phút đầu làm tôi khó chịu thì nay đã là... chồng tôi.

Xin anh hãy đừng chờ đợi ở đây những dòng chữ lung linh ca ngợi một cách ồn ào người chồng của tôi, Ni-ét-sky cũng bình dị như trăm nghìn sinh viên khác ở thủ đô Pra-ha này.

Anh ta tuy tàn phế nhưng vẫn yêu đời tha thiết và lạc quan, chính Ni-ét-sky đã dạy tôi lòng tin vững chắc ở tương lai.

Tôi chắc rằng anh sẽ cảm động, khi thấy Ni-ét-sky sau khi lắp chân giả, lần đầu tập đi không chống can, ngã đau là chuyện thường, tôi thương Ni-ét-sky nhiều sau buổi sớm đó, lúc cởi chiếc chân giả ra thì mỏm chân cụt đã tấy đỏ và rướm máu.

Anh vẫn say sưa với âm nhạc nhưng mỗi lần biểu diễn ở Câu lạc bộ, Ni-ét-sky phải đứng tựa vào một chiếc bàn cho khỏi ngã, người hơi ngả ra đằng trước nhưng chân vẫn run run, cái đầu tóc hung hung vẫn say sưa lắc lư theo khúc nhạc đời.

Càng gần Ni-ét-sky tôi càng thương, thương và yêu không xa nhau là mấy, anh bạn nhỉ!

Rồi tôi đã yêu Ni-ét-sky thật sự không phải là vì bổn phận, mà vì: cái đẹp chân chính là tâm hồn, là nội dung con người.

Rồi chiều chiều khi "Người ta đã bắt đầu nghe thấy hương vị mùa thu. Trong không khí biếc xanh và lớt phớt sương mù, Pra-ha như những trùm nho đang ửng chín, Pra-ha say say thứ rượu vang..."[1], chúng tôi đi sát bên nhau,

---

[1] Của Julius - Fucick.

người đi đường khó phân biệt rõ ai dựa vào ai, không biết thật chi tiết thôi, chứ người ta cũng có thể phỏng đoán rằng: Ni-ét-sky dựa vào Nô-nia để chiếc chân giả khỏi run và Nô-nia thì dựa vào Ni-ét-sky để vững bước trên đường đời".

Chúng tôi đã có hai cháu, còn anh thế nào, cố lên chứ!

Chúng tôi định để anh làm bố đỡ đầu cho đứa cháu thứ ba sắp ra đời đấy! Hãy chuẩn bị quà đi, một món quà thật Việt Nam đấy nhé!

Sáng nay nhà tôi về trại sáng tác, tối qua còn nhắc lại câu chuyện trong thư biên cho anh, câu chuyện đã bao nhiêu lần vẫn kết luận bằng một cái hôn và cũng đã bao nhiêu lần rồi văn sĩ Ni-ét-sky vẫn không thấy là... công thức.

Đã mấy thư rồi mà chúng ta vẫn chưa "trao đổi văn học nghệ thuật", chỉ toàn tâm sự thôi, chiếc ảnh và cái thư nhà tôi gửi lần trước chắc anh đã nhận được rồi chứ!

Bức thư tâm sự cũng quá dài, rồi không biết nó có quá ư lãng mạn với tình cảm Đông phương không, anh cho biết nhé!

Để chấm dứt bức thư, tôi sẽ nhắc lại câu cửa miệng của bao người, đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần mà không sợ là công thức:

Hòa bình - Hữu nghị,

Bắt tay thật chặt

Nô-nia

6-1957

Nhà văn

NGUYỄN VĂN LỢI

Bút danh khác: Văn Lợi, Khánh Văn.

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn

Sinh ngày 20-8-1944, tại thị trấn Ba Đồn - huyện Quảng Trạch - tỉnh Quảng Bình.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1997). Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (1990). Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam (1985).

Hiện là Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình. Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật - Hội Văn nghệ Quảng Bình.

Đã xuất bản:

- *Những gương mặt tôi yêu* (Tập thơ 1973, in chung với Trần Nhật Thu); *Chú bé kỵ sĩ và mỏm núi Yên Ngựa* (Tập truyện thiếu nhi 1984); *Nếu có thể cười được* (Tập truyện ngắn châm biếm, 1987); *Phần thưởng muôn đời* (Tập truyện

thiếu nhi - In chung với Lâm Thị Mỹ Dạ); *88 truyện ngụ ngôn* (Tập truyện ngụ ngôn, 1988); *Quạ tập hót* (Tập thơ ngụ ngôn, 1991); *Dòng sông thơm* (Tập truyện thiếu nhi - 1995); Thơ tình Văn Lợi (Tập thơ, 1997); *Hoàng tử chọn hiền tài* (Tập truyện thiếu nhi 1999); Văn Lợi Truyện ngụ ngôn (Tập truyện ngụ ngôn - 2001). Và nhiều truyện tranh khác.

Đã được tặng thưởng:

- Giải A - Thơ thiếu nhi, 1960, Cuộc thi do Hội Nhà văn Việt Nam và Báo Thiếu niện Tiền Phong tổ chức.

- Tặng thưởng Văn học Bình Trị Thiên (1976-1982)

- Giải B - Văn học - Giải thưởng "Bông Sen Trắng" Bình Trị Thiên (1983-1987).

Giải A Văn học - Giải thưởng "Văn học Nghệ thuật Lưu Trọng Lư" Quảng Bình (1991-1995)...

Đôi điều về bước "chuyển"

Tôi vốn thích làm thơ từ nhỏ, có lẽ vì thể loại này nó gần gũi với bản tính hồn nhiên của tuổi thơ. Và, tôi cũng đã được một vài thành công ở thể loại này. Nhưng cuộc sống thì lại quá nhiều sự biến buộc mình phải cảm và nghĩ, mà đã là người ít nhiều có "máu" văn chương thì không thể "lãnh cảm" được. Do vậy, mà phải "chạy" sang văn xuôi để diễn đạt cho nó đủ "liều lượng suy ngẫm" của mình. Và, như vậy tôi đánh liều "thử" thể loại truyện ngắn châm biếm. Tôi nghĩ, phải với thể loại này mới "bày tỏ" được sự phản ánh của mình vào thời

điểm mà xã hội đang quá ngán ngẩm về tình trạng "bao cấp" Bao cấp ngay cả suy nghĩ và tri thức.

Truyện ngắn châm biếm "Diễn văn" được viết ra nhằm phác thảo một khía cạnh trong muôn vàn sự "bao cấp" diễn ra trong những năm tháng ấy. Đó là lãnh đạo chỉ "phán" chỉ đạo, đánh giá,v.v... thông qua sự suy nghĩ, tư duy của đầu óc "tham mưu", của thư ký bằng văn bản "soạn" sẵn được xem qua, hoặc không cần xem qua để thủ trưởng chỉ thị tại hội nghị, dù có thế nào đi nữa thì cấp dưới cũng phải biết "hiểu" để tiếp thụ và ca ngợi.

Truyện ngắn đầu tay này được viết và in năm 1985, hai năm sau đó, năm 1987 tôi tập hợp các truyện ngắn thuộc loại này và in thành tập "Nếu có thể cười được" với số bản in đáng mừng là 25.000 bản, phát hành toàn quốc. Âu cũng là vì nó hợp "gu" bạn đọc vào thời điểm đó nên mới có được sự hưởng ứng ấy.

Diễn văn

- Bài phát biểu cho hai hội nghị sáng nay anh đã chuẩn bị xong cả rồi chứ?

Dạ! Báo cáo anh xong cả rồi ạ! Và, đã đánh máy rõ ràng. Anh xem qua.

- Thôi được! Anh đưa đây. Tôi đi bây giờ. - Ông xem đồng hồ - Hả? Tám giờ rồi à! Mấy giờ họp?

- Dạ khai mạc 7 giờ ạ!

- Hừ! - ông gắt - Sao không nhắc?

- Dạ!!!

Ông mở cặp nhét vội hai tài liệu vào, bắt tay anh thư ký:

- Thôi được tôi đi! - Ông khoan thai mở cửa, ngồi vào xe.

Chiếc xe nổ máy, phóng đi.

SĐ

* Sunday, June 11, 2017

* *

- Thưa các đồng chí đại biểu! Hôm nay ngành các đồng chí tổng kết công tác. Thay mặt... tôi xin phát biểu với các đồng chí một số ý kiến... Giọng ông lưu loát, rành rẽ, chứng tỏ ông rất quen nói trước micrô có đông người nghe:

...Thủy sản là một ngành quan trọng. Một ngành thực sự cần thiết đối với nhu cầu đời sống của nhân dân. Không những thế, nó còn là một ngành có nhiều khả năng đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ cho Nhà nước. Trong năm qua, ngành các đồng chí đã... đã...đã... Một loạt thành tích đã được ông dẫn ra. Tiếng vỗ tay dấy lên phấn khởi.

...Nhưng - Ông hạ giọng và giở qua trang bài phát biểu: - Ngành các đồng chí đã để xảy ra nhiều trường hợp đáng tiếc về an toàn lao động, về bảo hiểm xa vận hàng hóa và hành khách... Hội trường như bị kích động bởi sự "phát hiện" những thiếu sót hết sức mới mẻ này. Nhiều tiếng xôn xao.

...Trên cơ sở đó - ông dõng dạc đọc tiếp - ngành các đồng chí cần kiện toàn bộ máy quản lý ở các bến bãi, nghiêm khắc với bọn đầu cơ vé, bảo đảm cho được nhu cầu đi lại của nhân dân... Chúc hội nghị các đồng chí thành công tốt đẹp. Xin chào các đồng chí, tôi còn một số hội nghị khác đang chờ.

Tiếng vỗ tay rào rào. Ai mà chú ý đến vẻ mặt ngơ ngác của một số đại biểu!

- Thưa các đồng chí! - Vị chủ trì hội nghị ngành thủy sản đáp từ: Chúng ta vừa nghe đồng chí Hát đến thăm và chỉ thị cho hội nghị chúng ta nhiều ý kiến quý báu. Như đồng chí Hát đã đánh giá, ngành chúng ta đã xây dựng được một số thành tích đáng kể. Song cũng đã để xảy ra nhiều thiếu sót như một số ngành kinh tế khác. Đã để ứ đọng khách. Vâng! Khách là cá của chúng ta. Đã để vé vào tay bọn đầu cơ. Vâng! Vé, là tôm cá chúng ta chưa quản lý tốt để lọt vào tay bọn buôn gian bán lậu...

Chúng tôi xin hứa và khắc phục tốt những điều mà đồng chí đã chỉ ra. Lời đáp từ chưa dứt, tiếng vỗ tay đã ran lên át những lời mạn đàm thán phục sự hiểu biết thấu đáo của ông trưởng ngành thủy sản.

Chiếc xe con của ông Hát vừa lao đi thì một người hốt hải chạy đến tìm ông. Đó là anh thư ký văn phòng cơ quan ông Hát. Đến hội nghị ngành thủy sản thì ông thủ trưởng của anh ta đã vù xe đi khỏi.

Anh ta lại vội vã nhảy lên xe đạp, lao đi.

Đến hội trường ngành giao thông vận tải, anh toát mồ hôi hột khi nghe ông thủ trưởng nói những câu cuối cùng của bài phát biểu. Và, ông chủ trì hội nghị ngành giao thông vận tải đang đáp từ:

- Chúng ta vừa nghe đồng chí Hát thay mặt... đến thăm và nói chuyện với hội nghị chúng ta... Đồng chí đã biểu dương những thành quả mà ngành chúng ta đã đạt được. Đồng thời đồng chí đã chỉ đạo cho chúng ta thấy rõ những thiếu sót để khắc phục. Ngành chúng ta còn để tôm cá lọt vào tay bọn đầu cơ... Vâng! Tôm cá, đó là các loại vé xe, tàu. Chúng ta chưa có biện pháp tốt trong việc cung ứng và chế biến các loại tôm cá. Vâng! Đó là, chúng ta chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân, và chưa sử dụng phương tiện vận tải vốn có. Ngừng một lát, ông chủ trì hội nghị ngành giao thông vận tải trịnh trọng:

Chúng ta xin hứa sẽ khắc phục và làm tốt những điều mà đồng chí Hát đã chỉ ra. Lời đáp từ từ chưa dứt, tiếng vỗ tay đã rộ lên át những lời mạn đàm thán phục hiểu biết thấu đáo của ông trưởng ngành giao thông vận tải.

Anh thư ký đứng như chôn chân, lo lắng nghĩ đến cơn thịnh nộ của thủ trưởng về khiếm khuyết đã sắp lẫn trang cuối giữa hai bài phát biểu mà anh cố soạn cho thật văn hoa.

Nếu không có cái vỗ tay thật mạnh đầy thân tình của ông Hát, chắc hẳn anh thư ký chưa lại hồn vì lo lắng về sự chểnh mảng, vô ý của mình.

Nghĩ gì mà thần người ra thế? Tốt! Rất tốt! Hai bài phát biểu ấy có sức thuyết phục đấy! Anh đáng được đề bạt lắm. Ông cười hà hà, cởi mở. Anh thư ký thở phào nhẹ nhõm.

Huế tháng 4-1985

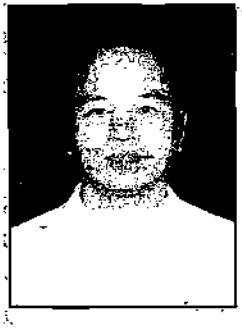

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn

TRẦN HỮU LỤC

(Bút hiệu khác: Yên My, Trần Phước Nguyện)

Trần Hữu Lục sinh năm 1944 tại Huế. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, (1999), Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam. Trần Hữu Lục đã từng là chủ biên báo Thân Hữu (Trường Đại học Sư phạm - Huế), Sinh viên Huế. Thành viên Nhóm Việt - Phụ trách văn học nghệ thuật trên Tạp chí Đối Diện (từ năm 1971 đến năm 1975). Hiện là Phó tổng biên tập báo Du lịch thành phố Hồ Chí Minh và chủ biên Tủ sách Nhớ Huế - NXB Trẻ.

Tác phẩm đã in:

In riêng:

Cách một dòng sông (Tập truyện, 1971); *Chiếc bóng* (Tập truyện, 1989); *Lời của hoa hồng* (Thơ, 1997); *Thời tôi yêu* (Tập truyện, 1998).

In chung:

Bút máu (Tập truyện, 1974); *Mùa xuân chim én bay về* (Tập truyện, 1987); *Giai điệu Đà Lạt* (Tập truyện, 1986); *Tiếng hát những người đi tới* (1993); Truyện ngắn Thành phố Hồ Chí Minh 1975-1995 (1996); Văn học yêu nước tiến bộ cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954 1975 (1997); Tuyển tập văn 1945 - 1975 (1998); Tuyển tập Truyện ngắn Việt (1997); Cuộc đi dạo tình cảm (Tập truyện 1998); Nhìn lại một chặng đường văn học (2000); Thơ 1998; Thơ tình Việt Nam và thế giới chọn lọc; Nghìn câu thơ tài hoa Việt Nam; Sài Gòn nhớ Huế; Những đốm lửa nhỏ, Sương mù một thuở; Tuyển tập thơ Việt Nam 1975 - 2000.

Lời tác giả

Khi đang học năm cuối ở Đại học Huế - năm 1968, tôi thường gặp hình ảnh tuổi thơ lạc lõng và ngơ ngác trong những ngôi trường đìu hiu ở vùng "xôi đậu". Hình ảnh tuổi trẻ bơ vơ và rã rời vì bị săn đuổi trên chính quê hương nhưng vẫn không thôi khắc khoải tìm đường đi trong chiến tranh để ngày mai còn quê hương mà trở về, đã có tác động sâu sắc đến tâm tư tình cảm và hành động của người thầy giáo sắp ra trường. Tôi đã bày tỏ một thái độ dấn thân trên bình diện ý thức công dân và trên bình diện ý thức nghệ sĩ. Nhà giáo trẻ đã "đứng" được như thế nào ở vùng tranh chấp chiến tranh với bao gian nguy, trăn trở về đất nước. Truyện ngắn "Tuổi đồng quê" lúc đầu có tên là "Những bàn chân bẩn" ký bút hiệu Yên My đăng trên đặc san Thân Hữu (Trường Đại học Sư phạm Huế 6-1968), sau đó Tạp chí Văn (Sài Gòn) in lại

vào tháng 8-1968. Tác giả được Tạp chí Văn giới thiệu là một trong những cây bút trẻ của miền Nam có nhiều triển vọng. Tại lễ tốt nghiệp của Đại học Huế năm đó, vị giáo sư Viện trưởng Viện Đại học Huế đã chọn truyện ngắn "Tuổi đồng quê" để giới thiệu như một bài cảm tưởng của sinh viên tốt nghiệp của Đại học Huế.

Truyện ngắn đầu tay "Tuổi đồng quê" là cánh cửa mở đưa tôi vào sự nghiệp văn chương.

Tuổi đồng quê

Dự định trở lại ngôi trường cũ với đám học trò đi chân không rồi tôi cũng bỏ dở. Nghĩ đến những chuyến xe lam sáng sớm, những buổi trưa ở lại lớp học nhìn chuột bò ngu ngơ trên tường, tôi bỗng cảm thấy ngại ngần. Những con thằn lằn xám trên nền vôi vàng, những tổ chim sẻ trên mái ngói, những bàn chân bẩn đen đúa, những buổi dạy bất an, những người lính áo đen ở ngoài cửa kính lớp học, đó là những điều tôi nghĩ về ngôi trường nơi tôi sẽ đến. Trường quận nào rồi cũng đến thế mà thôi. Cũng vẫn có những buổi ăn trưa trong lớp học, cũng vẫn những chuột, thằn lằn... nhìn tôi ăn một mình. Buổi sáng ngồi trên xe lam, tôi có cảm tưởng mình đang nhào lộn trên dây xiếc. Những vụ nổ không còn là những tình cờ nữa, tôi chông chênh trên đường đến lớp học. Thầy có muốn nói thêm gì với các em đâu, các em biết đã quá nhiều rồi. Bây giờ đời sống đã cung cấp cho các em nhiều bài học mới lạ. Không lẽ thầy nói về nỗi sợ của thầy khi ngồi trên xe, không lẽ thầy mô tả lại những buổi trưa ăn cơm một mình, những chiều hớt hả đón xe về Huế, không lẽ thầy nói đến đồng lương của thầy và đám học trò ngày một thưa dần. Thầy biết các em không ai muốn thầy phải lải nhải những thứ đó. Các em chỉ cần có thầy như cần có một người anh. Thầy cũng muốn thế. Bài học trong lớp chỉ ru ngủ các em vài giờ, sau đó thầy biết các em sẽ đối diện với những điều mà sách vở, thầy giáo chẳng bao giờ đề cập đến... Tôi đã nói như

thế trong niên khóa vừa qua. Và trong đám học trò tôi, có đứa cảm động buồn bã ra mặt. Không khí lúc đó trở nên kỳ dị. Tôi quên đi những nhọc nhằn cáu kỉnh, tôi quên đi những ngày nghỉ quanh quẩn trong Thành nội, những buổi la cà bạn bè cho đến lúc mệt nhoài mới trở về nằm xuống giường như nhánh củi khô để mường tượng lại những khuôn mặt kỷ niệm, tôi quên đi những buổi vũ gia đình... Trước mặt tôi bấy giờ là lũ học trò đi chân không và những mái đầu đen như đêm nông thôn... Có một sự thật mà thầy còn giấu giếm các em là bốn giờ chiều thầy đã về Huế, thầy đã trốn chạy như thể ở đây đang có bệnh dịch, thầy không xứng đáng để hướng dẫn bọn em nữa, thầy ích kỷ, thầy không ở lại để cùng bọn em nghiên cứu những bài học không có ở học đường. Đứa học trò tên Ngọ đã nói với tôi như thế trong giờ học cuối năm. Hắn đã trút tất cả căm phẫn vào câu nói đó. Hai ngày sau, Ngọ bỏ đi đâu mất. Đám học trò tới lớp giữ vẻ im lặng bí mật. Tôi biết Ngọ đã đi đâu rồi nhưng cũng giả bộ hỏi một nữ sinh. Dạ, thưa thầy, trò Ngọ vào Đà Lạt rồi, nghe đâu trò vào đó để làm nhân công cho một sở trà. Những đứa khác đều có những câu trả lời tương tự thế. Có một toa rập cố ý, có một biểu đồng tình về việc ra đi của Ngọ. Tôi thấy mình đang bị lừa dối. Tự dưng, Ngọ trở thành vấn đề nghi kỵ dọ dẫm thái độ giữa tôi và đám học trò. Lớp học vào cuối năm đáng lẽ phải háo hức vui vẻ nhưng đằng này lại trở thành gượng gạo khó chịu. Cái không khí thông cảm thầy trò của buổi đầu niên khóa đành bị tan loãng đáng sợ. Tôi thấy mình đang đứng trong một thân hình tan rã. Thầy có muốn thế đâu, các em có muốn thế đâu, bài học ngoài lớp đã dạy các nghi kỵ dối trá lừa đảo, đã dạy cho các em thứ im lặng đáng ghét, thứ thì thầm lạnh buốt gió đông, thứ nhìn lạc lõng đáng sợ. Đám học trò đã biến tôi thành một nhân vật trên sân khấu. Tôi đã

diễn gì đây? Này Nam, không còn gì cần phải lén lút giấu giếm với thầy cả. Sau giờ học, Nam ở lại lớp vài phút, thầy cần nói vài chuyện. Nam sợ hãi đứng dậy lúng túng như sắp từ chối. Tôi nói thêm: ở lại cộng điểm giùm với thầy. Nam ngồi xuống. Tôi ra đứng ở cửa nhìn cánh đồng xanh như một tấm thảm. Vẻ mềm mại của lúa như những tà áo xanh bay bay trong đường chiều. Tôi nghĩ đến bọn học trò ở tỉnh với những đôi giày mũi nhọn bóng loáng... Tự dưng tôi quay vào, nhìn xuống gầm bàn. Những bàn chân trần, bẩn duỗi thoải mái trên nền xi măng... Một đứa trong lớp hỏi: Dạ, thầy cần tìm chi để em tìm giùm cho. Tôi thảng thốt rồi đỏ bừng mặt: Không, không tìm chi cả. Tôi đã trả lời ngoài dự định của mình. Những bàn chân trần dơ bẩn, thầy đâu có ý khinh bỉ gì mấy em, nhưng thầy nghĩ khác: ở trong hoàn cảnh mà tất cả các em đều chuẩn bị để chui xuống hầm, đời sống ở đây đâu có bình thản ung dung như ở phố nữa, các em còn phải đi chân trần để còn có thể chạy thật nhanh, thật xa, còn phải lội trên bùn, lủi trên ruộng... Thầy biết hoàn cảnh của các em lắm mà... Tôi dự định nói với học trò như thế nhưng rồi tôi cũng bỏ dở. Giáo trình chưa có dự liệu những điều đó. Và nếu tôi tự ý nói ra như thế này, cũng không được ổn lắm.

Buổi học tan, Nam rụt rè đến trước mặt tôi. Dạ thưa thầy, con đã cộng điểm rồi. Dạ, trò Ngọ có gửi lời cám ơn thầy. Cám ơn tôi? Tôi đã làm gì giúp đỡ trò Ngọ? Dạ, trò Ngọ nói là nhờ những điều thầy nói ở lớp mà trò đã tìm thấy con đường để đi, xác định được một chỗ đứng. Nhờ những điều tôi nói ở lớp học? Tôi đổ mồ hôi khắp mình. Chưa lúc nào tôi thấy bàng hoàng bằng. Tôi đã nói được gì? Lời nói của một giáo sư tác dụng, ảnh hưởng lớn lao trên đời sống học sinh ở ngoài sức tôi tưởng tượng. Tôi đã nói gì với đám học trò? Về chiến tranh, về quê hương, về đồng tiền... về sự có mặt quá nhiều

của lực lượng đồng minh... Không, tôi đã tránh né vấn đề đó, tôi chưa bao giờ trình bày những suy tư thao thức nóng hổi về những vấn đề đó ở trong một lớp học bất an như thế. Tôi chưa bao giờ phủ dụ một lý thuyết nào. Tôi cố nhớ lại tôi đã nói gì ở trong lớp học. Một năm qua, tôi đã sống trong một tâm trạng giả hình, tôi vừa sống cho những phút nơm nớp lo sợ về viễn cảnh có thể xảy ra, tôi ở giữa những ánh mắt tránh né, những cái nhìn lật lọng. Đằng khác, sau bốn giờ chiều, tôi trốn chạy về Huế hòa mình vào những cuộc vui bạn bè, rong chơi trong phố biếc. Tôi đã nói gì với đám học trò đi chân trần ấy? Một bài giảng về Nguyễn Trãi và mười năm kháng chiến. Có lẽ Ngọ đã rút ra những lời nói cần thiết cho hắn từ trong bài giảng đó. Tôi không quyết chắc một lời nào cả.

Ba tháng hè đã qua. Hơn ba tháng tôi chưa bao giờ gặp một người học trò đi chân trần nào. Những ngày tháng hạ kéo dài trong nỗi ám ảnh về chuyến đi của Ngọ. Tôi bứt rứt bần thần biết mình có chịu ít nhiều trách nhiệm về thái độ của hắn.

Những buổi chiều xanh xao trong khu vườn, tôi vòng tay ôm Phước như một lãng quên những phiền toái bên ngoài. Tôi tưởng mình có thể quên hết. Quên những ngày lặn lội về dạy đám học trò đi chân không, quên những ụ đất chắn ngang đường xe lam chạy, quên những tờ truyền đơn bỏ đầy hộc bàn thầy giáo. Tôi tưởng mình có thể quên được những người học trò bỏ đi như Ngọ, quên tình cảnh lớp học mỗi ngày một thưa, quên những rầy rà của ông Quận trưởng về việc không kiểm soát và nắm vững học trò... Những điều đó gắn liền với đời sống của tôi như chính hơi thở. Chưa bao giờ tôi tạo được những khoảnh bình an thoải mái khi ở gần bên Phước. Nhiều lúc tôi đâm thẫn thờ kỳ lạ, hối hận mình đã không nói hết ý nghĩ của mình với đám học trò, với người yêu: Không phải anh hững hờ đâu, tại cuộc sống bất an, tại vì

những điều anh chưa kịp nói ra với đám học trò. Ở trong tình yêu thì anh hào hoa, anh tham lam, nhưng ở trước đám học trò anh ích kỷ, anh ù lì. Nhiều ngày qua tôi muốn tỏ bày với Phước chí hướng nhà giáo, vai trò nhà giáo trong thời chiến, tôi muốn nói thật nhiều về những con thằn lằn xám trên tường vôi vàng, về những bữa cơm trưa một mình chỉ có gió thổi rì rào trên hàng tre. Tôi muốn hướng dẫn đám học trò thật tích cực và hữu hiệu.

Và nhiều ngày vòng vòng qua, dự định trở lại ngôi trường cũ ám ảnh tôi kỳ lạ. Ở cuối ý nghĩ là hình ảnh những bàn chân trần, bẩn, duỗi thoải mái trên nền xi măng. Ít nhất những phút đó chúng cũng nghỉ ngơi và bình an đôi chút, ở những phút mà con chuột bò ngu ngơ trên bàn học, những con thằn lằn xám nhìn đám học trò cúi đầu làm bài, những con chim sẻ nô đùa trên mái ngói và những sợi tóc mềm phơ phất trong gió. Cái cuốn hút của nghề dạy học là ở phút đó. Tôi quyết định trở lại ngôi trường cũ trong ý định là sẽ nói nhiều, thật nhiều, nói đến nơi đến chốn, không bỏ lửng ý tưởng, không nói nửa chừng và chịu trách nhiệm về những điều mình nói ra.

Tôi trở lại ngôi trường cũ.

Những chùm hoa giấy bò lan trên hàng kẽm gai. Nhiều biểu ngữ mới được treo lên trong lớp học. Ban đêm, trường là nơi đóng quân của cán bộ bình định. Buổi dạy đầu năm, học trò cũ mừng rỡ thấy tôi bước vào lớp trong dáng chững chạc và cởi mở. Tôi lấy sổ gọi tên. Có đứa mang vóc dáng tuổi mười sáu. Lớp học ba mươi trò, nam nữ học chung. Tôi nói vài lời: Năm nay thầy sẽ giải đáp mọi vấn đề, mọi thắc mắc của các em, nhất là những vấn đề chưa được giải đáp, còn ứ đọng từ hồi năm ngoái... Trong sự im lặng ngột ngạt của lớp học, tôi

nghe tiếng xe lam nổ thật lớn ở phía đầu làng, tiếng súng lẻ tẻ từ xa vọng lại, tiếng ì ầm của nhà máy gạo. Tôi ngừng nói và nhìn xuống gầm bàn: phần đông học trò vẫn còn đi chân trần. Ngày nào thì hết thấy các em đi guốc đi giày? Tôi biết mình cũng can dự một phần vào câu trả lời. Ngày nào thì không còn những đứa học trò tôi mười sáu mười bảy ra đi như Ngọ? Có phải là nỗ lực chung của mọi người? Ở chỗ đứng của tôi, tôi biết mình không thừa thãi, nhưng nói thế nào với chúng, làm thế nào để chúng tin tưởng? Tôi nhìn lên trần lớp để tìm gặp những chú thằn lằn xám lì lợm, những ả chuột bò ngu ngơ trên sà nhà. Hình ảnh vẫn không có gì khác lạ. Chỉ có tường vôi loang lở vì trúng đạn, mái ngói hổng một lỗ lớn được vá víu bằng một tấm tôn. Lớp học trông thảm hại ghê gớm, chỗ trú trong vài giờ của đám học trò tôi cũng đã biến thành một chứng tích. Tôi bắt đầu giảng như thế nào về niềm tin tưởng trong ca dao khi lớp học bất an? Không có một chỗ ở nào ngoài lớp học để chúng có thể vui đùa thanh thản. Chỉ còn khung cảnh học đường với bảng đen phấn trắng, chỉ còn những con chuột thản nhiên bò trên nóc nhà, những con thằn lằn ngơ ngác nhìn bàn ghế chỏng chơ, đàn chim sẻ nô đùa trong sân trường. Các em nghĩ gì trong niên khóa mới? Thầy đã hứa là sẽ giúp các em hết mình. Nếu cần, chúng ta cùng thảo luận để tìm đạt một ý thức hệ. Khi đã trang bị cho các em một ý thức hệ rồi, thầy sẽ không lo lắng nữa. Các em sẽ là những người không bao giờ bị ai lừa phỉnh mua chuộc lợi dụng cho những toan tính bất chính. Các em sẽ trở thành lực lượng nòng cốt cho đất nước...

Tôi thấy những nụ cười trong mắt đám học trò. Cuối giờ, cuộc thảo luận trở nên sôi nổi. Trống đánh bãi học. Kỳ sau chúng ta sẽ thảo luận tiếp. Những ngày chờ đợi đám học trò đi chân không đến lớp học để thảo luận tiếp, lúc ấy có gì xảy

ra, biến đổi đối với đời sống hiện tại? Còn có đứa nào bí mật bỏ học để cha mẹ đến trường để hỏi dò tin tức? Đám học trò cùng đứng lên khi tôi bước ra khỏi lớp.

Tôi đi dọc theo đường làng, hầm hố lởm chởm. Cái bảng hiệu Ấp Đời Mới như mang lại một sinh khí cho đời sống ở đây, ít nhất là ngó từ bên ngoài. Ba ngày nữa mới có giờ học để thảo luận tiếp với học trò tôi. Thời gian đó có gì xảy ra, có gì trở ngại? Tôi hốt hoảng, nóng nảy mong mau tới ngày ấy. Những giờ phút ở chốn này đi thật chậm và mang theo cái không khí rình rập đe dọa. Biết có gì đang òa ngập đến, đang xòe cánh tay lớn chụp xuống đời sống bấp bênh? Chẳng trách gì đám học trò tôi, chúng cứ nhìn lấm la lấm lét, chúng vội vã hốt hoảng như chưa bao giờ có những phút thảnh thơi, vô tư lự. Thái độ háo hức một cách bí mật của chúng nhiều lần làm tôi phát hoảng.

Tình cờ gặp Niên. Niên mới đổi về đây phụ trách môn lý hóa.

- Ăn cơm đâu trưa nay?

Có thể ghé quán này ăn cũng được. Có người quen ở đây hứa sẽ nấu cơm trưa giùm moa, giá rất hạ. Toa đến đó ăn với moa cho vui.

- Ờ, để xem lại đã.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Đĩa cơm bốc khói. Niên nói:

Moa ngán không khí ở đây quá, tụi học trò trong giờ học chỉ chú ý đâu đâu. Có đứa suốt buổi học không cười một tiếng, có đứa mải mê nhìn mấy anh cán bộ bình định... Chưa một trường nào có học sinh bí mật đáng sợ như trường này. Moa lại ngán mấy ông cán bộ bình định quá, giờ học mà cứ đứng ngoài, nhìn hết đứa học trò này đến đứa khác, làm như chúng có cái gì gì đó... Này, tụi mình đề nghị với cụ hiệu

trưởng nên tách rời ảnh hưởng của ông Quận trưởng. Toạ nghĩ như thế có được không?

Ừ, mình nghĩ cũng cần thiết lắm, vì mỗi nơi đều có sự chiến đấu của nó. Giáo chức như tụi mình lại phải phấn đấu trong cuộc chiến mà chỉ cần một khoảnh khắc là có thể sa ngã, bỏ cuộc.

Sau bữa cơm trưa, tôi bắt tay Niên:

- Toa cố gắng gần gũi với đám học trò, tụi nó cũng như mình đang còng lưng gánh chịu những cảnh tàn phá... Nhiều lúc cần phải học hỏi ở chúng những bài học nóng hổi máu, nước mắt và niềm sợ hãi do xã hội thời chiến mang lại, tụi nó cũng có những thao thức, những hốt hoảng của lứa tuổi mình... Thôi, moa đến trường có chút việc.

Tôi rời quán ăn đi riết một hồi. Nắng kết thành sao trên ruộng, tiếng gà eo óc trong xóm trưa, âm thanh lao xao đuổi nhau trong đầu. Trưa ở đây mang theo vết chân có sự căng thẳng chờ đón biến cố. Tôi đến cổng trường. Nắng thủy tinh trên mái tôn. Chỉ có nắng và lòng rạo rực chờ đợi ngày học. Tự dưng, tôi thấy bất an trong nỗi chờ đợi đó. Tôi cảm thấy chênh vênh, ngất ngưởng khi đứng trước lớp học. Vẫn những con thằn lằn xám trên tường vôi vàng, những con chuột rúc rích trong gầm bàn, những dãy bàn ghế chỏng chơ. Tôi bước lên bục, làm dáng đúng cách của diễn giả chính hiệu. Tôi nói gì với niềm im lặng trước mặt, tôi nói gì với bảng đen sau lưng, nói gì với cổng trường rào kẽm gai, nói gì cùng thằn lằn, chuột, chim sẻ... nỗi im lặng khốn cùng. Anh muốn nhắc tên Phước để được nghe mình lên tiếng. Tôi muốn gặp lại Ngọ một lần để nói những gì tôi chưa đủ can đảm nói hết: Thầy không có gì để Ngọ phải cám ơn cả. Đừng mỉa mai đến chỗ đứng hiện tại của thầy. Bao lâu còn sự ích kỷ thiển cận

của những người thành phố, bao lâu còn đầy rẫy hầm hố, chất nổ sẵn sàng muốn nổ bất cứ lúc nào, bao lâu còn các em nghi thầy làm công an chìm và bao lâu còn cảnh lầm than nghèo đói thì sớm hay muộn, tất cả những miền đất bùn tối tăm nhất định phải đứng dậy làm cuộc cách mạng xã hội để đòi quyền sống. Lớp học của thầy sẽ đứng dậy. Sao Ngọ đứng dậy mà chẳng nói gì với thầy?

Phải đợi thầy và các bạn học với chứ, đợi đến lúc thầy thanh lọc hàng ngũ giáo chức đã, khai trừ những tên gõ đầu trẻ bần tiện ích kỷ và ù lì. Tiếng nói tôi dội vào bốn bức tường, gió đuổi nhau trên hàng tre, những tiếng động của nhà máy gạo ầm ì. Tôi đã sống qua những buổi trưa như thế này, tôi đã học ở những đám học trò nhiều điều bí ẩn về đêm, tôi đã hỏi những mảnh vụn trên vách tường: nỗi chua xót từ đâu mang tới? Các em nghĩ gì lúc này. Đừng đặt một chỗ ngồi quá đẹp, quá sang cho thầy, đừng tách biệt thầy thành một kẻ xa lạ, thầy và các em là một. Thầy sống bưng bít ở thành, chính các em mới là những người đủ tư cách để nói về xã hội, về giáo dục, về những cái thừa và thiếu của giáo dục. Thầy còn học thêm ở các em những kinh nghiệm về nghi kỵ và dối trá, về đau khổ chết chóc và đe dọa. Bài học ngoài đời muôn mặt và dài quá. Phải để cho thầy tham dự vào đó, phải để cho thầy học thêm với chứ. Tôi đứng rũ người như một con gà bị sũng nước, những con chim sẻ bạo dạn nhảy nhót trên bàn học. Tiếng động òa vỡ trong nắng. Tôi giật mình nhìn qua cửa sổ. Người học trò đứng thấp thỏm ngoài hành lang.

- Nam đó hả, vào đây. Có chuyện gì mà em đến tìm thầy thế?

Nam bước vào rụt rè:

- Dạ Ngọ nhắn thầy nên về phố càng sớm càng hay, đêm nay thầy đừng ở lại với tụi em nữa.

- Không thể được, thầy đã nói hồi sáng, thầy quyết ở lại cùng các em mà. Nhất định thầy phải ở lại...

Buổi chiều lính trên quận về bố trí dọc theo bờ đê. Mọi người đều thổi cơm sớm hơn hàng ngày. Tôi nuốt khó khăn búng cơm cuối cùng và nghĩ đến sáng mai chuyến xe lam không về đây được. Chiếc trực thăng sà thấp trên mái nhà rồi bay vòng vòng trên ngôi trường. Mọi dự định của tôi bị đe dọa trầm trọng. Bóng tối xuống thật chậm như muốn mở cánh cửa thật lớn. Nỗi bí ẩn từ đó. Sự chờ đợi ở đó. Đám học trò tôi cũng nghĩ như thế. Đêm nông thôn có những móng vuốt thật nhọn và mở rộng chới với. Tôi mang tâm trạng của người chờ đợi điểm diện rồi lên bao cát...

Nửa đêm có giao tranh ở chỗ trú quân của đoàn cán bộ bình định. Những tiếng nổ bưng tôi lên, từng loạt. Tôi xuống hầm ngồi bên Nam "Nổ ở đâu thế?". "Ở phía trường mình đó". Chưa dạy được gì cả, chưa nói hết lời đã có sự xáo động. Không biết ngày mai học trò có giữ vẻ bí mật khó chịu như những lần trước? Hay lại có thêm những đứa học trò như Ngọ, nghỉ học không có lý do chính đáng.

Mười lăm phút sau, tôi nghe yên tĩnh rình rập trở lại. Súng nổ lẻ tẻ đâu ở phía đầu xóm. Những con chuột bò rúc rích dưới chân tôi.

Buổi sáng tôi phờ phạc cả người. Nam đem tin về: lớp mình bị hư hại nhẹ.

Tôi nhẹ nhõm người, mặc vội quần áo rồi tất tả đến trường. Tôi bồn chồn khó chịu. Hình như tôi đang đánh vỡ một cái gì. Cổng trường kẽm gai có mấy ông cán bộ bình định đứng gác. Tôi ngước nhìn những lỗ hổng rải rác trên mái ngói. Một lát sau ông hiệu trưởng tới bảo: Quận yêu cầu

trường ta cho học sinh đi dự mít tinh. Học trò sắp thành hàng, đi đầu là biểu ngữ. Tôi mường tượng câu nói ngày nào của một phụ huynh: Thầy làm thế không phải. Tôi gởi con đến trường để học chữ chứ không học đả đảo hoan hô. Nếu có gì xảy ra, thầy có chịu trách nhiệm không? Tôi biết trả lời thế nào cho ổn đây, tại vì ông Quận trưởng, vì cụ Hiệu trưởng hay tại vì đánh nhau? Đứa trẻ cuối cùng khuất sau bụi tre là ngà, tôi lững thững theo. Chỗ nghỉ ngơi vui đùa của các em cũng bị chiếm giữ và tàn phá. Các em còn chỗ nào khác đâu? Điều thầy mong ước là từ đây vẫn còn có nhiều trường hợp của Ngọ, vẫn còn những nông nổi đáng yêu chợt đến trong đời mỗi em khi cần thiết phải xác định một chỗ đứng. Phải cùng thầy nghiên cứu thật kỹ lưỡng bài học ngoài đời rồi sau đó ta mới tìm đến con đường.

Qua đêm giao tranh, buổi học sớm hôm sau vẫn bắt đầu. Đám học trò hết nhìn lấm la lấm lét, thôi nói chuyện nhỏ to bí mật. Tôi nghĩ những bàn chân bẩn có thể tiếp tục duỗi thoải mái trên nền xi măng, những con chuột vẫn bò ngu ngơ trên bàn, chú thằn lằn xám trên tường vôi vàng tắc lưỡi buồn bã, chim sẻ ngoài hàng rào kẽm gai bay đâu mất. Mội vài đứa trong lớp nghỉ học. Lớp học đầu năm khởi sắc trong điêu tàn. Tôi biết mình đang đứng trong một thân tình bấp bênh. "Thầy bắt đầu hướng dẫn từ nỗi khó khăn đó. Cám ơn các em đã giúp thầy niềm tin, cảm ơn lớp học đã cho ta phút nô đùa thanh thản với mắt nhìn xanh xao hy vọng của các em".

Tôi cầm viên phấn và mở đầu niên học mới.

1968

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

VŨ LÊ MAI

Vũ Lê Mai, sinh năm 1931, nguyên quán xã Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1974). Từ năm 1954 đến 1961 chuyển sang viết báo Tiền Phong. Viết văn và làm biên tập biên kịch Hãng phim Truyện Việt Nam tới khi về hưu.

Tác phẩm chính đã xuất bản:

- *Con đò* (Tập truyện); *Tre xanh* (Tập truyện); *Em bé từ bờ sông bên kia* (Tập truyện); *Xóm trại thân yêu* (Truyện dài); *Bầu trời tiếng chim* (truyện vừa); *Mái nhà trên đầu* (Truyện vừa); *Hoa của đất* (Truyện dài); *Mùa xuân chia nửa cho ai* (Truyện vừa).

Kịch bản văn học đã dựng thành phim truyện tại Hãng phim Truyện Việt Nam: *Vợ chồng anh Lực; Người đôi bờ; Bức tường không xây; Những người bạn; Đàn chim trở về; Khi vắng bà; Cát bụi hè đường...*

Bộ phim "*Vợ chồng anh Lực*" được giải thưởng Bông Sen Vàng và kịch bản xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam lần 2. Bộ phim "*Đàm chim trở về*" được giải Bông Sen Bạc và giải chính thức tại Liên hoan phim Á-Phi (Liên Xô). Bộ phim "*Khi vắng bà*" được giải Bông Sen Bạc tại Liên hoan phim VIII...

Về truyện "Ánh sáng kì diệu"

Tôi viết truyện ngắn đầu tay vào năm 1958 khi báo Tiền Phong cho đi lao động thâm nhập thực tế tại Hà Tây, tham gia xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và củng cố chi đoàn thanh niên ở một thôn. Nhà xuất bản Văn học in lại truyện ngắn này trên báo văn nghệ cùng với bốn tác giả trong tập truyện "Ánh sáng kỳ diệu".

Ánh sáng kỳ diệu

Có thể nào giảng giải được màu sắc cho một người mù từ khi lọt lòng mẹ. Đối với những người như thế, tất cả chỉ là màu đen, màu đen trong lúc ngủ, màu đen cả trong khi thức.

Trưa hôm ấy, tôi đi họp cùng ban vận động thành lập Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, về tới nhà bà cụ Khoa, vừa mở mành cửa đã thấy anh Bờ ngồi thu lu trên phản. Họp lâu đói bụng, tôi chỉ chào hỏi anh qua loa, mời anh uống nước hút thuốc, rồi vội vã vào buồng bê nồi cơm để phần ra ăn. Đầu óc tôi đang mải nghĩ tới những gia đình là đối tượng vận động của mình, sao vẫn chưa thấy họ nộp đơn xin gia nhập. Tôi có để ý gì đến anh.

Anh mù cả hai mắt từ khi bắt đầu làm người. Anh chỉ có mẹ, không có bố. Mẹ anh đi ở cho tên Tổng Tùng, một tên địa chủ cường hào, bị nó đổ bệnh giang mai. Mẹ đẻ ra anh ngoài bờ ruộng, rồi bỏ đi biệt tích. Người cậu anh biết, ra ẵm anh về nuôi. Tới bây giờ anh vẫn dựa vào cậu em mẹ, sống lặng lẽ như đôi mắt chết của anh. Cuộc sống chung quanh chỉ giới hạn theo âm thanh nghe được và đôi bàn tay trở nên nhạy cảm. Hồi cải cách ruộng đất, mọi người còn chú ý tới anh, nhất là khi anh nức nở khóc tố cáo tội ác của Tổng Tùng. Lâu dần, mải lam làm, chỉ những khi gặp anh mọi người mới hỏi han đôi tiếng gọi là chỗ người làng kẻ nước với nhau. Anh được chia ba sào ruộng vào loại tốt, gần nhà. Thỉnh thoảng được tổ đổi công của ông cậu rảnh tay làm

giúp vài buổi. Với một người mà như anh, tưởng như thế đã mãn nguyện lắm rồi.

Về phần tôi, từ ngày về ở trong thôn, lại ở cùng ngõ Điếm, hôm nào chẳng gặp anh. Anh nghiện thuốc lào. Tôi cũng thế. Gặp nhau quanh chiếc điếu cày, câu chuyện với người mù nhạt thếch. Thường chỉ được câu trước câu sau, tôi đã mải việc tôi. Anh sang chơi chỗ tôi thế này luôn. Tôi mới đãi anh phong thuốc lào hôm trước, chắc hết rồi, nếu không thấy anh rờ điếu. Tôi đặt bát cơm ăn dở, móc túi lấy sáp thuốc đưa anh:

- Hút điếu cho ấm, anh Bờ.

Anh quơ tay về phía tôi vẻ từ chối, rồi đập đập vào túi áo:

- Xin anh... Thuốc bữa qua anh cho còn đây.

Nói xong anh ngồi lặng im. Hai tròng mắt lõm sâu, lòng ngươi teo lại đục lờ lờ như cùi nhãn hướng lên bức vách. Rồi đột nhiên anh hỏi tôi:

- Anh Vũ ạ. Tôi định xin đi chữa mắt, được không anh.

Chẳng hiểu sao tôi lại mỉm cười, không nhìn anh, trả lời:

- Chữa mắt thì còn làm thấy bói, thầy cúng sao được.

Thực ra tôi buột miệng hỏi anh câu ấy. Bà cụ Khoa, chủ nhà tôi ở, chả đã cho tôi biết có dạo anh theo lão Tư Ấm ở xóm dưới, một thầy bói kiêm phù thủy, cũng học chập chọe ê a bắt tà bắt ma gì đó. Được cái người mù thường sáng dạ. Anh lại tốt giọng và đàn rất ngọt. Đôi khi lão thấy bận việc, anh đi một mình vẫn được gia chủ tín nhiệm thưởng tiền luôn. Anh cũng biết xem bói, bấm giờ sinh tháng đẻ tốt xấu, chọn ngày động thổ hay cất nóc giúp vài nhà để có chén, lại có phần gói về. Tôi rất ghét cái nghề mê tín dị đoan ấy, nên chẳng ưa gì anh. Gần đây mới biết anh đã bỏ nghề nhảm nhí, hàng ngày ngồi nhà

đan rổ rá, hay nhận thóc phát xay của mậu dịch về làm. Có thể vì ít người tin nhảm. Cũng có thể gia chủ chỉ mời một mình Tư Ấm để khỏi rùm beng đến tai chính quyền.

Nghe tôi nói, anh lẳng lặng rờ điếu, kéo vào lòng. Mãi một lúc sau, tôi nghe tiếng anh thở dài:

- Anh tính không còn cách gì mới làm đến cái nghề mạt ấy...

Thì ra thế. Anh Bờ của tôi cũng giác ngộ. Song đôi mắt anh đã chết, làm sao chữa được nữa. Tôi bỗng thấy thương và ái ngại cho anh.

Trưa hôm sau. Trưa ngày cuối cùng của hạn nộp đơn vào hợp tác xã. Tuy công việc và trách nhiệm còn nặng nề, lòng tôi cũng thư thái đôi phần, tôi bước thong thả về nhà bà cụ Khoa, hẳn được ăn bữa cơm nóng sốt.

Thật không ngờ số đơn xin gia nhập hợp tác xã nhiều đến thế. Sáu mươi hai lá. Vào cuộc vận động tôi chỉ dự tính chừng bốn chục lá đơn, tức già nửa số gia đình xin vào, đã thắng lợi lắm rồi. Ai ngờ. Ông Nhang Kỳ bốn lần bảo con viết đơn lại xé đi. Lần thứ năm ông mới ký vào, rồi chạy vội đến nộp cho ban vận động.

Đêm giao thừa của những cuộc sống cũ và mới đã qua, giờ chỉ còn lo tổ chức mọi người lại, hướng họ đi đúng theo con đường của Đảng đã chỉ vẽ. Khó khăn bước đầu đã qua. Khó khăn sau sẽ gấp bội. Nhưng trước mắt tôi đã hiện ra cuộc sống tươi đẹp của nông thôn ngày mai.

Đang miên man suy nghĩ, trong đầu tràn ngập niềm vui, bỗng có người gọi ngay bên cạnh làm tôi giật mình. Thì ra anh Bờ. Anh đứng ngay bên điếm canh, tôi đi ngang qua không để ý. Tôi cười, gọi anh:

- Vào nhà hút thuốc, anh Bờ. Hôm nay có thuốc chợ Đám đây.

Mọi ngày nghe tôi nói có thuốc chợ Đám là anh hếch mặt cười như đứa trẻ. Lần này anh chỉ giương đôi mắt chết về phía tôi, chậm chạp bước theo. Anh đi không bao giờ phải dùng gậy. Chỉ có người đã sáng bị mù mới phải nhờ đến chiếc gậy dò đường. Còn anh, anh đã đi như thế ngay bước đi đầu tiên trong đời. Nhớ tới câu chuyện nói với anh hôm qua, tôi buồn rầu im lặng đi bên anh cho có bạn.

Về tới nhà, tôi lấy ngay chiếc điếu cày, nạp sẵn thuốc đưa vào tay anh mời anh hút. Anh cảm ơn, cầm lấy điếu dựa vào chân phải, hai tay thu vào lòng. Tôi châm đóm giục anh. Anh ngồi im. Thấy cử chỉ khác thường của anh, tôi vẫn cho rằng anh buồn về đôi mắt. Người mù bao giờ chẳng buồn về đôi mắt. Tôi để gói thuốc bên chỗ anh ngồi, mặc anh ngồi đấy, quay ra làm gấp công việc chuẩn bị cho các xã viên mới bước vào bình sản lượng ruộng đất và học điều lệ của hợp tác xã.

Nghe tiếng tôi lục giở tài liệu, lót ghế ngồi viết bên chiếc chõng kê gần đấy, lại nghe tiếng bà cụ Khoa sắp mâm bát cho bữa cơm trưa, như người thảng thốt anh hướng về phía tôi nói vội vã như sợ có người nghe thấy:

- Anh Vũ. Anh cho tôi vào hợp tác mấy.

Như bó lửa táp vào mặt, tôi giật mình ngước nhìn anh. Sợ tôi chưa nghe rõ, anh run run nói tiếp:

Tối nào học tập tôi cũng đi. Tôi hiểu chính sách lắm. Bây giờ chưa kết nạp những người cô đơn tàn tật, thiếu sức lao động. Dưng tôi vẫn đập được lúa, quạt được thóc. Hợp tác rồi ra gặt về đầy ngõ, chật sân, tôi ngồi ngoài nắng suốt ngày đuổi gà, trở thóc được. Mắt tôi hỏng hẳn rồi. Xin anh cứ cho tôi vào. Việc gì làm mãi chả thạo...

Người tôi lạnh đi theo từng câu nói của anh. Tôi hiểu. Những buổi tối toàn thôn học tập tài liệu thành lập hợp tác xã, anh vẫn tới ngồi thui thủi ngoài hè như chiếc bóng. Không phải vì tò mò, không phải để sán vào đám đông vê vê hai đầu ngón tay ra hiệu xin thuốc, anh đến để học tập. Trách nào anh muốn xin đi chữa mắt.

Tất cả những căm giận, uất ức của một kiếp người bị đày đọa trong anh bỗng như lớp sóng cồn ầm ầm trút xuống người tôi. Lúc này tôi lại muốn cho tất cả các xác chết đều có linh hồn để một thế lực linh thiêng nào đó có thể bắt tên Tổng Tùng dưới địa phủ phải chịu lấy hình phạt xứng với tội ác của nó. Nhưng trước mắt tôi vẫn chỉ là anh Bờ. Anh bạn khốn khổ của tôi.

Từ hai hốc mắt sâu thẳm, dày đặc bóng tối kia, cái gì đã giúp anh nhận thấy con đường tươi sáng ngày nay. Từ trong khối óc không phân biệt ngày đêm kia, điều gì đã khiến anh thấy được bước đi của ngày mai. Anh đang muốn sống, muốn làm việc và có tương lai như mọi người.

Giờ đây, bước đầu của một cuộc đọ sức, phải cần đến những đội quân xung kích dũng cảm và tinh tường. Bước đầu của những hợp tác xã mới xây dựng còn phải chiến đấu với tập quán hàng ngàn năm làm ăn riêng lẻ, tính tư hữu, bảo thủ của người nông dân. Hình thức tổ chức như thế nào là thích hợp, phương thức canh tác ra sao để mọi hộ xã viên vẫn phát huy được tính tích cực, năng động như khi còn làm ăn riêng lẻ. Phải làm cho hợp tác xã thực sự là bước đi tin tưởng của tất cả những người hôm nay còn do dự. Hợp tác xã huyện bên đang có người muốn xin ra vì cung cách làm ăn "cha chung không ai khóc", và công điểm chia không đều, sản lượng ruộng đất có tăng mà thóc về nhà ít đi. Đã nên kết nạp

những người như anh Bờ chưa. Nếu anh ăn làm chung với gia đình người cậu, mà người cậu vào hợp tác xã, thì mọi việc yên ổn. Những lao động chính trong gia đình người cậu sẽ bù vào những điểm công thiếu hụt của anh.

Nhìn anh, lòng tôi se lại. Tôi mong cho hợp tác xã mau chóng được củng cố, thu hoạch một hai vụ thật tốt, để những người như anh sớm được vào. Hợp tác xã lúc đó đâu còn giẫm chân một chỗ, thiếu gì công việc cho anh. Anh đã sống cô đơn trong bóng tối lâu quá rồi. Hợp tác xã sẽ là đại gia đình của anh. Tổ quốc rộng lớn như cánh tay bà mẹ ôm ấp anh, dẫn dắt anh trong ánh nắng mặt trời.

Thấy tôi không nói, đôi mắt chết của anh như nổ vỡ một lần nữa. Nước mắt tưởng không còn lại từ trong hốc mắt khô cứng ứa ra, chảy loang trên khuôn mặt dại đờ. Anh khóc. Tôi cũng nghẹn ngào.

Buổi tối, đi ngang qua nhà anh, tôi nghe anh đang to tiếng với hai người em con ông cậu. Cứ từng nhát, từng nhát như mũi chêm lèn xuống thớ gỗ, anh mắng:

Tưởng chúng mày có mắt, có mắt mà không thấy rõ đường lối của Đảng. Không vào hợp tác, chúng mày cứ ở ngoài, loanh quanh như chó dọn ổ, vụ thất vụ bát lại quay về cảnh vặt mũi đút miệng như xưa. Mỗi đứa chúng mày chỉ có hai bàn tay. Hai bàn tay thì không bốc được trời đâu!

Anh Bờ ơi! Tôi không giảng được màu sắc cho anh, nhưng ánh sáng kỳ diệu của Đảng và một niềm tin mạnh mẽ trong anh, tự anh đã thấy.

Cuộc sống ở nông thôn ngày nay chẳng đã muôn màu nghìn sắc đấy ư.

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

NGÔ QUÂN MIỆN

Ngô Quân Miện sinh năm 1925, quê xã Sơn Đà, Ba Vì, Hà Tây, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam; nguyên Tổng biên tập báo Độc lập.

Tác phẩm:

Tập truyện ngắn "*Ngày cưới*", Nhà xuất bản Thanh niên - 1962.

- Một số tập truyện viết cho thiếu nhi.

- Các tập thơ: "*Bông hoa cỏ*", "*Ngọn nguồn*"; "*Bóng núi*"; "*Nét hoa văn*".

Giải thưởng:

- Giải thưởng thơ tạp chí Văn nghệ: 1961

- Giải thưởng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam: 1994

- Giải thưởng thơ 5 năm Hội Văn nghệ Hà Nội: 1991 - 1996

- Giải thưởng thơ cho tác giả cao tuổi Ủy ban toàn quốc Văn học - Nghệ thuật 2000.

Lời tựa truyện ngắn "Giấc ngủ"

"Giấc ngủ" là truyện ngắn đầu tiên tôi viết năm 1959 trong một loạt truyện về công trường Bắc - Hưng - Hải.

Năm 1958, sau lớp học tập chỉnh huấn của các văn nghệ sĩ ở ấp Thái Hà (Hà Nội) - hồi ấy tôi làm biên tập viên văn nghệ của báo Độc lập, anh em được phân về các cơ sở nông thôn, công trường, xí nghiệp để thâm nhập thực tế và tham gia lao động. Đoàn của tôi được phân về công trường xây dựng đại thủy nông Bắc Hưng Hải, công trường xây dựng lớn nhất ở miền Bắc lúc bấy giờ. Chúng tôi ở đó chừng ba bốn tháng vừa tham gia lao động vừa tìm hiểu đời sống và công việc của anh chị em công nhân xây dựng. Lần đầu tiên tôi được tham dự một công trường quy mô lớn với hàng ngàn người đào, gánh, đắp đất và hàng trăm công nhân xây dựng với các máy ủi, máy xúc, cần cẩu, hàng đoàn xe tải chạy bụi mù; những đêm sương mù, bóng điện giăng giăng như một thành phố, những máy trộn bê tông và những đoàn xe cút kít đổ bê-tông chạy ầm ào...

Sau thời gian ở công trường về, trong khi ban ngày làm công việc biên tập báo thì ban đêm, trong năm 1959 và nửa năm 1960, tôi viết được một loạt sáu, bảy truyện về công nhân công trường và một số bài thơ. Đó là các truyện ngắn: "Giấc ngủ" in tuần báo Văn học số 214 năm 1962; "Ngày cưới"; "Hai đêm gác công trường"; "U"; "Đất bùn", bốn truyện này in trong tập "Ngày cưới", Nhà xuất bản Thanh niên 1962; hai bài thơ "Tặng anh công nhân xây dựng" và "qua cầu sông Đuống" được giải thưởng thơ tạp chí Văn nghệ năm 1961.

Giấc ngủ

Chính ủy Sơn Hà hai tay nắm chắc chiếc chày *chấn động* của máy đầm hơi, thận trọng cắm xuống mặt bê tông, cố đầm thật đúng theo quy cách kỹ thuật mà Ban chỉ huy công trường đã xác định. Sức hơi của máy ép, truyền qua ống cao su, làm chiếc chày rung lên bần bật như muốn văng khỏi tay ông, sức hơi truyền qua tay làm cho toàn cơ thể của ông rung lên rất mạnh, chuyển đến cả tim phổi. Mỗi chỗ chiếc chày ấn xuống, mặt bê tông như sôi lên, lăn tăn gợn sóng, những tia nước li ti bắn tóe ra xung quanh.

Ông đầm thế này đã hai tiếng đồng hồ liền. Những chiếc bóng điện gió đu đưa trên dây cao chiếu xuống, qua những khung cốt sắt, kẻ lên mặt lớp bê tông những ô vuông và hình quả trám di động. Những vật bóng di động ấy lúc này đã bắt đầu làm cho ông hoa mắt. Hai xương bả vai như muốn rã xuống. Cái lưng cúi lom khom suốt buổi nay chỉ chực gục và hai chân đã mỏi cứng lại trong đôi ủng. Nghe tiếng máy nổ bình bịch, ông tưởng như những tiếng ấy do chính tai mình phát ra. Toàn thân ông đã mỏi rũ, giá lúc này được ngả lưng xuống bất cứ chỗ nào, ông cũng có thể đánh ngay được một giấc say. Nhưng ông vẫn không ngừng tay. Chốc chốc, một điều suy nghĩ da diết như một mũi khoan loại xoáy sâu nhoi nhói trong đầu ông.

Sáng hôm qua đây, lớp ván khuôn của đợt bê tông đầu tiên của khối chân cống vừa được bóc. Mỗi tấm tháo ra, ông đều đến tận nơi xem xét. Mỗi tấm ván như một mảnh lá bóc ra, để lộ những mảng bê tông nhẵn mịn như những mảng bánh khoai rền chặt. Đại bộ phận khối bê tông tốt đẹp, đúng quy cách, nhưng có hai ba chỗ ở những khe, những góc mố, bị lấm tấm như mặt đá ong. Chỉ một vài chỗ "rỗ", nhưng ông thấy xót xa như chính mình đã bất cẩn để gây nên những vết lở loét trên mặt mình. Bàn tay ông như còn nóng hổi cái bắt tay với đồng chí đại diện Tổng quân ủy, hôm Đảng và Chính phủ trao nhiệm vụ cho ông về phụ trách công trường này. Cái bắt tay thay cho những lời hứa hẹn. Công trình mà Đảng giao cho ông phụ trách là một trong những công trình xã hội chủ nghĩa lớn của miền Bắc, nó sẽ đem nước về cho ngót chục vạn mẫu ruộng đồng bằng. Từ công tác chỉ đạo quân sự chuyển sang chỉ đạo xây dựng kinh tế, đối với ông là cả một cuộc vật lộn hàng ngày. Bao nhiêu vấn đề mới: nào là bản đồ thiết kế, kế hoạch thi công, tiền đồ công tác, nào là vấn đề kỹ thuật, nào là vấn đề lãnh đạo tư tưởng dân công, công nhân, lãnh đạo các đoàn thể thanh niên, công đoàn... Không một việc gì cho phép người chỉ huy công trường được quyền không biết tới. So với nhiệm vụ của ông trong một chiến dịch trước đây, không những không kém mà lại có phần nặng nề hơn.

Ấy thế mà không hiểu vì đâu, lại có những chỗ bê tông bị rỗ!

Từ hôm qua, chính ủy Sơn Hà bứt rứt như người bị rôm sẩy cắn. Ông có cái bực mình của người cầm quân sau một trận đánh, mặc dầu đã bao vây giặc hết mọi ngả mà cuối

cùng vẫn để lọt mất một bộ phận địch trốn đi đằng nào không biết.

Lúc này, mó tay vào đầm, ông càng thấy rõ, nếu theo đúng quy cách của các đồng chí chuyên gia Trung Quốc hướng dẫn thì bê tông không thể nào rỗ được, vì sức rung động của máy hơi làm cho vữa được đầm xuống rất rền. So sánh với những chỗ rỗ hôm qua, ông vẫn nhận thấy một điều: Bê tông chỉ rỗ ở các khe góc mà không rỗ ở những mảng tường lớn. Như thế tức là bê tông rỗ không phải ở những chỗ đầm bằng máy, mà chính là rỗ ở những chỗ ngóc ngách phải đầm bằng tay. Vậy nguyên nhân chắc chắn ở nơi những người đầm tay.

Ông trao trả chày *chấn động* cho anh công nhân gần đó và chui luồn qua những thanh cốt sắt lại gần một góc. Ở đây, một bác công nhân đứng tuổi nằm rạp dưới phên cốt sắt, dáng điệu y như con báo bị nhốt trong một cái lồng thấp quá, đang cầm cào san bằng những đống vữa mới đổ xuống. Bên trên, thỉnh thoảng một chiếc xe cút kít chạy đến, đổ bê tông xuống rào rào, sỏi và vữa có lúc văng tóe ra, bắn cả vào đầu vào mặt người thợ đầm ở dưới. Trong góc hẹp, một anh thợ trẻ đang đầm bằng chiếc đầm chân vịt. Để ý nhìn thì thấy anh ta làm ăn khác hẳn mọi người. Anh ta cứ lừ đừ chọc chọc cái đầm, uể oải như người ngái ngủ, mắt thỉnh thoảng lại ngước lên như ngóng ai, mũi đầm lúc thì thưa, lúc thì mau. Chính ủy bò lại gần, cố nói to át mọi tiếng máy:

- Này cậu! Đầm cho đều tay vào kẻo lại rỗ hết đấy!

Anh ta ngước đôi mắt kính thợ đầm lên nhìn, rồi lại cúi xuống, phớt như không. Có lẽ anh ta thấy ông mang kính thợ

đầm, nên tưởng là một công nhân nào đó. Một lúc anh ta mới nhếch mép:

- Ai bì được với thợ đầm máy các anh!

Chính ủy cứ lom khom mò đến các góc khác. Rải rác ở các góc, có một số thanh niên đầm tay lờ phờ như vậy. Ông thoáng có ý ngờ: chính những chàng thợ trẻ này đã làm cho bê tông rỗ chăng? Ông hỏi bác công nhân đứng tuổi thì bác ta bảo:

Tôi đã bảo mãi, nhưng chúng nó chỉ được một lúc lại đâu hoàn đấy. Ấy cái bọn trẻ mà phải đầm chân vịt, thằng nào cũng thế đấy bác ạ. Thanh niên chúng nó thằng nào cũng chỉ thích làm máy móc. "Làm máy mới có tương lai!". Chúng nó bảo thế! Chứ cứ đào đất, gánh đá, đầm chân vịt, chẳng thằng nào thiết đâu...

Chính ủy khẽ "a" một tiếng. Ông đã thấy hé ra đáp số của bài toán. Chẳng phải là vấn đề kỹ thuật, chẳng phải là vấn đề "ẩu" một cách đơn giản, mà là cả một vấn đề tư tưởng cần phải giải quyết cho cả một lớp công nhân trẻ tuổi: vấn đề quan niệm về tiền đồ.

Vấn đề quan trọng như vậy mà ít lâu nay ông đã không để ý tới. Cơn mệt nhọc bỗng biến đằng nào mất. Ông chống tay nhanh nhẹn nhảy lên khỏi hố móng cống. Mấy tiếng đồng hồ liền làm việc dưới hố, vừa mệt vừa nóng, bây giờ lên bờ mới chợt thấy lại cái lạnh của đêm đông. Đêm tháng một, càng về khuya càng trong vắt. Trăng hạ tuần vẹt đi một nửa đang ngả dần về phía bên kia sông Hồng. Đêm khuya, khắp cả miền đồng bằng rộng lớn đang ngủ say, chỉ có khu hiện trường cứ cháy rực lên ánh điện, các

thứ máy móc nổ vang rền. Chính ủy Sơn Hà nhìn những dây bóng đèn ngang dọc chằng chịt như những hàng khuy vàng đính trên nền trời đen bóng như nền lĩnh, nhìn những đoàn goòng, đoàn xe cút kít chạy rầm rập, càng cảm thấy cái sức sống của đất nước đêm nay dâng lên thật là mãnh liệt. Ông tháo đôi găng dính đầy vữa, đút túi, tháo chiếc khẩu trang, hít một hơi dài luồng không khí mát lạnh vào lồng ngực.

*

* *

Cùng với cảm giác thoải mái giữa khoảng không rộng lớn, một niềm vui đột ngột xâm chiếm tâm hồn ông. Ông chợt nghĩ đến vợ và con ông vừa ở nhà quê ra thăm ông lúc chiều. Chắc lúc này, bà vợ và cậu con giai đang chờ ông lắm. Hai năm nay rồi, ông chưa về thăm nhà, chưa có dịp chuyện trò với vợ, vui đùa với các con. Người vợ lành hiền và dũng cảm, những ngày ông hoạt động cách mạng bí mật, đã gan dạ chịu đựng nỗi xa cách, đã hy sinh những ngày tuổi trẻ đằm thắm nhất, mặc dù bị khủng bố, đe dọa, vẫn một niềm tin tưởng ở chồng, ở thắng lợi của cách mạng. Nhưng cách mạng thành công rồi, vợ chồng cũng chẳng mấy lúc được ở bên nhau. Chín năm kháng chiến, ông cũng chỉ về qua nhà được có hai lần. Còn thì chỉ dăm bảy tháng mới có một lá thư nhờ giao thông bộ đội đi qua chuyển về. Từ ngày hòa bình, ông cũng mới về được thêm vài chuyến. Thơm, đứa con gái đầu lòng, chắc đã lớn lắm. Riêng, con bé út, từ ngày đẻ cũng chưa biết mặt bố. Ông chỉ biết nó qua bức ảnh: đôi mắt nó tròn xoe và chắc nó cũng đa bánh mật như con Thơm, chị nó...

Về đến khu nhà của ban chỉ huy, thấy cánh cửa phòng làm việc của ban chỉ huy vẫn mở toang, ông sực nhớ: Cấp, đội trưởng đội công nhân 6, đang chờ ông để báo cáo về một việc gì. Một vụ trai gái gì đó... lúc nãy anh ta gọi dây nói ra hiện trường, ông nghe không rõ...

Trong phòng, đội trưởng Cấp, tay cầm chiếc mũ bộ đội, đang đi đi lại lại, có vẻ sốt ruột. Một đôi trai gái ngồi ở góc phòng, trên chiếc ghế dài kê sát vách nứa. Khi anh con giai đứng lên chào, ông chợt thấy anh ta quen quá, hình như anh ta có lần đã nói chuyện với ông rồi. Con người có cái lưng dài, cái đầu hơi chúc xuống, khiến cho mớ tóc trước trán rủ xuống tận lông mày. Cô gái thì nép vào cạnh cái cốt tre, để bóng tối che lấp khuôn mặt.

Chính ủy bỗng thấy bụng quặn lên vì đói. Mọi ngày bữa cơm tối, ông thường ăn vào 8 giờ, sau khi đi kiểm tra công việc ban ngày và hội ý với đội trưởng các đội công nhân, các ban chỉ huy các khối dân công. Hôm nay, mải kiểm tra công việc đầm bê tông, ông quên cả giờ ăn.

Ông đến bên bàn cầm cái ca quay lại tìm phích nước nóng nhưng không thấy, định sang phòng ngủ bên cạnh. Đội trưởng Cấp đứng thẳng, nhưng hai bàn chân rậm rật không yên, như có kiến đốt:

- Báo cáo đồng chí!

Chính ủy giơ tay:

- Xin lỗi, một phút thôi!

Ông sang buồng ngủ và vừa mở cánh cửa tre, bước vào. Gian buồng hôm nay có cái gì khác mọi ngày, nó tỏa ra một thứ hơi gì đầm ấm, quyến rũ!

Cái bóng điện treo giữa phòng mọi ngày vẫn sáng trong suốt đêm, hôm nay bỗng được bọc ngoài bằng một mảnh bìa xanh. Điều đó chứng tỏ khách mới đến là người không quen ngủ đèn như người ở công trường này. Trên giường, chiếc màn trắng rộng đã được buông xuống. Ở góc phòng, mới có thêm chiếc giường một cũng đã buông màn.

Nghe tiếng két cửa, một người đàn bà trạc bốn mươi, vóc người đầy đặn vén màn ngồi dậy:

- Cậu đã về đấy à?

- Mình và con chờ tôi lắm phải không? Mình và con đã ăn cơm chưa?

Ăn rồi. Bảo để xuống nhà tập thể ăn, "bác anh nuôi" bác ấy cứ bưng lên. Cơm phần cậu tôi để kia. Cơm ủ vẫn còn nóng, chỉ có thức ăn hơi nguội mất!

Chính ủy đến bên chiếc giường nhỏ, vạch màn. Cậu con giai nhỏ của ông, chú thiếu niên tiền phong, đi ngủ, cổ vẫn quàng nguyên khăn đỏ! Trời lạnh mà chiếc chăn trấn thủ vẫn cứ bị đạp xô về một bên. Trên đầu giường, một cuốn sách đang đọc dở. Chính ủy nhìn mặt con da rám nắng hồng hào, lòng bừng cháy lên một niềm yêu thương thắm thiết. Hai năm nay, ông chưa về thăm, đứa con trông đã khác hẳn đi. Nó cao, đen, rắn rỏi ra nhiều. Nó nằm ngủ, nhưng cái mồm vẫn như mắm lại, nét mặt trông linh lợi, nghịch ngợm tệ! Ông muốn ôm chặt đứa con vào lòng mà hôn, mà vuốt ve đã lâu rồi ông chưa được vuốt ve con - nhưng lại sợ phá mất giấc ngủ ngon lành của nó. Ông quay sang hỏi vợ:

- Con nó ra đây thích lắm phải không mình?

Gớm, nó mong cậu quá! Đến nơi một cái là chực nhảy ngay ra xem các thứ máy. Nó bảo để nó ra tìm cậu. Tôi phải gắt, nó mới chịu thôi. Ấy vừa đến nơi mà đã nhặt đầy hai túi sỏi. Cậu thử nắn mà xem.

Thế ở nhà, mẹ, con Thơm và con Liên khỏe cả chứ, mình?

Vâng, mẹ vẫn khỏe. Mẹ cứ bảo cho mẹ cùng đi với. Ai người ta cũng nói công trường to lắm. Mẹ bảo: "Cho tao ra xem, đi thăm bố nó luôn thể. Tao chỉ đi chơi xa lần này thôi, thế là yên trí, rồi lúc nào chết thì chết!". Nhưng ai dám để mẹ đi. Con Thơm thì muốn đi quá, nhưng nó nghĩ nó mà đi thì mợ lại phải ở nhà trông bà, trông em, nên đành thôi. Hết hè sang năm, nó lên lớp chín đấy cậu ạ. Dạo này nó cứ lớn bổng lên, ngày nghỉ nó cày bừa giúp tôi được cả rồi đấy!

- Thế công việc đồng áng ở nhà ra sao? Làng ta vào hợp tác xã chưa?

- Dạo này gặt xong, còn rỗi. Mạ chiêm đã tốt rồi. Làng ta mới lập một hợp tác. Đến vụ mùa, nhà mình cũng xin vào đấy.

Chính ủy Sơn - Hà nhìn vợ mình khỏe mạnh, nước da nâu, hai bàn tay to và chắc. Ông muốn nắm chặt lấy hai bàn tay ấy trong tay mình. Hai bàn tay cần cù đã cáng đáng bao nhiêu công việc đồng áng, cửa nhà, chăn nuôi con cái, giúp cho ông yên tâm suốt cả hai mươi năm nay đi hoạt động cách mạng. Nhưng ông chỉ nhẹ nhàng đặt bàn tay lên vai vợ. Hơi ấm của vợ truyền sang người ông, làm ông quên cả những cảm giác đói, mệt. Ông chợt cảm thấy mình có nhiều thiếu sót đối với vợ con. Đã quá lâu rồi, ông ít quan tâm đến việc giúp đỡ vợ dạy dỗ các con, hoặc về mọi

mặt công việc gia đình. Nhưng đôi mắt hiền hậu, hồn nhiên của bà vợ không hề thoáng có vẻ gì giận hờn, trách móc.

Ông bỗng da diết nhớ mẹ già, nhớ các con Thơm, Liên, mấy gian nhà gỗ xinh xắn, vườn chuối tiêu, cái làng nhỏ bên dòng sông Chu trong vắt, những ngày kháng chiến cóc cách tiếng khung cửi dệt khăn mặt. Ông muốn thức suốt đêm nay để nói chuyện với vợ...

Những tiếng ho của đội trưởng Cấp ở ngoài phòng như một tiếng gọi sốt ruột. Ông quay lại phía vợ đang sửa soạn mâm cơm:

- Ấy chết! Tôi đang có việc, chưa xong.

Người vợ lại đậy lồng bàn, nhìn theo bóng chồng bước ra cửa.

Chính ủy vừa bước ra, đội trưởng Cấp đã lên tiếng ngay, giọng hơi gay gắt:

- Báo cáo đồng chí, hai vợ chồng anh này là công nhân ở đội tôi. Đây là lần thứ ba họ phạm nội quy. Đêm nào, họ cũng đưa nhau đi chơi khuya quá 11 giờ chưa về. Lúc 10 giờ đêm vừa rồi, dân quân thôn Bún bên kia bắt được anh chị đang làm gì với nhau ở trong góc đình đổ không biết. Nhân dân họ đồn ầm lên là công nhân công trường "hủ hóa" với nhau, mất uy tín công trường quá. Báo cáo đồng chí, ở công trường bao nhiêu là thanh niên nam nữ, nếu cứ dung dưỡng những hiện tượng vô kỷ luật thế này thì chẳng mấy chốc mà họ làm loạn lên...

Anh thanh niên nghe đội trưởng Cấp báo cáo, nhấp nhổm hai ba lần giơ tay định nói. Anh ta hất mái tóc lên,

trông dáng điệu như một con ngựa tơ hất bờm. Chính ủy ra hiệu cho anh ta bình tĩnh...

Chính ủy đã thấy mờ cả mắt vì vừa đói, vừa mệt, vừa buồn ngủ. Nhưng không thể giải quyết công việc một cách vội vàng. Ông giơ tay nhìn đồng hồ rồi bảo Cấp:

- Thôi, đã khuya, đồng chí có thể về nghỉ. Tôi sẽ có ý kiến với đồng chí sau.

Cấp đi rồi, ông vẫy hai người thanh niên đến ngồi ở ghế trước mặt. Ông nhìn chầm chập vào anh thanh niên:

- Cậu tên là gì nhỉ? Tôi trông quen quá!

- Báo cáo đồng chí, em tên là Dương, trước ở công trường Yên Bái, Phú Thọ, đủ cả...

Chính ủy vỗ đùi:

- A! Nhớ rồi. Chẳng phải ở đâu cả, ở ngay đây thôi! Hôm mới đào móng cống, cậu lặn xuống giếng mạch phải không?

Cách đây hơn một tháng, khi chuẩn bị đào móng cống, đội khoan phát hiện ra một mạch nước ngầm ở dưới sâu, cần phải lấp lại. Nếu không lấp được, mạch nước sẽ ăn ruỗng mãi ra, và công trình có thể bị hư hại lớn, móng cống có ngày sập, chưa biết chừng. Phải đào một cái hố như cái giếng, sâu trên 10 thước, cho những bao tải đất sét xuống, vít mạch nước lại. Giếng đào xong, những người công nhân xung phong thay phiên nhau lặn xuống, dò xem lỗ mạch to nhỏ thế nào. Đêm ấy, chính ủy thức suốt đêm ngoài trời với anh em công nhân. Đêm tháng mười giá buốt, cứ mỗi lần một công nhân lặn lên, ông bắt lau khô ngay người, khoác áo và đến bên đống lửa sưởi. Ông chú ý đến một anh công nhân người cao, anh ta lặn lâu nhất và mỗi lần lên nghỉ,

chỉ sưởi độ 15 phút lại xin xuống thay cho anh em khác. Hỏi thì anh ta nói cộc lốc:

Ngồi lâu, sốt ruột bỏ cha.

Anh công nhân ấy, chính là cậu Dương hôm nay. Cái lối "có ý kiến" của anh ta lúc nãy, nó cứ ngang ngang, ông đã nhận ra. Ông đẩy hộp thuốc lá và bao diêm về phía Dương:

- Đầu đuôi câu chuyện ra sao?

Cử chỉ thân mật của ông làm cho anh thanh niên đang cúi đầu ngửng lên nhìn ông. Đôi mắt anh ta lúc này dịu hiền và tươi tỉnh lạ. Anh ta thò tay lấy một điếu thuốc lá, vân vê mãi. Một lát sau anh ta mới nói:

- Thưa anh, em cũng thấy như thế là khuyết điểm quá...

Rồi anh ta lại cúi đầu, mái tóc rủ xuống trán.

Chính ủy bỗng nghe thấy nấc lên một tiếng. Ông nhìn về phía cột tre thì thấy người con gái cúi mặt khóc nức nở, hai vai rung lên như hai cánh con chim bồ câu mới ra ràng.

Anh thanh niên quay lại, khẽ gắt:

Việc gì mà phải thế!

Cô ta vẫn cứ khóc rấm rứt.

Chính ủy đứng dậy, lại gần:

- Cô này làm sao, có điều gì cứ nói!

Cô ta càng khóc, như cho thỏa nỗi oan ức, không cần giữ kẽ gì cả. Nỗi uất ức như đã vợi, cô ta mới nói:

- Thưa anh, chúng em lấy nhau gần ba năm nay, từ ngày còn ở công trường đào sông Tiên Hương...

- Thế cô quê ở đâu, đi công trường từ bao giờ?

Thưa anh, em quê ở Hà Nam, đi công trường từ ngày hòa bình, đắp đê Lý Nhân.

- Còn cậu?

Em ở Thái Bình, đi công trường từ ngày giải phóng. Thưa anh, hai chúng em đều mồ côi cha mẹ, đến công trường gặp nhau, lấy đơn vị làm gia đình. Ngày ở Tiên Hương, đơn vị đã cho chúng em làm lễ tuyên bố. Từ ngày ấy, chúng em chỉ biết sống với công trường. Đơn vị đi đâu, vợ chồng em theo đấy.

Chính ủy nhìn người con gái. Đôi mắt cô ta đã lại trong như màu núi sau một cơn mưa. Cô lấy tay gạt mấy giọt nước mắt trên má rồi kể:

Thưa anh, vợ chồng chúng em qua hết công trường này đến công trường khác. Ở đâu, đơn vị cũng làm nhà hạnh phúc. Chỉ có về đây, anh Cấp mới về làm đội trưởng, không cho làm. Nhiều người có vợ có chồng như chúng em đề nghị thì anh ấy bảo: "Hãy đảm bảo kế hoạch của công trường đã, những chuyện hưởng lạc ấy bây giờ chưa phải lúc giải quyết". Các đội công nhân khác người ta đều có nhà hạnh phúc cả. Thưa anh, vợ chồng những lúc nghỉ ngơi cũng muốn có chỗ riêng trò chuyện. Chả lẽ ở lán tập thể, lúc nào vợ chồng cũng cứ ngồi nhong nhóng với nhau. Ấy thế mà cứ bị mang tiếng như là giang hồ giăng há ấy. Thật khổ tâm cho em quá...

Chính ủy sẽ thở "hà" một tiếng. Bên vách bên kia, có tiếng cựa mình, tấm ván giường kêu kin kít. Ông đoán bà vợ chắc cũng chưa ngủ và đang lắng nghe câu chuyện bên

này. Nỗi khao khát muốn được chuyện trò với vợ bị quên đi trong một chốc, lại bùng cháy trong lòng. Chắc bà vợ cũng đang chờ, muốn nói với ông nhiều lắm. Mấy năm nay rồi, vợ chồng ông cũng chưa có được một đêm tâm sự với nhau...

Nhìn đôi vợ chồng trẻ, ông hình dung những đêm khuya sương muối lạnh buốt, họ khao khát được gần nhau. Ông hình dung cô bé kia đi nép dưới nách của anh con trai có đôi vai to lớn như đôi cánh đại bàng. Cô ta chắc mê anh chàng tợn. Còn anh chàng trẻ tuổi hăng say, tính lại hơi có vẻ ngang tàng, hẳn đã có những lúc bất chấp cả nội quy mà đưa cô vợ đi chơi quá giờ. Ông nhớ lại lời anh ta: "Hai chúng em đều mồ côi cha mẹ, lấy đơn vị làm gia đình..." Họ như hai con chim phiêu bát, đến công trường thành đôi lứa với nhau.

Còn bao nhiêu cặp vợ chồng như thế nữa? Phải làm sao cho đơn vị thực sự thành gia đình của họ?

Chính ủy Sơn Hà thấy cần phải đi sát hơn nữa để giúp đỡ đội trưởng Cấp. Cấp cũng là một cán bộ quân đội mới được chuyển sang đây. Anh ta chỉ biết chạy theo năng suất, chỉ chăm chăm làm thế nào giật được lá cờ kỷ lục mà không hề nghĩ cách làm sao cho những người công nhân ngày càng hăng hái, thiết tha với lá cờ ấy... Ông bảo đôi thanh niên ra về, và đến bên máy điện thoại quay chuông gọi đội 6.

*

* *

Khi ông trở vào phòng thì bà vợ đã ngủ say. Ông ăn vội mấy bát cơm rồi lên giường nằm. Ông cố đặt mình se sẽ cho

bà vợ khỏi tỉnh giấc. Nằm bên vợ trong chăn ấm, ông thấy lòng rộn lên những niềm vui, quên cả mệt. Ông muốn lay vợ dậy nói chuyện, ông có nhiều chuyện muốn hỏi, muốn nói với vợ quá. Nhưng nghĩ vợ ban ngày đi xe, đi tàu mệt, ông lại nằm yên. Bao nhiêu hình ảnh hiện lên dồn dập trong đầu. Người thợ đầm chân vịt, mẹ già, các con, đôi mắt của anh thanh niên lúc nãy, cô vợ bé nhỏ của anh ta, nét mặt của Cấp... Nghĩ lại câu chuyện qua điện thoại với Cấp, ông thấy mình gay gắt quá. Ông đã nói với Cấp: "Chúng ta phải chú ý đến đời sống mọi mặt của anh em công nhân hơn nữa, hơn nhiều nữa! Chúng ta xây dựng trước hết cũng là vì đời sống nhân dân". Câu nói ấy, ông thấy chính mình phải nói với mình trước mới đúng.

Bên ngoài, gió thổi vào mái lá rào rào. Gió mùa Đông bắc đã tràn về. Không biết các lán, trại công nhân có kín gió không? Ông chợt nhớ hôm qua, ông gặp một cụ già và một cô gái gánh rạ đến công trường. Ông cụ đang ngơ ngác tìm kiếm ai, thì gặp Chính ủy. Hỏi thì ông cụ nói là gánh rạ biếu anh em công nhân đan phên che lán hoặc lót ổ nằm cho ấm. Ông cụ nói: "Anh em công nhân vâng lời Đảng, lặn lội mưa rét xây cống lấy nước cho nhân dân làm chiêm, chúng tôi chẳng có gì, biếu anh em mấy gánh rạ vậy!". Tấm lòng của ông cụ lão nông đối với anh em công nhân thật đáng quý. Chính ủy đã có ý nghĩ liên lạc với chi bộ xã vận động bà con đem rạ tặng anh em công nhân, nhưng lắm việc quá ông lại quên mất...

Ngoài hiện trường, tiếng máy, tiếng goòng vẫn rầm rập. Loa phóng thanh từ nãy đến giờ vẫn sau sả hô hào anh em công nhân thi đua vượt mức. Tiếng người quản lý hiện trường như đã khản rồi, nhưng anh ta vẫn gào lên:

- A lô, cút kít đi mau lên!

- Máy trộn sao chậm thế?

- Đoàn goòng có quyết tâm giật cờ đỏ không nào?

Hơn một giờ đồng hồ, chỉ thấy tiếng chỉ huy, không thấy tiếng nhạc, tiếng hát gì trên loa nữa. Những tiếng hò hét kia trong lúc đêm khuya giá rét này cần hơn cho người công nhân hay là những tiếng hát, tiếng nhạc? Trong số hàng nghìn người công nhân, có lẽ nào không có những người biết ca, biết hát? Sao không tổ chức cho họ? Ông lại khẽ ngồi dậy, đẩy cửa sang buồng bên, quay máy điện thoại cho phòng tuyên huấn. Trở về phòng, ông vừa đi vừa nghĩ: còn bao nhiêu vấn đề nữa: học tập văn hóa, thể thao, câu lạc bộ, chiếu bóng... những việc ấy đã làm được đến đâu rồi?

Ông ngủ một giấc không còn biết trời đất là gì nữa. Gần sáng, ông giật mình như thoáng nghe tiếng chuông điện thoại réo ở buồng bên. Ông ngồi nhỏm dậy, lắng tai nghe kỹ, thì ra không phải.

Cũng lúc ấy, bà vợ tỉnh dậy. Ở đây, trong phòng lúc nào cũng sáng đèn, trông qua khe vách cũng lại thấy ánh điện, chẳng biết khuya hay sớm như ở nhà quê. Bà hỏi chồng:

- Mấy giờ rồi cậu?

Ông vén màn nhìn chiếc đồng hồ chuông nhỏ trên bàn:

- Ba giờ! Còn sớm lắm!

Nằm trong chăn ấm, ông kể cho vợ nghe những cảnh xây dựng to lớn của công trường, những tấm gương lao động dũng cảm của công nhân và dân công, tương lai tươi đẹp của cả vùng đồng bằng rộng lớn này sau khi công trình

thủy lợi hoàn thành. Ông dự định ngày mai ông sẽ tranh thủ tự mình đưa vợ con đi thăm công trường. Cậu con giai chắc là thích lắm...

Chiếc đồng hồ bỗng réo lên một hồi.

- Năm giờ rồi! - Ông bảo vợ.

- Có dễ cậu chỉ ngủ độ vài tiếng thôi nhỉ.

Thật vậy! Nhưng giấc ngủ đêm qua đã đem lại cho ông bao nhiêu sức lực mới. Qua khe cửa, bên ngoài trời đã trắng đục. Tiếng hát của một đoàn công nhân đổi kíp ngân lên trong sương sớm.

1959

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

LÊ MINH

Tên khai sinh: Nguyễn Thị Tài Hồng.

Sinh ngày 29-10-1928.

Quê quán: Làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay là Hưng Yên.

Trú quán: 272 Bà Triệu - Hà Nội.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (được kết nạp tháng 10-1945), Hội viên Hội Nhà văn (1960).

Nguyễn Thị Tài Hồng đã trải qua các hoạt động văn học:

Biên tập viên các báo Văn nghệ, Văn, Văn học, Tác phẩm mới. Trưởng ban Văn hóa - Văn nghệ báo Nhân dân.

Phó ban đào tạo nhà văn trẻ. Ủy viên Hội đồng văn học thiếu nhi - Hội Nhà văn Việt Nam.

Phó Chủ tịch Hội đồng giáo dục Trường Viết văn Nguyễn Du.

Giám đốc Quỹ Văn hóa Việt Nam (Bộ Văn hóa).

Ủy viên Hội đồng văn học công nhân. Ủy viên Hội đồng Quỹ tài năng sáng tạo nữ - Tổng Liên đoàn Lao động.

Những giải thưởng:

- Giải nhất cuộc thi về ký của Hội Nhà văn: "Kỷ niệm về Khu Đông".

- Giải nhất cuộc thi về truyện ngắn của Hội Nhà văn: "*Nắng*".

- Giải A, 5 năm văn học đề tài công nhân (1980-1984): Tiểu thuyết: *"Hòn đảo một mình"*.

- Giải A, 5 năm văn học đề tài công nhân (1991-1995): tiểu thuyết: "*Hồi*".

- Hai bằng "Lao động sáng tạo" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho tiểu thuyết "Hòn đảo một mình" và cho đề tài khoa học: "Văn hóa nghệ thuật và phụ nữ Việt Nam".

Các tác phẩm đã xuất bản:

Truyện: *Cu Dũng* (1959); *Anh công dân* (1962); *Lớp học* (1964); *Mẻ gang đầu* (1965); *Chị Tư Già* (1966-1969-1970-1976); *Cô giáo trường Na Pù* (1969); *Ngày mai sắp đến* (1969); *Con mèo rét* (1972); *Ô cửa sổ* (1974); *Người chị* (1976); *Má* (1976); *Ngôi sao đỏ* (1976); *Tiếng gió* (1976); *Hạt chò chỉ* (1978); *Đốm hoa tím* (1980); *Người thợ máy Tôn Đức Thắng* (1981-1987); *Khúc hát Vườn Trầu* (1982-1986-1988-2000); *Lẵng hạt ngọc* (1984); *Cái tát* (1990); *Rừng đước* (1992); *Săn đuổi một tia chớp* (1993); *Hồi* (1995); *Mà sao đó là cuộc đời mình* (1996); *Nắng* (1998).

Kịch bản: *Mặt bằng yên tĩnh* (1990); *Nhà văn của những người cùng khổ* (1994); *Nhà văn của những luống cày* (2000); *Nguyễn Thị Minh Khai* (1996).

Sách nghiên cứu: *Văn hóa nghệ thuật và phụ nữ Việt Nam* (1989); *Chân dung văn học* (1992); *Nguyễn Công Hoan, nhà văn hiện thực lớn* (1993); *Văn hóa gia đình Việt Nam và sự phát triển xã hội* (1994); *Thực trạng văn hóa gia đình Việt Nam* (1994); *Những tình huống ứng xử trong gia đình* (1994); *Chân dung nữ văn nghệ sĩ Việt Nam* (1995); *Hai mươi năm một chặng đường phát triển của phụ nữ* (1996); *Phụ nữ Việt Nam trong lao động và gia đình* (1997); *Gia đình và người phụ nữ* (2000); *Ngọn lửa ấm* (2001).

Vài dòng với bạn đọc

"Bốc vác" là truyện in đầu tiên khi tôi được chuyển công tác về làm báo Văn nghệ (1956). Lớp trẻ chúng tôi được phân công chủ yếu đi viết bài. Tôi trở về những nơi từng sống và hoạt động trong phong trào công nhân và viết từ những thôi thúc và cả từ những kỷ niệm đã gắn bó. "Bốc vác" đăng trên báo Văn nghệ, lúc đó cơ quan ở số 6 Quang Trung. Vài hôm sau tôi sang họp ở 51 Trần Hưng Đạo. Đương phi xe đạp vào cổng thì gặp anh Nguyễn Xuân Khoát cũng đi bộ tới. Anh gọi giật tôi:

- Lê Minh, "Bốc vác" được đấy. Viết tiếp đi. Xù xì, gồ ghề, của hiếm.

Anh cười rất đôn hậu.

Thời ấy cách đây đã 45 năm, các anh coi tôi như em gái trong nhà, sinh hoạt cùng Đảng bộ, đọc của nhau, xem tranh, nghe nhạc của nhau, cùng vui, cùng buồn, cùng tức những khi có chuyện... Và mọi việc đều là của cách mạng.

Những sách tôi viết sau này (kể cả sách văn học cho thiếu nhi) đều mang dấu ấn những con đường tôi đã trải, những số phận tôi đã gắn bó. Hai công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước mà tôi làm chủ nhiệm, khi bảo vệ được Hội đồng Nhà nước đánh giá xuất sắc 10/10 cũng mang những đường nét mà tôi đã tìm thấy trong quá trình hoạt động cách mạng và viết truyện.

Truyện thì thể hiện qua nhân vật và tình huống. Còn nghiên cứu khoa học thì qua phân tích lý luận từ cuộc sống xã hội và những con người.

Bốc vác

Khu Cầu Đất nằm ven sông Hồng khoảng chừng một cây số, suốt từ đường Cột Bão đến dốc Vạn Kiếp.

Nhà lá úp bên nhau san sát, gỗ nứa ngổn ngang. Đến đây không khí đổi hẳn, không giống các đường phố Hà Nội. Nó tấp nập, vội vàng, xông xáo.

Những con người khăn vuông vắt vai, lưng cháy sém, đôi bắp chân cuộn gân như dây chão, mỗi bước đi là mỗi bước chạy. Có người đã làm nghề bốc vác từ thời còn đế quốc, có những người mới ở các làng xóm ngoại thành ra chưa có công ăn việc làm. Họ tập hợp thành đội ngũ.

Từ trên đầu ngọn nước, những người miền ngược đi rừng cốn gỗ hộp bè đông bao nhiêu thì ở bến này người kéo ra nhiều bấy nhiêu. Họ đón lấy nguồn sống từ núi rừng thả xuống.

Bãi cỏ rậm rì cao ngập ngực bên dòng sông Hồng suốt những năm bị tạm chiếm, bước chân trâu không dám bén mảng, nay cứ lém dần, lém dần. Từ chiếc bạt nhỏ đầu tiên căng lên trú mưa của cán bộ mậu dịch bảo quản hàng, cho đến những cái lán dựng sơ sài như những trạm trú quân ở vùng Việt Bắc, dần dần những nhà mọc lên, đường phố nổi thành hình.

Trước kia trên đất này không phải ai muốn ở đâu đến sinh sống cũng được. Lạ mặt mà vô phúc láng cháng đến đây thì không mất mạng cũng om xương. Tất cả khu vực này là của cai "ba-tăng" bao thầu. Cai "ba-tăng" nhận nộp thuế phu cho chính phủ Pháp hàng năm, nên cai "ba-tăng" phải gõ thuế lên đầu những anh chị em "phu". Làm mất sức lao động thì phải nộp thuế.

Cai "ba-tăng" ở mãi tận đâu, ngày ngày chỉ thấy hắn phóng mô-tô đến thăm nom bến một tí, lại đảo về. Trông cai "ba-tăng" hiền lành, mặt mũi đầy đặn, dáng người chĩnh chệ, lại có đôi râu vểnh ngược. Lúc nào hắn được vừa ý về cái cặp phồng tiền của hắn là đôi râu ấy lại rung lên.

Dưới cai "ba tăng" có bộ hạ khá đông. Đều là những khách giang hồ đầu yêu đầu tạ. Hàng ngày bọn hắn cùng đi làm với anh em. Mình trần, mặt xếch long sòng sọc, khăn vuông buộc chéo vai, mình trổ chàm đầy những thanh kiếm, sọ người, tùng lộc. Bọn hắn chạy hết chỗ này đến chỗ kia, giao dịch với khách hàng, thét người này bốc, người kia vác. Cuối ngày bọn hắn túm tụm tính tính chia chịa, rồi bá vai bá cổ kéo nhau đi rạp hát hoặc đi tiệm. Hôm nào hứng chí, tợp vài con "hươu", là rượu vào lời ra, về huy động cả "ba-tăng" đi cà khịa với "ba-tăng" khác để "bảo vệ quyền lợi chung", tác oai với đàn em.

Anh Quán kể rằng trước kia anh đã làm ở khu Cầu Đất này. Ngày ấy hai anh em mới ở dưới quê mò lên tìm việc. Lớ ngớ mới 17, 18 tuổi, vừa đến Cầu Đất, may sao có người gọi vào bổ củi. Hai anh em mừng quýnh. Làm vừa mười ngày, sắp được trông thấy đồng công, thì một anh chàng to lớn ở đâu đến hỏi chuyện. Hắn nhìn hai anh em từ đầu đến gót:

- Lũ yêu con, chúng mày làm việc mấy ngày rồi?

Anh ngơ ngác nhìn hắn rồi lại nhìn em. Nó dồn luôn:

- Chúng bay chưa biết luật lệ à? Thấy chúng bay còn bé thì tớ tha cho lần này. Tất cả khu vực này là của chúng anh, đến nhận việc phải xin phép. Dễ chúng tớ làm công không cho các "xừ" đấy hẳn, đừng giả tảng.

Ngừng một lát, hắn vỗ vai anh rồi đổi giọng:

- Làm được mấy ngày rồi, bao nhiêu tiền?

- Chúng em làm mười ngày.

Hắn kéo anh ngồi xòa xuống. Anh anh, em em, tính toán một hồi, lúc hắn đứng lên là hai anh em vừa mất đứt mỗi người năm ngày công.

Chiều hôm ấy, chả muốn nói năng gì, hai anh em nhìn nhau nước mắt đổ vòng.

Lần hồi mãi, rồi cực chẳng đã, cuối cùng hai anh em Quán lại phải tìm đến hắn xin chia việc. Tối đến hắn đưa cho bao nhiêu tiền thì biết, chả còn dám ho he.

Hồi ấy có anh Vực cùng làm một nơi với anh Quán. Vực to lớn và khỏe mạnh, lại rất ương ngạnh. Một hôm Vực chỉ có nhận bốc riêng một món hàng cho khách. Lúc biết, nó cà khịa liền. Anh uất quá chửi:

- Ông làm đổ mồ hôi để chúng mày chia nhau hết, ông đừng đi làm riêng à. Thằng nào muốn làm gì ông thì làm.

Lời qua tiếng lại thế là đả nhau một trận.

Ngay tối hôm ấy, anh đi với Vực vừa đến chợ, thì một bóng người trổ ra, chí ngay mũi dao trúng ngực Vực. Máu

phun phè phè, không ngáp được một tiếng. Xong xuôi, hắn bắt anh cùng lôi Vực ra trôi sông. Hắn lầm bầm:

- Tiên sư mày, bố mày hóa kiếp cho chừa cái thói ăn mảnh.

Rồi hắn nhìn anh:

- Đấy, cứ bắt chước nó.

Quán khiếp đảm, chân tay run lẩy bẩy. Suốt đêm ấy chợp mắt lúc nào, chỉ thấy máu. Hàng tháng giời, Quán thơ thẩn cả người. Đến ngày toàn quốc kháng chiến, khu Cầu Đất đốt cháy trụi, rồi cỏ mọc ngập lên, hai đầu hai bốt giặc, bóng người chả dám lai vãng nữa.

*

* *

Chính phủ tiếp quản Thủ đô thì bến Cầu Đất lại mở.

Anh chị em về ngày một đông. Công việc có tổ công đoàn phân phối. Những tổ này nhiều lên mãi, đã tới hàng nghìn người. Ban chấp hành công đoàn được bầu lên điều khiển phân phối công việc điều hòa. Những người làm nghề bốc vác đã có ngày chủ nhật.

Trụ sở công đoàn vào giữa lúc trưa nắng. Anh chị em đi làm ở các ngả lúc ấy về ăn cơm nhộn nhịp, chuyện rào rào, cười hô hố. Hết bữa ăn là sang giờ học văn hóa. Những anh đầu bướu nhất khi ngồi vào bàn cầm bút cũng ra hiền lành. Lúc khiêng gỗ hò hét thật to, mà đến đứng lên tập đọc lại lí nhí tận cổ. Anh em có hích nhắc, thì láy nháy cái mắt cho đỡ ngượng.

Hai giờ chiều anh chị em đổ cả ra bến. Quần xắn gọn, khăn vuông buộc sát vai, nắng cháy người. Họ lội nước tới thắt lưng, tới cổ mới dìu được gỗ vào bờ. Bến sông trơn như phết mỡ. Ngón cái xoạc ra, bấu chặt lấy đất mà vẫn bị toài. Đòn lên vai cho đều, những bắp chân ghì xuống, cổ rụt lại. Cả người nghiêng sang một bên lấy gân sức... Bả vai cuộn thành từng đường thớ thịt. Súc gỗ từ từ nhích dần khỏi mặt đất, bổng lên. Cả khối người lao đi nhịp nhàng. Quần áo họ ướt dính vào người, bốc hơi lên. Lần ấy súc gỗ nặng quá. Đòn lên vừa bổng cây gỗ, một anh đã kêu vai rức chói. Cứ phải chuyển ào theo khối người. Lúc này không thể nói san sẻ, giúp đỡ cho nhau được. Xương sống anh như chùn xuống, gân chân muốn chùng lại. Anh mắm chặt môi, cố rướn đều theo anh em. Chị Sâm đi trước anh cũng đương ì ạch. Khúc gỗ hơi đong đưa. Đòn ghì xé vai.

- Đều chân vào! Cố lên vài bước thôi.

Chân chị Sâm ríu lại, xéo phải gót. Như chiếc xe lên dốc găng xích, đầu gối chị khuỵu xuống. Khúc gỗ lao đi lao lại. Đoàn người nhùng nhằng không giữ nổi thăng bằng. Chiếc đòn trên vai chị bật ra, quật trúng cánh tay trái. Chị bổ nhào. Anh đi sau cũng ngã theo, đòn nện giữa lưng.

Khối người xộc xệch, cây gỗ rơi phịch. Chỉ còn tiếng thở hổn hển.

Ngày hôm sau, toàn thể anh chị em họp để bàn việc giúp đỡ chị Sâm tiền trong những ngày điều trị. Và thảo luận sôi nổi việc bảo vệ tai nạn lao động trong nghề bốc vác.

Việc thành lập một tổ riêng cho những chị phụ nữ già yếu và có thai nghén đã được anh chị em bàn góp nhiều ý kiến.

Tổ phụ nữ được ưu tiên nhận các việc nhẹ nhất như bốc nứa lá, và tránh cho các chị lội nước suốt ngày hoặc khiêng quá nặng.

*

* *

Khu Cầu Đất ban ngày nhộn nhịp bao nhiêu thì tối đến yên tĩnh bấy nhiêu. Gió lồng lộng. Mát rượi đến tận đáy óc, thớ thịt. Bao nhiêu nếp răn như dãn ra, căng lên. Thoải mái.

Hàng đèn điện vụt bừng sáng thành vệt thẳng tắp, rung rinh. Đến khúc đường quành, những chấm sáng ken lấy nhau lóa lên như hàng đuốc bập bùng. Nhịp cầu Long Biên nổi sáng rực rỡ. Chỉ còn có không khí mát lạnh, yên tĩnh và ánh điện sáng trắng bật trên bầu trời.

Từng túm dăm ba anh em ngồi hóng mát trên những súc gỗ, điếu thuốc lá chuyền tay. Chấm đỏ lần lượt rực trên môi từng người.

Từ một gian nhà bên đường ánh sáng xanh dịu, tiếng đài phát thanh ấm cúng vang lên. Nhìn kỹ lắm, người ta mới thấy lờ mờ những bóng xe bò gác càng ở trước cửa, những súc gỗ nằm yên bên mép đường. Trong nhà, những mái đầu chụm lại vòng trong vòng ngoài, quanh cỗ bài tú-lơ-khơ, mấy chị phụ nữ giương tai lắng nghe theo bản nhạc ở đài, phải ghé sát vào máy mới khỏi bị họ lôi cuốn. Dăm, sáu anh chị đi đẩy xe về muộn ngồi ăn cơm, chốc chốc mắt lại đưa ra chỗ đám bài cười theo.

Phúc Xá – tháng 9-1956

NGUYÊN NAM

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

Tên thật là Nguyễn Tiến Hải. Sinh năm: 1932. Quê quán: Xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chỗ ở hiện nay: Xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Hội viên Hội nhà văn Việt Nam (1977). Nguyên Nam tham gia quân đội từ 1948, gắn bó nhiều năm với công tác văn học nghệ thuật:

5-1963: Tổng biên tập báo Quyết Thắng quân khu 6.

8-1975: Cán bộ Tổng kết chiến tranh quân khu 6.

11-1976: Trại phó Trại sáng tác văn học quân khu 5.

1979: Trại trưởng Trại sáng tác văn học quân khu 5.

6-1980: Chuyển ngành về làm Tổng biên tập báo Thuận Hải.

12-1988: Nghỉ hưu.

Tác phẩm đã in:

- *Nơi tình yêu đi qua* (Tập truyện ngắn); *Tầm cao người mẹ* (Tập truyện và ký, In chung) cùng nhiều truyện ngắn và ký đăng ở các tạp chí địa phương.

Các giải thưởng:

Giải nhì (không có giải nhất): *Một ngày báo động* (Truyện ký 1964) của tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng;

Giải nhì (không có giải nhất): "*Du kích vùng ven*" (Truyện ngắn 1973) của tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng.

Giải ba: "*Bảy Liệt*" do tạp chí Văn nghệ Bình Thuận tổ chức.

Giải khuyến khích về Ký "*Xanh ngát một miền quê*" của UBND tỉnh Bình Thuận.

Tôi viết "Du kích vùng ven"

Trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước, chiến trường cực Nam Trung bộ được xác định là chiến trường du kích. Mọi hoạt động trong chiến tranh đều dùng phương thức của chiến tranh du kích.

Lúc bấy giờ tôi phụ trách báo Quyết thắng, tờ báo của lực lượng vũ trang Nam Trung bộ. Chỉ có mỗi một mình mà lo cho tờ báo từ A đến Z (kể cả chạy vật tư và in ấn), nên mãi đến những năm 1969 - 1970 tôi mới có dịp đi cơ sở, đi vùng ven.

Ôi! Vùng ven! Cái nơi sự sống và cái chết đan xen nhau, giành giật nhau từng phút, từng giờ và các đội du kích ở đó toàn là con gái (con trai tập trung hết lên bộ đội vùng).

Những lần đột vào ấp chiến lược con gái lại làm được rất nhiều việc. Ngoài canh gác còn tham gia làm công tác phong trào, vận động thanh niên nhập ngũ. Đặc biệt các cô luôn vui vẻ, cười giỡn suốt ngày. Hỏi thì các cô nói: "Ở đất này không vui, không cười thì không đánh được giặc, không thắng được giặc, không giữ được phong trào!". Trời đất! Thế thì còn gì để mà hỏi mà nói nữa.

Các cô du kích đêm đêm dò dẫm từng bước đột vào ấp chiến lược làm công tác đến ba, bốn giờ sáng mới trở về bàn đạp. Về đến chỗ ở quay ra lo tắm giặt, ăn uống mất buổi sáng. Trưa ngủ vài tiếng đồng hồ thì phải thức dậy lo chuẩn bị đi đột ấp. Cứ như thế hết năm này qua năm khác. Còn ngày nghỉ thì đi bố phòng. Có giặc càn thì "đánh quyết liệt" để giữ bàn đạp. Thế mà các cô vẫn tươi vui, vẫn nô đùa. Những hình ảnh ấy đã để lại trong tôi một ấn tượng đậm đặc chất anh hùng, chất lạc quan của quân dân vùng ven.

Năm 1970, tôi được tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng triệu tập tham gia trại viết. Khi kết thúc trại, ban lãnh đạo trại đọc tác phẩm và góp ý cho từng trại viên. Hơn ba chục trại viên ai cũng được góp ý và chấp nhận tác phẩm. Riêng mỗi mình tôi không được góp ý và không chấp nhận tác phẩm vì đó chỉ là "một bản đề cương tiểu thuyết" chứ không là gì cả.

Anh Nguyễn Trọng Oánh nói riêng với tôi: "Ông ở tận Quân khu 6 vô đây mà không để lại trại được gì, mình tiếc công sức của ông quá. Ngày mốt kết thúc trại, thật buồn cho

ông". Câu nói của anh Oánh vừa buồn cho tôi mà lại như trách móc, như giận dỗi, làm tôi suy nghĩ suốt đêm. Và, tôi quyết định phải để lại trại một cái gì đấy mới giải tỏa nổi day dứt trong lòng.

Sáng sớm hôm sau, tôi bắt tay viết, quên cả ăn uống, đến 15 giờ 30 thì xong chuyện "Du kích vùng ven". Tôi đưa cho anh Oánh. Đọc xong anh hỏi tôi: "Ông viết cái truyện này bao giờ thế? - "Mới viết từ sáng đến giờ! - "Từ sáng tới giờ? Vậy thì trong bụng của ông còn chứa bao nhiêu truyện như thế này nữa?" Tôi ở người ra không hiểu ảnh khen hay chê nữa.

Trại viết kết thúc. Truyện "Du kích vùng ven" tôi cũng quên đi theo năm tháng. Cũng không biết nó được sử dụng hay không. Cho đến năm 1973, tôi lại được triệu tập về dự trại viết do tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng tổ chức. Vừa đến Lộc Ninh thì gặp nhà văn Nam Hà cho tôi biết: Truyện "Du kích vùng ven" của ông được tặng giải nhì (không có giải nhất). Mai mình đem giải thưởng trao cho ông. Nghe thế tôi mừng lắm. Được giải thì ai lại không mừng? Mừng lắm chứ!

Du kích vùng ven

Tổ du kích của Mười Nhỏ sáng nay bỗng nổ ra một vụ xích mích nhau tùm lum. Nói cho hung dữ vậy, chớ thiệt ra thì chẳng có gì.

Chẳng là hồi sớm, trước khi đi họp trên ban Cán sự vùng, chị Tám Tần đội trưởng đội công tác, dặn Mười Nhỏ ở nhà phân công canh gác cẩn thận, đừng có hơ hỏng với bọn biệt kích ác ôn Bảy Rìu. Ăn cơm xong, Mười Nhỏ không đi rửa chén, cứ ngồi lì một chỗ. Tay phải cầm đôi đũa vẽ vẽ dưới đất. Vẽ rồi xóa, xóa rồi vẽ. Vẽ đi vẽ lại cái hình đầu đạn đại bác. Hai cái má cô gái chừ bự ra. Cặp môi mỏng dánh mim mím lại. Cái sẹo nhỏ như sợi chỉ hồng nằm thẳng ngang từ mép bên trái ra đến nửa cái má gãy cong xuống.

Mão và Lượm, hai cô đội viên du kích, đã bàn đứa nào gác trước đứa nào gác sau rồi, nhưng cả hai chưa thấy tổ trưởng thúc riết nên còn dãi đãi, rề rà, chưa trèo lên vọng gác trên đọt bụi tre. Mười Nhỏ bỗng đứng phắt dậy, quàng khẩu cạc-bin vào vai, xẵng giọng:

- Làm gì mà giờ chưa chịu lên gác?

Nói rồi cô thoăn thắt leo tuốt lên đọt bụi tre ngồi im re. Năm Mão đứng dậy đi đùi đụi ra ngồi một chỗ nói vào:

Chị Tám về, tao xin lên đội nữ pháo binh huyện lập tức, không ở lại đây một buổi nào nữa.

Bảy Lượm nói hơi buồn buồn:

- Khi không mà! Ma bắt rồi sao?

Chuyện chỉ có vậy thôi. Thế nhưng, cả ba cô gái đều coi đó là một trận "đổ lửa đổ cũi" ra với nhau. Sở dĩ các cô nói to tát làm vậy là vì; từ hồi cái tuổi còn để chỏm cho đến nay thì đây là lần bực bội đầu tiên giữa ba cô gái.

Gốc rễ của ba cô gái đều cùng ở một xóm. Cùng nghèo rớt mùng tơi. Mười Nhỏ hiện nay còn cha. Năm Mão và Bảy Lượm thì còn mẹ. Chưa nói đến Bảy Lượm, riêng Mười Nhỏ và Năm Mão đã thân nhau từ hồi còn "nấu cơm đất" trong những "cái nồi" bằng vỏ trai, vỏ hến. Lớn lên một chút, hai đứa cùng đi chăn bò mướn, đứa nào đứa nấy đen thui. Nhúm tóc bằng cái đuôi con gà choai vàng hoe. Lớn lên một chút nữa, hai đứa rủ nhau lên trên rừng hái lá loan[1] về bán, mỗi ngày kiếm năm, ba chục bạc phụ với gia đình. Đó là năm một ngàn chín trăm năm mươi chín.

Năm đó, Mười Nhỏ mười hai tuổi, Năm Mão lên mười. Vào một buổi sáng, hai đứa lui cui hái lá, tiếng lá chạm vào nhau xào xào chen với tiếng lí nhí trò chuyện. Mải mê với việc hái lá, chú Năm huyện đội bây giờ đó, đến sát một bên, hai đứa giật mình, sợ tái mặt: "Chết cha, gặp "Việt cộng" rồi!".

Hồi đó đã biết gì: Nghe thằng đại diện Thâm nói: "Bất kỳ ai, hễ thấy "Việt cộng" phải chạy lẹ về báo cho nó để nó đem lính lên bắt, chớ đứng lớ ngớ đó "Việt cộng" mổ bụng lấy gan ăn! Cho nên, khi thấy chú Năm, đứa nào cũng sợ, run

---

[1] Lá dầu non, dùng gói cá, mắm để bán.

hư thần lần đứt đuôi. Hai đứa chưa biết tính sao thì chú Năm cười cười rồi hỏi: "Các cháu đã đi học chưa?" Hai đứa bỉ lắc đầu chớ không dám nói. Rồi cả hai đều nghĩ: "Đi học? hền đâu mà ăn đi học? Cha, mẹ của hai đứa cũng quên huyện đó nữa là!" Chú Năm lại hái lá cho hai đứa. Chú hái à loan thiệt giỏi. Hai tay chú bẻ lá giòn tan. Chú Năm hái có ột chặp mà đã được một đống to, hai đứa gánh không hết. hắc chú Năm cũng nghèo như tụi mình. Nghèo mới hái lá an giỏi chớ? Hai đứa thấy bớt sợ mà thấy thương chú Năm hiều hơn.

Từ đó trở đi, hai đứa được gặp chú Năm luôn. Lần lần ú Năm nói cho biết tại sao bọn địch gọi cách mạng là Việt cộng"? Cách mạng là gì? Tại sao chú Năm phải đi m Cách mạng?

Đến năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, hai đứa đã ực sự ghét cay, ghét đắng bọn thằng đại diện Thâm. Bấy ờ hai đứa mới hiểu tại sao hồi năm tám, năm chín, bọn ằng Thâm nó nhè cái tháng nắng, bắt cố Mẫn đã bảy mươi ai tuổi, đào cái hầm tròn giữa sân trụ sở hội đồng, rồi nó bắt xuống ngồi dưới cái hầm đó. Cái hầm chật, ngồi cựa mình hông được, mà nó còn đậy nắp hầm lại bằng một tấm tôn. ên tấm tôn, nó đổ lửa than đỏ rực. Nó nhốt cố Mẫn dưới đó ngày ba đêm liền. Khi nó gạt lửa, giở tấm tôn ra thì cố ẫn đã chết từ hồi nào rồi. Nghe nói, cố Mẫn không chịu làm n "từ" người con đi tập kết nện nó bắt ngồi hầm "phản h" như vậy đó. Cái đồ! Ác hết chỗ nói!

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai đó, hai đứa vào i thiếu niên giải phóng rồi thành đội viên du kích tí hon. i đưa ghép thành một tổ. Mười Nhỏ làm chỉ huy. Hai áng sau, vào một đêm tối trời, Năm Mão gác cho Mười Nhỏ

lẻn vào gài lựu đạn ở bàn giấy của tên Thâm. Sáng ra, tên Thâm đến ngồi vào bàn. Hắn vừa đưa tay kéo cái ngăn kéo ra thì lựu đạn nổ một cái rầm. Tên Thâm bể ngực, cái hàm dưới bay mất tiêu. Tên Thâm chết, bọn còn lại bớt bắt người bớt đánh người. Tên nào còn hung hăng thì lại bị chết như thằng Thâm.

Bấy giờ hai đứa mới biết du kích có rất nhiều. Có cả mấy anh, mấy chị, mấy chú, mấy bác, mấy dì nữa. Chú Năm lại dẫn bộ đội về đánh mấy trận liền. Bọn địch chạy ra hết, trong xóm ấp còn toàn là mình. Bà con chòm xóm ai cũng làm cách mạng, ai cũng theo cách mạng. Hai đứa bỗng thấy thân thiết với nhau vô cùng, thấy thương hết thảy mọi người, cái gì trong xóm ấp cũng thương hết. Trong xóm có con bò bị địch bắn bị thương, hai đứa lận da láng[1] đi rình rập suốt ngày, đánh chết hai thằng lính để trả thù cho con bò mới chịu về. Một cây dừa bị pháo bắn gãy đọt, cái lu[2] đựng nước bị địch bắn bể, hai đứa đều đi trả thù bằng cách đó. Không kể thằng nào, hễ tên lính nào bị hai cô đánh chết thì cả hai đều nói: "Chính cái thằng chết đó đã bắn con bò bị thương. Chính cái thằng chết đó đã bắn gãy đọt dừa, bắn bể cái lu đựng nước".

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, bọn Mỹ nhảy vào vùng ven này. Mỹ đến, bom đạn đến, xe tăng đến, pháo lớn, pháo nhỏ, máy bay theo chân Mỹ đến. Khói lửa, tội ác cũng theo Mỹ đến ngút trời. Năm đó, tổ du kích Mười Nhỏ có thêm một đội viên mới. Đó là cô bé Lượm. Lượm mới mười hai tuổi, người mảnh mai, trắng trẻo và rất hiền. Lượm kiếm

---

[1] Lựu đạn mỏ vịt của Mỹ, trơn không có khía.

[2] Cái chum.

ở đâu được một trái lựu đạn da láng để xin vào du kích. Bà mẹ Lượm ngó thấy, xách roi rượt đánh, la rùm lên: "Mầy có đem đi cái xứ sở nào mà quẳng đi không? Con gái bây lớn mà đi lượm cái đồ hung, của dữ đó về chơi. Tối bỏ bậy bạ, mèo chuột chạy tuôn nổ mày làm sao? "Lượm chạy đòn đến ba gò đất rồi quành luôn vô nhà Mười Nhỏ xin vào du kích, với lý do: Có làm du kích mới đánh chết cái thằng Mỹ mà ngày nào nó cũng xách lỗ tai của Lượm nhấc lên đau điếng đó là một. Một nữa là Lượm tức cái thằng lính bắt mất của Lượm một con gà choai. Lượm theo đòi lại, bị nó đánh một bạt tai tóe lửa ra mắt. Cúng phải làm du kích mới đánh chết cái thằng lính đó được.

Mười Nhỏ cầm trái da láng trong tay cười cười rồi thình lình nhụi vào bụng Lượm, xì một tiếng thật to. Lượm gạt nhẹ ra, vẫn thản nhiên nhìn Mười Nhỏ.

- Làm gì? Tháo chốt nó mới nổ chớ bộ.

Chà, con nhỏ cũng to gan ta! Thôi được, đi đánh giặc với tụi tao.

Từ đó miết đến nay, trải qua chín năm đánh giặc trên mảnh đất vùng ven mà bọn địch chà đi, xát lại tơi bời, ba cô gái trong cái tổ du kích đó vẫn quấn quýt bên nhau, quần quan, lăn lộn trong lửa đạn, sống chết có nhau, sướng khổ, vui buồn đều có nhau. Và, cùng nhau lớn lên.

Bây giờ Mười Nhỏ đã hai mươi bốn tuổi. Năm Mão năm hai, Bảy Lượm tròn mười bảy. Tính nết mỗi người một thác. Mười Nhỏ thì cười suốt ngày. Cô ta nói: "Ở vùng ven mà không vui, không cười thì chịu không xiết, không đánh giặc được". Mười Nhỏ đâm ra mê đánh trái hơn là bắn súng. Năm Mão thì phát to, cao lên, chân đi đùi đụi muốn

sụt đất, miệng nói tía lia với Bảy Lượm: "Một hai gì tao cũng xin lên đội nữ pháo binh huyện. Cái tướng tạo là tướng pháo thủ chớ không phải tướng du kích". Còn Bảy Lượm vẫn hiền lành, trắng trẻo, cũng đòi đi bộ đội vùng để "bắn súng AK, chớ ở du kích bắn các-bin, loại súng đời xưa đó giết không được nhiều giặc". Tuy vậy, ba cô gái vẫn cùng một bụng, một tình cảm như bát nước đầy không hề sóng sánh. Chính vì vậy nên ba cô gái không tách nhau ra được. Thế mà, sáng nay lại xảy ra giận dỗi nhau. Nhưng, cái bát nước đầy thủy chung của ba cô gái chỉ gợn lên một chút rồi trở lại bình lặng nguyên như cũ, không mất đi một giọt nào.

Theo như Mười Nhỏ thì cái chuyện háy, nguýt nhau xảy ra hồi sáng giữa ba cô gái là tại cái anh Năm Thiệt ở bộ đội vùng.

Cái anh quỉ đó, lúc nào cũng cà rởn, cà rởn. Hồi đêm đi đột ấp về, Mười Nhỏ hỏi xin hai trái đầu đạn cải tiến để đánh xe bọc thép. Năm Thiệt hứa cho và bảo sáng qua lấy sớm, chớ chậm là không còn. Sáng vừa rõ mặt đất, Mười Nhỏ chạy te te sang chỗ Năm Thiệt. Năm Thiệt lại xách hai cái đầu đạn các-bin ra cho. Tức muốn chết. Mười Nhỏ đổ khùng:

- Cái đồ đó làm được gì?

- Chớ đòi gì?

- Đầu đạn đại bác còn chưa hủy được nó...

Mười Nhỏ ấm ức muốn khóc. Năm Thiệt giờ mới cười hề hề:

Trời không có mây mà lại đổ mưa: Ai biểu mầy nói không rõ. Hỏi xin đầu đạn, tao tưởng mầy xin về làm họng đèn.

Anh chị em bộ đội vùng cười rần rần. Mười Nhỏ vừa tức, vừa mắc cỡ quay lưng chạy vù về. Vậy mà tiếng cười vẫn bám sau lưng.

Về nhà, càng nghĩ, Mười Nhỏ càng tức Năm Thiệt. Cái ảnh ma bắt đó! Đâu phải ảnh không biết đánh xe bọc thép. Ảnh giả mù sa mưa vậy để cười mình chơi...

...Hồi còn là du kích xã, ảnh không phải là một ông vướng đánh trái là gì? Hồi đó, cứ sáng sáng, Năm Thiệt mang một giỏ trái ra để dưới gốc cây cầy rồi trèo lên đọt cây dòm ngó khắp hết. Rồi từ trên đọt cây. Năm Thiệt nói xuống:

- Chà, bọn địch bữa nay nó đi vàng đồng á!

Một chặp, Năm Thiệt tụt xuống thiệt lẹ và nói:

- Nó đi hướng xóm Tân Bình, chém chết nó cũng qua ngõ cầu gãy.

Năm Thiệt mang trái xuống cầu gãy chôn. Về lại leo lên đọt cây đứng coi. Bọn địch đến vướng nổ, chết. Chúng nó bắn như rang bắp. Năm Thiệt vẫn ngồi trên đọt cây. Khi địch dứt bắn, Năm Thiệt liền tụt xuống, nói:

- Nó bỏ xóm Tân Bình, ngoặc lên xóm Chòi, chém chết nó cũng qua vườn mít.

Năm Thiệt lại mang trái xuống vườn mít. Lúc về, mồ hôi, mồ kê nhèm nhèm vẫn leo lên đọt cây cầy. Bọn địch lại vướng trái nổ chết. Chúng bắn càng dữ. Năm Thiệt ngồi trên cây nói xuống:

- Cha con nó cụm lại rồi, tụi mầy ơi!

Một chặp lâu, Năm Thiệt lại nói xuống:

- Xe nghe: Một, hai, ba, bốn...mười, mười hai chiếc nghe tụi bay!

Cũng cái chi đoàn bọc thép của tiểu khu đó. Nó ra ứng cứu cho bộ binh. Năm Thiệt tụt xuống:

Từ rừng Đằng chạy sang, chém chết nó cũng qua làng Sỏi!

Năm Thiệt mang trái chạy đi. Về, Năm Thiệt bảo anh chị em du kích xuống hầm núp. Chơi với tụi bọc thép mà lớ ngớ là nó lấy họng. Mười Nhỏ vừa cười vừa nói:

- Xuống hầm mà trái không nổ thì mắc cỡ chết!

- Cầm chắc một chiếc!

Không phải một chiếc. Bữa đó nó bị hư tới hai chiếc M.113. Bọn bọc thép bắn đến nhức đầu. Đạn cối, hỏa tiễn, ĐK, pháo 40 ly nổ hết biết. Các loại đạn bắn thẳng bay chiu chíu, đạn 20 ly nổ cheo chéo trên miệng hầm. Ngồi dưới hầm mà Mười Nhỏ phải thu mình lại. Nó bắn có đến nửa giờ rồi cha con đùm túm, dắt díu nhau rút lui.

Lên khỏi hầm, Mười Nhỏ hỏi Năm Thiệt:

- Làm sao mà tính được đường đi nó giỏi vậy, anh Năm?

Năm Thiệt cười hề hề:

- Mầy bắc thang lên mà hỏi ông trời! Chớ tao không biết đường nói rồi đa! Tao thấy tụi nó đi đường đó, thì chém chết nó cũng phải qua chỗ đó!

- Bắt ghét hà!...

...Càng nghĩ chừng nào, Mười Nhỏ càng tức Năm Thiệt chừng nấy. Đâu phải lần này là một? Mới bữa hổm đây, mình hỏi ảnh: "Tại sao xe bọc thép bị ta đánh hư hoài mà nó vẫn chạy đủ mười hai chiếc?" Ảnh cười hề hề: "Thì một chi đoàn của nó là mười hai chiếc chớ sao?" Ai không biết? Làm sao chớ mình đánh miết mà nó vẫn còn đủ miết vậy thì đánh đến chừng nào cho hết? Ảnh lại cười hề hề: "Nó còn đủ là vì nó không thiếu! Còn đánh chừng nào cho hết xe thì về bắc thang lên hỏi ông trời: "Cái anh ma bắt! Nó cũng thiếu thấy mồ chứ nó dư dật gì. Chắc là mình đánh hư, nó sửa được, nó chạy thôi. Phải làm sao đánh chiếc nào nó bỏ xác chiếc đó kia.

Đang nghĩ tức về Năm Thiệt, Mười Nhỏ bỗng bẻ ngang ý nghĩ của mình qua hướng khác.

Năm Thiệt giờ lên bộ đội vùng. Bộ đội vùng là gọi danh từ vậy thôi, thiệt ra đó là trung đội du kích tập trung của liên xã. Năm Thiệt giờ đánh giặc cho cả hai xã. Mười Nhỏ tự nhiên thấy mình giờ phải làm như anh Năm Thiệt trước đây. Đánh giặc cho xã mình, đánh như anh Năm Thiệt hồi đó.

Bây giờ địch biết mình chuyển vào đánh nó trong "ấp chiến lược". Nó dùng xe bọc thép kết hợp với bọn biệt kích các ôn thằng Bảy Rìu xỉa ra lùng, phục vùng bàn đạp của ta, làm tuyến ngăn chặn quanh ấp để chống đỡ ta. Cái tuyến ngăn chặn đó gây khó khăn cho ta không ít. Anh em mình bị bọn thằng Bảy Rìu phục luôn, không đột ấp được. Đánh nó rất khó. Nó đi không chừng, không đổi nào hết. Lúc nửa đêm, lúc gà gáy. Đi đứng bóng, khi mặt trời lặn.

Nó ra phục chết một chỗ. Hễ nổ mìn rồi là mạnh thằng nào thằng nấy chạy thẳng về đồn, ta truy theo không kịp. Bọn nó dám làm như vậy là dựa vào xe bọc thép. Giờ phải đánh xe bọc thép mới trừ được bọn thằng Bảy Rìu. Nhưng đánh xe bọc thép phải đánh cách sao đây? Đánh sao cho nó bỏ xác?

Sáng giờ Mười Nhỏ vẫn ngồi gác trên đọt bụi tre và nghĩ ngợi xa, gần. Năm Mão và Bảy Lượm kêu xuống để lên thay, nhưng Mười Nhỏ vẫn chưa chịu xuống. Năm Mão càu nhàu:

- Có giỏi thì ở trển[1] cho gió thổi bét mắt ra rảnh!

Lúc đó áng chừng chín giờ sáng. Mặt trời đã đổ nắng chói chang xuống cánh đồng khô cháy. Trên mặt cánh đồng hoang mênh mông, một lớp bụi mỏng bay lên như khói. Cây cối trên đồng chết giơ xương. Mấy hàng dứa dại khô rụi lá đưa những cái thân trần trụi chỏi lên như những cánh tay cụt. Cánh đồng trống lốc, chết khô, loang lổ hố bom và hố đạn đại bác. Mỗi lần nhìn cánh đồng, Mười Nhỏ thấy lòng mình đau nhoi nhói, tức điên lên:

- Giặc đó! Tao đánh xong tụi bay, cánh đồng của tao sẽ xanh um lên không sót một chút đất cho coi.

Chiếc L.19 cất cánh khỏi sân bay, loáng cái, nó đã nghiêng cánh, lượn vòng nhìn xoi mói xuống cánh đồng. Cùng lúc, ở hướng thị xã, một đám bụi mù cuộn lên. Đám bụi mù to dần, bốc cao lên, kéo thành một đường dài. Mười Nhỏ chăm chú nhìn vào đám bụi mù đó một lúc rồi nói xuống:

- Xe đó mấy đứa!

---

[1] Trển: Trên ấy.

Năm Mão bắn liền ba phát súng, báo động có xe bọc thép, rồi ngước lên bụi tre, nguýt một cái:

- Sao không xuống chạy, còn ở trển.

Từ trên đọt bụi tre, Mười Nhỏ nói xuống, cái giọng y như giọng Năm Thiệt hồi đó:

- Từ bàu cá trê chạy sang, chém chết nó cũng qua lỗ trâu đầm! Mình khỏi phải chạy:

Tụi xe bọc thép chạy đúng như Mười Nhỏ nói. Mười Nhỏ bỗng cười: "Tại sao mình nói trúng cái bóc vậy? Mình cũng không hiểu được nữa. Giờ có ai chơi cắc cớ hỏi: làm sao tính trúng được đường xe chạy thì mình nói sao? Chắc chết quá! Hèn gì anh Năm Thiệt biểu mình bắc thang lên hỏi ông trời! Nhưng mình không nói như ảnh đâu. Trời thì biết gì? Mà tỉ như biết thì làm sao lên trời được? Giỏi lắm lên tới đọt bụi tre này là cùng"

Chi đoàn bọc thép cắn đuôi nhau chạy thành một hàng dọc. Chúng qua khỏi lỗ trâu đầm rối cặp theo suối tre chạy xéo qua râm Bà Lộ. Khi tụi bọc thép khuất bên kia cánh đồng, Mười Nhỏ thốt lên:

- Chết bà tụi mày rồi nghe:

Năm Mão và Bảy Lượm cùng ngước lên bụi tre hỏi:

- Nó đụng trái hả, chị Mười?

- Không!

Mười Nhỏ lật đật tụt xuống, nói:

- Tao nghĩ được một cách...

Mười Nhỏ bẻ một cái que cầm tay, khẩu súng vẫn quàng trên vai, ngồi xổm xuống, ngay gốc bụi tre. Năm Mão, Bảy Lượm xúm lại. Mười Nhỏ vừa vẽ một đường ngoằn ngoèo, vừa nói:

Tao coi ý hổm rày, tụi bọc thép cứ chạy dọc theo bìa râm, bìa suối. Ý chừng nó sục chỗ ở của ta. Nó chạy vậy, mình đánh được. Đánh hai trái. Một trái đặt dưới đất nổ hất ngược lên. Một trái đặt trên cây nổ giáng xuống. Đánh vậy chắc nó chịu không xiết.

Mão và Lượm gật gật đầu. Mười Nhỏ trao súng cho Lượm dặn:

- Đứa nào lên gác đi. Tao chạy sang anh Bảy Tình, chút tao về.

Bảy Tình là tổ trưởng tổ sản xuất các loại vũ khí thô sơ của liên xã. Sáng nay anh vừa cải tiến xong mười hai trái đầu đạn đại bác. Giờ anh đang tháo trái mìn Cờ-lay-mo, cải tiến nó lại, theo sáng kiến mới của Năm Thiệt, để đánh trả bọn địch. Bảy Tình vừa tách trái mìn ra làm đôi thì Mười Nhỏ vào. Thấy đống đầu đạn, Mười Nhỏ mừng húm nhưng giả đò hỏi:

- Mìn hư sao phá ra, anh Bảy?

Hư hung gì đâu! Sáng kiến, sáng cung gì của thằng Năm Thiệt đó chớ!

- Sáng kiến gì mà phá tanh banh ra?

Bảy Tình đưa tay gãi gãi bên má rồi nói:

- Phải mở ra để đục hai cái lỗ bỏ lọt hai viên pin tiểu và cái kíp nổ, rồi đấu dây, đấu nhợ sao đó để khi xếp chân mìn

lại thì nổ. Hoặc, xếp chân không cần nổ mà chỉ cần trái mìn lắc qua, lắc lại mấy lần thì nổ. Xong, ráp lại nó vẫn y nguyên như trái mìn thường. Tối đem ra gỡ mìn của bọn nó đem về thay mìn mình vào. Sáng ngày bọn nó ra thu mìn là xuông. Thằng Năm nó làm thử mấy trái chắc ăn lắm. Giờ nó biểu sản xuất hàng loạt để đánh trả cho tụi nó thất kinh.

- Cho em xin mấy trái đi anh Bảy.

Không hiểu sao Mười Nhỏ lại đi xin mìn. Bảy Tình nhìn cô rồi nói:

- Tao làm ra cũng mong cho tụi bay đánh, chớ để làm gì? Nhưng, phải qua thằng Năm Thiệt nó chia.

Mười Nhỏ ngồi làm thinh. Ừ, mình xin ngang vậy ai cho? Tới mười hai trái đầu đạn mà anh Năm Thiệt không cho mình lấy một trái. Ảnh ăn độc thiệt. Nghĩ vậy, song cô vẫn hỏi dò:

- Đầu đạn nhiều vậy mà anh Năm chưa cấp cho ai sao anh Bảy?

- Đâu nhiều? Có chục trái. Nghe thằng Năm nói đã cấp đã cung gì rồi. Còn hai trái nữa là của ông già mầy đó chớ! Nay mai gì ổng lấy.

Mười Nhỏ nghe, chớp liền:

- Em lấy hai trái của ba em nghe anh Bảy?

- Đâu được! Mầy lấy cho ổng chặt đầu tao à?

Lúc đầu, Mười Nhỏ còn năn nỉ. Rồi hờn mát. Cuối cùng, cô làm bộ giận dỗi với Bảy Tình. Song, anh dứt khoát:

- Không được là không được! Ông già mày hăm "cất chỗ đội nón" của tao, nếu tao để mất hai trái đầu đạn đó của ông. Với lại chuyện trái trăn, mìn bọng không thể "tình cảm" với nhau được. Đâu nó ra đó, phải cho đằng thẳng. Rủi ro hối không kịp.

Mười Nhỏ tiu nghỉu ra về - không biết ba lấy đầu đạn để làm gì? Chắc là làm cho mình thôi. Chiều nay về xin, ổng mà cho, mình đánh được một trận thì...

Vừa đi vừa nghĩ như vậy và đáng lẽ về nhà, nhưng Mười Nhỏ lại quành vào chỗ bộ đội vùng. Năm Thiệt cười hề hề:

- Tới lấy đầu đạn đó hả Mười?

- Thứ đó em có thừa!

Tuy ăn miếng, trả miếng vậy, song, Mười Nhỏ vẫn xáp vô nói cách đánh xe mà cô mới nghĩ ra cho Năm Thiệt nghe. Theo ý cô, nói như vậy có hai cái lợi. Một là Năm Thiệt sẽ bày thêm cho mình đánh tốt hơn. Còn một nữa là ảnh sẽ cấp đầu đạn cho đánh. Ai dè, sau khi nghe cô nói, Năm Thiệt ngồi nghĩ nghĩ một chút rồi cười hề hề:

- Chà, mấy bải trái của tụi này nay lạc hậu mất rồi.

Mười Nhỏ đứng dậy cái rột, hứ một tiếng, quày quả ra về, không chào hỏi ai hết. Về ăn xong ba hột cơm thấy tình hình ổn ổn, Mười Nhỏ chạy tọt về nhà xin trái của ba. Không dè ông già la rùm lên:

Trái trăn đâu mà xin? Bộ mình tụi bay biết đánh giặc, còn tao thì không làm gì được hả? Mấy bữa rày tụi bay không nghe nó nói gì à? Nó định gom mấy cái nhà ở lẻ này vô ấp đó. Nó hăm: Ai không đi, nó cho xe ủi nhà. Cái

nhà rách của tao mà sập thì bọn nó cũng phải bỏ xác một chiếc xe chung vào đó.

Mười Nhỏ im re. Cô biết tính ông già. Ổng đã quyết rồi thì cứ như là đinh đóng cột. Hỏi gặng thêm nữa ổng xách cây phang cho mà chạy không kịp. Mười Nhỏ lẻn ra cho heo ăn rồi vào bếp lục cơm nguội. Sau đó, cô quét dọn nhà cửa, gánh nước đổ đầy lu cho ba. Xong, cô ra hái mớ chùm ruột bỏ túi.

Trong lúc Mười Nhỏ về dưới nhà, Năm Thiệt cho người gánh bốn trái đầu đạn đã cải tiến và tám trái mìn mũi, kèm theo một lá thư, sang giao cho tổ du kích của cô. Cái tính Năm Thiệt vốn như vậy. Anh lo liệu đâu vào đấy rồi, nhưng ai nôn nóng cứ hỏi dồn tới, như kiểu Mười Nhỏ, thì Năm Thiệt nói trớt trớt, chọc cho tức phát khóc lên để cười.

Năm Mão và Bảy Lượm mở thư ra. Hai cô cười ầm lên khi đọc dòng chữ đầu tiên:

"Kính, thân, thương ghét... gởi em Mười Nhỏ và toàn thể, hết thảy, tất cả... hai em du kích..." Cái anh Năm đó, sinh chuyện. Rồi hai cô vừa đọc vừa khúc khích cười. Hai cô gái dừng lại nhìn chăm chăm bản sơ đồ vẽ giữa lá thư. Sơ đồ vẽ đoàn xe đang chạy; một bên là râm chồi ổng Tảo, một bên là trảng than. Đường xe chạy vẽ cặp theo râm. Đến dốc Cùi Chỏ, chỗ bụi dây mấu, vẽ một trái đầu đạn đặt dưới đất, cách bìa râm một thước sáu, một trái đặt trên đọt bụi dây mấu. Trái trên dây mấu dùng pin cho nổ. Hai sợi dây điện từ trên chỗ trái đầu đạn xuống tới gốc dây mấu giấu kín trong bụi, từ đó ra tới trái đặt dưới đất, chỗ chạm mạch điện, thì chôn kỹ.

Xem xong sơ đồ, Bảy Lượm ngồi thẳng lưng lên, quài hai tay ra sau, tóm mái tóc giũ lia, giũ lịa:

- Ổng đánh chỗ đó, cha con nó rụm xương chớ hổng trật!

Năm Mão tiếp tục đọc thư... "Qua[1] bố trí một chỗ vậy để các em ngẫm nghĩ rồi lựa chỗ đánh tiếp. Bây giờ, qua xin thưa với em Mười Nhỏ: Nếu xe bọn nó ở trong chạy ra thì nó ăn trái bên đó, còn ở ngoài chạy vào, nó ăn trái bên này. Bộ đội vùng mấy qua cũng bắt chước cách đánh mới của bên đó. Còn hai cái đầu đạn các-bin, qua hóa phép nó biến ra bốn đầu đạn đại bác, nên đừng chê nữa nghe không?

Toàn thể bộ đội vùng chúc tất cả toàn thể ba bà chị em du kích..."

Hai cô gái lại cười rần rần. Cái anh quỉ. Bảy Lượm bỗng giằng lá thư trên tay Năm Mão, xem xem lại sơ đồ rồi đưa ngón tay trỏ day day vào bên hông chỗ đặt trái, phía trảng than, hỏi trỏng trỏng:

Sao không đặt chỗ này mấy trái mìn hay lựu đạn gì trọi?

Năm Mão làm khôn cãi lại:

- Đánh xe mà mìn, lựu đạn gì?

- Xe nổ, bọn lính ở mấy xe sau cũng chạy tới coi chớ bộ? Mình gài thêm mìn hay lựu đạn đánh bọn lính đó nữa.

- Trúng trật gì? Tao thì cứ là điều đội nữ pháo binh của huyện, vác khẩu tám hai về đây, xe nổ là tao phang cối vào tiếp cho chết bà nó hết.

---

[1] Qua: Anh, cách gọi thân mật.

- Chị nói tưởng dễ? Xe nổ, nó bắn nhức đầu đi chớ, ở đó mà phang? Phang xuống hầm núp thì có..

Năm Mão gật gật cái đầu rồi cười.

- Ờ há. Chị Mười về, mình nói với chỉ, đem tám trái mìn mũi ra đánh luôn. Còn bố phòng sẽ kiếm cái khác thay vào sau.

Bọn địch lại bắt đầu bắn pháo vào vùng bàn đạp của ta. Vẫn đúng y ba giờ chiều. Nó bắn chỗ nào là bắn nát chỗ đó. Nó bắn hàng trăm trái đạn liền. Sáu cụm pháo đang châu đầu bắn dọc theo râm chồi ông Tảo, dọc trảng than, lán sạn, lán sỏi...

Giữa lúc pháo địch nổ ầm ầm, Tám Tần đi họp về. Cô mang theo về hai trái đầu đạn và cây súng AR15 của huyện cấp cho tổ du kích. Bảy Lượm đớp ngay cây súng trên vai Tám Tần, đưa lên ngắm thử. "Cũng được, nhưng không bì kịp AK". Bảy Lượm chê vậy, song vẫn nói với Tám Tần:

- Cấp cho em khẩu súng này đi, chị Tám.

- Thì cấp cho tổ, để con Mười về nó cho đứa nào giữ thì giữ.

- Em giữ chớ bộ.

Năm Mão đứng cạnh Tám Tần, hai cái môi cứ lận ra, lận vào. Hình như cô định nói gì đó với Tám Tần, nhưng bỗng nhiên cô chạy lại chõ miệng vào tai Bảy Lượm nói nhỏ gì đó. Bảy Lượm đứng mở hai con mắt đen lấp láy gật đầu lia lịa. Năm Mão quay ra nói với Tám Tần:

- Chị ở nhà, tụi em đi đây chút, nghe chị Tám:

- Nó đang bắn ầm ầm mà đi đâu?

- Nó đang bắn mới đi!

Nhìn cây AR.15 nhỏng nhẻo bên hông Bảy Lượm, Tám Tần mỉm cười:

- Nó ham lượm đầu đạn như ham nấm!

Năm Mão và Bảy Lượm vừa ra khỏi nhà thì Mười Nhỏ về. Cô vừa đi vừa nhai chùm ruột, cái mặt nhăn nhăn. Thấy Tám Tần đang vo gạo nấu cơm, Mười Nhỏ cười cười:

- Chùm ruột lứa này sao chua quá chị Tám?

Mười Nhỏ thọc tay vào túi bốc một bốc chùm ruột đưa cho Tám Tần, mắt lem lém nhìn đống đầu đạn:

- Trái đâu nhiều vậy chị Tám?

Tám Tần cho một trái chùm ruột vào miệng nhai. Hai mắt liền nhắm khít lại:

- Ứ, chua lọét!

Tám Tần trả nắm chùm ruột lại cho Mười Nhỏ, nhưng vẫn còn giữ lại trong tay mình mấy trái, rồi mới trả câu hỏi của Mười Nhỏ. Mười Nhỏ nhảy bổ tới săm soi mấy trái đầu đạn. Cô lấy lá thư cài ở trái mìn ra đọc. Cô cầm lá thư chạy lại bếp. Vừa đi, vừa nói, vừa cười:

- Cái anh Năm Thiệt đó!

Mười Nhỏ chìa bản sơ đồ trên lá thư ra trước mặt Tám Tần:

Ảnh, đặt trái chỗ này thiệt đúng là ông tướng đánh trái.

- Năm Thiệt mà mày còn khen.

Tám Tần cầm lá thư xem cũng bật cười. Xem xong, Tám Tần hỏi Mười Nhỏ. Mười Nhỏ kể đầu đuôi việc đánh trái cho Tám Tần nghe. Rồi hai chị em ngồi xổm chỗ bếp vừa nấu cơm, vừa tính chỗ đặt trái đánh xe bọc thép.

Tám Tần nghĩ nghĩ một chút, nói:

- Nếu xe chạy vào, nó đụng trái bên Năm Thiệt thì chắc nó không chạy theo bìa râm ông Tảo nữa, mà nó sẽ ngoặc sâu xuống chạy cặp theo râm ổi rồi tạt qua suối khe. Còn trong nó chạy ra, đụng trái của mình ở dốc Cùi Chỏ, nó sẽ chạy dẹt xuống râm Cây Cầy. Cho nên, mình phải đặt trái ở cả ba đường, chạy đàng trời nó cũng dính.

Nghe Tám Tần nói, mặt Mười Nhỏ nở ra. Nồi cơm trên bếp sôi trào, bếp lửa khói um. Mười Nhỏ lật đật lấy nắp vung ra, thổi bọt đánh "phù" một cái rồi ngồi tỉnh khô. "Có lẽ đánh phía râm ổi, chỗ doi ra đó, tốt hơn. Còn râm Cây Cầy thì đánh chỗ bụi dứa dại còn xanh um đó". Nghĩ vậy, Mười Nhỏ liền giở sơ đồ trong lá thư ra, lấy bút bi vẽ thêm lên đó hai chỗ đặt trái nữa. Sơ đồ hiện lên ba cụm trái, nằm thành hình tam giác, mỗi cụm cách nhau có đến hai cây số. Mười Nhỏ đưa sơ đồ cho Tám Tần xem và nói ý định của mình. Xem xong bản sơ đồ, đôi mắt của Tám Tần ánh lên một niềm vui. Trong cái lấp lánh của ánh mắt ấy, chứa đựng cả một lòng tin yêu và niềm tự hào của người bí thư chi bộ kiêm đội trưởng đội công tác đối với lực lượng vũ trang của Đảng ở xã ấp ngày một trưởng thành. Tám Tần co ngón tay giữa lại, âu yếm chọi lên đầu Mười Nhỏ một cái:

- Năm Thiệt là ông tướng thì mày cũng... cũng...

Mười Nhỏ nói gọn lỏn:

- Thì chị cũng là "ông tướng"!

Cả hai chị em cùng cười lăn, cười lóc. Năm Mão và Bảy Lượm khiêng về một khiêng bốn trái đầu đạn đại bác lép, mới au. Hai cô đặt khiêng đầu đạn xuống cái bịch, nói:

- Hai bà chị ở nhà vui vẻ dữ hà?

Mười Nhỏ chạy lại phụ khuân ra. Năm Mão và Bảy Lượm cùng tranh nhau:

- Bữa nay mình túm gọn hết. Mấy ông nông dân chạy ra bị chưng hửng. Mấy ổng theo nằn nì xin để bố phòng. Ai cho! Mấy ổng nói: "Con gái mà dữ ác hôn!" Con gái đánh Mỹ mà lại.

Bảy Lượm nói lại với Tám Tần và Mười Nhỏ về việc gài thêm mìn đánh bọn lính, Tám Tần coi đó là một ý kiến hay và hết sức tán thành. Còn Mười Nhỏ thì nhíu hai lông mày lại một chút rồi bật dãn ra, cười:

- Chết bà nó nữa rồi.

Bốn chị em ăn cơm sớm. Chiều nay, Tám Tần không đi công tác mà ở nhà mang trái đi đánh xe bọc thép với tổ du kích.

Sáng hôm sau, Mười Nhỏ leo lên đọt bụi tre gáxc trước. Sáng nay, cô cảm thấy cánh đồng hoang như đang xanh màu xanh của lúa ở thì con gái. Trên cánh đồng đó, những đêm

mùa mưa, người ta đốt đuốc đi bắt ếch ôn[1] sáng đồng, vui như hội. Những đêm ấy, Mười Nhỏ và Năm Mão cũng quần xắn lên khỏi gối, bì bõm vác đuốc đi bắt ếch ôn. Những con ếch no nước to bằng nắm tay, nằm lền đất, bắt một chặp mang không hết. Vậy mà, từ ngày giặc Mỹ kéo đến, chúng nó nổ bom, đổ đạn xuống mảnh đất vùng ven này, đến nỗi không còn chỗ cho những con ếch ấy ở nữa. Cánh đồng trở nên cằn cỗi. Nhưng, về đêm nó lại rất trẻ trung, đầy sinh khí. Mặt đất dịu lại, nở dãn ra. Và, sẵn sàng bùng lên những tiếng nổ dữ dội.

Những cảm nghĩ tươi mát giản dị đó của cô gái không đọng được lâu. Chiếc L.19 lại vừa cất cánh khỏi sân bay đã dòm ngó xuống cánh đồng. Nó lượn một vòng tròn rồi bay thẳng về hướng Tây Bắc. Một loạt súng nổ rất dài từ trong thị xã dội ra. Những dãy nhà tôn trong thị xã phản chiếu ánh mặt trời hắt lên những tia sáng lóa mắt nên Mười Nhỏ chẳng nhìn thấy gì. Cái nắng của vùng ven cũng đã đốt cánh đồng hoang, nóng hầm hập... Mười Nhỏ lại tức điên lên: "Giặc đó!" Những lúc như vậy, Mười Nhỏ lại muốn tìm một cái gì rất quê hương để tạo một nguồn vui. Giờ thì ở trên đọt bụi tre này khó kiếm lắm. Tất cả đã trở thành quen thuộc. Từ bụi tre cháy vì bom xăng đến những bụi dứa dại mang đầy mình dấu xích xe tăng địch đã chốt lại trong lòng cô gái một nỗi căm thù. Còn chỗ nào thấp, chỗ nào cao Mười Nhỏ cũng thuộc hết. Ngay cả tính nết, cách đi đứng của từng loại lính địch cô cũng thuộc nằm lòng nữa là. Mười Nhỏ cố tìm một cái

---

[1] Ếch ôn: Một loại ếch giống con ễnh ương, nhưng mình tròn và lớn hơn. Ăn rất ngon.

dáng dấp nào đó, một hình thù nào đó để tưởng tượng nó, để biến nó thành một câu chuyện vui.

Dưới đường cái, có một anh bộ đội là lạ đang đi. Mười Nhỏ nhận xét: Bộ tướng anh chàng này không phải là bộ tướng của người vùng ven. Thế là Mười Nhỏ tóm ngay anh bộ đội đó, trêu:

- Ai, đi đâu đó?

Hỏi xong, Mười Nhỏ ngồi êm ro trên bụi tre. Anh bộ đội ngó quanh, ngó quẩn. Không thấy ai nên cất tiếng hỏi lại:

- Ai hỏi ở đâu đó?

- Thì cũng ai hỏi ai ở đâu đó mà?

Anh bộ đội nhìn lên bụi tre. Bụi tre rậm, không thấy gì, anh ta đi tiếp.

- Đi đường đó, trái nó ăn anh, tội không khóc dùm á!

Anh bộ đội giật chân lại, như đạp phải lửa. Anh lạnh mình: Trước khi xuống đây, các anh ở trên huyện đã dặn: xuống chỗ đất trái, đất mìn, đi đứng phải cẩn thận, hỏi han kỹ lưỡng. Vậy mà... Thấy anh bộ đội đứng lớ ngớ, Mười Nhỏ bật cười giòn tan. Anh bộ đội liền trách:

- Không chỉ dùm cho người ta mà còn cười:

- Chớ người ta đi đâu? Thăm ai? Nói cho trúng rồi em tôi chỉ đường cho.

Mười Nhỏ cười toáng lên. Năm Mão, Bảy Lượm ở dưới đất cũng cười rần rần Tám Tần vừa tủm tỉm cười vừa nói như rầy:

- Um hết hà: Đứng trên đó mà la chỏi!

Tám Tần phải chỉ đường cho anh bộ đội. Chớ không thì, như cô nói, ba đứa nó bắt người ta đứng đó tới trưa.

Anh bộ đội đi rồi, Mười Nhỏ đảo mắt ngó xung quanh. Một đám bụi mù cuộn lên như cơn trút[1] xe địch ở hướng ngoài chạy vào: Không biết anh Năm Thiệt gài trái ở chỗ nào? Mười Nhỏ chưa báo xuống dưới vội. Cô nhìn chăm chăm vào đám bụi mù càng ngày càng gần lại. Từ trong đám bụi mù ấy, bất thình lình dựng lên một cột khói đen đặc. Mười Nhỏ vừa hét lên một cách vui sướng, vừa tụt xuống.

- Chết bà mày rồi!

Mười Nhỏ mới xuống mấy bước, tiếng nổ đã ập đến chói tai. Bọn xe bọc thép bắn rầm trời. Mười Nhỏ phóng ào xuống gai tre móc rách cả quần áo, cào xước hai bên má và mu bàn tay. Bọn bọc thép bắn nửa giờ thì dứt. Mười Nhỏ giành trèo lên bụi tre. Lên đến nơi, cô đã réo xuống:

- Chết bà nó rồi, chị Tám! Nó ngoặc xuống chạy theo râm ổi rồi.

Tám Tần gọi Mười Nhỏ xuống. Râm ổi cách đây không xa, ở trên đó xuống không kịp. Mười Nhỏ xuống ngồi một chặp. Không nghe nổ, cô lại xách súng leo lên bụi tre. Mười Nhỏ leo được hai bước thì trái nổ, đất chuyển rền rền. Tụi xe bọc thép lại bắn, bắn dữ dội. Ngồi dưới hầm nghe cứ rập rềnh. Đánh xe bọc thép nó có cái thú của đánh xe bọc thép. Mình thì đàng hoàng, ung dụng ngồi dưới hầm. Cha con nó, đứa nào chết thì chết, thằng nào còn sống xanh mặt, hốt

---

[1] Cơn lốc.

hoảng cắm đầu, cắm cổ mà đổ đạn. Bọn bọc thép dứt bắn một chặp các cô gái lại nghe tiếp mấy tiếng nổ nhỏ phát ra. Đôi mắt tròn vo của Bảy Lượm sáng bừng lên:

- Mìn, bọn bộ binh trúng mìn!

Bọn bọc thép lại thi nhau đổ đạn. Chúng loay hoay ở đó mất cả tiếng đồng hồ rồi mới kéo nhau chạy. Mười Nhỏ vội trèo lên bụi tre nhưng bị Năm Mão nắm chân lôi lại. Năm Mão ỳ ạch trèo lên. Mười Nhỏ bật cười:

- Coi nó trèo như con nu trèo![1]

Tám Tần, Bảy Lượm nhìn lên cũng bật cười. Vừa lên tới đọt bụi tre, Năm Mão lật đật tụt xuống, thở hổn hển:

- Nó cắt qua suối tre, chạy cặp theo râm Cây Cầy.

Mười Nhỏ nhảy dựng lên:

- Chết bà nó nữa rồi!

Một tiếng nổ lói vào tai bốn cô gái. Bọn bọc thép, vẫn cái sách cũ, bắn như chà ốc. Bốn cô gái lại xuống hầm núp. Đánh xe bọc thép nó có cái thú của đánh xe bọc thép!

Hơn một giờ sau, bọn địch lại tập trung sáu cụm pháo bắn nát xung quanh những khu vực có trái nổ. Ngồi dưới hầm, bốn cô gái lại nói với nhau:

- Nó đem trái đến cho tụi mình đánh nữa đó!

Pháo địch dứt bắn. Vùng ven đột ngột im lặng. Chợt Bảy Lượm hỏi Mười Nhỏ:

---

[1] Con nu, có nơi gọi con cúi, ở hang, chuyên ăn gốc tre, rất mập.

- Mình giờ là bộ đội vùng, chớ du kích gì nữa hả chị Mười?

- Ai nói?

Năm Mão xen vào:

- Vùng vùng, pháo pháo gì? Tướng tụi mình giờ là tướng đánh xe chớ không phải tướng pháo thủ.

Sau trận đánh bức làm đôi ba chiếc xe M.113 địch phải bỏ xác tại chỗ, đồng thời giết chết và làm bị thương hơn năm mươi tên địch đó, thì ở vùng ven này lại xảy ra một chuyện rắc rối. Đó là, ngày nào trên ban cán sự vùng cũng có những lá đơn "kêu kiện". Nguyên do thế này: Sau khi ban cán sự vùng phổ biến kinh nghiệm trận đánh trên cho các nơi thì nhân dân du kích, bộ đội toàn vùng túa ra đi lượm đầu đạn đại bác lép. Trong số người hăng hái nhất, có ông già Năm, cha của Mười Nhỏ, là người xông xáo số một. Đến nỗi, có anh du kích ở xã bạn phải nói: "Ông già đừng có ỷ cái mạng già mà lượm hết của con cháu". Ông già Năm bất chấp. Ông cứ quảy giỏ đi khắp nơi lượm, gánh về cho con gái.

Nói cho đúng, mấy ngày đầu thì chưa có chuyện gì xảy ra. Nhưng sau đó, không biết ai qui định là: Ở xã nào lượm trái ở xã đó, không được lượm sang xã khác. Quy định đó chẳng ma nào chấp hành. Rồi, cũng không hiểu ai, lại qui định: Trái ở xã nào là của xã đó, ai tới lượm thì có công. Kẻ có của, người có công, lượm phải chia đối. Chuyện đó cũng chẳng ai chấp hành. Vậy là phát đơn lên kiện ban cán sự vùng.

Mỗi lần xem xong một lá đơn như vậy, đồng chí bí thư ban cán sự vùng cứ chắc lưỡi hoài:

- Thì chia ra mà đánh giặc với nhau, chớ lại kiện với cáo! Thiệt rầy rà.

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

CAO NĂM

Cao Năm sinh ngày 12-12-1941.

Quê quán: Thôn Phương Lai, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1999). Hội viên Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hải Phòng.

Cao Năm học trường nghiệp vụ khí tượng và công tác tại các đài khí tượng từ 1960 - 1965.

- Tháng 5-1969 đến 4-1976, là phóng viên báo Việt Nam Độc lập (thuộc khu ủy Khu tự trị Việt Bắc)

- Tháng 4-1976 đến 2-1978: phóng viên báo Bắc Thái.

- Tháng 2-1978 đến nay: phóng viên báo Hải Phòng.

Hiện nay là Trưởng phòng Văn nghệ của báo Hải Phòng.

Tác phẩm chính đã xuất bản:

"Người ngoài họ" (1997); *"Áo xanh ướt đẫm"* (In chung 1997); *"Tiếng vọng"* (1998); *"Con trai thứ"* (2000); *"Đứa bé đẻ trong hang núi"* (2000).

Giải thưởng văn học:

- Tặng thưởng truyện ngắn của tuần báo Văn nghệ.

- Giải thưởng văn nghệ Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hải Phòng.

- Giải thưởng hằng năm (1998) của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Lời tựa cho truyện ngắn "Câu chuyện một dòng mương".

Tháng 5-1965, tôi mới 25 tuổi, lần đầu tiên đặt chân lên huyện vùng cao Bảo Lạc (Cao Bằng), công tác tại trạm khí tượng cách thị trấn huyện ba cây số, bên dòng sông Gâm ngày đêm nước chảy ầm ầm như thác đổ. Nhân ngày nghỉ, tôi và một cô bạn, người Hải Dương, mới từ Ty Y tế Cao Bằng vào phòng y tế Bảo Lạc tham gia chiến dịch phòng chống sốt rét ở vùng cao, cùng nhau đi mảng qua sông Gâm sang xã Thượng Hà, gồm toàn đồng bào Tày Nùng, ở rải rác dưới chân dãy núi Cốc Pàng. Chúng tôi vào chơi nhà một anh người Tày mà tôi quen biết. Chỉ một buổi trưa mà anh kể cho tôi nghe bao nhiêu chuyện về cảnh đời của vợ chồng anh, bố mẹ anh, rồi cuộc vật lộn của những người ở bản trong việc

tìm cách đưa nước về đến các gia đình. Một ngày đi chơi mà để lại trong tôi nhiều vấn vương suy nghĩ.

Rồi mấy tháng sau, tôi lại được điều động cùng mấy anh ở các ngành khác trong huyện đi xã vận động đồng bào các dân tộc đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho nhà nước. Tôi lên bản Khuổi Bốc (tiếng Tày nghĩa là suối cạn) hai ngày, ba đêm nằm ở nhà vợ chồng ông Nông Văn Phìn vui tính mà kiệm lời. Đêm đầu tiên, rồi hết ngày hôm sau tôi cũng không chuyện trò với ông bà Phìn được gì hơn ngoài mấy câu hỏi thăm sức khỏe, cửa nhà, con cái. Tôi dẫu mới lên Cao Bằng hơn một năm, chưa nói thạo tiếng Tày-Nùng, nhưng nghe họ nói cũng đã hiểu được nhiều. Có lẽ do hiểu tiếng nói mà đêm hôm sau ông Phìn đã kể cho tôi nghe cái đận vất vả của ông, và mấy người đàn ông trong Khuổi Bốc, trong việc làm mương đưa nước về cấy mấy mẫu lúa ở dưới chân núi bên kia. Lại vẫn chuyện nước nôi. Ai có lên những vùng đồng bào dân tộc ít người trên rẻo cao mới thấy hạt nước quý biết chừng nào!

Lại đến một lần, một người quen của tôi, quê ở Hải Dương, đang công tác ở Ty Thủy lợi Cao Bằng, trên đường đi khảo sát tuyến mương dẫn nước cho một hợp tác xã người Tày ở bản Xà Lạng, có ghé vào chỗ tôi chơi. Anh kể về công việc khảo sát tuyến mương của anh phải đi qua mấy chỗ đồi núi chật vật quá chừng, "bỏ thì thương, vương thì tội" - lời anh nói. Tôi nghĩ nhiều về câu chuyện của anh kể.

Cuối tháng 9-1966 - tôi bắt tay vào viết truyện ngắn này, với cái tên là "Trên quê mới". Tôi viết mải miết hai ngày đêm xong, rồi chép gửi đi báo Văn nghệ. Ít lâu sau, tháng 11-1966, báo Văn nghệ đăng truyện ngắn này với tên gọi do người biên tập đặt lại "Câu chuyện một dòng mương". Truyện

ngắn này, năm 1975, Nhà xuất bản Việt Bắc đưa vào tuyển tập truyện ngắn Việt Bắc "Trận địa giữa ruộng bậc thang" với tên gọi cũ của tôi "Trên quê mới". Nói vậy để khỏi có sự nhầm lẫn, nếu có ai đó có dịp đọc truyện này ở nơi này nơi kia, còn với tôi thì tên hào cũng là tên, miễn là nó là con người có hình hài, cốt cách của chính mình.

Từ truyện ngắn đầu tiên đến nay, đã 35 năm, tôi vẫn theo cái hướng đi ấy của mình: viết cái gì mình biết, mình nghĩ, mình trăn trở với hình hài, cốt cách mạng dáng dấp của chính mình.

Câu chuyện một dòng mương

Tường đứng giờ lâu trên sườn núi, như một người chỉ huy cẩn mẫn chăm chú quan sát trận địa để chuẩn bị cho một trận đánh lớn. Từ cánh ruộng Khui Bốc ra tới con kênh dẫn nước về trạm thủy điện, theo đường chim bay, thì chừng ba trăm mét thôi. Nhưng đường ấy có núi cao chạy chắn ngang không đi được. Nếu vậy, đi vòng qua núi Mào Gà là tiện nhất. Cũng chỉ xa hơn đến trăm mét là cùng. Một con mương dẫn nước từ con kênh của trạm thủy điện đi qua đầu phía nam núi Mào Gà, rồi chảy ra cánh đồng Khui Bốc, kể ra cũng không phải là một việc dễ dàng cho lắm. Bỗng nhiên, Tường nhớ đến những con kênh ở vùng Hải Dương quê anh. Những con kênh do chính tay Tường đo đạc "thiết kế", đào mai móc máng. Những con kênh có bàn tay của Tường góp sức vào ấy, đã làm thay đổi bộ mặt cánh đồng đường Năm xưa kia có tiếng là hạn hán nhất nhì tỉnh.

Bây giờ, Khui Bốc đấy, đất quê mới chờ đợi những sự hứa hẹn của anh đêm ra đi đấy. Anh có chiến thắng được khó khăn, đem nước về đồng được hay không?

Việc chung đã bận mà vợ anh lại cứ nằng nặc đòi phải có một cái nhà riêng để chăn con lợn con gà. Ừ thì làm. Làm một cái nhà tranh ở miền rừng cũng chẳng khó gì. Tối hôm trước, Tường mới nói ngỏ ra với ông Thàng về việc làm nhà,

thế mà chiều hôm sau, khi Tường đi thăm đồng về thì đã thấy một đống tre vỏ xanh thấm, vết dao chặt còn mới nguyên vất ngổn ngang ngay lối ngõ. Ông Thàng bảo: "Của bà con trong bản mang về cho chú làm nhà đấy" Ba ngày sau, một chiếc nhà tre bốn gian của vợ chồng Tường được dựng lên, do công sức đóng góp của các nhà trong bản, người góp gianh, người cây tre, cây nứa, người bó lạt, buổi công.

Sau ngày dựng nhà, có dễ đến hàng tuần Tường cứ đi biền biệt suốt ngày. Có hôm trưa tối cũng không kịp về ăn cơm. Nhiều đêm họp bên bản Xim đến tận mười một, mười hai giờ mới đèn đuốc ra về. Thường thì những lần như thế, vợ Tường lại hỏi khéo:

Sao bảo lên đây thì được rảnh công việc để thu vén gia đình?

- Đã là cái anh đảng viên thì ở đâu cũng không thể ngồi yên được. Ngày ấy tôi không nói thế, dễ thường tự dưng u nó đã xin đi cho ngay đấy.

- Đấy, mình cứ tính xem, từ nay cho đến dạo có lúa sớm cũng còn ngót nghét bốn năm tháng nữa. Thế mà mình thì vẫn cứ thênh thênh, đi hết ngày này sang ngày khác, chẳng còn làm gì được việc nhà.

Tường hiểu những lo toan về cửa nhà, con cái của vợ. Anh chậm rãi bảo:

- Lương ăn thì không đáng lo lắm, hợp tác xã sẽ cho vay một số thóc, ngô, sắn để ăn từ nay cho đến mùa. Còn tiền tiêu, nếu có bấn quá thì hôm nào xuống chợ huyện, tôi sẽ bán cái đồng hồ này đi, vào mậu dịch mua cho chúng mỗi đứa cái áo bông. U nó cũng phải nghĩ xa một tý chứ. Lên đây vào giữa lúc bà con người ta đang bắt tay vào làm vụ đông xuân

chống Mỹ, thì mình cũng phải lao vào cùng bà con làm một vụ cho khấm khá, thì nhà mình mới đủ ăn đủ tiêu được. Cứ nghĩ như u nó, ngày chỉ biết hai buổi đi làm cầm chừng để lấy công, rồi lại cặm cụi đi kiếm một vài mảnh đất để cải thiện, thì rồi có mà cải... cải ngồng!

Lúc ấy, vợ Tường chỉ còn biết ngồi vỗ nhẹ vào lưng con và im lặng.

Chợt, Tường gọi toáng lên:

- Này, u thằng Vĩ, dậy mà nghe, dậy mà nghe tin chiến thắng đây. Chiến thắng ở ngay quê mình mới khoái chứ. Nghe nhá: Hải Dương lập chiến công đầu bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ.

Vợ Tường nằm yên nghe chồng đọc, không bỏ sót một miếng nào. Tự nhiên, chị nghĩ đến quê hương. Ở đấy có cha mẹ, anh chị, cô bác và những bà con thân thuộc xóm làng. Ở đấy, nơi quê chị, giờ đây đang bị máy bay Mỹ đánh phá. Ở đấy bây giờ thế nào, vườn tược, cây cối, xóm làng, những người thân, và nhất là thằng con trai chị còn ở với ông bà dưới quê, liệu có việc gì không. Chị không nén nổi những lo lắng về những cái đó, nỗi lo lắng của những người thiết tha yêu mến quê hương. Chị sửng sốt hỏi chồng:

- Thế ta có việc gì không?

Tường mỉm cười bảo vợ:

- Chắc là cũng không thiệt hại gì nhiều.

Vợ Tường lại thấy chồng cắm đầu đọc báo. Lát sau nghe miếng anh ta lẩm bẩm nói với mình: "Ở dưới đó bị máy bay nó đánh phá, nhưng bà con mình vẫn sản xuất được, mà lại còn làm được nhiều việc tốt chứ. Còn mình thì, chẳng lẽ lại bó

tay?". Vợ Tường vẫn chưa ngủ được. Chị nghe rõ tiếng chồng nói rì rầm từ giường kia vọng sang. Chị nghe, và chị hiểu tất cả những lời nói ấy. Chị thấy xôn xao. Cái suy nghĩ của anh cũng là điều chị đang nghĩ đây. Câu nói của anh như cứ dần xoáy sâu vào lòng chị, quyện vào tim óc chị. Lại nghĩ về quê hương, đến thời con gái, cái thời con gái của chị bên tai rộn lên những tiếng bom đạn của giặc Pháp đi càn quét làng trong xóm ngoài, nhưng không biết sợ cái chết là gì. Thế mà quay đi quay lại đã hơn chục năm trời. Bây giờ nghĩ đến những ngày ấy, chị nhớ như in từng ngày, từng tháng bàn chân của mình đã bước đi trên vùng quê. Chị nhớ đến những đêm đưa cán bộ qua đường Năm trời mưa phùn gió rét như cắt thịt, những đêm cùng anh chị em du kích ở làng bò vào gỡ mìn sát lô cốt giặc...

Chị bỗng thở dài đánh thượt một tiếng, tiếc rẻ như người vừa mất đi một cái gì quý giá vô cùng. Chị hối hận trong những ngày này, khi đã có một gia đình riêng nho nhỏ với ba đứa con, thì đầu óc lúc nào cũng cộm lên những lo toan vặt vãnh trong nhà.

Từ sau cái đêm ấy, trong cuộc sống bình lặng ở nhà Tường, dường như đã có một sự thay đổi nho nhỏ. Vợ Tường năng nổ các công việc ruộng nương hơn. Tường cũng thấy thoải mái hơn, anh đỡ phải bận đầu óc vì những chuyện vặt vãnh ở trong nhà.

*

* *

Đứng ngắm cánh đồng Khui Bốc giờ lâu, Tường lững thững quay về. Cái bóng người cao cao vừa tầm thước, chắc khỏe ấy cứ băng băng lao xuống dốc. Đêm mùa đông ở miền núi lạnh buốt đến xương. Trời trong vắt không một gợn mây,

chỉ chít những vì sao lấp lánh, màn đêm xám nhạt, đen nhờ làm cho ta còn đủ nhận rõ đường viền của các dãy núi nối tiếp nhau. Hai tay chắp sau lưng, vừa bâng khuâng nhìn núi rừng trùng điệp Tường vừa nhẩm tính công việc cải tạo cánh đồng Khui Bốc. Hôm nay là mười bốn tháng chạp. Mai mười lăm, khởi công. Cứ tính già ra là làm trong chục ngày. Được, còn kịp làm ruộng cấy chiêm rét. Nhất định phải bắt Khui Bốc nhả ra một vụ lúa chiêm nữa. Gần ba chục mẫu ruộng đấy chứ có ít đâu. Tường đã đi về về năm lần, bảy lượt ở cánh Khui Bốc, anh đã suy đi tính lại rất kỹ càng, ấy vậy mà tối hôm nọ nếu anh và những cốt cán của bản chỉ buông lơi một chút, là cánh ruộng Khui Bốc lại vẫn được thả cỏ um tùm. Hôm họp xã viên bàn làm mương dẫn nước về Khui Bốc, ai cũng bảo:

- Người Nà Lạng không quen làm mương như thế đâu.

Có nước thì cấy, không có nước thì bỏ thôi. Ta lên đồi phát rừng trồng ngô, trồng sắn. Đất ở đây nhiều, chứ không ít như dưới đó đâu, anh Tường à.

Chung quy là bà con ở đây làm ruộng như thế nó quen rồi. Mùa mưa thì ở đâu cũng có nước, trên đồi thì đánh hốc gieo lúa nương, lúa rẫy; còn dưới ruộng thì ruộng nào cũng cấy được cả. Nhưng phải cái mùa khô hanh thì chỉ quen cấy ở nơi tiện nước, chỗ nào không có nước thì gieo ngô, trồng sắn. Cái cách ấy đã đành, nhưng đằng này mình có thể dẫn được nước vào ruộng thì cứ làm mà cấy chứ. Sao lại quen là quen thế nào được. Anh em cán bộ bảo ai cũng nghĩ như Tường. Bà con người bàn ra kẻ bàn vào, nhưng rồi cũng thống nhất ngày khởi công, hẹn nhau cấy Khui Bốc cho xong trước ngày ăn tết. Tường được phân công điều hành công việc làm mương. Hôm nay anh đi quan sát Khui Bốc lần cuối cùng, để mai bước vào khởi công làm mương. Bảo Tường không hào

hứng, say sưa, mải mê với Khui Bốc sao được. Dọc đường về nhà, chưa một phút nào Tường buông sự suy nghĩ về Khui Bốc, về buổi xuất quân ngày mai.

Say sưa với những dự tính đang chờn vờn trong óc. Tường đi vào ngõ nhà mình lúc nào mà anh không hay. Cái Vân đang cặm cụi nướng ngô trong bếp, vừa thấy bố về đến đầu sân vội reo lên:

- Bố ơi, anh Vĩ gửi thư lên đấy!

Tường vừa dứt mạch suy nghĩ thì cũng vừa lúc cái Vân hớt hải chạy ra dúi tờ giấy vào tay bố. Anh cầm tay con bước lên thềm:

- Mẹ đã xem thư anh Vĩ chưa?

- Xem rồi ạ. Mẹ bảo mấy hôm nữa con với bố về quê ăn tết với ông, có thật không hả bố?

Biết nói thế nào cho đứa con gái sáu tuổi của anh nó hiểu được những công việc bề bộn, khẩn trương đang chờ anh ở nơi đây. Tường đành dối con để nó yên lòng:

- Ừ ừ...

Thì vừa lúc đó vợ Tường ẵm thằng Thi cho bú ở trong giường, nói vọng ra:

- Ừ là ừ thật đấy!

Tường để chiếc mũ lá lên chiếc bàn trúc, nói lấp lửng:

- Nói thế thôi, chứ chắc mà đã về được.

Vợ Tường quả quyết:

- Còn chắc với lép gì nữa. Mai ở nhà gói chục bánh chuối, tìm mua ít măng khô. Mười tám về. Không về là không được đâu. Ông cụ không chửi cho đây chớ kể!

Cái chuyện này mới thật rắc rối.

Nhưng dẫu sao thì chuyện tết nhất, đi ở của vợ chồng Tường cũng chỉ có thể dừng lại ở đấy. Bởi ngay hôm sau, công việc đào mương dẫn nước về Khui Bốc đã cuốn hút hai người vào đó, làm cho cả hai không còn thì giờ rảnh rỗi mà nghĩ đến chuyện ấy nữa, hay có chăng, nó cũng chỉ còn là một nét thoáng qua rồi lại mau chóng quên đi.

SĐ
Sunday, June 11, 2017

*
* *

Con mương dẫn nước vào Khui Bốc đã khởi công được bốn ngày. Bốn ngày qua là những ngày làm việc tưng bừng, nhộn nhịp mà Tường chưa từng thấy từ khi vợ chồng anh lên Nà Lạng đến nay. Ngày nào cũng có bốn năm chục người già trẻ, gái trai tấp nập làm việc bên sườn núi Mào Gà từ tờ mờ sáng cho đến tối mịt. Tiếng hát lượn thanh thanh của những cô gái hòa lẫn tiếng cuốc xẻng bập vào đất đá. Tiếng cuốc chim chạm đá sỏi chan chát, đanh từng tiếng một xen lẫn tiếng chuyện trò hoan hỉ của bà con, nghe như tiếng lá rừng xào xạc rì rào. Những khẩu súng trường, súng kíp dựng chụm lại chùm ba, hay treo vắt trên cành cây bên sườn núi như vươn dài ra nghe ngóng, phân biệt âm thanh. Công việc đang trôi chảy cho đến buổi làm chiều ngày thứ năm thì gặp chuyện không may. Số là đoạn mương đào tắt qua đầu núi Mào Gà, khi đào tới giữa thì gặp ngay một tảng đá lớn nằm chắn dọc núi. Mà con mương lại chỉ có thể đi qua núi Mào Gà - nơi có tảng đá ấy thôi. Không còn con đường nào khác. Bởi cánh ruộng Khui Bốc nhự nằm ở dưới đáy chảo, mà đầu núi Mào Gà là một khỗ miệng chảo bị vỡ ra từ lâu. Tường chạy tất bật đi tìm ông Thàng. Rồi hai người lại chạy xong xóc từ đoạn mương

này đến đoạn mương vừa đào chạm đá. Nhiều người đã bỏ mai cuốc đứng cả lên bờ. Một vài bà đứng tuổi đã thoăn thoắt leo lên núi. Tường gọi theo:

- Lại làm việc chứ, các bà ơi!

Một bà quay lại:

- Cái núi Mào Gà có nhiều đá lắm, không làm được nữa đâu, anh Tường ơi! Bỏ thôi, không làm mương nước, để cho chúng tôi đi lấy gánh củi về tết nấu bánh.

Không ai bảo ai mà cả Tường và ông Thàng đều gọi:

- Ta cứ lại làm việc đi bà con ạ. Cái núi nó có đá, ta đã có cách. Nhất định ta không chịu nó được đâu.

Nói rồi, Tường đứng xây lưng vào vách núi trầm ngâm suy nghĩ.

Chưa hết buổi làm chiều, nhưng người ở lại làm thì đã vợi hẳn đi. Chỉ còn lại lèo tèo mươi anh chị em thanh niên và mấy cán bộ bản.

Tan buổi làm, Tường cùng ông Thàng đi chậm rãi quanh núi Mào Gà. Tường tỏ nỗi lo:

- Gay quá. Bây giờ ý bác định thế nào?

Ông Thàng trầm ngâm:

- Cứ như ý tôi, ta nên cử người lên huyện đội xin mìn về phá thì mới làm được. Ông Thàng dừng lại giây phút rồi lưỡng lự - Nhưng chẳng biết huyện có cho không?

Tường hồ hởi:

- Ta cứ cử người đi xem. Nói là xin về phá đá đào mương thì huyện cho ngay ấy mà.

Ông Thàng còn đang phân vân thì Tường đã hối hả:

- Được, để tôi đi cho. Bác về bản báo tin đã có người đi mìn mìn về phá đá. Thế, để bà con phấn khởi ngày mai lại tiếp tục công việc.

Nói rồi, Tường vội dúi chiếc cuốc chim vào tay ông Thàng nhờ mang về hộ. Nhưng ông Thàng kịp kéo tay Tường lại:

- Đi thì đi, cũng tạt qua nhà ăn bát cơm đã chứ.

- Tôi vội đi. Nếu được thì đêm nay cho mìn nổ ngay, để sáng mai bà con ra là đã có chỗ làm. Đây xuống huyện cũng đến chục cây số có ít đâu. Bác về qua bảo các cháu nhà tôi cứ ăn cơm trước đi nhá.

Nói rồi Tường xăm xăm bước đi. Ông Thàng gọi với mấy lần anh cũng không chịu quay lại.

Trời chạng vạng tối, Tường mới tất tả ở huyện đội về. Bốn quả mìn nằm gọn trong bọc giấy xi măng Tường đang ôm khư khư bên sườn là niềm vui lớn của anh trong những ngày này.

Về tới nhà, ăn vội mấy lưng cơm độn sắn, Tường lại tất tả sang kéo ông Thàng ra mương. Đêm ấy, khi núi rừng đã trầm lặng chìm vào không gian tĩnh mịch sau một ngày làm việc khẩn trương, bốn tiếng nổ nghe đanh gọn đập vào vách núi, vọng vào rừng sâu vang dậy cả núi rừng. Cả bản Nà Vàng còn chưa ngủ, mọi người nhận ra ngay tiếng mìn phá đá làm mương nổ rền. Ai nấy đều phấn chấn hẳn lên.

Sáng hôm sau, trên sườn núi Mào Gà không khí lao động rầm rộn ràng tấp nập như cái ngày đầu khởi công làm mương. Những tiếng cuốc xẻng va vào đá chan chát, lạo xạo, chắc và mạnh, cứ rộ lên. Tảng đá rạn dần, mòn dần. Rồi con mương từ từ bò qua núi Mào Gà. Chỉ vài ngày sau, nước từ lòng mương ào

ào cuồn cuộn chảy vào đồng Khui Bốc. Cả Nà Lạng bừng hẳn lên, nhộn nhịp, mừng vui như ngày hội xuân. Người ta đổ cả ra cánh ruộng Khui Bốc. Trên dốc núi Mào Gà, bên bờ mương người đứng đông nghịt, niềm vui và sự xúc động hiện rõ trên nét mặt từng người. Và núi Mào Gà giờ đây hiền từ êm dịu như một cô gái đang nhè nhẹ buông mái tóc mượt mà xuống đôi vai tròn lẳn. Từ đầu núi Mào Gà, nước ào ạt đổ vào Khui Bốc. Trong niềm vui xúc động của mọi người, lòng Tường thấy xôn xao, rạo rực. Anh cứ đứng ngây ra trên bờ mương, hau háu nhìn dòng nước đục ngầu chảy vào đồng, đang được những tay thợ cày mẫu mực ngả những thá cày đầu tiên.

Chiều hai mươi bảy tết, Tường đi làm về thấy hai chị em cái Vân đang ngồi nghịch rá gạo ở cửa. Vừa thấy bố tất tả bước vào sân, cái Vân đã tíu tít:

- Bố ơi, mẹ bảo bố sang bản Xim lấy thịt lơn.

Tường còn chưa rõ nếp tẻ ra sao, đã thấy vợ vội vã bước ra, nói như giải thích:

Bác Thàng gái vừa mang sang cho mấy ống gạo. Em không nhận, nhưng bà ấy cứ dúi vào tay con Vân, bảo nhà mình mới lên chưa có thóc nếp, đem cho mấy ống để gói bánh chưng tết. Trưa nay, ông Hịnh ở bản Xim lại sang bảo để cho hai cân thịt lợn cho chịu tiền, bao giờ có thì trả. Không lấy cũng không được, cái tình của bà con đối với mình là quý, chứ của nả đáng là bao.

Tường vừa vỡ lẽ, thì đồng thời anh cũng cảm thấy có một cái gì vừa trìu mến, thiết tha vừa mặn nồng, thân thiết cứ ngày lại ngày ràng rịt, quyện chặt vợ chồng anh với những người thân yêu ở đây. Dường như vợ Tường cũng cảm nhận ra những cái đó thắm thiết, gần gũi vô cùng.

Nhà văn
ĐÀM QUỲNH NGỌC

Tuyển
truyện ngắn
đầu tay
của
các nhà văn

Đàm Quỳnh Ngọc sinh ngày 14-7-1967 tại xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (2000) đi thanh niên xung phong xây dựng kinh tế mới từ 1987-1989.

Học trường viết văn Nguyễn Du từ 1989-1992 tại Hà Nội.

Về truyện ngắn đầu tay "Ông Ky"

Bây giờ nghĩ lại, tôi còn thương ông Ky. Đó là một ông già gầy quắt queo, đen đủi, không vợ, không con. Tại sao ông lại không có vợ, không có nhà, chỉ ở trong một túp lều liêu xiêu? Câu hỏi đó, tôi không trả lời được, vì hồi ấy tôi còn nhỏ, khoảng 9 - 10 tuổi. Bao nhiêu câu hỏi thắc mắc về ông Ky

không ai trả lời tôi? Hay người lớn không muốn trả lời? Suốt ngày ông Ky đi lang thang trên đường làng, ai cho gì, ông ăn cái ấy, thời gian còn lại... ông đói. Rồi một lần, có người bắt quả tang ông Ky đang trộm gà vào ban đêm ở nhà người khác. Vậy là cả xóm đỏ đèn chạy tới vây quanh, ông Ky cúi đầu nói lí nhí: "Tôi chỉ "tạm" thôi, rồi sẽ trả, trả thật mà". Không ai tin ông, cũng không ai giam giữ ông vì phải nuôi. Ông Ky lại đi lang thang trên đường làng, người làng không cho ông ăn nữa, và bao giờ mất gà mọi người lại nói: "Lại ông Ky". Rồi ông đói, rét, mắt lờ đờ. Có một buổi chiều tà, ông ngồi co ro bên bờ đầm lầy đầy cây năn, lác để câu cá, thấy tôi đi qua, ông gọi: "Ngọc ơi, ông trộm gà chỉ có một lần, chỉ có một lần thôi, vậy mà..." Ông Ky ấm ức nghẹn ngào trong cổ họng, rồi ông khóc. Tôi sợ quá bỏ chạy, nói: "Cháu không biết, không biết..." Một thời gian ngắn sau đó, ông chết. Cả làng đi chôn ông. Gà trong làng vẫn mất trộm, những lúc ấy mọi người mới chép miệng "Oan ông Ky quá, oan ông Ky quá" Từ cái ngày ông Ky chết, tiếng chép miệng của người làng, tiếng khóc ức nghẹn của ông Ky luôn ám ảnh tôi, sau này tôi viết truyện "Ông Ky" phần nào đó muốn người làng hiểu cho ông.

Nghĩ lại ngày thơ bé còn ở làng, tôi vẫn thương ông Ky.

Ông Ky

Năm tôi lên bảy, cái tuổi hơi hơi biết suy nghĩ, biết chú ý đến những người xung quanh thì ông Ky đã già lắm rồi. Da ông nhăn nheo mốc thếch. Tóc ông chỗ đen, chỗ trắng cứ lốm đốm như da báo. Khuôn mặt ông nhỏ lắm, nên khi ông cười, những lớp da ở phía cuối đuôi mắt dồn lại với nhau. Ông mặc bộ quần áo bằng vải gụ, cái loại vải tôi nhớ năm ấy cửa hàng bán một đồng chín một mét. Hình như ông có mỗi bộ quần áo ấy thì phải, thấy ông mặc suốt, đến nỗi nó rách thì ông cột túm lại bằng dây chuối. Cũng có hôm vào nhà tôi mượn kim, tôi sợ quá bỏ chạy còn mẹ tôi cho ông một cái kim và một ống chỉ, ông vá những đường dài như lóng tay, xiêu vẹo. Nhưng dù sao cũng cứ lành lặn hơn cột bằng dây chuối.

Ông Ky không có con, cũng không có vợ, thời trẻ ông đi lang thang đâu đó làm thuê, cuốc mướn, rồi không hiểu sao, lúc già, ông lại trở về quê hương.

Một lần, tôi hỏi, mẹ đã trả lời như thế.

Thảo nào tôi thấy ông Ky suốt ngày lang thang trong làng, thấy ai có mớ khoai, ông cũng xin một củ, ai nhổ rau ông cũng xin một bó. Bữa trưa, nếu gặp nhà nào ăn cơm, họ mời, ông cũng ăn luôn. Bữa tối, ông ôm tất cả những thứ ông xin được về nhà. Nhà ông là một túp lều như lều của những người làm muối ở cuối làng. Ông đỏ đèn lên, rồi đi đun nấu. Có hôm có cơm, có hôm có khoai, cũng có hôm ông luộc một

con gà hẳn hoi. Gà ấy là gà ông "tạm" của người khác, theo như cách nói của ông. Nhưng thỉnh thoảng thôi, chứ ông chẳng dám làm thường xuyên. Cũng có kẻ muốn lợi dụng ông để chè chén, mang rượu đến nhà ông rồi giục:

- Bác Ky, bác đi "kiếm" con gà về ta nhắm.

Vậy là ông đi, một chốc sau ông xách gà về, nấu nướng, hai người cùng ăn uống. Cuối bữa rượu, kẻ kia gặm nốt cái chân gà, chợt kêu toáng lên khi thấy ngón chân trỏ của gà bị chặt đứt.

- Bác Ky, bác "tạm" gà nhà ai đây?

- Gà nhà chú đó, béo không?

Kẻ kia tức lắm, nhưng cứng họng không nói được gì, lủi thủi về, thề rằng sẽ không bao giờ đến "nhà" ông Ky nữa.

Ngoài cái nghề thỉnh thoảng đi "tạm" và đi "kiếm" của người khác, ông Ky còn có một nghề nữa là đi câu.

Vào các buổi sáng mát trời, ông kiếm một cuộn dây cước, một cần câu, một cái lưỡi móc vào lưng con nhái sống dở chết dở, ông ra ngồi bên bờ hồ của hợp tác xã bỏ hoang mấy năm nay, năn lác mọc đầy. Những cây bèo tây nở hoa tím, trôi bồng bềnh. Nơi ấy, cá tràu hay ẩn nấp. Ông ngồi im như thế từ sáng đến trưa, hôm thì được vài dăm con cá, hôm chẳng được con nào. Ông đem về đổi rượu hoặc đổi gạo, mà chủ yếu là đổi rượu.

Từ ngày có cái tiếng ông Ky ăn trộm gà, mọi người xa lánh ông, nhìn ông bằng cặp mắt khác hẳn. Ông xin rau, xin khoai, họ không cho nữa, thế là ông bị đói. Ông biết làm gì hơn nữa, nhiều hôm ông đi câu, tay còn run lẩy bẩy nữa là. Nhưng có điều làm ông khổ tâm nhất là mỗi khi trong làng có mất trộm gà họ cứ nói "lại ông Ky". Có những vụ mất, ông biết rõ ràng không phải ông, vậy mà họ cứ đổ tội cho ông, ông tức, ông buồn,

nhưng nói với ai? Mà ông có nói cũng không ai tin. Một buổi chiều, ông ra ngồi bên mép bờ mương hóng mát, phàn nàn với bà Thú, một người đàn bà cũng không chồng, không con:

- Không hiểu tại răng cái làng ni, ai mất cái chi họ cũng đổ cho tui, tui chỉ "tạm" mấy con gà hồi trước, chứ giờ tui tuyệt nhiên không động tới cái chi của ai nữa. Không biết rồi tui chết đi, có mất họ đổ cho ai - giọng ông Ky rơm rớm nước mắt.

Và, rồi ông Ky chết thật, ông chết vào một buổi chiều mùa đông rét lắm, phải tới dưới 5°C.

Trong làng, nhà ai cũng chất một đống củi gộc rừng rực giữa nhà để sưởi, riêng lều ông Ky thì không. Cái nạn củi ở miền xuôi còn lạ gì nữa, người ta tranh nhau nhặt hết, cả từ những cái lá phi lao rụng, đào hết gốc những cây vừa chặt đi. Bắt đầu lập động, nhà nào, nhà ấy phải đạp xe đi từ hai mươi, đến ba mươi cây số, lên các quả đồi, vùng bán sơn địa, nhổ gốc sim, gốc mua, chuẩn bị củi cho mùa rét. Ông Ky không có con cái đi củi cho, cũng không có xe đạp, mà có ông cũng không đi được. Đun nấu hàng ngày ông nhặt lá phi lao rụng, cắt rạ. Mọi năm thì như thế. Nhưng năm nay, cái lạnh dữ dội quá, áo quần ông lại rách hết nên ông không dám ra khỏi nhà. Gió heo may hun hút, buốt tận xương tủy. Củi nấu ông không có, mà cũng chẳng có gì mà nấu nữa. Mùa đông năm ấy sao mà đói ghê gớm thế, ai cũng lo chạy ăn từng bữa, nên quên hẳn ông Ky đi.

- Ông Ky chết vào lúc mặt trời vàng vàng, như thế là thiêng lắm - Thằng bạn tôi thì thào vào tai tôi như thế, khi thấy mọi người khiêng ông Ky từ trong lều ra để bỏ vào hòm.

Ông Ky nằm đó, bộ quần áo gụ rách rưới hàng ngày, bây giờ rách nhiều thêm, hở cả một mảng bụng tím ngắt. Khuôn mặt ông đã nhỏ, nay càng choắt lại. Duy chỉ có đôi mắt là

vẫn mở trừng trừng không chịu khép. Mọi người đứng vây quanh sợ hãi, không dám bỏ ông vào hòm:

- Mẹ tao bảo, những người chết oan, mắt thường mở chứ không bao giờ chịu nhắm - thằng bạn tôi lại thì thào. Tôi sợ quá, nép vào người nó, không dám thở mạnh.

Cha tôi đến từ lúc nào, người rẽ đám đông đi vào, quỳ xuống, để tay lên mắt ông Ky rồi người khấn:

- Ông Ky ơi, khi ông còn sống, bà con có điều gì không phải với ông, xin ông bỏ qua cho mà nhắm mắt lại, để mọi người đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng cho yên tâm.

Bàn tay cha tôi để nơi mắt ông Ky một hồi lâu, rồi người đứng dậy đi ra. Cặp mắt ông Ky từ từ khép lại như có phép mầu nhiệm.

Đám tang ông Ky không đông người lắm, không có người chống gậy, cũng chẳng có ai khóc. Mọi người đi sau quan tài ông, cúi đầu lặng lẽ như đang suy nghĩ điều hệ trọng lắm. Còn tôi, tôi không dám đi theo, tôi như thấy ông Ky đang lang thang trên đường làng hôm nào. Hồi ông sống, tôi thấy bình thường thôi, bây giờ ông chết đi tôi thấy hình như mình vừa mất cái gì đó lớn lắm. Tự nhiên, nước mắt tôi trào ra, tôi chui đầu vào gốc duối bên đường lén chùi đi, sợ mọi người trông thấy.

Ông Ky nằm ở dưới chân núi, nơi ấy gió mát lắm, hoa sim, hoa mua nở tím cả lối đi vào mùa hè. Từng đàn bướm trắng bay qua mộ ông, loang loáng, loang loáng như những vành khăn tang.

Bây giờ làng tôi có xảy ra một vụ mất cắp gà qué nào nữa, thì mọi người đều nói: "Thật tội nghiệp ông Ky".

1988

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

VŨ ĐỨC NGUYÊN

(Bút danh khác Triết Giang)

Tên thật là Nguyễn Đức Vụ.

Sinh ngày 17-10-1945 tại thị xã Ninh Bình.

Nguyên quán: Thôn Khê Hồi, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Hội viên Hội Nhà văn Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1991).

Vũ Đức Nguyên đã tốt nghiệp trường Đại học Y Khoa Hà Nội Đại học Viết văn Nguyễn Du Khóa I.

Hiện là trưởng phòng biên tập Nhà xuất bản Hà Nội.

Những tác phẩm chính đã xuất bản:

Hoa dừa nước (1983); *Chuyện làng Khê* (1987); *Đời không yên ả* (1990); *Cái đêm ấy trên sông Hồng* (1990); *Tuổi thơ khát vọng* (1990); *Trinh nữ* (1993); *Lỡ thì* (1993); *Mặt nạ*

(1995); *Con sóng bạc đầu* (1995); *Tổ ấm* (1996); *Bão táp thành đô* tập 3 (1996); *Nụ Tầm Xuân* (1997).

Giải thưởng:

Huy chương vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật.

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam về đề tài y tế 2.1977.

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam về Văn học thiếu nhi (1990-1991).

Tự bạch:

Tôi viết khá sớm, làm thơ với bút danh triết giang. Bắt đầu có thơ đăng trên bào từ năm 1965 - Báo thủ đô Hà Nội (nay là Hà Nội mới). Rồi từ đó tôi cùng những người thế hệ mình cuốn vào cuộc chiến tranh vệ quốc chống Mỹ và có thơ đặng báo này, tạp chí kia. Không hiểu sao sau năm 1975 tôi không sao làm thơ được nữa. Vậy là buộc lòng thử viết văn xuôi. Dĩ nhiên tôi hăm hở viết. Viết rất nhiều.

"Điều không thể nói ra" là câu chuyện có thật của người bạn gái là bác sĩ cùng công tác với tôi kể. Tôi chỉ có công ghi chép lại cho nó trôi chảy văn cương chút đỉnh chứ nào đã có kinh nghiệm viết truyện ngắn gì đâu. Lại càng mù tịt cách kết cấu hay thủ pháp nghệ thuật. Viết xong để đấy chứ nào đã gửi.

Rồi tôi vào học khóa một trường viết văn Nguyễn Du. Năm đó Nhà xuất bản tác phẩm mới (nay là Nhà xuất bản Hội Nhà văn) có tập hợp truyện ngắn của nhiều tác giả để ra một tập. Tôi đánh liều gửi tới không ngờ được chọn in vào tập "18 truyện ngắn Hà Nội" truyện ngắn này gần đây được in lại trong tập "Hoa của lòng Người" do Nhà xuất bản Hà Nội ấn hành năm 1997.

Đến với văn xuôi bằng "Điều không thể nói ra" với bút danh mới: Vũ Đức Nguyên. Sự thay đổi bút danh này là cả một câu chuyện nực cười của sự ấu trĩ và ngớ ngẩn mà người phải gánh chịu là tác giả, là tôi chứ không ai khác. Ơn giời, hay số may, hoặc phải chăng nhờ chính vào sự nỗ lực làm việc của bản thân mà tôi trở thành nhà văn Vũ Đức Nguyên.

Giờ đây đọc lại truyện ngắn in đầu tay này, người viết ra nó vẫn giữ nguyên được trong lòng mình cái cảm giác và sự xúc động ban đồng. Câu chuyện quả giản dị. Nó là cuộc sống đời thường thôi mà!

Điều không thể nói ra

Thanh đứng sững lại. Trước mặt chị là bậc tam cấp ngoài cửa phòng hành chính khoa Ngoại Viện Quân y. Mấy bậc thềm ấy, người ốm yếu cũng có thể bước lên xuống nhẹ nhàng. Vậy mà sao bỗng dưng "cao quá" khiến chị chần chừ như không đủ sức nâng gót chân.

Anh Lộc nằm điều trị ở phòng Chấn thương khoa này. Thanh tới đây để thăm anh mà. Chỉ cần bước mấy bước lên từng bậc thềm đó thôi là chị có thể... Chị nghe rõ tiếng thình thịch vọng ra từ trong lồng ngực mình. Xúc động hay hồi hộp? Sắc mặt chị thay đổi hẳn, lo âu, thảng thốt. Hình như lần đầu tiên chị nhìn thấy bậc tam cấp có "độ cao" này.

Đầu óc Thanh rối bụng. Chắc chắn khi thấy chị bước vào thì người y tá hay bác sĩ trực ban sẽ hỏi: "Chị là ai? Chị là người thế nào với đồng chí Lộc?..." Họ có quyền lục vấn trước khi cho phép Thanh gặp anh. Chị phải trả lời những câu hỏi đơn giản có tính thủ tục đó như thế nào? Là em gái, là bạn hay là người yêu đây? Em gái thì không đúng rồi. Người yêu... tim Thanh bỗng nhói y có mũi kim chích vào. Thì chị chẳng đã từng yêu anh đấy thôi, không nhẽ nói là bạn. Liệu họ có tin? Than ôi, chẳng hiểu sao người đời lại cứ coi con gái chơi thân với con trai là dứt khoát sẽ dẫn đến yêu nhau. Trên đời này không thể có tình bạn giữa con trai với con gái hay sao?

Thanh lặng người, xót xa. Sự đời thật đơn giản vậy mà lắm khi lại rối rắm quá thể.

Trước đây một năm thôi, Thanh là người yêu của anh Lộc. Họ đã yêu nhau ba bốn năm trời. Nào ai biết đến bây giờ lại...

Chuyện xảy ra như thế này:

Mùa thu năm ngoái Thanh tốt nghiệp bác sĩ ra trường. Hồi ấy tình hình phân công công tác cho khóa bác sĩ của chị đến là căng thẳng. Gia đình Thanh chỉ có một mẹ một con nên chị không thể đi xa được. Mẹ chị làm y tá ở một bệnh viện quận nội thành, còn vài năm nữa là nghỉ hưu nên bà cần có chị sống bên mình. Bà có bàn với Thanh viết thư nói rõ cho anh Lộc biết, đồng thời bảo chị mạnh dạn thưa chuyện với hai cụ bên nhà. Bà tin rằng ông cụ sinh ra anh là một cán bộ thanh tra có quan hệ rộng sẽ "tác động" với nhà trường. Chỉ cần có tiếng nói của ông là tổ chức sẽ bố trí về một cơ sở y tế ở Hà Nội ngay thôi. Chẳng riêng gì Thanh, đám bạn cùng khóa cũng nháo nhào cả lên chạy đến mọi "cửa" nhờ cậy, xin xỏ. Thật không ngờ anh viết thư về "lên lớp" chị một cách gay gắt. Nào nói khó với người này người kia là một sự van xin, nào cứ đi công tác xa Hà Nội năm năm rồi trên điều động về thành phố thôi... Đủ hết. Bức thư dài hơn tám trang tuyền những là "ta nên... ta phải". Còn ông thân sinh của anh thì ưa lời khuyên nhủ chị nên chấp hành quyết định của tổ chức. Cụ nói rằng: hiện tượng tiêu cực đang nảy nở hiện nay là một tệ nạn xã hội cần phải được tẩy rửa, đối với các cán bộ lại càng giữ gìn cho bản thân trong sạch. Rằng "con cứ yên tâm đi nhận công tác, còn chuyện hạnh phúc gia đình thì bước sau như nhất, ổn thỏa mọi bề thôi". Rồi ông lấy cuộc đời mình ra làm dẫn chứng.

Thanh buồn rầu thưa lại với mẹ. Bà cụ tỏ ra suy nghĩ lung lắm. Bà đã cạy cục nói khó với đồng chí giám đốc bệnh viện mình làm việc để xin cho Thanh về công tác, nhưng ở đây không có chỉ tiêu biên chế. Bà chán ngán. Ngày biết con gái yêu Lộc bà những muốn can ngăn. Đời bà chỉ có một mình Thanh, nó nên lấy một người nào đó có điều kiện về ở rể cho bà nương tựa tuổi già. Vì thương con, lại biết tính nó ngang bướng nên bà không nói gì chỉ bàn với nó khuyên nhủ người yêu sớm sớm xin chuyển ngành về Hà Nội làm việc hoặc tiếp tục về học nốt chương trình Đại học Tổng hợp Sử đã bỏ giữa chừng trước đây. Chẳng rõ hai người trao đổi với nhau như thế nào mà Lộc vẫn cứ ở trong quân đội. Bà ngấm ngầm bực dọc nhưng chưa có dịp nói ra. Giờ lại còn như vậy thì bà không thể chịu nổi nữa. Có cớ, bà liền xỉ vả Thanh:

- Mày thấy chưa? Yêu cái thằng gàn ấy thì theo nó lên biên giới mà sinh sống!

Rồi bà kể vanh vách những chuyện "ông to" này, "bà lớn" kia không hiểu họ là người cán bộ chân chính đến mức nào, họ có biết muối mặt hay không mà cũng "són vó" đi chạy chọt xin xỏ cho con cái được công tác ở Hà Nội. Nghe phát hốt. Đầu óc Thanh đâm ra mụ mẫm không hiểu nên nghĩ như thế nào cho đúng. Cô gái mới ngoài hai mươi tuổi, đời ngỡ ngàng và bối rối trước ngưỡng cửa cuộc sống. Chả nhẽ ngoài xã hội phức tạp, rắc rối đến vậy ư?

Thanh không còn thiết đến nhà thăm bố mẹ và chơi với em gái anh Lộc nữa. Chị cũng chẳng còn thích đọc thư anh viết gửi về...

Chị muốn được công tác ở Hà Nội đâu chỉ vì mẹ. Nhiều người "đi trước" đều chỉ bảo chị chọn chỗ đứng để bước vào

con đường đến với khoa học là Hà Nội. Bởi nơi đây là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế của đất nước. Do đó - nơi này mới có điều kiện cho các ngành chuyên môn kỹ thuật hoạt động, phát triển. Chị là người Hà Nội, không nhẽ chị lại từ giã nơi này để tới miền xa lạ nào đó tìm kiếm chỗ đứng hay sao? Thanh có người bạn gái, ông bố nó là một nhà nho theo kháng chiến hồi chống Pháp, bỏ nghề dạy học và giờ phụ trách một cơ quan văn hóa. Những lần Thanh đến chơi ông ta thường tiếp rất ân cần, cởi mở. Thôi thì chuyện văn chương, chuyện đạo lý ở đời, ông tỏ ra khép mình vào biết bao qui tắc, lễ giáo và răn dạy người nghe chuyện mọi điều. Vậy mà Thanh thấy không có đứa con nào của ông đi ra khỏi thành phố sinh sống, quá tuổi nghỉ hưu ông vẫn còn lên "gân cốt" bám trụ giữ chỗ ngồi ở cơ quan. Sau này cấp trên phát hiện ra sự lục đục cơ quan do tính dối trá của ông gây ra làm mọi việc vỡ hỏng, nát bét phải đưa ông "về vườn" mà ông còn bán thán mọi người. Thanh giật mình. Ở đời sao lắm kẻ nói một đằng sống một nẻo thế? Họ cứ xúi mọi người, nên đi khỏi Hà Nội còn riêng họ, con cái họ thì cố sống cố chết bám ở lại. Anh Lộc và bố mẹ anh có phải là loại người như vậy không? Phải chăng chị muốn được công tác ở Hà Nội để sống với mẹ, để phấn đấu vươn lên trong chuyên môn là một tội lỗi?

Thanh lại suy nghĩ về anh Lộc. Anh là người như thế nào? Có thực là anh ấy yêu chị không?

Có một buổi tối... Thanh không thể quên buổi tối ấy được. Nhà chị có khách. Mấy năm nay không hiểu sao có nhiều chàng trai lui tới nhà Thanh đến thế. Và còn xuất hiện cả những "bà mối" nữa. Đến chết cười. Thời buổi ngày nay vẫn còn những người đàn ông không tự đi tìm tình yêu hạnh phúc mà cứ như cây tầm gửi qua các miệng lưỡi của "ông tơ

bà nguyệt". Nhưng lần này thì đích thị bà dì của Thanh dẫn tới nhà chị một chàng trai cao lớn, hồng hào, ăn mặc sang trọng. Những lời nói và cử chỉ xã giao ban đầu nhanh chóng được bà dì xua đi và nhen nhóm sự thân mật đầm ấm của tình thân gia đình. Chàng trai đó tên là Cẩm vừa mới du học ở nước ngoài về. Do chỗ quen biết cũ nên bà dì muốn giới thiệu anh ta với Thanh. Mẹ chị ưng liền. Cả hai người vào hùa thúc ép chị.

Thoạt đầu Thanh ghét Cẩm đến thế. Vì sao? Chị không tự cắt nghĩa nổi. Vì không chịu được bầu không khí gượng ép trong nhà, chị xin phép mẹ, lịch sự chào khách, rồi đến chơi nhà Lan, người bạn gái thân nhau từ thuở học phổ thông. Thú thật cho mãi tới năm học lớp 10 thì hai đứa mới gắn bó với nhau. Nguyên nhân kéo hai người lại chính là vì cùng đi học thêm để thi vào đại học, tại nhà thầy giáo Phú ở phố Triệu Việt Vương. Rồi Thanh trúng tuyển vào Trường Đại học Y khoa Hà Nội, còn bạn thì đậu vào Trường Kinh tế - Kế hoạch. Cũng vui, mỗi người học một trường nên có nhiều chuyện để nói cho nhau nghe.

Lan từ buồng trong chạy ra đón bạn, miệng rối rít:

- Đến thiêng! Tao vừa nhắc tới thì mày đến.

Thanh ngần ngại. Lần đầu tiên Lan thấy bạn mất vẻ tự nhiên phớt đời mọi khi:

- Vào đi! À... anh trai tao về đó. Anh Lộc đấy. Anh Lộc là bộ đội mới ở bên Cam-pu-chia về, tao có kể cho mày nghe đấy.

Đúng như Thanh có linh tính. Nhà Lan có chuyện vui thật. Và cô cũng đến để tâm sự với bạn những tin "thời sự"

mới nhất. Khi Lan nhắc tới anh Lộc làm Thanh sực nhớ và đột nhiên nóng bừng khắp mặt. Thanh có được nghe nhiều chuyện về anh Lộc do Lan kể những lúc hai đứa "bù khú" với nhau. Mỗi khi nói tới ánh là Lan hào hứng đến lạ. Ánh mắt Lan ngời sáng nhìn bạn ngầm hỏi: "Anh Lộc được đấy chứ? Cậu mà yêu anh trai tớ thì..." Thanh hồn nhiên nói: "Chưa biết chừng tao sẽ là chị dâu mày cũng nên!" Cả hai đứa cùng phá lên cười, Lan cao hứng tán thưởng ngay: "Nên quá đi chứ!" Cứ thế cuộc đời của anh Lộc qua lời Lan thấm dần vào lòng Thanh. Đến mức chị có thể mường tượng ra tiếng cười khanh khách khi anh trêu Lan phát khóc hồi thơ bé, đến giọng nói ồm ồm của chàng sinh viên Tổng hợp Sử. Rồi hình ảnh người chiến sĩ với cây súng trong tay, với đôi bàn chân của mình đi giải phóng miền Nam, đi sang giúp bạn đánh đuổi bọn đao phủ Pôn-pốt cứu dân tộc Cam-pu-chia khỏi họa diệt chủng... Thanh còn biết rất rõ ý thích cũng như ham muốn trở thành một nhà sử học nung nấu trong lòng anh. Cả bố mẹ Lan cũng có mối thiện cảm dành cho Thanh sự quan tâm đằm thắm. Rồi Thanh khao khát được gặp anh. Thanh muốn gặp anh Lộc để làm gì? Trời ơi! Lại còn hỏi để làm gì nữa? Giờ thì anh đã về...

Lan kéo tay Thanh bước vào, vẫn luôn miệng:

- Ngồi xuống ghế đi!... Anh Lộc đang bận tí chút. Tí nữa anh ấy ra ngay đấy mà. À... mẹ tao ở dưới bếp. Cụ đang làm cơm. Còn bố tao thì đi Hải Phòng rồi.

Giọng Lan thay đổi đến lạ:

- Chả hiểu ở dưới cảng Hải Phòng họ làm ăn thế nào mà bề bối quá! Bố tao phải xuống dưới đó thanh tra xem cụ thể có thực hư ra sao.

Thanh không hiểu gì hết, ngồi ngây ra. Lan rót nước mời bạn và lại tiếp tục.

Về nghỉ phép chuyến này xong anh Lộc được điều lên biên giới phía bắc đấy, có khổ không? Cái số đến vất vả! Mẹ tao thì lúc nào cũng ca cẩm việc tại sao anh không chịu xin chuyển ngành hay xuất ngũ gì đó mà về Trường Đại học Tổng hợp học cho xong chương trình bỏ dở trước đây. Trai tài đi khắp xứ thế là đủ. Anh Lộc nghĩ quẩn thế nào ấy mày ạ. Cứ cười khì bảo là đang học lịch sử đấy chứ. Tao tức phát khóc.

Bất ngờ có tiếng đàn ông làm Thanh giật mình như đã nghe người này nói ở đâu:

- Nào... tôi đã thấy cô khóc?

Cả hai cô gái ngồi ngẩn ra quay lại. Trước mắt Thanh là một chàng trai khỏe mạnh, cân đối, khí đen, có đôi mắt sáng và nụ cười đang nở trên đôi môi. Anh nhìn thẳng vào mắt Thanh, miệng hơi mấp máy:

- Chào chị!

Đôi má Thanh ửng lên, chị nói lí nhí đáp lại. Lan lên tiếng, có phần kiêu hãnh về anh trai mình:

- Anh Lộc đấy!

Rồi cô ngồi lại cho ngay ngắn, giọng trịnh trọng:

- Đây là bạn em. Nó tên là Kim Thanh. Nhưng em lại thích gọi nó là Băng Thanh. Em đã viết thư cho anh nói về "tảng" băng này đấy. Nó không giá lạnh đâu. Khối lửa trong lò luyện thép đó!

Nói xong cô cười khúc khích làm cho cả Thanh lẫn anh Lộc đều bị mắc cỡ không dám nhìn nhau nữa. Cô quay sang bạn:

- Hôm nay mày phải ở đây ăn cơm nghe chưa?

Cố nhiên là Thanh khước từ. Chị ngượng vì có anh Lộc, lúc nào cũng tự thúc giục mình ra về, nhưng thực tế là đã ở lại chơi khá lâu. Anh Lộc là trung tâm cuốn hút cả hai cô gái vào câu chuyện. Vượt cả trí tưởng tượng trước đây của Thanh, con người thực anh Lộc đang ở trước mắt chị còn đáng quí hơn nhiều. Anh ham học môn lịch sử và vẫn sẵn sàng lên biên giới phía bắc. Anh khó chịu khi nói về những hiện tượng tiêu cực, thiếu lành mạnh nảy nở trong thanh niên hiện nay. Thanh tròn mắt nghe anh chuyện trò đến nỗi làm cho Lan thấy ngộ quá bật cười.

Tình yêu đã đến với Thanh như thế.

Họ định với nhau đến khi Thanh tốt nghiệp bác sĩ thì sẽ làm lễ cưới. Chờ đến khi tốt nghiệp còn những vài năm kia. Thời gian hãy trôi mau mau chứ đừng để Thanh phải chờ đợi lâu đến thế!

Bạn bè thường bảo với Thanh là ai yêu đương dữ dội quá thì mối tình ấy sẽ chóng tan vỡ. Chị không tin. Tại sao đã yêu thương nhau lại không sống cho hết mình? Đôi lần chị tranh cãi với bạn bè về quan niệm đó mà chẳng ăn thua gì. Và Thanh thường cười khẩy cái lối yêu thương nửa vời, bỡn cợt của họ.

Năm, tháng qua đi và Thanh đã trở thành bác sĩ. Mối tình của chị sắp được đánh dấu bằng điểm mốc mới - lễ thành hôn, thì "sóng gió" ập tới...

Thanh đang ở trong tâm trạng hoảng loạn, bế tắc nên không còn biết ứng xử thế nào. Một bên thì giữa chị với anh Lộc đang tranh cãi nhau gay gắt về chọn chỗ công tác, về quan niệm sống... Một đằng thì Cẩm đang nắm cơ hội lấn tới

tấn công ồ ạt. Phải công bằng mà nhận xét, anh ta cũng có nhiều ưu điểm. Sự thức thời, lối sống "tốc độ" đang là cái "mốt" sống của nhiều nam nữ thanh niên. Cẩm để bộ ria mép như cánh đàn ông Nam Mỹ nom đến dữ. Suốt ngày anh ta cưỡi xe "mô-kích" lồng tớn trên đường phố, "xông" vào "các cửa" lo xếp công việc làm ăn cho Thanh, chiều chuộng mẹ chị, săn đón chăm sóc chị, chịu đựng sự thất thường do tính khí bất định đôi khi đến kỳ quái của chị. Thanh nổi cơn giận dỗi, rồi tuyên bố cắt đứt mối quan hệ giữa chị và Lộc. Chị cần ở lại Hà Nội, chị không thể xa Hà Nội vì mẹ, vì nhiều thứ khác nữa. Anh Lộc không muốn thế, bố mẹ anh ấy không giúp đỡ thì chị tự lo liệu lấy vậy.

Chị nhận lời đi chơi tối với Cẩm hoặc theo anh ta đi tới các cơ quan xin việc. Cẩm tỏ ra tháo vát, lịch lãm, rộng rãi, nên công việc có chiều hướng phát triển tốt. Cứ mỗi lần đi lên Bộ, sang Sở, đến bệnh viện là Thanh lại nhìn ra bao cái mới, điều lạ trong cuộc sống, trong giao tiếp. Chị ngỡ ngàng, lo ngại, lại vừa sửng sốt.

Gần đây... một buổi tối, sau khi đi dạo chán, Cẩm đưa Thanh về phòng riêng của mình. Quả tình chị cũng bị choáng ngợp trước căn hộ đầy đủ tiện nghi của anh ta. Cẩm mời chị uống chút rượu của nước ngoài. Chị từ chối, song cũng phải uống cốc bia đá cho anh ta vui lòng. Tim chị đập loạn xạ. Một sự lo âu xuất hiện. Chị gắng tự chủ bao nhiêu lại càng thêm mất bình tĩnh bấy nhiêu. Bất ngờ Cẩm ôm ghì lấy chị, vừa hôn bừa lên khắp mặt, vừa bế thốc chị lên giường. Thanh cũng không hiểu sức mạnh từ đâu đến cứu chị, để chị có đủ sức vung tay tát đến bốp vào mặt anh ta. Cẩm buông chị ra, đứng sững như con bò tót giương cặp mắt long sòng sọc nhìn Thanh giật cửa chạy ra khỏi phòng...

Thanh đang lấn cấn không biết tính như thế nào. Nhận quyết định đi công tác tại một tỉnh xa Hà Nội hay cứ "nằm chờ"? Cẩm không dám mò đến nhà chị nữa. Bà mẹ chị chỉ còn biết thở dài. Bà bàn tính đến chuyện xin nghỉ hưu để nhường chỉ tiêu biên chế cho con gái về bệnh viện làm việc thay thế mình. Thanh không nghe. Giữa lúc đó thì chị gặp Lan. Lan cho biết Lộc bị thương đang nằm điều trị ở Viện Quân y của quân khu. Chị khóc mấy ngày vì đau xót và cay đắng. Giờ đây nằm trên giường bệnh, phải chịu đựng ca phẫu thuật vết thương của mình, anh có nghĩ đến chị? Trách cứ hay khinh ghét? Thương hại, ái ngại hay ghê tởm chị? Ruột gan chị nóng như có lửa đốt. Chị phải lên thăm anh, nói tất cả mọi việc cho anh hiểu và xin anh thứ lỗi. Còn điều này nữa nói ra có lẽ nhiều người không tin, nhưng lại là sự thật hoàn toàn. Nếu anh tha lỗi lầm cho chị, chị sẵn lòng đi theo anh suốt cuộc đời. Chị có thể làm việc ở bất cứ đâu, miễn là có tình yêu của anh.

Thanh chưa kịp đặt chân lên bậc tam cấp thì có người đi ngang qua hành lang. Thấy chị, anh ta hỏi:

- Chị đến thăm ai?

Thưa đồng chí, tôi thăm anh Lộc nằm ở phòng chấn thương.

- A... Lộc Hà Nội phải không? Đồng chí ấy đang được mổ lại vì xương đùi can bị lệch, ở bên phòng phẫu thuật kia kìa...

Anh ta chỉ về phía phòng mổ rồi nói tiếp:

- Có một cô gái đang ngồi ở ghế ngoài hành lang đợi đấy. Chị đến với cô ấy cho vui.

Thanh chột dạ. Không nhẽ Lan lại lên đây rồi? Song chị cũng mừng vì không bị lục vấn. Vậy là chị bước vội đến phòng mổ.

Cô gái ngồi chờ ở ghế ngoài hành lang lên tiếng hỏi Thanh trước:

- Chị đến thăm anh Lộc?

- Dạ vâng!

- Chị là em gái anh ấy phải không?

- Dạ vâng... - Thanh nhận liều.

Thanh miễn cưỡng làm quen với cô gái. Cô gái này khá xinh, tươi trẻ, áng chừng tuổi như Thanh thôi. Cô tên là Phương Thúy, mới tốt nghiệp Đại học Lâm nghiệp, lên Lạng Sơn công tác ở một lâm trường giáp biên giới Việt-Trung, gần điểm tựa nơi đơn vị Lộc đóng quân.

- Cô... à chị chắc là thường đến đây thăm anh Lộc?

Thanh lúng túng hỏi. Phương Thúy trả lời hồn nhiên:

- Vâng. Em có việc tuần nào cũng qua đây, chị ạ.

Im lặng.

Thanh nhìn Phương Thúy một cách dò xét. Còn Phương Thúy tin Thanh là em gái anh Lộc nên hỏi dò người yêu của anh ở dưới Hà Nội. Chị ấy có xinh không? Sao chị ấy không lên thăm anh? Chị ấy là bác sĩ hả? Vậy chị ấy phải lo lắng cho vết thương anh nhiều lắm chứ?... Thanh bần thần nghe Phương Thúy nói. Chị những muốn lao vào phòng gục xuống lòng anh và thốt lên: "Anh Lộc! Tình yêu của anh dành cho em chân thực, đắm sâu đến như vậy mà em thì..." Muôn ý

nghĩ nảy nở trong đầu Thanh. Tiếng nói trong trẻo của Phương Thúy đánh thức chị:

- Bọn em ở lâm trường lo cho anh Lộc quá! Mổ đi mổ lại không khéo phải cắt cụt một chân mất.

Thanh giật thót, nhói đau trong tim. Đành phải tiếp tục vai kịch:

- Mình có đến báo tin cho chị ấy biết rồi. Có lẽ mai mốt sẽ lên đây thôi.

Phương Thúy cau mày, ngồi xích lại gần "em gái" anh Lộc:

- Lan này... Nếu thế... mình nói thực nhé. Anh Lộc cậu chọn lầm rồi. Chị ấy không thực tâm yêu anh Lộc đâu. Cậu phải nói cho anh Lộc biết. Tình yêu nó như thế nào? Mình không biết được. Cậu có người yêu chưa?

Thanh bối rối vì vai kịch của mình, buột miệng:

- Chưa...

- Mình cũng vậy. Nhưng nếu mình có người yêu thì mình không xử sự như chị Băng Thanh... Cậu hiểu chứ?

Thanh gượng cười và đau xót nghĩ mình đâu còn xứng đáng với anh. Bao điều nung nấu muốn nói giờ đây chị thấy khó nói ra quá. Khắp người nóng ran, Thanh bối rối và vụng dại đứng lên nói với cô gái là chị phải ra phòng trực ban có chút việc. Phương Thúy cũng đứng lên theo. Hoảng quá, Thanh bảo cô gái cứ ngồi ở đây chờ chị. Chị chỉ đi một chút xíu thôi. Nếu có chuyện gì thì hãy ra gọi chị. Phương Thúy đành ngồi xuống ghế, nhìn theo Thanh một lát.

Thanh rảo bước như kẻ chạy trốn. Vào phòng trực ban, chị lấy giấy bút ra viết lại cho anh mấy dòng chữ. Xóa rồi lại

viết, lại xóa. Chị không thể nói ra một điều gì. Mà ở lại để gặp anh thì lại càng khó xử. Nếu Phương Thúy biết rõ chị? Trời ơi! Thanh đến là luẩn quẩn!

Ở bên ngoài có tiếng Phương Thúy gọi vào:

- Lan ơi! Anh Lộc đã được mổ xong rồi...

Thanh vo tờ giấy nắm chặt nó trong tay, hốt hoảng chạy ra, và như cái máy không hồn, chị theo Phương Thúy đi nhanh vào phòng bệnh Lộc đang nằm.

Hà Nội, tháng 10 - 1979

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

NGUYỄN HỮU NHÀN

Tên khai sinh: Nguyễn Hữu Nhàn, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1938 tại quê: xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1988)

Nguyễn Hữu Nhàn từng công tác ở ngành vận tải đường thủy Phú Thọ; Ban kiến thiết thành phố Việt Trì, sau đó chuyển sang hoạt động trong ngành văn hóa tỉnh Vĩnh Phú: Trưởng phòng xuất bản rồi thường trực Hội Văn nghệ dân gian; Thường vụ BCH Hội Văn nghệ Vĩnh Phú khóa 1 (1975-1981).

Tác phẩm đã xuất bản:

Làng Giành (Tập truyện, 1972); "Dốc Nắng" (Tiểu thuyết 1984); *"Làng cói hạ"* (Tiểu thuyết 1987); "*Không cô đơn*" (Tiểu thuyết 1993); "*Chớm nắng*" (Tiểu thuyết 2000);

vào bổ sung. Quần áo súng ống phát y như lính. Họ canh giữ vòng ngoài, số ít lính còn lại chỉ đủ giữ lô cốt giữa. Rồi cũng không đủ luôn. Chỉ còn hai đứa em họ của viên trung úy thôi.

Vậy cũng có sao đâu, báo cáo về quân vẫn đều đặn, quân số vẫn đầy đủ. Cờ ba sọc vẫn tung bay. Xe cộ ban ngày vẫn yên tâm qua lại trên đường. Ban đêm cũng rộn rịp chẳng kém. Từng đoàn người di chuyển qua lại lộ, đi sát đồn nữa. Có khi họ còn đùa cợt với các "nhân dân tự vệ" bên trong. Đó là những ngày vui nhất của chúng tôi. Tôi nói là "chúng tôi" vì tôi đã quyết định trở lại với đời.

Những ngày cuối cùng, Chín Tâm gọi viên trung úy mang vợ con vào trong để được an toàn. Lộ số Bốn đã đổi chủ ở quãng này. Thế rồi nỗi vui mừng ập tới. Như trong một chuyện thần tiên, những giọt máu giọt lệ rơi trên lộ này suốt ba mươi năm, bỗng một đêm lại biến cả thành hoa. Hoa rộ trên đường, hoa ngập trong lòng, rạng rỡ trên làn môi, khóe mắt.

Tôi đã trở về với đời như thế đó.

Báo Văn nghệ Tiền Giang 30-4 - 1-5-1992

Tuyển truyện ngắn đầu tay của các nhà văn

KIỀU VƯỢNG

Kiều Vượng là bút danh cũng là tên khai sinh, sinh năm 1944 tại làng Bào Thôn, xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Hiện nay là Trưởng văn phòng đại diện báo Văn nghệ - khu vực Bắc miền Trung.

Trưởng chi hội Nhà văn tại Thanh Hoá.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1990).

Tác phẩm chính đã xuất bản

Văn:

Về một vùng quê (Tập truyện - NXB Thanh Hoá 1982) ; *Lời hẹn* (Tập ký sự NXB Thanh Hoá 1984); *Người cuối cùng ở lại* (Tiểu thuyết, NXB Thanh niên 1986); *Sóng gió*

(Tiểu thuyết NXB Giao thông Vận tải 1987); *Vùng trời thủng* (Tiểu thuyết - NXB Thanh niên 1988); *Một đoạn đời* (Tập truyện - NXB Thanh niên 1991); *Những cuộc đời thầm lặng* (Tập ký - NXB Hội nhà văn 1992); *Đoạn cuối cuộc đời* (Tập truyện - NXB Hội nhà văn 1994); *Nơi mẹ đẻ ra tôi* (Tập truyện - NXB Thanh niên 1995); *Truyện ký Kiều Vượng* (Tập truyện - NXB Hội nhà văn 2000);

Thơ:

Nói với mình (NXB Văn học 1996); *Lời riêng* (NXB Hội nhà văn 1998).

Điện ảnh:

Chở đá lên núi (Kịch bản).

Giải thưởng:

Giải truyện ngắn 5 năm 1990 – 1995 của Hội Văn nghệ Thanh Hoá. Giải báo chí Trần Mai Ninh, 1998 với ký: "*Thảm họa Hậu Lộc*".

Giải chính thức với Bộ Giao thông Vận tải với tiểu thuyết "*Sóng gió*".

Giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi kịch bản điện ảnh viết cho năm 2000 với tác phẩm: "*Trở đá lên núi*"

Giải A cuộc thi truyện ngắn tạp chí Sông Hương với truyện ngắn: "*Người rừng*"

Huy chương vì sự nghiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Về truyện ngắn đầu tay

Truyện ngắn đầu tay viết năm 1977, là truyện ngắn: "Lạc biển". Truyện được in lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ quân đội số 4 năm 1979.

Tôi viết truyện ngắn này vào mùa đông năm 1977 tại làng Keo Hượn ở biên giới Việt - Lào. Lần ấy mưa lũ một tháng nên đường bị tắc. Đơn vị Thanh niên xung phong của tôi bị kẹt giữa rừng già heo hút. Hết gạo, hết muối. Đêm đêm phải giành nhau chỗ nằm trong lán nứa với bầy kiến và chuột. Đất rừng ướt sũng và nhầy nhụa. Trước lúc đi ngủ, mỗi lán phải đốt một đống lửa thật to để hơ chân vào cho bùn đất khô quánh lại mới chui vào chăn. Tự dưng tôi nhớ biển quá. Tiếng suối cứ xô bồ như sóng triều dâng. Tôi ngồi lên viết lại cuộc lạc biển như là ghi hồi ký. Thật ra đây chỉ là một cái ký. Mấy tháng sau, Nhà văn Triệu Bôn lên thăm tôi và đi thực tế ở rừng. Tôi đã đọc cho Triệu Bôn nghe cái ký "Lạc biển" này. Anh bảo tôi: "Nó là truyện rồi, mừng cho cậu". Hết chuyến công tác anh Triệu Bôn đem về Hà Nội và in ngay ở Văn nghệ quân đội. Cái truyện này đã kết thúc 17 năm lênh đênh trên biển và vật vã trong rừng sâu của tôi để về Hội Văn nghệ Thanh Hoá.

Tôi cứ nghĩ: Đây chỉ là truyện của 10 ngày trong cái chuỗi hai vạn ngày vật vã ở thế gian của cuộc đời mình.

Lạc biển

1

Đã bước sang ngày thứ tám, đội thuyền mang tên Phan Hành Sơn của chúng tôi chỉ còn hai chiếc bám được nhau cứ lênh đênh trên biển. Từng đợt gió mùa đông bắc nối nhau triền miên làm chúng tôi khó lòng nhận ra một vệt sáng của chân trời. Sương mù quánh tối. Cầm cây sào vụt vào khoảng không trước mặt, tạo ngay thành một vệt sáng như ta cầm đũa vạch lên mặt chảo mỡ đặc. Phải một lúc lâu sương mới chậm chạp dừng lại, xoá cái vệt sáng ấy đi.

Từ hôm thuyền bị lạc, chúng tôi luôn ngóng trông một tia sáng mặt trời để tìm hướng vào bờ. Nhiều lần chân trời xa như cố đánh lừa, một vệt sáng vừa xuất hiện liền bị biến ngay vì làn mây quái ác.

Tôi đi trên thuyền Hùng, Tụng và Xá, cũng thật tình cờ, cả ba chàng trai đều là cán bộ văn phòng đoàn đã tự nguyện xuống đi vượt biển chuyến này. Tụng là người lớn tuổi nhất trong đám nhưng cũng chỉ mới hai mươi lăm. Do vóc cao gầy, luôn trầm tư nên người mới gặp phải đoán Tụng xấp xỉ tuổi ba mươi. Còn Hùng thì bất cứ lúc nào cũng nóng như có lửa sôi sùng sục trong người. Chưa ai thấy nó ngồi yên được bất cứ lúc nào không có việc làm. Chỉ có riêng Xá là ít lời, lúc nào cũng rụt rè như là một cô gái nhát gan.

Còn chiếc thuyền bên là ba cô gái: Nguyệt, Thịnh và Chuyên. Hôm thành lập đội thuyền mang tên Phan Hành Sơn này, Nguyệt được Đảng ủy chỉ định lên làm bí thư chi đoàn. Với cái tuổi hai mươi, nước da trắng mịn và rất hồng, gương mặt tròn của Nguyệt làm không ít chàng trai phải chú ý. Riêng đôi mắt thì quả thật là đẹp rực rỡ, đôi mắt ấy luôn lúng liếng như có nam châm cuốn hút những đôi mắt khác.

Thế mà ba ngày nay Nguyệt đành nằm liệt một chỗ vì bệnh kiết lỵ. Mái tóc màu mun của cô xổ tung, rũ rượi, gương mặt hốc hác hẳn đi. Đôi mắt sáng đẹp ấy đã thâm quầng và sẫm tối. Lâu lâu lại một lần cô phải quằn quại, hai hàm răng nghiến vào nhau ken két vì những cơn đau dữ dội.

Nguyệt khó mà trở về đất liền – ý nghĩ ấy làm tôi sợ hãi và quặn thắt trong lòng. Nhưng tôi đâu chỉ đau vì chuyện của riêng Nguyệt. Nỗi đau lớn hơn tất cả đang giày vò tôi chính là việc tính mạng của gần ba trăm con người giờ đây ra sao? Ai còn, ai mất? Tôi là đội trưởng trực tiếp chỉ đạo chuyến đi này. Chín mươi tám con thuyền với gần ba trăm tấn đạn. Tôi còn nhớ như in buổi làm lễ xuất quân ở cửa Lạch Hội, hơn hai ngàn nhân dân thành phố Vinh ra đưa tiễn. Khi đoàn thuyền nhào lộn gần qua ba hàng sóng rồi, tôi vẫn thấy đoàn người đứng trong bờ vẫy tay tiễn biệt. Tiếng nói của ông Đào năm ấy như cứ văng vẳng trong tôi giữa muôn trùng sóng gió.

...Các đồng chí có vinh dự làm những người đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta là được chở hàng vượt biển bằng thuyền nan.

Đấy, thủ trưởng nói vậy mà giờ đây gần ba trăm con người chìm nổi ra sao tôi vẫn không hay biết. Tôi chỉ nhớ rất

tường tận là hôm thuyền ra khỏi ba hàng sóng, theo hướng dẫn của hai đồng chí hoa tiêu mà tỉnh uỷ Hà Tĩnh cử đi giúp chúng tôi dẫn đường thì bảo rằng: "Cứ bắt gió tây mà ra, càng xa càng tốt. Khi gió đông nổi lên thì rã buồm cánh tiên mà vào..."

Nhưng thật là đen đủi, khi thuyền vừa ra ba hàng sóng thì tự dưng chân trời phía tây nổi ráng đỏ như những quầng lửa. Một dải mây đen màu tro như một vòng tang kéo đến che kín bầu trời và đụn mây đen ấy như sà xuống sát mặt nước biển rồi phủ hẳn lên những chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi. Tôi bình tĩnh quan sát thật rõ cảnh thay đổi đột ngột của thiên nhiên và ngay lúc đó một trận gió xoáy cuồng điên xé nát đội hình của chúng tôi. Tôi nhớ rất rõ tiếng la hét cuồng loạn khi gió xoáy vừa nổi lên nhưng tiếng la hét ấy không kéo dài, gió dữ dội quá không còn nghe được gì nữa. Mãi tới hôm sau thì chỉ còn hai chiếc thuyền này bám nhau. Bảy ngày nay chúng tôi phải đương đầu với bao gian nan thử thách trước sóng gió, giá rét, thất vọng nhưng vẫn không tìm ra phương hướng vào bờ.

Tôi cứ tựa lưng vào cột buồm với bao ý nghĩ mung lung như thế. Chuyến vượt biển này, nếu đồng đội của tôi chỉ còn lại vẻn vẹn bảy mạng người trên hai con thuyền này thì nếu sống sót trở về được, không hiểu cuộc đời tôi sẽ đến đâu?

Suốt bảy ngày nay, người tôi luôn nghĩ đến nhiều nhất vẫn là ông Đào. Chắc trong đất liền, ông đang tự giày vò và xót xa nhiều lắm. Dẫu tôi có trở về đất liền thì mọi tội lỗi vì những tổn thất lớn lao trong chuyến đi này đều do ông gánh chịu. Đồng đội, nhân dân và bao nhiêu người ruột thịt của chúng tôi chắc đang hoảng loạn, đau đớn vì cái tai hoạ tầy đình trong chuyến đi này. Và em nữa, em đã yêu tôi tới mức

không có một thứ tài sản quý giá nào có thể đem ra đổi lấy cái mạng sống của tôi để em ưng thuận. Chắc mấy ngày nay, em đang mỏi mắt nhìn mặt biển mù sương mà ngóng đợi. Chắc em đang gục xuống trong lo âu, buồn khổ - chắc em...

Lại một trận gió làm hai con thuyền tròng trành, va đập nhau như sắp úp sụp xuống, tôi yên tâm vì biết Hùng đã lấy dây dừa cột chặt hai con thuyền vào nhau từ hôm trận gió xoáy bắt đầu nổi lên rồi.

Trời vẫn rét buốt. Tôi lảo đảo bước sang thuyền bên. Vừa thấy tôi khom người bước vào khoang, Chuyên đã khóc nấc lên. Cô nói gần từng tiếng:

- Lãnh đạo của các anh thế này đây, các anh định đem con bỏ chợ à? Các anh định bỏ chị Nguyệt chết à? Ba ngày nay chị ấy có được tí gì vào ruột đâu?

Chuyên nói nhưng hai tay vẫn ôm chặt lấy ngang thân Nguyệt. Nguyệt vẫn nằm sóng sượt, mắt trừng trừng nhìn tôi như kêu cứu. Chưa bao giờ tôi thấy mình bất lực và vô dụng đến thế. Tôi cố kìm lòng cho miệng khỏi bật ra tiếng kêu nhưng càng kìm thì nước mắt càng ứa ra. Trăm điều ngàn nỗi đang cào xé lòng tôi. Tôi biết từ đây mình không có cách nào thực hiện được lời hứa với Niệm hôm chia tay ở dốc Pao Nưa. Năm tháng sống chung trong một căn lán nứa mở đường trên đất bạn, tôi và Niệm đã yêu quý nhau như ruột thịt. Hôm tôi được trở về nước đi học cũng là ngày Niệm chuyển sang một đơn vị bộ đội quân tình nguyện. Bây giờ Niệm đang cầm súng lặn lội chiến trường nào, anh làm sao mà hình dung được đứa em gái của anh và cả tôi đang lâm vào tình cảnh tuyệt vọng này? Và cái làng mía rợp bóng nhãn ven bờ sông Chu ấy, chắc người mẹ quá nhiều đau khổ của

Nguyệt đang phải vật vã khi nhận được tin đoàn thuyền có đứa con gái của bà đã mất tích trên biển cả không cùng. Mới cách đây hơn ba tháng, chị gái của Nguyệt chèo đò đưa khách qua sông, bị máy bay Mỹ ném bom, phải mất mười ngày tìm kiếm mới vớt lên được.

- Nhà vô phúc phải cái nghiệp chết trôi. Bố nó bị đấm đò bỏ lại cho tôi năm mặt con, chị nó nay lại thế. Tôi chỉ lo cho con Nguyệt nhà này giữa sông sâu sóng cả, non lái yếu chèo. Máy bay máy bò ình oàng suốt ngày đêm thế này, thôi thì trăm sự nhờ anh bảo ban nó...

Lời nói với giọng điệu thiết tha của mẹ Nguyệt như vang lên trong tôi giữa lúc cùng đường tuyệt vọng. Chính vậy mà tôi ngỡ như nỗi đau đớn đang giày vò bắt cố phải quằn quại là do tôi gây nên. Còn Chuyên vẫn vừa khóc vừa đay nghiến:

- Cái trò đem con bỏ chợ thế này đây. Các anh nghĩ mà coi. Một viên thuốc cũng không có. Nếu biết chỉ lừa bịp nhau để bỏ xác giữa biển làm mồi cho cá thế này thì ai dại gì mà đi...

Chuyên vừa khóc, vừa kể lể hàng lô con cà con kê nhưng tôi còn ruột gan nào để ý tới nữa. Một tiếng rầm ở sạp mũi làm con thuyền chao nghiêng đi như vực tôi trở về với thực tại đang diễn ra trước mắt.

Từ sáng đến giờ, Hùng vẫn ngồi nhìn đăm đăm về phía chân trời. Nghe Chuyên vừa khóc vừa nói gay gắt với tôi, Hùng liền nhảy sang, giọng anh rít lên:

- Cô không ngồi dậy nấu ăn còn ngồi lải nhải cái gì? Chết thì chết cả. Ai muốn chi cái cảnh khốn nạn này? Chờ mặt trời ló ra mới biết hướng vào bờ chứ. Hay cô bảo cứ chèo luôn sang nước Mỹ cho sung sướng.

Nhưng không thể chịu nổi, Chuyên ngồi bật dậy nhìn thẳng vào mặt Hùng rồi nói rành rẽ từng tiếng:

- Nấu cái gì bây giờ? Nước ngọt đâu? Cơm nấu bằng nước mặn đang bỏ đó, càng ninh, hạt gạo càng chai lại, nhai cứ lộn xộn trong miệng, chát đắng cả họng.

Nói ngần ấy, Chuyên vội gục vào lòng Nguyệt khóc nấc lên. Còn mặt Hùng thì đờ đẫn hoàn toàn bất lực, anh ngồi thừ ra mắt nháy liên hồi.

Tôi thừa hiểu cái tính cách gan lì trong con người Hùng. Ngay cả tới lúc này, gương mặt nó cũng không hề thoáng một chút buồn.

Hùng bỗng quay ngoắt lại lấy một ít gạo bỏ vào rang. Khi gạo chín vàng đều, anh lấy cán dao giã thật nhỏ rồi bưng lại bảo Nguyệt:

- Này, ăn đi mà sống, cô tưởng chết là được yên thân à?

- Hùng!

Tôi vội kêu lên và trườn lại giằng lấy bát gạo rang trong tay Hùng. Chẳng hiểu trong đời có khi nào tôi nói được một câu ngọt ngào hơn thế nữa không.

Nguyệt ơi! Nếu thương anh thì em cố ăn đi một ít. Chúng ta phải sống, phải trở về tìm đồng đội nữa kia mà. Nghe cái giọng ngọt ngào tha thiết ấy, Nguyệt nhìn thẳng vào mắt tôi. Vừa nhìn cô vừa đưa bàn tay yếu ớt đỡ lấy bát gạo, giọng nói của cô thều thào như sắp tắt:

- Khát... Em khát... Khát lắm...

Em phải gắng chịu, không còn một giọt nước ngọt nào cả.

Nói ngần ấy, toàn thân tôi lại run lên bần bật, nước mắt lại ứa ra. Nhưng thật lạ, Nguyệt không hề khóc. Như chiều ý tôi, cô đưa bàn tay nhón lấy hạt gạo bỏ vào miệng rồi vội xoay người, úp mặt vào lòng Chuyên. Toàn thân cô lại rung lên.

Ngoài kia, Sóng vẫn ì ọp vỗ vào mạn thuyền va vào nhau như hai hàm răng đang lập dập của người sắp chết rét. Sương vẫn quánh đặc và nền trời mỗi lúc một sẫm tối rất nhanh. Bỗng từ khoang lái, Tụng hét toáng lên:

- Trời ơi ! Gió xoáy lại nổi lên kia kìa...

- Đâu? Đâu?...

Mấy anh em vội nhào ra mũi thuyền nhưng tôi bỗng lạnh buốt sống lưng khi nhận ra từng cột nước nổi lên xanh đen, loang loáng đang lừ lừ đuổi theo thuyền. Trong khoảnh khắc, hai con thuyền trùng triềng như sắp úp chụp xuống. Tôi hét cuống cuồng:

- Ngồi cả xuống, nhanh lên.

Hùng nhảy phốc ra sạp, chỉ tay sang thuyền bên hỏi:

- Anh nói cái gì thế. Vì sao lại thế này?

Tôi vội túm cổ áo Hùng lôi ghì xuống và hét:

- Cá mập, cá mập đấy...

Chuyên và Thịnh vừa nhìn thấy những răng cá nhọn hoắt liền la thất thanh rồi tụt vội vào khoang và ôm chầm lấy Nguyệt. Cũng ngay lúc đó, Hùng nhào người vào khoang lôi hai khẩu súng AK nhấn vào tay tôi rồi nói như ra lệnh:

- Bắn...

Tôi lại phải túm cổ áo Hùng lôi ghì xuống một lần nữa, giọng tôi lạc đi:

- Nó nuốt tươi mày, đồ ngu, câm ngay đi! Hùng tỏ ra không chịu, nó vằng mạnh tay tôi và nói gấp gáp:

- Đường nào chúng ta cũng chết!

Tôi cố sức giằng và níu khẩu súng trong tay Hùng. Thật lòng lúc đó tôi chỉ sợ Hùng liều lĩnh mà nổ súng. Nhưng quả là nguy kịch quá rồi. Đàn cá mỗi lúc một đông vây quanh hai con thuyền, những cái vây màu loang lổ nổi lên lấp lánh như dát bạc. Chúng áp sát mạn, có con dài gấp đôi chiếc thuyền sáu mét của chúng tôi. Hai vây cá như hai lá cót đại, lúc ve vẩy, lúc lại vươn thẳng như muốn úp lên thuyền để nhấn chìm chúng tôi xuống đáy biển. Lại có lúc chúng đột ngột nổi lên cách be thuyền không tới một gang tay. Hai lòng đen của mắt con cá như hai cái bát sắt úp vào nhau. Cứ nhìn vào hai cái đầu dài và hai cái răng cửa nhọn hoắt như hai cái lưỡi mác, bóng loáng khi chúng ngáp nước, tôi lại thấy lạnh buốt sống lưng.

Tôi vẫn cố giữ Hùng và Tụng ngồi trong khoang cho bầy cá khỏi phát hiện ra động tĩnh. Lại một con vẫy đuôi vọt ngang lên phía trước làm tôi có cảm giác như đang cưỡi trên lưng cá chứ không phải đang ngồi trên thuyền. Hùng cứ không ngớt nháy mắt và khịt mũi. Tay chân nó như đang ngứa ngáy, buồn bực không yên nên luôn sờ soạng vào khẩu súng và muốn nhảy ra sống chết với bầy cá cho hả giận. Tôi hiểu tất cả những ý đó nên phải nói rất nhỏ vào tai Hùng:

- Nó chỉ lên hóng gió nồm một lúc chập choạng tối thôi, nó lặn ngay đấy mà. Cựa quậy cái gì?

Trong giây phút tuyệt vọng và vô cùng hiểm nghèo đó, tôi đoán nơi chúng tôi đang gặp nạn là biển Hà Tĩnh. Mẹ tôi có lần bảo: "Biển Hà Tĩnh cá mập đông như rươi". Đã bao lần mẹ ghì tôi vào lòng mà kể:

...Ông nội con quê ở Hà Tĩnh. Một trận gió xoáy đã lật sấp con thuyền của ông ở giữa biển. Năm người đi một vầng lưới bị cá mập nuốt cả...

Khi thật sự thành người lớn, tôi mới hiểu sâu xa và tường tận cái điều mẹ tôi thường dặn. Chính vì thế nên cha tôi phải từ bỏ nghề biển, bỏ mảnh đất Kỳ Anh gồng gánh ra Thanh làm nghề thợ rèn cắt trấu liềm ở đầu làng, góc chợ...

Một cảm giác lạ kùng làm tôi ớn lạnh và ngay lúc ấy một con cá khổng lồ vống cao đầu lên khỏi mặt nước, nó quẫy đuôi thành một cồn sóng làm hai con thuyền chao nghiêng, nước táp vào be, ập vào cả trong khoang. Tôi nói như hét:

Bình tĩnh, tát nước nhanh đi. Không được cử động mạnh! – Hai con thuyền cứ chao đi chao lại đến hàng chục lượt. Nhưng bầy cá tự dưng nổi cả lên rồi lừ lừ biến mất.

Biển đã một màu đen đặc. Gió vẫn rít lên. Bầu trời nặng trịch như sắp úp chụp xuống. Tôi ngỡ mình vừa qua một giấc mơ quái đản. Tự dưng mắt tôi như có một ngàn con đom đóm chờn vờn nhún nhảy. Tay chân tê cóng. Tôi chới với quỵ xuống nhưng tai vẫn nghe loáng thoáng tiếng nghiến răng ken két của Nguyệt và cái giọng nói khô khốc.

- Anh... nước... nước... Em khát...

Nhưng cũng chỉ giây lát tôi liền trấn tĩnh được. Dường như có một sức mạnh kỳ diệu từ trong sâu thẳm vực tôi dậy

và lập tức cái con người thứ hai trong tôi lại nổi xung lên, quát mắng những lời gay gắt:

- Đồ hèn. Không được yếu đuối, bạc nhược. Chiến trường đang ở phía trước kia. Đồng đội cũng đang chờ ở đó cả. Nhanh lên...

2

Lại một ngày nữa ập đến.

Suốt đêm qua Nguyệt vật vã với những cơn đau. Cả sáu anh em đều ngồi bên Nguyệt cho tới thấu sáng. Bầu trời buổi sáng vẫn xám xịt, Nguyệt vẫn mê man bất tỉnh. Cô vừa mấp máy môi vừa nói huyên thuyên:

...Mẹ... con khát... cho con nước... Sao mẹ lại tiếc... Mẹ.

Những câu nói miên man, tuyệt vọng của Nguyệt như lưỡi dao cứa vào gan ruột chúng tôi. Tôi ra mui lá, lấy chiếc khăn bông phơi từ tối hôm trước mang vào để xoắn vặn đến nát ra nhưng vẫn không có giọt nước nào trong đó. Tối hôm qua, lúc Nguyệt cứ vật vã kêu khát, tôi đã mang chiếc khăn ra trải lên mui lá với hy vọng là sương đêm có thể ngấm đọng, may ra vắt được vài giọt nước cho Nguyệt đỡ khát. Bây giờ thì nguồn hy vọng nhỏ nhoi cuối cùng ấy cũng đã tắt. Không còn cách nào khác, tôi tụt xuống khoang mũi, dồn được một phần bát nước đái, bưng lại bảo Nguyệt:

- Nước đây, em uống đi.

Nghe có nước, mắt Nguyệt sáng hẳn lên rất nhanh, cô quơ vội bát nước trên bàn tay run run của tôi, nhưng vừa ực

được một ngụm, toàn thân cô co rúm lại rồi ho sặc sụa. Giọng nói như khô quánh trong hơi thở nóng bỏng và gấp gáp:

- Mặn... mặn lắm...

Nhìn gương mặt nhăn nhúm và khổ sở của Nguyệt, nước mắt tôi lại ứa ra. Tôi hiểu, nước đái lúc này cũng đặc quánh và mặn chát lại rồi.

Giữa lúc đó, thằng Hùng nhảy phốc lại bên tôi, tay nó lăm lăm con dao, vẫn cái giọng nói cộc lốc:

- Để tôi chặt ngón tay cho cô ấy hút.

Nói chưa dứt lời, nó đã đặt ngón tay trỏ lên đà ngang khoang lái, tay phải giơ con dao thật cao. Tôi vội gạt vào tay nó thật mạnh, con dao văng vào cái vại đựng nước ngọt đã khô không khốc, bật lên một tiếng kêu đến rợn cả người. Tôi quát Hùng:

- Nếu cứu được cô ấy thì tôi đã làm rồi.

- Vì sao? Em còn khoẻ hơn anh kia mà.

Tôi nói phứa phựa như chặn họng để trấn áp Hùng:

- Không được! Khác nhóm máu uống vào sẽ chết tươi.

- Nhưng ít ra thì cô ấy cũng đỡ khát.

Cuộc tranh cãi lại tắt ngay vì Nguyệt lại quằn quại tay đập liên hồi vào người Chuyên. Tôi cố giữ cho Nguyệt đỡ vật vã rồi khẽ bảo Chuyên:

- Em sang thuyền bên kia đi.

Như hiểu ý, Chuyên lẳng lặng lách người sang thuyền bên, còn lại tôi, Hùng, Tụng và Nguyệt. Cả bốn chúng tôi đều

là đảng viên nên cuộc tranh cãi này thực chất là một cuộc họp Đảng. Tôi nói trước:

- Chúng ta bàn xem, trong tình huống này nên xử lý ra sao đây?

Tụng tựa lưng vào be thuyền uể oải ngả đầu vào mui lá. Còn Hùng thì nháy mắt lia lịa và hùng hổ nói như quát tôi:

- Anh định giở cái trò gì đây? Họp Đảng à. Bảy người đang hấp hối này chưa đủ tiêu chuẩn để xứng đáng làm đảng viên hay sao mà anh định giở cái trò họp Đảng. Vứt cái trò tiêu chuẩn Đảng xơ cứng của anh đi. Nhưng mà, ừ thì cứ họp, cũng nên họp lấy một lần này nữa. Họp và phải ghi biên bản cẩn thận rồi cuộn tròn lại cho vào cái đầu cây sào. May ra cây sào trôi được vào bờ...

Tôi quát lên cắt ngang lời Hùng:

- Im ngay đi, chúng ta nhất định phải sống, phải trở về...

Không nhớ hội nghị bắt đầu vào lúc nào nữa. Khi tôi vừa nói sẵng với Hùng thì Tụng chép miệng bảo:

Tại quái gì chúng ta mà các anh cãi vã nhau. Chủ trương sai từ nơi cao nhất nên mới ra nông nỗi này chứ.

- Anh bảo ai sai, sai cái gì? - Hùng ghé sát vào mặt Tụng nói như quát.

- Tôi nói chủ trương của cấp trên sai.

- Câm ngay đi đồ phản bội. Chủ trương chở đạn đi đánh Mỹ mà bảo sai à? Sợ chết quá nên phát điên rồi hả?

Hùng túm chặt ngực áo Tụng lôi ghì vào mặt mình làm tôi không còn cách nào khác là phải trừng mắt quát Hùng:

Hùng, các anh định giở trò gì với nhau đấy. Buông ngay ra xem nào. Chúng ta có năm mươi hai đảng viên nhưng đây chỉ còn lại bốn người. Tôi sẽ chịu trách nhiệm tất cả.

Hùng buông ngực áo Tụng, mắt lại nháy liên hồi. Tôi cố lựa lời giải hoà:

- Địch đang dùng chiến dịch đánh gãy cán gáo để hòng cắt đường vận chuyển của chúng ta vào chiến trường chính. Đặc điểm của Hà Tĩnh và Quảng Bình lại không có con sông chạy dọc đất liền.

Trong chiến dịch VT 5 này, Trung ương Đảng quyết định giao trực tiếp cho đoàn chúng ta bằng mọi cách đưa được tám trăm chiếc thuyền nan vào sông Kiến Giang để tiếp chuyển hàng từ thị xã Đồng Hới lên vùng Thác Tre, Xuân Bồ cho xe thồ chuyển tiếp vào đường mòn. Ngoài đường vượt biển, không còn con đường nào khác. Chủ trương này không ai được phép hoài nghi.

Nghe tôi nói, Hùng xoay người nhìn xoáy vào mặt Tụng với cái giọng đắc thắng:

- Anh banh tai ra mà nghe. Đừng có nói nhăng cuội nữa. Ai nói nhăng cuội, tôi bắn...

Như nhận ra lỗi lầm, Tụng cúi gầm xuống, hai tay bám chắc vào be thuyền.

Tôi nghĩ nhân lúc này, nên nói rõ hơn mọi việc để anh em đỡ ngờ nhau:

...Ta đang tranh thủ thời gian Giôn-sơn ngừng ném bom để vận chuyển được thật nhiều hàng vào chiến trường chính. Việc chuẩn bị chuyến đi này là rất chu đáo. Ba mươi nữ đều qua tập dượt, thử thách trên biển rồi. Hai đồng chí hoa tiêu

mà Tỉnh ủy Hà Tĩnh cử đi dẫn đường giúp chúng ta đã có hơn ba chục năm sống trên vùng biển này. Nhưng...

Nhưng cái quái gì. Anh thôi cái trò lý sự dạy đời đi! Hùng gay gắt cắt ngang lời tôi bằng mấy tiếng cục cằn:

Ta còn cách nào cứu được cô Nguyệt không? Cách nào trở về đất liền để tìm đồng đội. Đi đây là đi đánh Mỹ. Đánh giặc thì phải khổ. Ai ân hận thì cứ việc đâm đầu xuống biển mà chết. Cứ lai rai cái thứ lý luận vô bổ ấy mãi làm gì. Càng nói càng nhàm cả tai. Phải cụ thể đi. Nếu ngày hôm nay cô Nguyệt chết thì sao? Rồi vài ba ngày tới chưa tìm được vào bờ thì sao? Nói thật với nhau đi. Cùng đường rồi thì đừng có quanh co lừa dối nhau làm gì nữa. Gạo, củi. Nước ngọt hết sạch rồi, làm sao để sống được...

Nói tới đó, Hùng đập chát tay xuống sạp làm con thuyền chao nghiêng đi. Cũng may là Nguyệt đang mê man bất tỉnh nên không nghe được. Tôi và Tụng chỉ còn biết sững sờ nhìn nhau. Trong cảnh yên ắng đó, chúng tôi tránh cả cái nhìn từ đôi mắt đang hừng hực lửa của Hùng.

Từ phía xa tít, những đám mây đen nặng nước lại ùn ùn kéo tới như để vây quanh hai con thuyền của chúng tôi. Hai con thuyền cách nhau chỉ một cái mui lá nên Chuyên, Thịnh và Xá chắc nghe rõ mọi chuyện. Và có lẽ vì thế nên Chuyên lại khóc nấc lên. Còn Thịnh thì lại nói với sang:

- Anh Hùng, đưa bao diêm cho em rang ít gạo.

Thịnh vừa nói vừa bước sang ngồi cạnh Hùng. Hùng lắc lắc bao diêm rồi nói gọn lỏn:

- Còn một que.

Thịnh vội đẩy bao diêm trở lại:

Kệ các anh, còn một que diêm. Cơ đồ còn sót lại một que diêm, ai đánh lửa mà tắt thì mặc kệ.

Tụng lẳng lặng cầm que diêm, mắt nhìn chằm chằm vào cái bao trống rỗng.

Que diêm này quan hệ tới bảy mạng người. Hết lửa đành phải chịu đói. Nhưng còn rét. Rét cay độc như cái lưỡi giá băng luôn liếm vào da thịt con người: Không có lửa, Nguyệt sống sao qua được ngày hôm nay...

Tôi đang bần thần với những ý nghĩ ấy thì Tụng lại ấn que diêm vào tay anh rồi vội quay mặt nhìn về phía chân trời đen kịt mây mù.

Hùng cởi phăng chiếc áo đang mặc vo tròn lại rồi nói như quát tôi:

- Anh quẹt diêm đi rồi mồi vào đây mà giữ lửa.

Nhanh lên...

...Tắt que diêm này là tắt hết. Nguyệt sẽ đi trước rồi đến lượt Xá. Xá coi chừng cũng kiệt quệ lắm rồi. Rồi sao nữa nhỉ? Tất nhiên là đến lượt chúng tôi nối nhau lịm đi vì đói, rét và thất vọng.

Ý nghĩ ấy đang xoáy đảo thì Hùng giật lấy que diêm, vẫn cái giọng cộc lốc:

Đồ hèn đốn. Một lũ hèn. Quẹt một que diêm mà các anh cũng sợ.

Tôi thừa hiểu tính nết Hùng nên cứ mặc cho nó cáu gắt. Nhưng chính lúc ấy, Hùng lại nhìn chằm chặp vào que diêm và mắt cứ nháy liên hồi. Hùng cúi sát đầu xuống sạp thuyền, cố hà hơi nóng vào đầu que diêm. Ba bốn lần định quẹt vào

vỏ bao nhưng hai tay nó bắt đầu run lẩy bẩy. Tôi chưa gặp cử chỉ này ở Hùng bao giờ. Hùng đảo mắt thật nhanh nhìn tôi, nhìn Tụng rồi lại nhìn vào Nguyệt đang rúm ró trong chăn. Cho đến lúc đó tôi vẫn tin rằng không có chuyện gì xảy ra trên đời này lại có thể làm cho Hùng mủi lòng được.

Trong giây lát, tôi ngỡ như tiếng sóng biển cũng câm bặt. Cả tiếng nghiến răng ken két của Nguyệt cũng chìm đi. Tôi chỉ còn nghe tiếng trái tim rộn rã của mình nhảy lót thót sau ngực áo.

Hùng lại cúi khom người, một tiếng xèo bật tung theo một tia lửa nhỏ nhoi. Biển gầm gào xua bọt sóng trắng bạc khắp mạn thuyền. Nhưng lớp sóng biến rất nhanh làm bầu trời trước mặt tôi như tối sầm lại. Hùng gục luôn xuống hai tay chống vào đà ngang khoang lái. Mái tóc rễ tre thường ngày như đã nhão ra, rũ rượi. Tấm lưng bè bè của Hùng như xoắn vặn, quằn quại một lúc khá lâu rồi đổ sụp xuống. Tụng cũng gục đầu vào thanh đà ngang từ lúc nào rồi. Còn Chuyên thì lại khóc nấc lên, át cả tiếng sóng gầm và gió giật. Hai tay Chuyên vẫn cố giữ cho Nguyệt khỏi đập tay xuống sạp thuyền. Hai con thuyền vẫn lừ lừ, bập bềnh mà tôi ngỡ nó đang phải vật vã với sóng cuồng và gió giật.

Tôi không biết rồi mọi sự sẽ xô đẩy đến đâu nếu không có một chuyện run rủi, bất ngờ.

Từ phía xa, rất xa, tôi nhận ra một chấm đen đang nhấp nhô trên mặt biển. Thoạt đầu nhìn, tôi chỉ thấy nó bằng quả trứng sau lớn dần lên giống như một nấm mồ cô đơn đang trôi nổi. Chúng tôi dồn mắt cả về phía ấy. Chuyên thì mừng ra mặt, cô hát lên đầy vẻ sung sướng:

- Gần vào bờ rồi. Đúng rồi, đúng là phao tiêu kia rồi... Chúng tôi dồn mọi sức lực, cố chèo lại gần hai cái chấm đen ấy. Cái chấm đen mỗi lúc như to dần ra, lớn dần lên rất nhanh.

Nhưng thật tai họa, gió từ đâu lại đùng đùng nổi cơn thịnh nộ. Sóng lừng lững cồn lên thành từng vạt như thách thức. Sóng và gió như hợp sức để thi nhau xô đẩy hai con thuyền của chúng tôi ra xa hai cái chấm đen hy vọng ấy. Hùng và Tụng vẫn chèo lái, còn Thịnh và Chuyên thì gò người để bẩy chèo mũi nhưng hầu như mọi cố gắng của chúng tôi đều vô ích. Hai con thuyền cứ bất lực, lùi dần lại. Tôi hét luôn miệng đến sắp vỡ họng khi nhìn thấy cái chấm đen chỉ còn mờ mờ, ảo ảo.

- Kéo cả buồm mũi, nhanh lên. Gò dây lẻo lại. Cạy mạnh sang trái, không được rời mục tiêu.

Nhưng thật ra có còn ai nữa đâu mà kéo mới gò. Tôi vừa hét vừa cố hết sức mình để gò dây lèo buồm mũi. Đã mấy lần, gió tung buồm nhấc bổng tôi lên khỏi sạp mũi như muốn tung tôi theo gió.

Vật vã phải đến hơn một giờ đồng hồ chúng tôi mới nhận ra cái chấm đen ấy là một hòn đảo. Khi hai con thuyền cặp sát vào chân núi đá, cả mấy anh em đều mệt bã ra. Một đàn chim hải âu từ trên núi bay vù vù, nhốn nháo đập cánh lảo đảo trên những ngọn sóng mịt mùng. Đàn chim cứ nghiêng ngả, bay rà rà trên đầu chúng tôi. Tuồng như chúng vừa vui mừng khi gặp bạn lại vừa uất ức vì phải bỏ tổ ấm.

Hùng vội vàng bám vào vách đá để leo lên núi. Gọi là núi nhưng có to tát gì đâu. Nó tựa như một ngôi chùa khổng lồ bị rêu phủ kín giữa cái hố mênh mông không có người qua

lại. Giá mà lúc khác, chúng tôi đã ùa lên một cách dễ dàng. Đằng này sức vóc đến như Hùng, cũng vất vả lắm mới leo lên được. Hùng bám tay vào một mỏm đá rồi nhoài người kéo tôi lên theo. Trên đỉnh núi có một quãng rộng chừng bằng cái nong, mặt đá lõm sâu xuống. Hơi nước ngưng tụ có lẽ đã lâu ngày nên dồn thành một hố nước. Bốn bề vũng nước bị một lớp phân chim đắp thành bờ cao. Tôi vội vàng cúi xuống nếm thử. Ôi! nước ngọt quá.

Ngọt lịm như nước dừa. Cũng có thể vì khát quá mà tôi ngỡ thế. Tôi quay lại bảo Hùng:

- Múc cho Nguyệt và anh em uống, nhanh lên.

Tới lúc tôi bón từng thìa nước vào miệng Nguyệt, cô liền mấp máy đôi môi khô ráp, mắt như sáng lên rất nhanh. Chỉ một lát, Nguyệt đã hỏi tôi:

- Ta vào được bờ rồi à?

Vào rồi. - Tôi đành nói dối.

Nguyệt cố gượng dậy nhưng tôi đã kịp ngăn lại. Giọng nói của Nguyệt không còn thều thào như trước nữa.

- Anh em ở đâu cả? Còn những ai?

- Còn sống tất cả, em cứ nằm yên mà nghỉ đi.

Hình như trong cái giây phút tột cùng sung sướng nhưng cũng tột cùng vô vọng đó, Nguyệt biết rõ mình khó mà có thể sống nổi nên đôi mắt cô nhìn tôi kỳ lạ lắm. Còn sống, tôi còn nhớ ánh mắt của cô lúc đó. Đôi mắt ấy như muốn bảo tôi: "Nằm xuống bên em một chút nào. Anh còn sợ cái gì nữa. Em sắp ra đi rồi. Em vĩnh viễn xa tất cả rồi. Chỉ còn anh và em và núi quây thôi. Anh... Anh còn ngần ngại à?"...

Tôi đang vuốt những sợi tóc quăn ướt át dính trên vầng trán Nguyệt với ý nghĩ quái lạ ấy thì Hùng la lên như reo:

- Thuyền của ta đang đến...

SĐ
Sunday, June 11, 2017

Tôi nhoài ngay người ra khỏi khoang nhìn xoáy về phía có con thuyền đang nhằm hướng đảo lao vào. Con thuyền hiện ra mỗi lúc một nhanh và lớn dần lên. Hình như linh tính báo có điều gì không hay đang ập đến nên tôi thấy ruột gan mình nóng như một khối lửa. Tôi bất chợt la đến líu cả lưỡi:

Hùng! Đề phòng thuyền địch. Bí mật mục tiêu. Đưa nhanh Nguyệt vào hang đá. Tất cả phải chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Thuyền lạ chưa phát hiện ra chúng tôi nên vẫn thẳng hướng lao vào phía đảo.

Tụng lật đật lắm mới cõng được Nguyệt lên một hốc đá rồi lấy buồm đắp lại, chỉ để lộ mỗi gương mặt nhợt nhạt, mệt mỏi đang trắng bệch dần. Còn Hùng, Chuyện và Thịnh cũng chuyền nhau cõng được sáu thùng đạn lên sát chỗ tôi chọn làm điểm tựa. Hùng vừa khịt mũi, nháy mắt vừa nói lầm nhầm:

Nào, cứ vào đây nhanh lên, tao ngứa ngáy chân tay lắm rồi.

Cũng may mà chuyến đi biển này, tuy thời gian chuẩn bị thay chèo, đẽo lái và hàng trăm công việc khác nhưng đơn vị đã dành ra được năm ngày để tập luyện quân sự, đề phòng các tình huống không may gặp địch. Tôi chỉ tiếc giờ này thiếu mất một tay súng vô cùng quan trọng, đó là Nguyệt. Hôm kiểm tra bắn đạn thật ở núi Quyết, Nguyệt bắn ba phát được

hai mươi chín điểm. Riêng môn cầm súng bơi qua sông thì cả đơn vị phải kiêng nể cô. Bây giờ cô phải nằm bẹp trong hang đá, không rõ sống chết ra sao.

- Được bắn chưa? - Hùng lại lủng bủng hỏi:

- Không được bậy bạ, có thể là thuyền của ta.

Tôi vừa nói vừa đưa tay gạt nòng súng của Hùng thấp xuống. Nhưng ngay lúc đó, tôi phát hiện ra có tiếng động cơ máy nổ trên thuyền đối phương. Trên thuyền là một tốp lính quần áo vằn vệ, phải tới mươi tên.

Chuyên nằm cạnh tôi, cô run lẩy bẩy như sắp rơi khẩu súng trên tay khi nhìn thấy là cờ ba que vàng khè đang phần phật bay trước mũi thuyền địch. Tôi phải bảo nhỏ với Chuyên.

- Lại chỗ Nguyệt, khi thật cần thiết hãy nổ súng.

- Nguy rồi - Tụng nói - Nó đông lắm...

Tôi chưa kịp trả lời thì Hùng đã quát:

Đánh đến viên đạn cuối cùng. Chiếm được điểm cao này là tuyệt rồi.

Tôi đang nhẩm tính trường hợp xấu nhất xảy ra thì một tiếng nổ váng óc làm tôi lặng người. Tên lính trên mũi thuyền liền loạng choạng rồi ngã vật xuống biển.

Do nóng nảy, Hùng đã nổ súng trước làm thuyền địch lùi ra, khẩu 12 ly 7 của chúng khạc đạn như mưa lên đảo. Sau mấy phút nổ súng, loa của chúng đã léo nhéo gọi:

...Chánh phủ quốc gia sẽ khoan hồng và trọng thưởng cho những kẻ biết quy hàng...

- Hàng này...

Hùng chồm dậy và hét lên rồi nổ súng bắn bừa về phía đối phương. Chiếc thuyền địch đang nhả đạn như vãi bỗng chồm lên rồi đứng chững lại. Có lẽ chúng phát hiện ra trên đảo không có súng lớn nên lấy lại cự ly cho 12 ly 7 tuông đạn vào đảo.

Tôi quay bảo Hùng:

- Không được phí đạn. Chờ chúng vào gần đã.

Đạn từ thuyền địch vẫn tới tấp tuôn lên. Đúng như lời Hùng nói, cái đỉnh cao này thật tuyệt. Hàng chục mỏm đá cao nhấp nhô như những cái khiên che cho chúng tôi. Nếu chỉ có một thuyền và chúng không thay đổi cách đánh thì dẫu có phải quần nhau mấy ngày chúng cũng khó lòng đổ bộ lên để cướp đảo được. Tuy trong lòng có phần tự tin nhưng thật ra bao nỗi lo đang xô đẩy tôi.

Liệu chúng có gọi viện trợ không. Nếu chúng đổ quân đến viện trợ thì xử lý ra sao? Chúng có thể bất thình lình từ bốn phía xông lên nuốt tươi chúng tôi một cách dễ dàng. Vả lại, qua chín ngày đêm đói rét, bệnh tật và lo âu tuyệt vọng, bây giờ sức lực chúng tôi chẳng còn đáng là bao. Giá không có vũng nước ngọt kia thì chắc đâu giờ này chúng tôi còn có thể trụ được.

Nhưng tôi lo nhất vẫn là chuyện không rõ mình đang ở kinh tuyến, vĩ tuyến bao nhiêu. Chúng tôi đang căng mắt theo dõi từng cử chỉ nhỏ nhất của địch. Bỗng chúng lại rú mấy lao thục mạng vào, bắn như vãi đạn lên đảo.

Hòn đảo cách đây ít phút còn như một hòn ngọc giờ đã mịt mù bụi khói và khét đắng thuốc súng. Những tảng đá

như bị vỡ vụn ra, tung toé bừa bãi. Đất đá thi nhau bật lên rồi lả tả rơi khắp đảo.

Chẳng rõ Chuyên đã bỏ Nguyệt chạy đến nằm cạnh tôi từ lúc nào, cô bắn liền tay và chuẩn xác như một xạ thủ dạn dày kinh nghiệm.

Do chiếm được đỉnh cao lại có các tảng đá chắn nên mỗi lần địch xông lên đều bị sáu cây súng AK của chúng tôi đánh bật trở lại.

Hùng vừa bắn vừa nhẩm đếm số địch mà chúng tôi bắn chết.

- Ba tên nhá. Một tên nữa. Xem nào, một, hai, ba... còn tám đứa, cho nó chết nốt.

Chuyên nguýt Hùng rồi bảo:

Anh không đếm cái tên đầu đen đang lấp ló dưới khoang hay sao?

Hùng à một tiếng xác nhận rồi mắt lại nháy dồn. Đạn từ dưới thuyền đối phương lại tiếp tục tuôn lên. Chúng định giở trò gì đây. Tôi thoáng nghĩ thế thì nghe Chuyên rú lên một tiếng thật rùng rợn rồi ngã vật ra. Một viên đạn xuyên qua vai trái của cô làm máu phun ra như tưới. Hùng xé toạc chiếc áo mỏng đang mặc buộc vết thương cho Chuyên. Thuyền địch lại rú lên, lao vào đảo. Lần này chúng liều mạng lái con thuyền chạy vòng vèo giữa làn đạn của chúng tôi. Nguy quá, thuyền của chúng chỉ còn cách đảo một quãng rất ngắn. Tôi nhìn thấy rất rõ hai tên kẹp súng nhảy ào xuống biển rồi thuyền của chúng lại vội vàng lùi ra. Lui tiến, bắn như trút đạn hòng đánh lạc hướng. Tôi hét lên:

Tụng và Xá theo dõi diệt ngay hai tên lúc chúng ngoi lên khỏi mặt nước! Nhưng thật lạ, mặt nước quanh đảo không hề có một dấu hiệu nào chứng tỏ giặc mò vào. Chúng vẫn bắn lên mỗi lúc một dữ dội. Bỗng một viên đạn từ phía sau xuyên trúng đầu Hùng. Hùng loạng choạng một lát rồi quằn quại ngã vật ra nằm sóng sượt trên đá, tay vẫn ôm khẩu súng. Nhưng cũng liền lúc ấy, một loạt đạn AK giòn đanh nổ ngay sau lưng tôi. Tôi lặng người nhận ra hai tên giặc nhảy xuống biển mò vào cắn trộm đã bị Nguyệt phát hiện và kết liễu chúng. Hai tên cướp biển cứ vật vã, quằn quại mãi rồi mới co rúm lại.

Còn Nguyệt, sau khi cố gượng dậy bắn xong loạt đạn rất chính xác ấy, cô hầu như kiệt sức hoàn toàn. Cô ngồi rũ rượi. Đầu tựa vào vách đá, khẩu AK dựng sát bên hông làm chúng tôi lo cuống lên. Địch lợi dụng lúc chúng tôi đang bối rối liền lao bừa vào để nhảy lên chiếm đảo. Khi con thuyền của chúng vừa chạm vào bờ đá, không ai ngờ rằng, Nguyệt lại một lần nữa ngồi gượng dậy. Bằng một viên đạn, cô đã bắn xuyên táo hai tên, không cho chúng kịp nhảy lên bờ đá.

Cuộc chiến đấu bất đắc dĩ ấy còn kéo dài thêm một lúc nữa, rồi tiếng súng bên phía địch chợt câm bặt. Tôi nhảy ào xuống thuyền địch và hét Tụng:

- Lùng tìm xem còn tên nào dưới chân đảo không? - Tụng và Xá lùng sục quanh đảo, còn Thịnh giúp Nguyệt buộc vết thương đang rỉ máu cho Chuyên. Chỉ một thoáng, tôi đã tìm được chiếc la bàn chỉ phương hướng từ dưới thuyền giặc. Thuyền bọn chúng đã thả neo nhưng vẫn để máy nổ.

- Nhất định trở về được đất liền.

Nghĩ vậy, nước mắt tôi tự dưng trào ra.

Tôi nhảy lên và quỳ xuống bên xác Hùng. Mất Hùng, tôi cảm thấy mình mất đi một cái gì lớn lao không thể nào bù đắp được. Nhưng không còn thời gian để nghĩ ngợi, đau xót nữa. Hùng ngã xuống rồi. Chuyên bị thương và mất nhiều máu quá. Đồng đội anh em đã kiệt quệ sức lực hoàn toàn. Phải nhanh chóng tìm cách trở về đất liền.

Tôi vuốt mắt cho Hùng xong rồi quay lại, một tay bám vào vai Tụng còn tay đỡ đầu cho Chuyên ngồi dậy, tôi nói trong hơi thở gấp gáp:

- Hạ nhanh lá buồm mũi xuống để gói ghém Hùng cho nó yên nghỉ trên hòn đảo không tên này...

Mới nói được ngần ấy, Tụng vằng mạnh tay làm tôi suýt ngã. Tụng rít lên từng tiếng:

- Phải đem nó về. Anh tồi tệ vừa chứ. Anh tàn nhẫn đến thế là cùng. Chính anh đã bao lần bảo chúng tôi - "Sống chết cũng không được bỏ nhau" là gì.

Tụng nói được ngần ấy lời rồi khóc nấc lên. Sóng biển lại nổi cơn rầu rĩ. Gió cũng nấc theo. Tôi cố tránh ánh mắt đang hừng hực lửa của Tụng. Tôi chỉ còn biết nhìn Chuyên và Thịnh như để cầu cứu sự đồng tình. Nhưng thật khốn nạn và đau khổ cho thân tôi. Chuyên, Thịnh và Xá cũng đang nhìn tôi như oán giận trách móc. Tôi chỉ còn hy vọng vào sự tỉnh táo của Nguyệt. Nếu Nguyệt đồng tình cho để Hùng nằm lại đảo là mọi việc mới có thể ổn thỏa. Tôi hiểu sâu sắc nỗi đau mất mát của Nguyệt lúc này. Ngoài tình đồng chí, đồng đội, tôi biết Nguyệt đã đặt nhiều tin yêu vào Hùng. Bây giờ cô đang ngồi lặng đó. Hàm răng trên

cắn vào môi dưới. Nguyệt cứ vuốt đi vuốt lại hai mi mắt Hùng làm Chuyên và Thịnh lại càng khóc to hơn. Nhưng bỗng Nguyệt nhìn thẳng vào mắt tôi rồi gục đầu xuống ngực Hùng và lịm đi. Trong giây phút kinh hoàng ấy, tôi chỉ còn chờ một lời của Nguyệt. Nguyệt lại choàng dậy, hất mái tóc về phía sau rồi chụm tay úp lên mặt Hùng, giọng cô thều thào:

- Đảo cũng là Tổ quốc, máu xương của mình. Anh đừng oán trách ai cả. Thôi, anh ở lại với hòn đảo không tên này.

Chúng tôi lẳng lặng gói ghém Hùng đặt vào hang đá sâu trên đảo. Tiếng Thịnh, Chuyên khóc át cả tiếng gầm gào của sóng gió. Câu nói của Hùng mới lúc chập tối hôm qua như lại vang lên trong tôi:

Chúng ta lạc biển nhưng không đi lạc, phải không anh? Chôn cất Hùng xong, chúng tôi bước xuống con thuyền lấy được của địch. Tụng và Xá buộc hai con thuyền nan ở phía sau để kéo. Công việc trót lọt, tôi bỏ chiếc la bàn vào túi áo và không ai bảo ai, tất cả cúi đầu tưởng niệm người đồng chí, đồng đội trung kiên vĩnh viễn nằm lại hòn đảo không tên. Xá lấy lọ mực xanh viết lên chiếc áo trắng hết máu của mình:

LÊ HÙNG - CHIẾN SỸ VẬN TẢI THANH HÓA
HY SINH NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 1968.

Xá lẳng lặng phủ tấm áo có những dòng chữ nguệch ngoạc lên mộ Hùng. Tôi đang lật đật vù ga, thử máy chiếc thuyền gắn máy 45 mã lực thì nghe Xá gọi thất thanh:

- Nguy rồi tàu địch đang đến.

Mọi người bủn rủn, rã rời khi thấy hai chiếc tàu lớn đang lao vào phía đảo. Tôi nói như một cái máy:

- Tụng cõng Chuyên lên. Xá, Thịnh chuyển súng đạn lên vị trí cũ. Nhanh lên.

Tụng vừa cõng Chuyên vừa lẩm nhẩm:

- Thế là hết...

Đội hình của chúng tôi lại đâu vào đấy. Mối đe dọa quá lớn này bao trùm nặng nề tâm trí tôi. Tôi chỉ ước lúc này, ngoài tôi ra, giá có một người biết lái thuyền máy thì tôi giao ngay chiếc la bàn để con thuyền lao vào đất liền báo tin với đồng đội, nhân dân về những giờ phút cuối cùng của chúng tôi trên biển.

- Thế là hết...

Có thể nói đúng như Tụng nói thôi. Bốn họng pháo đen ngòm đang quay nòng vào đảo như sắp nuốt chửng chúng tôi. Bốn khẩu pháo kia sẽ băm vằm và xóa bằng hòn đảo này trong nháy mắt. Và trong đất liền, đồng đội, nhân dân, những người thân chỉ còn đoán là trận gió xoáy quái ác đã nhấn chìm chúng tôi xuống biển đen và em nữa, em sẽ sống ra sao khi mất tôi. Em sẽ một đời lầm lũi và... Nhưng bỗng Thịnh đứng bật dậy, quẳng khẩu súng lên mộ Hùng và hét:

- Trời ơi ! Cờ đỏ sao vàng...

Chỉ giây lát, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trước mặt chúng tôi. Chúng tôi quên hết, ôm chầm lấy nhau mà khóc. Các chiến sỹ hải quân ùa lên đảo, ôm mấy anh em chúng tôi như trong một giấc mơ. Tôi làm sao quên được giọng nói xứ Nghệ của đồng chí chỉ huy con tàu.

- Nhận được tin các đồng chí bị lạc, chúng tôi chia làm bốn mũi, lùng sục, tìm kiếm bảy ngày nay trên biển. Trong đất liền, không ai tin các đồng chí còn sống cả!

Và trong những phút lạ lùng ấy, tất cả cứ kệ cho nước mắt trào ra, rơi xuống đất.

MỤC LỤC

Trang

LỢI BA BÚA

Phạm Trung Khâu 7

HẠT GIỐNG HÌNH NÊM

Lê Quý Kỳ 21

LỬA TRONG LÒNG BIỂN

Ngô Tự Lập 43

DÒNG SUỐI DÂN CA

Mã A Lềnh 59

MỘT LÁ THƯ

Viết Linh 75

DIỄN VĂN

Nguyễn Văn Lợi 87

TUỔI ĐỒNG QUÊ

Trần Hữu Lục 93

ÁNH SÁNG KỲ DIỆU
Vũ Lê Mai 107

GIẤC NGỦ
Ngô Quân Miện 115

BỐC VÁC
Lê Minh 133

DU KÍCH VÙNG VEN
Nguyên Nam 143

CÂU CHUYỆN MỘT DÒNG MƯƠNG
Cao Năm 173

ÔNG KY
Đàm Quỳnh Ngọc 187

ĐIỀU KHÔNG THỂ NÓI RA
Vũ Đức Nguyên 193

MẠ NON
Nguyễn Hữu Nhàn 209

MỤ XOẠI
Kim Nhất 225

CHUYỆN RIÊNG CỦA TÔI
Đặng Văn Nhưng 239

CUỘC CHIẾN ĐẤU TRONG ĐẦM LẦY
Chi Phan 259

MỘT LỚP HỌC
Học Phi 301

CHUYỆN MỘT ĐÊM ĐỢI TÀU
Nguyễn Đỗ Phú 307

BUỔI SÁNG TRÊN SÔNG TIÊU
Ngô Văn Phú 323

CHUYẾN TÀU THÁNG BẢY
Nguyễn Thị Phước 333

CÓ GÌ ĐÂU MỘT BUỔI CHIỀU
Trúc Phương 341

NGƯỜI BẠN THỜI THƠ ẤU
Kim Quyên 355

CON RIÊNG
Vũ Sắc 371

PHẦN HÀ NỘI CỦA TÔI
Phùng Thiên Tân 393

CON NGỰA CỦA TÔI
Trần Công Tấn 405

CÂU CHUYỆN CẦN CHÉP LẠI
Phan Thanh 411

CON CHIM SẺ
Vân Thảo 431

YÊU GIẢ, YÊU THẬT
Nguyễn Trần Thiết 449

ĐÁM MA QUÊ
Xuân Thu 465

MÙA DƯA HẤU
Bích Thuận 475

NHỮNG PHÚT GIÂY CHO CUỘC ĐỜI
Anh Thư 495

ĐÊM TRĂNG MUỘN
Trần Văn Thước 513

SÁNG TẠO
Trần Quốc Tiến 525

NGƯỜI THƯƠNG CỦA MẸ
Phan Cao Toại 539

THẦY MA
Nông Viết Toại 551

HƯƠNG GỖ ĐÊM RỪNG

Trần Hữu Tòng 565

MÀU TÍM HOA MUA

Nguyễn Thị Như Trang 571

XA XỨ

Thu Trang 595

KÝ ỨC CỦA TÌNH YÊU

Nguyễn Hương Trâm 609

ĐỘ LỆCH

Hoàng Bình Trọng 627

NƯƠNG TỬ

Lý Thị Trung 637

CHỊ EM ĐỒNG RUỘNG

Nguyệt Tú 649

CẨM THÀNH NĂM DẬU

Đoàn Minh Tuấn 657

QUÁN NƯỚC BÊN ĐƯỜNG

Ngọc Tự 667

NHƯ CON SÔNG TỪ NGUỒN RA BIỂN

Hoàng Phủ Ngọc Tường 673

ĐẤT ẤM

Nguyễn Trọng Văn 701

MŨI TÊN DẤY NGHĨA

Thái Vũ 709

ĐIẾU THUỐC LÁ

Lương Hiệu Vui 717

LẠC BIỂN

Kiều Vượng 743

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
62 Bà Triệu – Hà Nội. ĐT: (84.04)9439364 – 8229413
Fax: 04.9436024. E-mail: nxbthanhnien@yahoo.com.
Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu – Quận III TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: (08) 9303262

TRUYỆN NGẮN ĐẦU TAY CỦA CÁC NHÀ VĂN VIỆT NAM

**

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản: **MAI THỜI CHÍNH**
Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM ĐỨC**
Biên tập: **KHÁNH VÂN – QUANG VŨ**
Bìa: **MAI HƯƠNG**
Kỹ thuật vi tính: **NGUYỆT LỆ**
Sửa bản in thử: **PHƯƠNG LAN – BÌNH MINH**

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty Cổ phần In Bến Tre
Giấy phép xuất bản số 38/65/CXB-QLXB.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2004.